

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng, cập nhật lần thứ I, năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTĐ ngày 16/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTĐ ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về tổ chức lại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-CDKT ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-CDCT ngày 05/4/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định xây dựng, cập nhật, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông báo số 656/TB-CDKT ngày 19/9/2023 của Trường Cao đẳng Kon Tum về việc cập nhật chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng, lần thứ I, năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Y - Dược và Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng, cập nhật lần thứ I, năm 2023 *(có chương trình đào tạo kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Trường;
- Lưu: VT, KYD.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKT ngày 13/10/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)

Tên ngành, nghề: Điều dưỡng (Nursing)

Mã ngành, nghề: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

Danh hiệu được công nhận: Cử nhân thực hành

A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng, nghiên cứu khoa học.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo đúng pháp luật nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh. Có khả năng tự học tập và hội nhập quốc tế.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.

1.2. Trình bày được các đặc điểm về cấu tạo, chức năng, các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể người; những biến đổi về cấu trúc, chức năng và những biểu hiện bệnh lý của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể.

1.3. Phân tích được cơ chế sinh lý bệnh, các biến đổi về cấu trúc, chức năng, các rối loạn hệ thống các cơ quan trong cơ thể người.

1.4. Trình bày được những kiến thức cơ bản về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

1.5. Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh.

1.6. Phân tích được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.

1.7. Trình bày được các kiến thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu, sức khỏe môi trường, tâm lý y học và truyền thông giáo dục sức khỏe để tham gia vào công tác tuyên truyền và phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng.

1.8. Trình bày được các nội dung y đức, quản lý điều dưỡng, các quy định của luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân để thực hiện các quy chế, chức trách nhiệm vụ của người điều dưỡng.

1.9. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh.

2.2. Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp.

2.3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng theo quy trình điều dưỡng, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục.

2.4. Thực hiện đúng và an toàn các quy trình kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành.

2.5. Phối hợp với Bác sĩ và các nhân viên y tế khác trong việc xây dựng kế hoạch chăm sóc, điều trị người bệnh toàn diện và thực hiện tốt y lệnh của Bác sĩ.

2.6. Thực hiện khẩn trương, chính xác và có hiệu quả các quy trình sơ cấp cứu ban đầu các nạn nhân và các trường hợp bệnh nặng.

2.7. Quản lý và bảo quản được các trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách trong khoa, phòng, đơn vị.

2.8. Tham gia phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

2.9. Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh.

2.10. Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.

2.11. Tham gia, thực hiện và áp dụng sáng kiến, cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.

2.12. Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.13. Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc một cách hiệu quả và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

3.3. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3.4. Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

3.5. Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Học xong chương trình này, người học có đủ kiến thức, kỹ năng điều dưỡng để được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở y tế công lập hoặc các cơ sở y tế ngoài công lập để thực hiện ở các vị trí việc làm như: Điều dưỡng phòng khám; Điều dưỡng tiếp đón, Điều dưỡng hành chính; Điều dưỡng chăm sóc; Điều dưỡng phục hồi chức năng; Điều dưỡng dinh dưỡng; Điều dưỡng cộng đồng...

B. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

1. Số lượng môn học, mô đun: 34
2. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ, 2.415 giờ
3. Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
4. Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.980 giờ
5. Khối lượng lý thuyết: 600 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.723 giờ.
6. Khối lượng kiểm tra: 92 giờ

C. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số giờ	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo l luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	157	255	23
61014001	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
61172002	Pháp luật	2	30	18	10	2
61042001	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
61044003	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
61273001	Tin học	3	75	15	58	2
61286008	Tiếng Anh	6	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	69	1980	443	1468	69
1	Môn học, mô đun cơ sở	17	285	176	92	17
61022610	Sinh học và Di truyền	2	30	21	7	2
61132001	Giải phẫu - Sinh lý	2	60	18	40	2
61022513	Hoá sinh	2	30	21	7	2
61132010	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30	21	7	2
61102002	Dược lý	2	30	21	7	2
61132041	Dịch tễ - Sức khỏe môi trường	2	30	21	7	2
61283097	Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng	3	45	32	10	3
61132040	Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2	30	21	7	2
2	Môn học, mô đun chuyên môn	50	1665	246	1369	50
61143070	Điều dưỡng cơ sở 1	3	90	27	60	3
61113009	Điều dưỡng cơ sở 2	3	90	27	60	3
61142035	Thực tập Điều dưỡng cơ sở	2	90		88	2
61143017	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 1	3	45	32	10	3
61143021	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 1	3	135		132	3

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số giờ	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
61143071	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2	3	45	32	10	3
61144022	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2	4	180		176	4
61143072	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	45	30	12	3
61142024	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 1	2	90		88	2
61142025	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 2	2	90		88	2
61142073	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	60	18	40	2
61142028	Thực tập Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	90		88	2
61142029	Thực tập Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	90		88	2
61142074	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30	21	7	2
61142026	Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	90		88	2
61142027	Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	90		88	2
61143075	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	3	90	27	60	3
61113010	Quản lý và nghiên cứu điều dưỡng	3	45	32	10	3
61144030	Thực tập tốt nghiệp	4	180		176	4
3	Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 4 môn học)	2	30	21	7	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số giờ	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
61112012	Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình	2	30	21	7	2
61112013	An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện	2	30	21	7	2
Tổng cộng:		90	2415	600	1723	92

D. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CÁC MÔN HỌC CHUNG THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Môn học Giáo dục Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐ ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Chương trình đào tạo thực hành tại các cơ sở thực hành được thực hiện theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP, ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (*có chương trình đào tạo thực hành kèm theo*).

II. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHOA

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Tổ chức vào các dịp lễ, kỷ niệm trong năm.
2	Văn hoá, văn nghệ	Tổ chức vào các dịp lễ, kỷ niệm trong năm.
3	Thăm quan, dã ngoại	Tổ chức vào các kỳ nghỉ hè trong khóa học, hoặc theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học
4	Tham quan học tập thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và yêu cầu của môn học.
5	Tổ chức các buổi ngoại khóa về: Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong nhà trường và xã hội; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng thuyết trình, trình bày; Kỹ năng phỏng vấn, tìm việc làm	Tổ chức vào các dịp cuối tuần hoặc kỳ nghỉ hè trong khóa học.

- Nhằm giúp cho học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường sẽ tổ chức cho học sinh tham quan, học tập tại các cơ quan đơn vị tại địa phương;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Với mục tiêu tạo cho học sinh tự tin trong giao tiếp, ứng xử; làm việc nhóm; thuyết trình; phỏng vấn xin việc khi ra trường nhà trường sẽ tổ chức một số buổi ngoại khóa về một số kỹ năng mềm;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC KIỂM TRA HẾT MÔN HỌC, MÔ ĐUN

1. Cuối mỗi học kỳ, phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô-đun. Kỳ thi phụ dành cho HSSV chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất vì lý do chính đáng, hoặc có điểm thi lần thứ nhất chưa đạt và được tổ chức sớm nhất là 2 tuần sau kỳ thi chính.

2. Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại các cơ sở đào tạo của Trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi.

3. Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học.

4. Danh sách người học đủ hoặc không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do; danh sách địa điểm thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 03 ngày làm việc.

5. Người học tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi.

6. Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

7. Thời gian làm bài thi đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian thi với các môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo hoặc thời gian thi trực tuyến do các bộ môn, khoa đề xuất, Hiệu trưởng quyết định;

8. Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi bố trí ít nhất hai cán bộ coi thi và không bố trí quá 50 người dự thi; người dự thi phải được bố trí theo số báo danh. Đối với hình thức thi khác, Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi và các nội dung liên quan khác.

9. Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định

10. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun phải được quy định trong chương trình môn học, mô-đun.

IV. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. Cụ thể:

1. Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.

2. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định của chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên.
- Đảm bảo chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định trong chương trình đào tạo.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

3. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Hiệu trưởng nhà trường cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) cho người học theo quy định.

V. CÁC CHÚ Ý KHÁC

1. Về địa điểm đào tạo:

Địa điểm đào tạo được thực hiện tại trường đối với các nội dung lý thuyết, thực hành theo kế hoạch đào tạo.

Đối với nội dung thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh: Được tổ chức tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum, Bệnh viện Y dược cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum, Trạm Y tế xã/phường thuộc Trung tâm Y tế thành phố KonTum. Thời gian, hình thức tổ chức cho sinh viên thực tập lâm sàng có thể được thực hiện linh hoạt, tích hợp nhiều nội dung hoặc nhiều mô đun nhằm đảm bảo thuận tiện, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở y tế và kế hoạch đào tạo của trường. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, Hiệu trưởng nhà trường

xem xét, quyết định điều chỉnh địa điểm học tập, thực tập đối với từng môn học, mô đun cho phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Trong chương trình đào tạo các môn học mô đun được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có thể tiếp tục theo học liên thông để nâng cao trình độ sau khi ra trường và tiếp cận hướng phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay./.

HIỆU TRƯỞNG

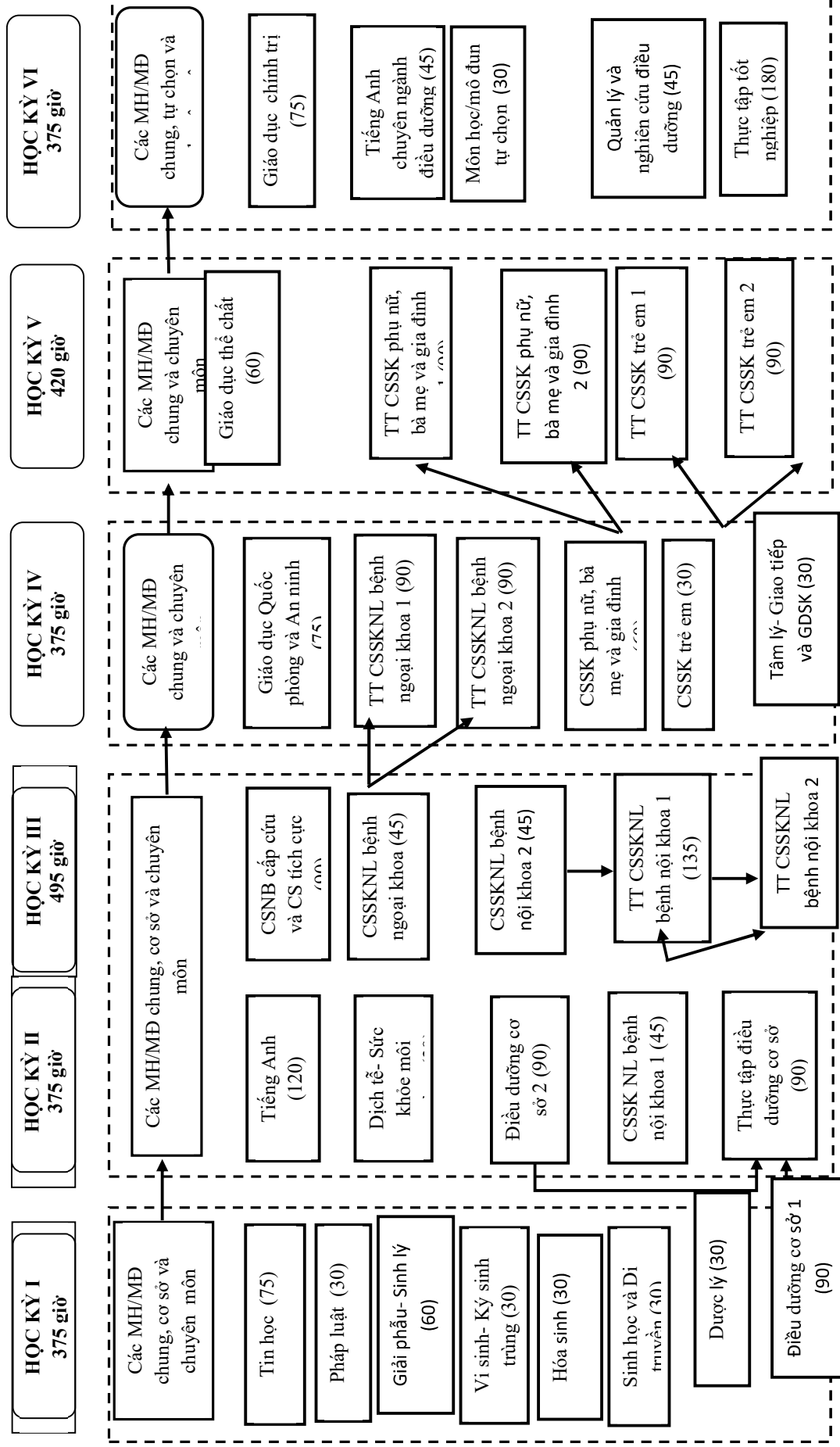


Lê Trí Khải

Phụ lục

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Điều dưỡng
Mã ngành, nghề: 6720301



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Sinh học và di truyền (Genetic biology)

Mã môn học: 61022610

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thảo luận, bài tập: 7 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Sinh học và di truyền là môn học thuộc khối các môn cơ sở trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng; được bố trí học vào học kỳ I, trước các môn học/mô-đun chuyên môn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh học và di truyền.

II. Tính chất: Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng; môn học kết hợp giữa lý thuyết, thảo luận và bài tập.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Mô tả đặc điểm cấu tạo, chức năng của ADN, ARN, quá trình tự nhân đôi của ADN, cấu trúc tế bào tiền nhân và tế bào nhân thực. Trình bày được đặc điểm cấu tạo của nhiễm sắc thể, sự biến đổi hình thái nhiễm sắc thể qua các kỳ của nguyên phân và giảm phân.

2. Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt của nguyên phân và giảm phân, so sánh được sự giống nhau và khác nhau của quá trình nguyên phân và giảm phân, ý nghĩa sinh học của hai quá trình này.

3. Giải thích được cơ sở tế bào học của quy luật phân li và quy luật phân li độc lập của Mendel; ý nghĩa của quy luật di truyền theo Mendel. Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của quy luật di truyền liên kết hoàn toàn, liên kết không hoàn toàn; ý nghĩa của các quy luật này.

4. Phân tích đặc điểm, cơ chế phát sinh, hậu quả, vai trò và ý nghĩa của các dạng đột biến. Một số bệnh liên quan đến nhiễm sắc thể giới tính; giải được các bài tập di truyền cơ bản.

II. Về kỹ năng

1. Kỹ năng đọc tài liệu và lựa chọn kiến thức cơ bản, kỹ năng giải bài tập di truyền; kỹ năng quan sát; chú trọng phát triển tư duy lí luận (phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hoá... đặc biệt là kỹ năng nhận dạng, đặt ra và giải quyết các vấn đề gặp phải trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống).

2. Hình thành kỹ năng học tập, đặc biệt là tự học: biết thu thập và xử lý thông tin; làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm; làm các báo cáo nhỏ; trình bày trước các thành viên trong nhóm, lớp...

3. Rèn kỹ năng bảo vệ cơ thể, phòng chống bệnh tật, nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả học tập và lao động.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường; chấp hành quy chế, quy định của nhà trường và nhà giáo.

2. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Thường xuyên có ý thức tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp; có ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC**NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu. Giới thiệu khái quát về môn học: Vị trí, tính chất; mục tiêu; nội dung chính; phương pháp và nội dung đánh giá; hướng dẫn thực hiện môn học.	1	1		
2	Chương 1: Sinh học phân tử 1. Nucleic acid 1.1. Deoxyribonucleic acid 1.2. Ribonucleic acid 2. Cấu trúc của hệ gen (genome) 2.1. Cấu trúc của gen 2.2. Bộ gen người 3. Tái bản ADN 3.1. Nguyên tắc tái bản ADN 3.2. Bản chất xoắn của ADN – Các giai đoạn của sự tái bản	7	4	3	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.3. Sao chép ADN trong tế bào 4. Di truyền phân tử của các bệnh ở người 4.1. Bệnh Hemoglobin và rối loạn các yếu tố đông máu 4.2. Bệnh rối loạn chuyển hoá bẩm sinh Bài tập: Giải bài tập về ADN và ARN				
3	Chương 2: Cấu trúc và chức năng của tế bào 1. Đại cương về tế bào 2. Cấu trúc tế bào tiền nhân (Prokaryota) 3. Cấu trúc tế bào có nhân (Eukaryota)	4	4		
4	Chương 3: Chu kỳ tế bào và sự phân bào 1. Chu kỳ tế bào 2. Phân bào ở tế bào tiền nhân và tế bào nhân chuẩn	4	3		1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.1. Phân đôi ở tế bào tiền nhân 1.2. Phân bào ở tế bào nhân chuẩn 3. Phân bào nguyên nhiễm 4. Phân bào giảm nhiễm 5. So sánh phân bào nguyên phân và phân bào giảm phân. Kiểm tra định kỳ				
5	Chương 4: Các quy luật di truyền 1. Các quy luật di truyền của Mendel 1.1. Quy luật phân li 1.2. Quy luật phân li độc lập 2. Một số quy luật di truyền không theo Mendel 2.1. Di truyền liên kết 2.2. Hoán vị gen 2.3. Di truyền liên kết với giới tính	7	4	3	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Bài tập: Giải bài tập về quy luật di truyền				
6	Chương 5: Nhiễm sắc thể và bệnh học liên quan đến nhiễm sắc thể ở người 1. Nhiễm sắc thể của người 1.1. Đại cương về NST và đột biến NST 1.2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu nhiễm sắc thể của người 1.3. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể của người 1.4. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người 2. Bệnh học nhiễm sắc thể 2.1. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường 2.2. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính	7	5	1	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Tư vấn di truyền 3.1. Sàng lọc bệnh, tật di truyền 3.2. Chẩn đoán trước sinh 3.3. Tư vấn di truyền 3.4. Phòng bệnh, tật di truyền Kiểm tra định kỳ				
	Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI MỞ ĐẦU

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Xác định được nội dung tổng quát của môn học. Trình bày được vị trí, tính chất, ý nghĩa, vai trò, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học Sinh học và di truyền.

2. Khai thác hiệu quả giáo trình, tài liệu liên quan đến môn học; vận dụng tình huống từ thực tiễn vào học tập môn học.

3. Giúp người học yêu thích môn học, tích cực tự học, tự nghiên cứu; nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong việc học tập môn học để phục vụ cho công tác sau này.

II. NỘI DUNG

1. Vị trí, tính chất, ý nghĩa, vai trò của môn học.
2. Mục tiêu môn học.
3. Nội dung chính của môn học.
4. Phương pháp dạy và học; phương pháp và nội dung đánh giá môn học.
5. Hướng dẫn thực hiện môn học, lưu ý những nội dung trọng tâm và tài liệu tham khảo đối với môn học.

CHƯƠNG 1: SINH HỌC PHÂN TỬ

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả cấu trúc không gian, đặc điểm, chức năng của ADN, ARN, diễn biến và ý nghĩa của quá trình sao chép ADN.
2. Rèn luyện tư duy phân tích - tổng hợp, kỹ năng hợp tác nhóm và làm việc độc lập, kỹ năng phân loại, nhận dạng, giải bài tập di truyền.
3. Tinh thần học tập và làm bài tập nghiêm túc trong phòng học; có ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Nucleic acid (1,7)

1.1. Deoxyribonucleic acid (ADN)

1.2. Ribonucleic acid (ARN)

2. Cấu trúc genome (1)

2.1. Bộ gen là gì?

2.2. Bộ gen người

3. Tái bản ADN (1)

3.1. Nguyên tắc tái bản

3.2. Bản chất xoắn của ADN – Các giai đoạn của sự tái bản

3.3. Sao chép AND trong tế bào

4. Di truyền phân tử của các bệnh ở người (2)

4.1. Bệnh Hemoglobin và rối loạn các yếu tố đông máu

4.2. Bệnh rối loạn chuyển hoá bẩm sinh

Bài tập: Giải bài tập về ADN và ARN

CHƯƠNG 2: CẤU TRÚC VÀ CHỨC NĂNG CỦA TẾ BÀO

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả cấu trúc, chức năng tế bào tiền nhân và tế bào nhân thực; giải thích được sự khác nhau giữa tế bào tiền nhân với tế bào nhân chuẩn.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến tế bào.

3. Thể hiện sự tự tin, tính cẩn thận, hình thành được tính tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Đại cương về tế bào (3, 4)

1.1. Lịch sử phát hiện tế bào

1.2. Thuyết tế bào**1.3. Hình dạng và kích thước tế bào****1.4. Phân loại tế bào****2. Cấu trúc tế bào tiền nhân (Prokaryota) (3, 4)****3. Cấu trúc tế bào nhân chuẩn (Eukaryota) (3, 4, 7)****3.1. Tế bào thực vật và tế bào động vật****3.2. Cấu trúc tế bào nhân chuẩn****CHƯƠNG 3: CHU KỲ TẾ BÀO VÀ SỰ PHÂN BÀO****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả diễn biến các kỳ của nguyên phân, giảm phân; phân biệt được sự khác nhau giữa nguyên phân và giảm phân; liên hệ thực tế về vai trò của giảm phân trong chọn giống và tiến hoá.

2. Quan sát hình ảnh, sơ đồ về quá trình nguyên phân, giảm phân; rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến tế bào.

3. Hình thành được tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Chu kỳ tế bào****2. Phân bào ở tế bào tiền nhân và tế bào nhân chuẩn (3, 4)****2.1. Phân đôi ở tế bào tiền nhân****2.2. Phân bào ở tế bào nhân chuẩn****3. Phân bào nguyên nhiễm (3, 4, 7)**

3.1. Đặc điểm của phân bào nguyên nhiễm**3.2. Các kỳ của phân bào****4. Phân bào giảm nhiễm (3, 4, 7)****4.1. Sơ đồ chung của phân bào giảm nhiễm****4.2. Vai trò của phân bào giảm nhiễm (3, 4)****5. So sánh phân bào giảm nhiễm và phân bào nguyên nhiễm****CHƯƠNG 4: CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN****(Thời gian: 7 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả thí nghiệm và giải thích được kết quả thí nghiệm của các quy luật di truyền theo Mendel; mô tả một số đặc điểm, giải thích cơ sở tế bào học của di truyền liên kết hoàn toàn; di truyền liên kết không hoàn toàn...; vận dụng công thức tổ hợp để giải thích tính đa dạng của sinh giới và các bài tập về quy luật di truyền.

2. Quan sát và phân tích kênh hình để từ đó thu nhận kiến thức; vận dụng kiến thức về qui luật phân li vào thực tiễn sản xuất và giải được một số bài tập cơ bản về các quy luật di truyền.

3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến các quy luật di truyền.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Các quy luật di truyền của Mendel (4-6)****1.1. Quy luật phân li****1.2. Quy luật phân li độc lập**

2. Một số quy luật di truyền không theo Mendel (4-6)

2.1. Di truyền liên kết

2.2. Hoán vị gen

2.3. Di truyền liên kết với giới tính

Bài tập: Giải bài tập về quy luật di truyền

CHƯƠNG 5: NHIỄM SẮC THỂ VÀ BỆNH HỌC LIÊN QUAN ĐẾN NHIỄM SẮC THỂ NGƯỜI

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả nhiễm sắc thể, đột biến nhiễm sắc thể, bộ nhiễm sắc thể người; các phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người, đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người. Phân tích các bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường và nhiễm sắc thể giới tính; nhận biết một số tật di truyền.

2. Quan sát và phân tích kênh hình về nhiễm sắc thể của một số loài sinh vật để từ đó thu nhận kiến thức; tìm hiểu về các bệnh di truyền ở người.

3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến di truyền liên kết với giới tính.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Nhiễm sắc thể của người (2)

1.1. Đại cương về NST và đột biến NST

1.2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu nhiễm sắc thể của người

1.3. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể của người

1.4. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người

2. Bệnh học nhiễm sắc thể (2)

2.1. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường

2.2. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính

3. Tư vấn di truyền (2)

3.1. Sàng lọc bệnh, tật di truyền

3.2. Chẩn đoán trước sinh

3.3. Tư vấn di truyền

3.4. Phòng bệnh, tật di truyền

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học được trang bị và lắp đặt các thiết bị, phương tiện hỗ trợ phù hợp để dạy học.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy projector

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu, giáo trình, giáo án, tranh ảnh, video clip liên quan tới từng chương giảng dạy, bảng, phấn, giấy A4, giấy Ao, bút dạ,....

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

Người học phải đạt được các mục tiêu của từng chương; các kiến thức cơ bản về cấu trúc chức năng của ADN, ARN, cấu trúc và chức năng của tế bào, các quy luật di truyền và vấn đề về nhiễm sắc thể; hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

Giải thích các hiện tượng thí nghiệm và giải các bài tập vận dụng và ứng dụng vào các môn học chuyên ngành; rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Hình thành ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học.

II. Phương pháp

1. Điều kiện dự thi

Người học được dự thi kết thúc môn học khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của môn học.
- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

2. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc môn học

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài, sinh viên tự tìm hiểu, tự nghiên cứu theo nội dung mà nhà giáo yêu cầu.
- Kiểm tra định kỳ: 2 bài, trắc nghiệm, 45 phút.
- Thi kết thúc môn học: 1 bài, trắc nghiệm, 60 phút.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Sinh học và di truyền được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực; giảng giải, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.
- Nhà giáo sử dụng các phương tiện trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Chuẩn bị hệ thống bài tập đầy đủ, khoa học theo nội dung môn học để hướng dẫn sinh viên thực hiện hiệu quả.

2. Đối với người học

- Chuẩn bị tài liệu học tập đầy đủ trước khi đến lớp
- Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập môn học.
- Thực hiện tốt bài tập trên lớp và bài tập về nhà.
- Tham gia học tập một cách nghiêm túc, có trách nhiệm.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Lý thuyết: Sinh học phân tử, cấu trúc và chức năng của tế bào, sự phân bào, các quy luật di truyền, nhiễm sắc thể của người và bệnh học nhiễm sắc thể.
- Bài tập: Công thức, kỹ năng giải bài tập phần sinh học phân tử và các quy luật di truyền; phương pháp làm bài bằng phương pháp trắc nghiệm.

IV. Tài liệu tham khảo (1-7)

1. Nguyễn Hoàng Lộc, Trần Thị Lệ, Hà Thị Minh Thi. Giáo trình sinh học phân tử: Nhà xuất bản Đại học Huế; 2007.
2. Trịnh Văn Bảo, Trần Thị Thanh Hương. Di truyền Y học: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2014.
3. Nguyễn Như Hiền. Sinh học tế bào: Nhà xuất bản Giáo dục; 2006.

4. Nguyễn Như Hiền. Sinh học đại cương: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 2020.

5. Mai Xuân Lương, Hoàng Viết Hậu. Sinh học đại cương: Nhà xuất bản Đại học Đà Lạt; 2020.

6. Trương Thị Bích Phượng. Di truyền học: Trường Đại học Khoa học Huế; 2020.

7. Nguyễn Thị Hồng Nhung. Sinh học và di truyền: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2022.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Giải phẫu – Sinh lý (Anatomy – Physiology).

Mã mô đun: 61132001

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (lý thuyết: 18 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 40 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Là môn học cơ sở được thực hiện trong học kỳ I.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc quan trọng trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Mô tả được vị trí, hình dạng, cấu trúc, chức năng, và các hoạt động chức năng của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người.
2. Phân tích được mối liên hệ thống nhất về chức năng và các hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người với nhau và giữa cơ thể với môi trường.

II. Về kỹ năng

1. Gọi tên và chỉ ra chính xác vị trí các bộ phận và cơ quan giải phẫu trong cơ thể con người trên tranh, mô hình giải phẫu.

2. Phối hợp làm việc nhóm, trình diễn trực quan nói và chỉ trên tranh, mô hình giải phẫu trong các giờ học thực hành.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của mô đun.

2. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Chấp hành nội qui phòng thực hành, thí nghiệm và những qui định của giảng viên.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương về giải phẫu sinh lý 1. Đại cương về giải phẫu sinh lý 1.1. Định nghĩa	2	2	0	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.2. Cân bằng nội môi 1.3. Đơn vị cấu tạo cơ thể sống 1.4. Các hệ thống trong cơ thể 1.5. Tư thế và định hướng vị trí giải phẫu. 2. Giải phẫu sinh lý tế bào 2.1. Đặc điểm của cơ thể sống 2.2. Đại cương về tế bào				
2	Bài 2: Hệ Cơ - Xương-Khớp 1. Hệ xương 1.1. Xương chi trên 1.2. Xương chi dưới 1.3. Xương thân mình 1.4. Xương đầu mặt 2. Hệ cơ 2.1. Cơ chi trên	18	2	14	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.2. Cơ chi dưới 2.3. Cơ thân mình 2.4. Cơ đầu mặt cổ 3. Mạch máu và thần kinh 3.1. Mạch máu và thần kinh chi trên 3.2. Mạch máu và thần kinh chi dưới 3.3. Mạch máu và thần kinh thân mình 3.4. Mạch máu và thần kinh đầu mặt				
3	Bài 3: Giải phẫu- Sinh lý hệ tiết niệu - sinh dục 1. Hệ tiết niệu 1.1. Giải phẫu hệ tiết niệu 1.2. Sinh lý hệ tiết niệu 2. Hệ sinh dục 2.1. Cơ quan sinh dục nam	10	2	8	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.2. Sinh lý sinh dục nam 2.3. Cơ quan sinh dục nữ 2.4. Sinh lý sinh dục nữ				
4	Bài 4: Giải phẫu - Sinh lý hệ thần kinh 1. Đại cương 2. Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh 2.1. Tủy sống 2.2. Hành não 2.3. Cầu não 2.4. Tiểu não 2.5. Trung não 2.6. Gian não 2.7. Đại não 2.8. Các não thất 2.9. Màng não tủy	8	4	4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.10. Hệ thần kinh thực vật				
5	Bài 5: Giải phẫu - Sinh lý hệ tuần hoàn 1. Tim 1.1. Hình thể ngoài và liên quan 1.2. Hình thể trong của tim 1.3. Cấu tạo của tim 2. Các mạch máu 2.1. Các loại mạch máu 2.2. Các mạch máu chính 3. Hoạt động của tim 3.1. Chu kì tim 3.2. Tiếng tim 3.3. Tính tự động của tim, hệ thống nút 4. Tuần hoàn mạch máu	8	2	6	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4.1. Sơ đồ tuần hoàn mạch máu 4.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu 5. Điều hòa tuần hoàn 5.1. Đại cương 5.2. Cơ chế điều hòa tuần hoàn				
	Kiểm tra định kỳ	0	0	0	1
6	Bài 6: Giải phẫu - Sinh lý hệ hô hấp 1. Mũi 1.1. Hình thể ngoài 1.2. Hình thể trong và cấu tạo 1.3. Chức năng 2. Họng (hầu) 2.1. Hình thể ngoài và liên quan 2.2. Hình thể trong 2.3. Chức năng	6	2	4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Thanh quản 3.1. Vị trí 3.2. Cấu tạo của thanh quản 3.3. Chức năng 4. Khí quản 4.1. Hình thể ngoài và liên quan 4.2. Hình thể trong 4.3. Chức năng 5. Phế quản 5.1. Hướng đi và phân đoạn 5.2. Cấu tạo 5.3. Chức năng 6. Phổi 6.1. Hình thể ngoài và liên quan 6.2. Cấu tạo của phổi 6.3. Màng phổi				

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	7. Sinh lý hô hấp 7.1. Hiện tượng cơ học 7.2. Hiện tượng lý, hóa học trong hô hấp 7.3. Điều hòa hô hấp				
7	Bài 7: Giải phẫu - Sinh lý hệ tiêu hóa 1. Miệng 1.1. Tiền đình miệng 1.2. Cung răng lợi 1.3. Buồng miệng 2. Thực quản 2.1. Hình thể ngoài và cấu tạo 2.2. Liên quan 3. Dạ dày 3.1. Hình thể ngoài và liên quan 3.2. Cấu tạo của dạ dày	6	2	4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4. Ruột 4.1. Tá tràng 4.2. Ruột non 4.3. Ruột già 4.4. Hình thể ngoài và liên quan 5. Sinh lý tiêu hóa 5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản 5.2. Tiêu hóa ở dạ dày 5.3. Tiêu hóa ở ruột non 5.4. Tiêu hóa ở ruột già 6. Gan 6.1. Vị trí 6.2. Hình thể ngoài và liên quan 6.3. Cấu tạo cơ bản của gan 6.4. Sinh lý gan 7. Tụy				

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	7.1. Vị trí 7.2. Hình thể ngoài và liên quan 7.3. Hình thể trong và cấu tạo 7.4. Sinh lý tuyến tụy 8. Phúc mạc 8.1. Cấu tạo phúc mạc 8.2. Phúc mạc và phân khu ổ bụng				
8	Bài 8: Sinh lý nội tiết, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt 1. Sinh lý nội tiết 1.1. Tuyến yên 1.2. Tuyến giáp 1.3. Tuyến cận giáp 1.4. Tuyến Thượng thận 1.5. Tuyến tụy nội tiết 2. Chuyển hóa	2	2	0	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2. 1. Đại cương về chuyển hóa 2. 2. Chuyển hóa 2.3. Chuyển hóa cơ bản 3. Điều hòa thân nhiệt 3.1. Thân nhiệt 3.2. Điều hòa thân nhiệt				
	Kiểm tra định kỳ	0	0	0	1
Cộng:		60	18	40	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ GIẢI PHẪU SINH LÝ

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Xác định được nội dung tổng quát của mô đun. Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá mô đun.
2. Nêu được định nghĩa giải phẫu, sinh lý và mối quan hệ giữa chúng
3. Giải thích được cơ chế duy trì cân bằng nội môi.

4. Trình bày được cấu tạo, chức năng của các bộ phận tế bào, các hệ thống trong cơ thể.

5. Kể được những đặc điểm của cơ thể sống để nhận biết sự quan hệ giữa cơ thể với môi trường xung quanh.

6. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Chấp hành nội quy phòng thực hành, thí nghiệm và những qui định của giảng viên.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 2)

1. Đại cương về giải phẫu sinh lý

1.1. Định nghĩa

1.1.1. Định nghĩa giải phẫu

1.1.2. Định nghĩa sinh lý

1.1.3. Mối quan hệ giữa giải phẫu và sinh lý

1.2. Cân bằng nội môi

1.2.1. Định nghĩa cân bằng nội môi

1.2.2. Đặc tính và cơ chế duy trì cân bằng nội môi

1.2.3. Đặc tính cân bằng nội môi

1.2.4. Cơ chế duy trì cân bằng nội môi

1.3. Đơn vị cấu tạo cơ thể sống

1.3.1. Đơn vị cấu tạo cơ thể sống

1.3.2. Tế bào

1.3.3. Mô

1.3.4. Cơ quan

1.3.5. Hệ thống

1.4. Các hệ thống trong cơ thể

1.4.1. Hệ da

1.4.2. Hệ xương

1.4.3. Hệ cơ

1.4.4. Hệ nội tiết

1.4.5. Hệ hô hấp

1.4.6. Hệ tiêu hóa

1.4.7. Hệ tuần hoàn

1.4.8. Hệ tiết niệu

1.4.9. Hệ thần kinh

1.4.10. Hệ bạch huyết

1.4.11. Hệ sinh dục

1.5. Tư thế và định hướng vị trí giải phẫu

1.5.1. Tư thế giải phẫu

1.5.2. Các mặt phẳng giải phẫu

1.5.3. Nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu học

2. Giải phẫu sinh lý tế bào

2.1. Đặc điểm của cơ thể sống

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Những đặc điểm của cơ thể sống

2.2. Đại cương về tế bào

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Cấu tạo của tế bào

2.2.3. Sự phân chia tế bào.

BÀI 2: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ CƠ – XƯƠNG – KHỚP

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm của xương chi trên, chi dưới, thân mình, đầu mặt trên mô hình và tranh .
2. Mô tả được đặc điểm định khu các cơ thuộc vùng chi trên, chi dưới, thân mình, đầu mặt cổ trên mô hình và tranh.
3. Mô tả được đặc điểm định khu mạch máu và thần kinh một số vùng thuộc vùng chi trên, chi dưới, thân mình, đầu mặt trên mô hình và tranh.
4. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 3)

1. Hệ xương

1.1. Xương đầu mặt

1.2. Xương thân mình

1.3. Xương chi trên

1.4. Xương chi dưới

2. Hệ cơ

2.1. Cơ đầu mặt cổ

2.2. Cơ thân mình

2.3. Cơ chi trên

2.4. Cơ chi dưới

3. Mạch máu và thần kinh

3.1. Mạch máu và thần kinh chi trên

3.2. Mạch máu và thần kinh chi dưới

3.3. Mạch máu và thần kinh thân mình

3.4. Mạch máu và thần kinh đầu mặt

BÀI 3: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TIẾT NIỆU – SINH DỤC

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hình thể, cấu tạo cơ bản và sự liên quan của các cơ quan thuộc hệ tiết niệu.
2. Trình bày được chức năng bài tiết nước tiểu, các yếu tố ảnh hưởng đến sự bài tiết nước tiểu.
3. Chỉ và nói đúng tên và liên quan các cơ quan hệ tiết niệu
4. Trình bày được hình thể, đường đi, cấu trúc cơ bản và chức năng của cơ quan sinh dục nam, nữ.
5. Trình bày được chức năng của cơ quan sinh dục nữ.
6. Chỉ và nói đúng tên và liên quan các cơ quan hệ sinh dục.
7. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 3)

1. Hệ tiết niệu

1.1. Giải phẫu hệ tiết niệu

1.2. Sinh lý hệ tiết niệu

2. Hệ sinh dục

2.1. Cơ quan sinh dục nam

2.2. Sinh lý sinh dục nam

2.3. Cơ quan sinh dục nữ

2.4. Sinh lý sinh dục nữ

BÀI 4: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ THẦN KINH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Khái quát được cấu trúc và chức năng của hệ thần kinh.
2. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong của tủy sống, hành não, cầu não, tiểu não, trung não, gian não, đại não, các não thất và màng não tủy.
3. Mô tả được sơ lược giải phẫu của các thần kinh sống và phần tự chủ của hệ TK ngoại biên.
4. Trình bày được những liên hệ chức năng và vận dụng được bài học vào thực tế lâm sàng thích hợp.
5. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 4)

1. Đại cương

2. Giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh

2.1. Tủy sống

2.2. Hành não

2.3. Cầu não

2.4. Tiểu não

2.5. Trung não

2.6. Gian não

2.7. Đại não

2.8. Các não thất

2.9. Màng não tủy

2.10. Hệ thần kinh thực vật

BÀI 5: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TUẦN HOÀN

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và liên quan của tim.
2. Trình bày được chức năng, cơ chế hoạt động của tim.
3. Mô tả được khái quát hệ thống mạch máu từ tim cung cấp máu trong cơ thể.
4. Nêu được các cơ chế điều hòa tuần hoàn.
5. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 2)

1. Tim

1.1. Hình thể ngoài và liên quan

1.2. Hình thể trong của tim

1.3. Cấu tạo của tim

2. Các mạch máu

2.1. Các loại mạch máu

2.2. Các mạch máu chính

3. Hoạt động của tim

3.1. Chu kì tim

3.2. Tiếng tim

3.3. Tính tự động của tim, hệ thống nút

4. Tuần hoàn mạch máu

4.1. Sơ đồ tuần hoàn mạch máu

4.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu

5. Điều hòa tuần hoàn

5.1. Đại cương

5.2. Cơ chế điều hòa tuần hoàn

BÀI 6: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ HÔ HẤP

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được hình thể, cấu tạo của mũi, họng (hầu), thanh quản, khí quản, phế quản.
2. Trình bày được chức năng của mũi, họng (hầu), thanh quản, khí quản, phế quản.
3. Mô tả được hình thể, cấu tạo của phổi.
4. Trình bày được quá trình trao đổi khí trao đổi khí và cơ chế điều hòa hô hấp.

5. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 2)

1. Mũi

1.1. Hình thể ngoài

1.2. Hình thể trong và cấu tạo

1.3. Chức năng

2. Họng (hầu)

2.1. Hình thể ngoài và liên quan

2.2. Hình thể trong

2.3. Chức năng

3. Thanh quản

3.1. Vị trí

3.2. Cấu tạo của thanh quản

3.3. Chức năng

4. Khí quản

4.1. Hình thể ngoài và liên quan

4.2. Hình thể trong

4.3. Chức năng

5. Phế quản

5.1. Hướng đi và phân đoạn

5.2. Cấu tạo

5.3. Chức năng

6. Phổi

6.1. Hình thể ngoài và liên quan

6.2. Cấu tạo của phổi

6.3. Màng phổi

7. Sinh lý hô hấp

7.1. Hiện tượng cơ học

7.2. Hiện tượng lý, hóa học trong hô hấp

7.3. Điều hòa hô hấp

BÀI 7: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TIÊU HÓA

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được hình thể, vị trí và sự liên quan của các bộ phận chính của miệng.
2. Mô tả được hình thể, cấu tạo và sự liên quan của thực quản.
3. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo cơ bản và sự liên quan của dạ dày.
4. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo cơ bản và sự liên quan của tá tràng, ruột non, ruột già và sự liên quan của ruột với nhau - với các tạng khác và đối chiếu trên thành bụng.
5. Trình bày được cơ chế hấp thu thức ăn ở miệng, thực quản, dạ dày và ruột.
6. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và chức năng sinh lý của gan.
7. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và chức năng sinh lý của tụy.
8. Mô tả được cấu tạo của phúc mạc và phân khu ổ bụng.

9. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 3)

1. Miệng

1.1. Tiền đình miệng

1.2. Cung răng lợi

1.3. Buồng miệng

2. Thực quản

2.1. Hình thể ngoài và cấu tạo

2.2. Liên quan

3. Dạ dày

3.1. Hình thể ngoài và liên quan

3.2. Cấu tạo của dạ dày

4. Ruột

4.1. Tá tràng

4.2. Ruột non

4.3. Ruột già

4.4. Hình thể ngoài và liên quan

5. Sinh lý tiêu hóa

5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản

5.2. Tiêu hóa ở dạ dày

5.3. Tiêu hóa ở ruột non

5.4. Tiêu hóa ở ruột già

6. Gan

6.1. Vị trí

6.2. Hình thể ngoài và liên quan

6.3. Cấu tạo cơ bản của gan

6.4. Sinh lý gan

7. Tụy

7.1. Vị trí

7.2. Hình thể ngoài và liên quan

7.3. Hình thể trong và cấu tạo

7.4. Sinh lý tuyến tụy

8. Phức mạc

8.1. Cấu tạo phức mạc

8.2. Phức mạc và phân khu ổ bụng

BÀI 8: SINH LÝ NỘI TIẾT, CHUYỂN HÓA VÀ ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày vị trí giải phẫu, chức năng của các tuyến nội tiết và ứng dụng trong bệnh học.
2. Giải thích tóm tắt sự chuyển hóa của cơ thể.
3. Trình bày thân nhiệt và quá trình điều hòa thân nhiệt.
4. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI (1, 2)

1. Sinh lý nội tiết

1.1. Tuyến yên

1.2. Tuyến giáp

1.3. Tuyến cận giáp

1.4. Tuyến Thượng thận

1.5. Tuyến tụy nội tiết

2. Chuyển hóa

2. 1. Đại cương về chuyển hóa

2. 2. Chuyển hóa

2.3. Chuyển hóa cơ bản

3. Điều hòa thân nhiệt

3.1. Thân nhiệt

3.2. Điều hòa thân nhiệt

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

- Phòng học lý thuyết: phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Phòng thực hành: Thực hành Giải phẫu - Sinh lý.

Có đầy đủ mô hình mô phỏng các hệ cơ quan trong cơ thể, tranh ảnh giải phẫu.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, mô hình mô phỏng các hệ cơ quan trong cơ thể, tranh ảnh,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Mạng internet, máy vi tính, chương trình và giáo trình, giáo án mô đun.
- Giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, kẹp nhựa, kéo, dao nhỏ, ...
- Mô hình, tranh giải phẫu.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Mô tả được vị trí, hình dạng, cấu trúc, chức năng, và các hoạt động chức năng của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người.
- Phân tích được mối liên hệ thống nhất về chức năng và các hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người với nhau và giữa cơ thể với môi trường..

2. Kỹ năng

- Gọi tên và chỉ ra chính xác vị trí các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người trên mô hình giải phẫu.
- Mô tả, quan sát các tiêu bản để nhận dạng được các tế bào máu (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu).

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Hình thành thái độ học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập.
- Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình học tập.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra thường xuyên: 2 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, thí nghiệm, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thực hành thí nghiệm, sản phẩm học tập.

2. Kiểm tra định kỳ

- Lý thuyết: 1 bài; Hình thức: Tự luận; trắc nghiệm. Thời gian 45 phút.

- Thực hành: 1 bài, thực hành trên tranh, mô hình giải phẫu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; hình thức: trắc nghiệm, tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học Giải phẫu sinh lý được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như : thuyết trình, thực hành, trực quan, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Người học tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi theo quy chế đào tạo.

- Tích cực tham gia học tập, thực hành, thảo luận nhóm, quan sát, trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, xem giáo trình trước khi lên lớp, tự học.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Gọi tên và mô tả các bộ phận thuộc các hệ cơ quan trên cơ thể sống. Mô tả mối liên hệ chức năng giữa các hệ cơ quan trong cơ thể thống nhất.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Quyền. Giải phẫu học. Hà Nội: NXB Y học; 2017.
2. Trần Thiện Trung. Giải phẫu sinh lý. TP HCM: NXB Y học; 2017.
3. Nguyễn Quang Quyền. Atlas Giải Phẫu Người (Frank H. Netter) bản dịch tiếng việt. TP HCM: NXB Y học; 2017.
4. Lê Văn Cường. Giải phẫu học. TP HCM: NXB Y học; 2013.

V. Ghi chú và giải thích: Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Hóa sinh (Biochemistry)

Mã môn học: 61022513

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 21 giờ; thảo luận, bài tập: 07 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Dược và Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Phân biệt được các loại vitamin tan trong nước và trong chất béo. Trình bày cấu tạo, vai trò sinh học, nguồn cung cấp và tác dụng của các loại vitamin.
2. Trình bày được cấu tạo, tính chất của enzyme, glucid, lipid, protein, cùng vai trò sinh lý, quá trình hình thành và chuyển hóa lẫn nhau trong cơ thể sinh vật.
3. Trình bày được quá trình phân giải, chuyển hóa và tổng hợp glucid, lipid, protein.

4. Giải thích và viết được các phương trình phản ứng của quá trình đường phân và chu trình Krebs.

5. Vận dụng kiến thức đã học, làm được các bài tập có liên quan.

II. Về kỹ năng

1. Đọc tài liệu chọn kiến thức cơ bản.

2. Hoàn thành thành thạo bài tập của từng chương và các phương trình đường phân, chu trình Krebs.

3. Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, dự đoán các sản phẩm của quá trình thí nghiệm.

4. Rèn luyện một số kỹ năng: hợp tác, chia sẻ, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, lựa chọn lối sống lành mạnh,...

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3. Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Mở đầu 1. Vị trí, tính chất môn học 2. Mục tiêu của môn học 3. Nội dung chính 4. Phương pháp dạy học và đánh giá 5. Lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ của hoá sinh 6. Thành phần hóa học của cơ thể sống 7. Mối quan hệ của hoá sinh với các ngành khoa học của sinh học, nông nghiệp và y học	1	1		
2	Chương 2: Vitamin 1. Vitamin hòa tan trong nước 2. Vitamin tan trong chất béo	2	2		

3	Chương 3: Enzym và sự xúc tác sinh học 1. Danh pháp và phân loại enzym 2. Enzyme là chất xúc tác sinh học 3. Cơ chế xúc tác của enzyme 4. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt tính xúc tác của enzyme	2	2		
4	Chương 4: Hormon 1. Khái niệm 2. Phân loại 2.1. Hormone động vật 2.2. Hormone thực vật	2	2		

5	Chương 5: Trao đổi chất và năng lượng sinh học 1. Khái niệm chung về sự trao đổi chất 2. Khái niệm chung về trao đổi năng lượng và năng lượng sinh học 3. Liên kết cao năng và vai trò của ATP 4. Quá trình oxy hóa khử sinh học 5. Chu trình Krebs (Hô hấp hiếu khí) 5.1. Các phản ứng của chu trình Krebs 5.2. Phương trình tổng quát của hô hấp hiếu khí 5.3. Ý nghĩa của chu trình Krebs Kiểm tra định kì	7	4	2	1
6	Chương 6: Hóa học và chuyển hóa glucid 1. Hóa học glucid 2. Chuyển hóa glucid 2.1. Sự phân giải glucid 2.2. Tổng hợp glucid 2.3. Hóa sinh hô hấp	5	3	2	

7	Chương 7: Hóa học và chuyển hóa lipid 1. Hóa học lipid 1.1. Khái niệm 1.2. Cấu tạo 1.3. Tính chất 2. Chuyển hóa lipid 2.1. Phản ứng thủy phân triglycerid 2.2. Phân giải glycerine 2.3. Phân giải acid béo 3. Sinh tổng hợp triglycerid 3.1. Tổng hợp glycerolphosphate 3.2. Tổng hợp triglycerid	4	3	1	
---	---	---	---	---	--

8	Chương 8: Hóa học và chuyển hóa protein 1. Hóa học protein 1.1. Khái niệm 1.2. Cấu tạo 1.3. Tính chất vật lý 1.4. Tính chất hóa học 1.5. Chức năng của protein (tính chất sinh học của protein) 2. Chuyển hóa protein 2.1. Phân giải protein 2.2. Sinh tổng hợp protein	4	2	2	
---	---	---	---	---	--

9	Chương 9: Hóa học và chuyển hóa hemoglobin 1. Hóa học hemoglobin 1.1. Cấu tạo 1.2. Chức năng của Hemoglobin trong cơ thể con người 1.3. Chỉ số của Hemoglobin 1.4. Triệu chứng thường gặp của thiếu máu 2. Chuyển hóa hemoglobin 2.1. Thoái hóa 2.2. Tổng hợp Kiểm tra định kì	3	2	0	1
	Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Xác định được nội dung tổng quát của môn học. Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học. Trình bày được lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ của hoá sinh. Phân tích được thành phần hoá học của cơ thể sống và mối quan hệ của hoá sinh với các ngành khoa học của sinh học, nông nghiệp và y học.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến hóa sinh.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vị trí, tính chất môn học (1, 2)

2. Mục tiêu của môn học

3. Nội dung chính

4. Phương pháp dạy học và đánh giá

5. Lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ của hoá sinh (1, 2)

6. Thành phần hóa học của cơ thể sống

7. Mối quan hệ của hoá sinh với các ngành khoa học của sinh học, nông nghiệp và y học (1, 2)

CHƯƠNG 2: VITAMIN

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Dựa vào độ hòa tan, phân loại các vitamin. Trình bày được cấu tạo, vai trò sinh học và nguồn cung cấp các loại vitamin, tác dụng của từng loại vitamin. Mô tả được cách tiến hành làm các thí nghiệm, quan sát và giải thích được các hiện tượng thí nghiệm.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến vitamin. Mô tả thành thạo cách tiến hành làm các thí nghiệm. Quan sát và giải thích được các hiện tượng thí nghiệm

3. Hình thành được tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các vitamin hòa tan trong nước (1-4)

1.1. Thiamin (Vitamin K)

1.2. Riboflavin (Vitamin B2)

1.3. Pyridoxin (Vitamin B6)

1.4. Cobalamin (Vitamin B12)

1.5. Biotin (Vitamin H)

1.6. Ascorbate (Vitamin C)

2. Các vitamin tan trong chất béo (1-4)

2.1. Retinol (Vitamin A)

2.2. Calciferol (Vitamin D)

2.3. Tocoferol (Vitamin E)

2.4. Phylloquinon và menaquinon (Vitamin K)

CHƯƠNG 3: ENZYM VÀ SỰ XÚC TÁC SINH HỌC

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được enzyme là chất xúc tác sinh học có bản chất protein làm nhiệm vụ xúc tác cho các phản ứng hóa sinh xảy ra trong cơ thể sinh vật. Mô tả được bản chất hóa học, cơ chế xúc tác, các gọi tên và phân loại của enzyme. Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt tính xúc tác của enzyme.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến enzyme. Mô tả thành thạo cách tiến hành làm các thí nghiệm. Quan sát và giải thích được các hiện tượng thí nghiệm.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Danh pháp và phân loại enzyme (4)

2. Enzyme là chất xúc tác sinh học

3. Cơ chế xúc tác của enzyme

4. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt tính xúc tác của enzyme(4)

4.1. Nhiệt độ

4.2. pH

4.3. Chất hoạt hóa và chất kìm hãm enzyme

4.4. Nồng độ cơ chất và nồng độ enzyme

CHƯƠNG 4: HORMON

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm chung về hormon. So sánh sự khác biệt giữa hormon động vật và thực vật. Mô tả được đặc điểm cấu tạo, cơ chế tác dụng, chức năng sinh học của auxin, gibberellin và cytokinin. Tác dụng tương hỗ giữa các hormon này. Phân tích được cơ chế tác dụng của hormon thực vật đối với tính chịu hạn, chống chịu bệnh của cây, làm chín quả. Tổng hợp oligosaccharin, ethylen.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến hormone.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm (1)

2. Phân loại (2, 4)

2.1. Hormone động vật

2.2. Hormone thực vật

3. Cơ chế tác dụng của hormone (3)

CHƯƠNG 5: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG SINH HỌC

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm chung về sự trao đổi chất, trao đổi năng lượng và năng lượng sinh học, quá trình oxy hóa khử sinh học. Mô tả được các phản ứng và ý nghĩa của chu trình Krebs. Phân tích được bản chất và ý nghĩa của chuỗi hô hấp tế bào. Trình bày được ý nghĩa của sự phosphoryl hóa. Giải được một số bài tập cơ bản liên quan đến trao đổi chất và năng lượng sinh học.

2. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình giải bài tập.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm chung về sự trao đổi chất (1, 4)

1.1. Đồng hóa

1.2. Dị hóa

2. Khái niệm chung về trao đổi năng lượng và năng lượng sinh học (1, 4)

3. Liên kết cao năng và vai trò của ATP

4. Quá trình oxy hóa khử sinh học

5. Chu trình Krebs (Hô hấp hiếu khí)

5.1. Các phản ứng của chu trình Krebs

5.2. Phương trình tổng quát của hô hấp hiếu khí

5.3. Ý nghĩa của chu trình Krebs (2, 4)

CHƯƠNG 6: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA GLUCID

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, cấu tạo và tính chất của glucid. Mô tả được sự phân giải glucid, viết được 10 phản ứng của quá trình đường phân. Mô tả được ý nghĩa của quá trình đường phân và chu trình Krebs. Trình bày được quá trình tổng hợp glucid và hóa sinh hô hấp. Mô tả được cách tiến hành làm các thí nghiệm.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến glucid. Quan sát, giải thích được các hiện tượng thí nghiệm và viết các PTPU xảy ra.

3. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thí nghiệm.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Hóa học glucid (5)

1.1. Định nghĩa

1.2. Phân loại

1.3. Cấu tạo**1.4. Tính chất****2. Chuyển hóa glucid (1-4)****2.1. Sự phân giải glucid****2.2. Tổng hợp glucid****2.3. Hóa sinh hô hấp****CHƯƠNG 7: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA LIPID****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, phân loại, cấu tạo và tính chất của lipid. Giải thích và viết được các PTPU của quá trình chuyển hóa lipid. Mô tả được quá trình sinh tổng hợp triglycerid, quá trình sinh tổng hợp và phân giải phospholipid. Mô tả được cách tiến hành làm các thí nghiệm.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến glucid. Quan sát, giải thích được các hiện tượng thí nghiệm và viết các PTPU xảy ra.

3. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thí nghiệm.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Hóa học lipid (5)****1.1. Khái niệm****1.2. Phân loại****1.3. Cấu tạo**

1.4. Tính chất

2. Chuyển hóa lipid (1, 3, 4)

2.1. Phản ứng thủy phân triglycerid

2.2. Phân giải glycerine

2.3. Phân giải acid béo

3. Sinh tổng hợp triglycerid (1, 3, 4)

3.1. Tổng hợp glycerolphosphate

3.2. Tổng hợp triglycerid

CHƯƠNG 8: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA PROTEIN

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, cấu tạo, tính chất của protein. Mô tả được các chức năng của protein, giải thích được quá trình chuyển hóa protein. Mô tả được cách tiến hành làm các thí nghiệm.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến protein. Quan sát, giải thích được các hiện tượng thí nghiệm và viết các PTPU xảy ra.

3. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thí nghiệm.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Hóa học protein (5)

1.1. Khái niệm

1.2. Cấu tạo

1.3. Tính chất vật lý***1.4. Tính chất hóa học******1.5. Chức năng của protein (tính chất sinh học của protein)*****2. Chuyển hóa protein (1, 2, 4, 6)*****2.1. Phân giải protein******2.2. Sinh tổng hợp protein*****CHƯƠNG 9: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA HEMOGLOBIN****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cấu tạo, chức năng và chỉ số của hemoglobin. Mô tả các triệu chứng thường gặp của thiếu máu, giải thích được các hiện tượng vàng da. Mô tả các quá trình chuyển hóa hemoglobin.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến hemoglobin.

3. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình giải bài tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Hóa học hemoglobin (4, 6)*****1.1. Cấu tạo******1.2. Chức năng của Hemoglobin trong cơ thể con người******1.3. Chỉ số của Hemoglobin******1.4. Triệu chứng thường gặp của thiếu máu*****2. Chuyển hóa hemoglobin (4, 6)**

2.1. Thoái hóa

2.2. Tổng hợp

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Mạng internet, máy vi tính, giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, kẹp nhựa, kéo, dao nhỏ, ...

IV. Các điều kiện khác:

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

- Trình bày seminar theo chủ đề đã bốc thăm.

2. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng thí nghiệm và giải các bài tập vận dụng và ứng dụng vào các môn học chuyên ngành.
- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.
- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận, sản phẩm học tập.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Tự luận

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Hóa sinh được sử dụng đào tạo ngành Dược và Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và bài tập. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình hóa sinh, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Chất xúc tác sinh học và năng lượng sinh học.

- Hóa học và chuyển hóa các chất trong cơ thể.

- Chu trình Krebs

- Quá trình đường phân

- Chuyển hóa hemoglobin

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hiền Vũ Thị Thư. Hóa sinh học. Hà Nội: NXB ĐHPS; 2005.
2. Trần Thị Lệ Võ Văn Quang. Hóa sinh thực vật. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2008.
3. Phạm Thị Trân Châu. Hóa sinh học. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo Dục; 1999.
4. Đỗ Quý Hai, Nguyễn Bá Lộc, Trần Thanh Phong, Cao Đăng Nguyên. Giáo trình hóa sinh: Nhà xuất bản Đại học Huế; 2010.
5. Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu. Giáo trình cơ sở hóa học hữu cơ tập 2: NXB Đại học Sư phạm; 2005.
6. Nguyễn Bá Lộc. Hóa sinh. Hà Nội: NXB Giáo dục; 1997.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Vi sinh - Ký sinh trùng

Mã môn học: 61132010

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thảo luận, bài tập: 7 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản về vi sinh vật, ký sinh trùng trong y học.
2. Mô tả được mối liên quan giữa vi sinh, ký sinh trùng với sức khỏe và bệnh tật.
3. Phân loại được các nhóm vi khuẩn gây bệnh, các loại ký sinh trùng gây bệnh.

4. Trình bày những hiểu biết cơ bản về miễn dịch, vaccine và huyết thanh và nguyên tắc phòng bệnh.

5. Trình bày được những đặc điểm chung của vi sinh vật, đặc điểm cấu trúc, sinh lý, sinh hóa, chu kỳ phát triển của vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp ở người.

II. Về kỹ năng

- Quan sát, nhận dạng vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh dưới kính hiển vi.
- Phòng ngừa một số bệnh do vi sinh ký sinh trùng gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá.
2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
3. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

1	Chương 1: Đại cương về vi sinh - ký sinh trùng 1. Đại cương ký sinh trùng: 1.1. Định nghĩa 1.2. Vật chủ 1.3. Chu kỳ 1.4. Đặc điểm chung của ký sinh trùng 1.5. Bệnh do ký sinh trùng 1.6. Dịch tễ học bệnh ký sinh trùng 2. Vi sinh y học: 2.1. Đại cương 2.2. Đại cương vi khuẩn 2.3. Đại cương virus 3. Chẩn đoán vi sinh vật	4	4		
2	Chương 2: Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp 1. Cầu khuẩn gây bệnh 1.1. Tụ cầu (Staphylococci) 1.2. Phế cầu (Streptococcus pneumoniae) 2. Các vi khuẩn đường ruột:	6	4	2	

2.1. Đặc điểm sinh học của vi khuẩn đường ruột 2.2. Khả năng gây bệnh 2.3. Chẩn đoán 2.4. Phòng và điều trị 2.5. Một số loại vi khuẩn đường ruột gây bệnh thường gặp: 2.5.1. Shigella 2.5.2. Vi khuẩn tả (Vibrio Cholerae) 2.5.3. Escherichia Coli 3. Các vi khuẩn gây bệnh hoại thư: 3.1. Các vi khuẩn gây bệnh: 3.1.1. Clostridium perfringens 3.1.2. Clostridium novyi 3.1.3. Clostridium septicum 3.2. Bệnh hoại thư sinh hơi 3.3. Cách phòng và cách điều trị 4. Xoắn khuẩn Giang mai (Treponema pallidum): 4.1. Đặc điểm sinh vật học 4.2. Khả năng gây bệnh 4.3. Phòng và điều trị				
--	--	--	--	--

3	Chương 3: Một số virus gây bệnh thường gặp 1. Virus cúm (Influenzavirus) 2. Virus sởi 3. Virus viêm não Nhật Bản 4. Virus Dengue 5. Virus dại 6. Virus viêm gan 7. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người (Human immunodeficiency virus: HIV)	6	4	2	
4	Chương 4: Đại cương miễn dịch học và ứng dụng trong y học 1. Đại cương 2. Kháng nguyên: 2.1. Khái niệm 2.2. Một số kháng nguyên quan trọng 3. Kháng thể: 3.1. Định nghĩa 3.2. Đặc điểm của kháng thể 3.3. Chức năng 3.4. Các lớp globulin	5	4	0	1

	4. Sự đáp ứng miễn dịch: 4.1. Miễn dịch tự nhiên: 4.1.1. Hàng rào da và niêm mạc 4.1.2. Các tế bào 4.2.3. Hàng rào thể dịch 4.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu: 4.2.1. Miễn dịch dịch thể 4.2.2. Miễn dịch tế bào 5. Huyết thanh và vaccin: 5.1. Vaccin 5.2. Huyết thanh miễn dịch				
5	Chương 5: Một số ký sinh trùng gây bệnh ở người 1. Đặc điểm sinh học của ký sinh trùng sốt rét: 1.1. Đặc điểm ký sinh 1.2. Đặc điểm sinh sản 1.3. Đặc điểm sống 1.4. Đặc điểm cấu tạo 2. Chu kỳ sinh học: 2.1. Giai đoạn phát triển vô tính trong cơ thể người	6	4	2	

2.2. Giai đoạn phát triển hữu tính trên cơ thể muỗi 3. Hình thể của các loại Plasmodium: 3.1. Hình thể của P. Falciparum 3.2. Hình thể của P. Vivax 4. Dịch tễ học 5. Những biện pháp phòng bệnh sốt rét 6. Giun đũa (Ascaris lumbricoides): 6.1. Hình thể 6.2. Sinh thái 6.3. Tác hại của giun đũa 6.4. Dịch tễ học 6.5. Phòng và điều trị bệnh 7. Giun móc (Ancylostoma duodenale): 7.1. Hình thể 7.2. Sinh thái 7.3. Tác hại của giun móc 7.4. Dịch tễ học 7.5. Phòng điều trị 8. Giun tóc (Trichuris trichiura): 8.1. Hình thể				
--	--	--	--	--

	8.2. Sinh thái				
	8.3. Tác hại của giun tóc				
	8.4. Dịch tễ học				
	9. Giun kim (<i>Enterobius vermicularis</i>)				
	9.1. Hình thể				
	9.2. Sinh thái				
	9.3. Tác hại				
	9.4. Dịch tễ học				
	9.5. Phòng và điều trị				
	10. Chẩn đoán				
	11. Amip (<i>Entamoeba histolytica</i>):				
	11.1. Hình thể				
	11.2. Chu kỳ				
	11.3. Tác hại				
	11.4. Dịch tễ học				
	11.5. Phòng và điều trị				
	12. Trùng roi:				
	12.1. <i>Trichomonas vaginalis</i>				
	13. Trùng lông:				
	13.1. <i>Balantidium coli</i>				
	14. Sán lá:				
	14.1. Sán lá gan nhỏ				

	15. Sán dây: 15.1. Đặc điểm về hình thể 15.2. Chu kỳ 15.3. Tác hại 15.4. Phòng và điều trị				
6	Chương 6: Phương pháp lấy bệnh phẩm, bảo quản bệnh phẩm để làm xét nghiệm vi sinh - ký sinh trùng 1. Mục đích - ý nghĩa 2. Một số nguyên tắc cơ bản. 3. Các loại bệnh phẩm vật phẩm thường lấy: 3.1. Máu 3.2. Các bệnh phẩm đường hô hấp 3.3. Các bệnh phẩm đường tiêu hoá 3.4. Các bệnh phẩm đường tiết niệu sinh dục	3	1	1	1
	Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ VI SINH KÝ SINH TRÙNG

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày một số khái niệm về vi sinh, ký sinh trùng y học.

2. Trình bày mối liên quan giữa vi sinh, ký sinh trùng với sức khỏe bệnh tật.
3. Trình bày một số đặc điểm cơ bản về vi sinh ký sinh trùng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)

1. Đại cương ký sinh trùng

1.1. Định nghĩa

1.2. Vật chủ

1.3. Chu kỳ

1.4. Đặc điểm chung của ký sinh trùng

1.5. Bệnh do ký sinh trùng

1.6. Dịch tễ học bệnh ký sinh trùng

2. Vi sinh y học

2.1. Đại cương

2.2. Đại cương về vi khuẩn

2.3. Đại cương về virus

3. Chẩn đoán vi sinh vật

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VI KHUẨN GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được một số đặc điểm về cấu tạo, hình thể, kích thước, sinh lý của một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp: cầu khuẩn gây bệnh, vi khuẩn đường ruột, vi khuẩn gây bệnh hoại thư, xoắn khuẩn giang mai.
2. Trình bày được khả năng gây bệnh các vi khuẩn: cầu khuẩn gây bệnh, vi khuẩn đường ruột, vi khuẩn gây bệnh hoại thư, xoắn khuẩn giang mai.

3. Trình bày cách phòng ngừa các bệnh do vi khuẩn cầu khuẩn gây bệnh, vi khuẩn đường ruột, vi khuẩn gây bệnh hoại thư, xoắn khuẩn giang mai gây ra.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Cầu khuẩn gây bệnh

1.1. Tụ cầu (Staphylococci)

1.2. Phế cầu (Streptococcus pneumoniae)

2. Các vi khuẩn đường ruột

2.1. Đặc điểm sinh học của vi khuẩn đường ruột

2.2. Khả năng gây bệnh

2.3. Chẩn đoán

2.4. Phòng và điều trị

2.5. Một số loại vi khuẩn đường ruột gây bệnh thường gặp

2.5.1. Shigella

2.5.2. Vi khuẩn tả (Vibrio Cholerae)

2.5.3. Escherichia Coli

3. Các vi khuẩn gây bệnh hoại thư

3.1. Các vi khuẩn gây bệnh

3.1.1. Clostridium perfringens

3.1.2. Clostridium novyi

3.1.3. Clostridium septicum

3.2. Bệnh hoại thư sinh hơi

3.3. Cách phòng và cách điều trị

4. Xoắn khuẩn Giang mai (*Treponema pallidum*)

4.1. Đặc điểm sinh vật học

4.2. Khả năng gây bệnh

4.3. Phòng và điều trị

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VIRUS GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được một số đặc điểm về cấu tạo, hình thể, kích thước, sinh lý của một số virus gây bệnh thương gặp.

2. Biết được khả năng gây bệnh các virus trên.

3. Trình bày cách phòng ngừa các bệnh do virus gây ra.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Virus cúm (*Influenza virus*)

1.1. Đặc điểm Virus học.

1.2 Khả năng gây bệnh

1.3. Chẩn đoán

1.4. Phòng bệnh và điều trị

2. Virus sởi (*Measles rubeola virus*)

2.1. Đặc điểm Virus học

2.2. Khả năng gây bệnh

2.3. Chẩn đoán

2.4. Phòng bệnh

3. Virus viêm não Nhật Bản

3.1. Đặc điểm virus học

3.2. Khả năng gây bệnh

3.2. Phòng bệnh

4. Virus Dengue

4.1. Đặc điểm virus học

4.2. Khả năng gây bệnh

4.3. Chẩn đoán

4.4. Phòng và điều trị

5. Virus dại (Rabies virus)

5.1. Đặc điểm virus học

5.2. Khả năng gây bệnh

5.3. Phòng và điều trị

6. Các virus viêm gan

6.1. Virus viêm gan A

6.2. Virus viêm gan B

6.3 Virus viêm gan C

6.4. Chẩn đoán virus viêm gan

7. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người (Human immunodeficiency virus: HIV)

7.1. Đặc điểm virus học

7.2. Khả năng gây bệnh

7.3. Phòng và điều trị

7.4. Chẩn đoán

CHƯƠNG 4: ĐẠI CƯƠNG MIỄN DỊCH HỌC VÀ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm về kháng nguyên, kháng thể, một số khái niệm về miễn dịch và đáp ứng miễn dịch.
2. Trình bày được bản chất, phân loại và ứng dụng của huyết thanh và vaccin.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Đại cương

2. Kháng nguyên:

2.1. Khái niệm

2.2. Một số kháng nguyên quan trọng

3. Kháng thể:

3.1. Định nghĩa

3.2. Đặc điểm của kháng thể

3.3. Chức năng

3.4. Các lớp globulin

4. Sự đáp ứng miễn dịch:

4.1. Miễn dịch tự nhiên:

4.1.1. Hàng rào da và niêm mạc

4.1.2. Các tế bào

4.2.3. Hàng rào thể dịch

4.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu:

4.2.1. Miễn dịch dịch thể

4.2.2. Miễn dịch tế bào

5. Huyết thanh và vaccin:

5.1. Vaccin

5.2. Huyết thanh miễn dịch

CHƯƠNG 5: MỘT SỐ KÝ SINH TRÙNG GÂY BỆNH Ở NGƯỜI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được những đặc điểm sinh học và tác hại của một số ký sinh trùng gây bệnh ở người: Ký sinh trùng sốt rét; Một số loại giun lây truyền qua đất; Amip, trùng roi, trùng lông; Sán lá, sán dây.

2. Trình bày được hình thể của một số ký sinh trùng gây bệnh ở người: Ký sinh trùng sốt rét; Một số loại giun lây truyền qua đất; Amip, trùng roi, trùng lông; Sán lá, sán dây.

3. Trình bày các biện pháp phòng và điều trị một số ký sinh trùng gây bệnh ở người: Ký sinh trùng sốt rét; Một số loại giun lây truyền qua đất; Amip, trùng roi, trùng lông; Sán lá, sán dây.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 3)

1. Đặc điểm sinh học của ký sinh trùng sốt rét:

1.1. Đặc điểm ký sinh

1.2. Đặc điểm sinh sản

1.3. Đặc điểm sống

1.4. Đặc điểm cấu tạo

2. Chu kỳ sinh học:

2.1. Giai đoạn phát triển vô tính trong cơ thể người

2.1.1. Giai đoạn ở gan (Giai đoạn ngoài hồng cầu)

2.1.2. Giai đoạn trong hồng cầu

2.2. Giai đoạn phát triển hữu tính trên cơ thể muỗi:

3. Hình thể của các loại Plasmodium:

3.1. Hình thể của *P. Falciparum*

3.2. Hình thể của *P. Vivax*

4. Dịch tễ học

5. Những biện pháp phòng bệnh sốt rét

6. Giun đũa (*Ascaris lumbricoides*):

6.1. Hình thể

6.2. Sinh thái

6.3. Tác hại của giun đũa

6.4. Dịch tễ học

6.5. Phòng và điều trị bệnh

7. Giun móc (*Ancylostoma duodenale*):

7.1. Hình thể

7.2. Sinh thái

7.3. Tác hại của giun móc

7.4. Dịch tễ học**7.5. Phòng điều trị****8. Giun tóc (Trichuris trichiura):****8.1. Hình thể****8.2. Sinh thái****8.3. Tác hại của giun tóc****8.4. Dịch tễ học****9. Giun kim (Enterobius vermicularis):****9.1. Hình thể****9.2. Sinh thái****9.3. Tác hại****9.4. Dịch tễ học****9.5. Phòng và điều trị****10. Chẩn đoán****11. Amip (Entamoeba histolytica):****11.1. Hình thể****11.2. Chu kỳ:****11.2.1. Chu kỳ gây bệnh****11.2.2. Chu kỳ hoại sinh****11.3. Tác hại****11.4. Dịch tễ học****11.5. Phòng và điều trị**

12. Trùng roi***12.1. Trichomonas vaginalis*****13. Trùng lông:*****13.1. Balantidium coli*****14. Sán lá:*****14.1. Sán lá gan nhỏ:******14.1.1. Hình thể******14.1.2. Chu kỳ phát triển******14.1.3. Tác hại******14.1.4. Phòng bệnh*****15. Sán dây:*****15.1. Đặc điểm về hình thể******15.1.1. Đầu sán******15.1.2. Cổ sán******15.1.3. Đốt******15.1.4. Ấu trùng******15.2. Chu kỳ******15.3. Tác hại******15.4. Phòng và điều trị***

CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP LẤY VÀ BẢO QUẢN BỆNH PHẨM
ĐỂ LÀM XÉT NGHIỆM VI SINH KÝ SINH TRÙNG

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên tắc cơ bản của việc lấy và bảo quản bệnh phẩm làm xét nghiệm VSKST.
2. Trình bày được cách lấy và bảo quản một số bệnh phẩm làm xét nghiệm VSKST thông thường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)

1. Mục đích - ý nghĩa

2. Một số nguyên tắc cơ bản

3. Các loại bệnh phẩm vật phẩm thường lấy

3.1. Máu

3.2. Các bệnh phẩm đường hô hấp

3.3. Các bệnh phẩm đường tiêu hoá

3.4. Các bệnh phẩm đường tiết niệu sinh dục

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu, tiêu bản, tranh ảnh.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Giấy A0, A4, phấn viết bảng.

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.
- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Nhận dạng được một số vi khuẩn virus, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp
- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Hình thành thái độ học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập.
- Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình học tập.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.
- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Trắc nghiệm

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Vi sinh - Ký sinh trùng được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực; giảng giải, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.
- Nhà giáo sử dụng các phương tiện trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Chuẩn bị hệ thống bài tập đầy đủ, khoa học theo nội dung môn học để hướng dẫn sinh viên thực hiện hiệu quả.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Vi sinh - Ký sinh trùng tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Đề. Ký sinh trùng trong lâm sàng. Hà Nội: NXB Y học; 2013.
2. TS. Lê Văn An. Vi sinh y học. Trường Đại học Y Dược Huế: NXB Đại học Huế; 2016.
3. Bộ môn Ký sinh trùng. Giáo trình thực hành Ký sinh trùng. Trường Đại học Y Dược Huế; 2018.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dược lý

Mã môn học: 61102002

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 7; Kiểm tra: 02 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Là môn học chuyên môn được thực hiện trong học kỳ I chương trình đào tạo ngành Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy.

II. Tính chất: Là môn học bắt buộc, trang bị cho người học kiến thức về hướng dẫn, sử dụng thuốc. Qua đó giúp người học có thể ứng dụng các hiểu biết về dược lý vào các môn y học khác cũng như trong công tác chăm sóc người bệnh.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được khái niệm về thuốc và tác dụng của thuốc trong cơ thể.
2. Trình bày được tác dụng dược lý, chỉ định, tác dụng phụ không mong muốn, chống chỉ định, thận trọng, liều dùng và cách dùng của các thuốc thiết yếu.

II. Về kỹ năng

1. Đọc và viết đúng tên thuốc thông dụng.
2. Hướng dẫn sử dụng được thuốc cho người bệnh, phát hiện được những tai biến khi dùng thuốc.

3. Rèn luyện một số kỹ năng: hợp tác, chia sẻ, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, lựa chọn lối sống lành mạnh...

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác khi dùng thuốc.
2. Tôn trọng quyền lợi của người bệnh khi sử dụng thuốc.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về thuốc 1. Vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính của môn học 2. Khái niệm về thuốc 3. Các dạng thuốc dùng trong phòng và chữa bệnh 3.1. Thuốc dùng đường uống 3.2. Thuốc dùng đường tiêm 3.3 Thuốc dùng qua đường hô hấp	1	1		

	3.4 Thuốc dùng ngoài 3.5. Thuốc dùng trong chuẩn đoán cận lâm sàng 4. Các tác dụng của thuốc 4.1 Tác dụng tại chỗ và toàn thân 4.2. Tác dụng chính và tác dụng phụ 4.3 Tác dụng hồi phục và không hồi phục 4.4 Tác dụng chọn lọc và không chọn lọc 4.5 Tác dụng đối kháng 4.6 Tác dụng hiệp đồng 5. Các đường đưa thuốc vào cơ thể 6. Sự hấp thu, thải trừ của thuốc 6.1 Sự hấp thu: (hấp thu của thuốc vào vòng tuần hoàn chung) 6.2 Thải trừ thuốc 7. Khái niệm và tầm quan trọng của liều lượng, liều dùng của thuốc.				
2	Chương 2: Qui định về kê đơn thuốc 1. Phạm vi điều chỉnh 2. Đối tượng áp dụng	1	1		

	3. Mẫu đơn thuốc 4. Nguyên tắc kê đơn thuốc 5. Yêu cầu chung với nội dung kê đơn thuốc 6. Kê đơn thuốc gây nghiện-hướng thần 7. Kê đơn thuốc gây nghiện để giảm đau cho người bệnh ung thư hoặc người bệnh AIDS 8. Thời hạn đơn thuốc có giá trị mua, lĩnh thuốc 9. Lưu đơn, tài liệu về thuốc				
3	chương 3: Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật 1. Đại cương 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại 1.3. Nguyên tắc sử dụng 2. 2. Các thuốc thường dùng 2.1. Diazepam. 2.2. Phenobarbital 2.3. Rotundin 2.4. Clorpromazin	1	1		

4	Chương 4: Thuốc gây tê, gây mê 1. Thuốc gây tê 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại thuốc gây tê 1.3. Các thuốc gây tê: Lidocain hydroclorid 2. Thuốc mê 2.1. Định nghĩa 2.2. Đặc điểm của thuốc mê 2.3. Phân loại thuốc mê 2.4. Một số thuốc mê thường dùng: Ether mê; Propofol	1	1		
5	Chương 5: Thuốc hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm 1. Đại cương 1.1. Thuốc Hạ nhiệt 1.2. Thuốc giảm đau 1.3. Thuốc chống viêm 2. Các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm thông thường 2.1. Acid acetyl salicilic 2.2. Paracetamol	3	2	1	

	2.3. Prednisolon 2.4. Diclofenac 2.5. Ibuprofen 2.6. Piroxicam 2.7. Morphin hydroclorid 2.8. Pethidin hydroclorid				
6	Chương 6: Thuốc tim mạch, lợi tiểu 1. Thuốc tim mạch 1.1. Đại cương 1.2 Phân loại 1.3. Một số thuốc tim mạch thường dùng 2. Thuốc lợi tiểu 2.1. Phân loại 2.3. Các thuốc lợi tiểu thường dùng	2	1	1	
7	Chương 7: Thuốc chống dị ứng 1. Đại cương về bệnh dị ứng 2. Đặc điểm của thuốc chống dị ứng 3. Một số thuốc chống dị ứng 3.1. Chlorphenamin 3.2. Alimemazin	2	1	1	

	3.3. Promethazin Hydroclorid 3.4. Cetirizin Hydroclorid				
8	Chương 8: Thuốc đường hô hấp 1. Đại cương 2. Các thuốc chữa ho 2.1. Dextromethorphan 2.2. Acetyl cystein 2.3. Bromhexin 2.4. Codein 2.5. Terpin Codein 2.6. Alimemazin 3. Thuốc chữa hen 3.1. Theophylin 3.2. Salbutamol 3.3. Aminophylin	1	1		
9	Chương 9: Thuốc đường tiêu hoá 1. Thuốc chữa bệnh dạ dày 1.1. Phân loại 1.2. Các loại thuốc 2. Thuốc gan mật 2.1. Actisô	2	1	1	

	3. Thuốc điều trị tiêu chảy 3.1. Oresol 3.2. Berberin sulfat 4. Thuốc chữa lỵ				
10	Chương 10: Thuốc chữa giun, sán 1. Sơ lược về bệnh giun sán 2. Phân loại 3. Một số thuốc thông thường 3.1. Mebendazol 3.2. Albendazol 3.3. Pyrante 3.4. Niclosamid	2	1		1
11	Chương 11: Thuốc kháng sinh và Sulfamid 1. Kháng sinh 1.1. Đại cương về kháng sinh 1.2. Các kháng sinh thông dụng 2. Sulfamid 2.1. Đại cương về sulfamid 2.2. Các sulfamid kháng khuẩn thông dụng	3	2	1	

12	Chương 12: Thuốc sát khuẩn, tẩy uế 1. Đại cương 2. Một số thuốc sát khuẩn tẩy uế thường dùng	1	1		
13	Chương 13: Hocmon, thuốc bướu cổ 1. Hormon 2. Thuốc điều trị bướu cổ 2.1. Viên Kali iodid 2.2. Dầu gấn Iod 2.3. Một số thuốc tham khảo	2	1	1	
14	Chương 14: Thuốc sốt rét 1. Quinin 2. Chloroquin 3. Artesunat 4. Primaquin 5. CV8 6. Viên thuốc phối hợp Dihydroartemisinin - Piperaquin	1	1		
15	Chương 15: Thuốc ngoài da 1. Đại cương 2. Phân loại thuốc	1	1		

	3. Nguyên tắc sử dụng: 4. Các thuốc dùng ngoài thường gặp 4.1. Nhóm corticoid 4.2. Thuốc ASA 4.3. Ketoconazol 4.4. Diethyl phtalat (DEP) 4.5. Lindan 4.6. Xanh methylen				
16	Chương 16: Thuốc mắt, tai mũi họng 1. Thuốc mắt 1.1. Đại cương 1.2. Các thuốc thường dùng 2. Thuốc Tai mũi họng 2.1. Đại cương 2.2. Các thuốc tai, mũi, họng thường dùng	1	1		
17	Chương 17: Thuốc sản phụ khoa 1. Đại cương 2. Các thuốc thường dùng trong sản phụ khoa 2.1. Oxytocin 2.2. Ergometrin maleat	1	1		

	2.3. Papaverin 2.4. Progesteron				
18	Chương 18: Vitamin, thuốc chống thiếu máu 1. Vitamin 1.1. Đại cương 1.2. Các Vitamin thường dùng: Vitamin A ; Vitamin B1; Vitamin B6 ; Vitamin 12 ; Vitamin C ; Vitamin D; Vitamin K ; Vitamin PP ; Vitamin E. 2. Các thuốc chống thiếu máu 2.1. Sắt Sulfat 2.2. Sắt (II) Oxalat 2.3. Acid Folic	2	1	1	
19	Chương 19: Dung dịch tiêm truyền 1. Đại cương 2. Các loại dung dịch tiêm truyền 2.1. Dung dịch Natri clorid đẳng trương 0,9% 2.2. Dung dịch Natri clorid ưu trương 5%, 10% 2.3. Dung dịch Ringer lactat	2	1		1

2.4. Dung dịch Glucose đẳng trương 5%				
2.5. Dung dịch Glucose ưu trương 30%				
2.6. Dung dịch Natrihydro carbonat đẳng trương 1,4%				
2.7. Alvesin				
2.8. Morianin – S				
2.9. Aminopectid				
2.10. Dextran:				
2.11. Huyết tương khô				
2.11. Subtosan				
Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ THUỐC

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Kể được các dạng bào chế của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể. Trình bày được các tác dụng của thuốc và sự hấp thu, thải trừ thuốc

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính của môn học

2. Khái niệm về thuốc

3. Các dạng thuốc dùng trong phòng và chữa bệnh

3.1. Thuốc dùng đường uống

3.2. Thuốc dùng đường tiêm

3.3 Thuốc dùng qua đường hô hấp

3.4 Thuốc dùng ngoài

3.5. Thuốc dùng trong chuẩn đoán cận lâm sàng

4. Các tác dụng của thuốc

4.1 Tác dụng tại chỗ và toàn thân

4.2. Tác dụng chính và tác dụng phụ

4.3 Tác dụng hồi phục và không hồi phục

4.4 Tác dụng chọn lọc và không chọn lọc

4.5 Tác dụng đối kháng

4.6 Tác dụng hiệp đồng

5. Các đường đưa thuốc vào cơ thể

6. Sự hấp thu, thải trừ của thuốc

6.1 Sự hấp thu: (hấp thu của thuốc vào vòng tuần hoàn chung)

6.2 Thải trừ thuốc

7. Khái niệm và tầm quan trọng của liều lượng, liều dùng của thuốc.

CHƯƠNG 2: QUI ĐỊNH KÊ ĐƠN THUỐC

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nội dung chính của thông tư quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

3. Mẫu đơn thuốc

4. Nguyên tắc kê đơn thuốc

5. Yêu cầu chung với nội dung kê đơn thuốc

6. Kê đơn thuốc gây nghiện-hướng thần

7. Kê đơn thuốc gây nghiện để giảm đau cho người bệnh ung thư hoặc người bệnh AIDS

8. Thời hạn đơn thuốc có giá trị mua, lĩnh thuốc

9. Lưu đơn, tài liệu về thuốc

CHƯƠNG 3: THUỐC AN THẦN, GÂY NGỦ, CHỐNG CO GIẬT

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đại cương về thuốc an thần gây ngủ chống co giật và cách sử dụng một số thuốc an thần gây ngủ thông thường.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Đại cương

1.1. Khái niệm

1.2. Phân loại

1.3. Nguyên tắc sử dụng

2. Các thuốc thường dùng

2.1. Diazepam.

2.2. Phenobarbital

2.3. Rotundin

2.4. Clorpromazin

CHƯƠNG 4: THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm thuốc tê, thuốc mê và cách sử dụng của một số thuốc gây tê, gây mê thông thường.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)

1. Thuốc gây tê

1.1. Định nghĩa

1.2. Phân loại thuốc gây tê

1.3. Các thuốc gây tê: Lidocain hydroclorid

2. Thuốc mê

2.1. Định nghĩa

2.2. Đặc điểm của thuốc mê

2.3. Phân loại thuốc mê

2.4. Một số thuốc mê thường dùng: Halothan, Propofol

CHƯƠNG 5: THUỐC HẠ NHIỆT, GIẢM ĐAU, KHÁNG VIÊM

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày đặc điểm của nhóm thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm và cách sử dụng các thuốc giảm đau, hạ nhiệt chống viêm thường gặp: Acid Acetyl Salisilic (Aspirin); Diclofenac, Paracetamol, Prednisolon, Ibuprofen, Mocfin, pethidin (Dolargan); piroxicam, Indometacin.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6)

1. Đại cương

1.1. Thuốc Hạ nhiệt

1.2. Thuốc giảm đau

1.3. Thuốc chống viêm

2. Các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm thông thường

2.1. Acid acetyl salicilic

2.2. Paracetamol

2.3. Prednisolon

2.4. Diclofenac

2.5. Ibuprofen

2.6. Piroxicam

2.7. Morphine hydrochlorid

2.8. Pethidine hydrochlorid

CHƯƠNG 6: THUỐC TIM MẠCH, LỢI TIỂU

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày đặc điểm của thuốc tim mạch, lợi tiểu và cách sử dụng thuốc: Digoxin, Nifedipin, Furosemid, Adrenalin, Captoprin, Propanolon, Hypothiazid, Kaliorid.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (7)

1. Thuốc tim mạch

1.1. Đại cương

1.2 Phân loại

1.3. Một số thuốc tim mạch thường dùng

2. Thuốc lợi tiểu

2.1 Phân loại

2.3. Các thuốc lợi tiểu thường dùng

CHƯƠNG 7: THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các đặc điểm thuốc chống dị ứng và cách sử dụng các thuốc Chlorphenamin, Alimemazin, Promethazin, Cetirizin..

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (8)

1. Đại cương về bệnh dị ứng

2. Đặc điểm của thuốc chống dị ứng**3. Một số thuốc chống dị ứng****3.1. Chlorphenamin****3.2. Alimemazin****3.3. Promethazin Hydroclorid****3.4. Cetirizin Hydroclorid****CHƯƠNG 8: THUỐC ĐƯỜNG HÔ HẤP****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách sử dụng các thuốc chữa ho: Dextromethorphan, Acetylcystein, Bromhexin, Terpin, Codein.

2. Trình bày được cách sử dụng các thuốc chữa hen: Theophylin, Salbutamol, Aminophylin.

3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

4. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (8)**1. Đại cương****2. Các thuốc chữa ho****2.1. Dextromethorphan****2.2. Acetyl cystein****2.3. Bromhexin**

2.4. Codein**2.5. Terpin Codein****2.6. Alimemazin****3. Thuốc chữa hen****3.1. Theophylin****3.2. Salbutamol****3.3. Aminophylin****CHƯƠNG 9: THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HOÁ****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Phân loại được các nhóm thuốc chữa bệnh dạ dày, điều trị tiêu chảy và cách sử dụng các thuốc Aluminium hydroxyd, Magnesi hydroxyd, Cimetidin, Ranitidin, Omeprazol Artiso, Oresol, Berberin.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (9)**1. Thuốc chữa bệnh dạ dày****1.1. Phân loại****1.2. Các loại thuốc****2. Thuốc gan mật****2.1. Actisô**

3. Thuốc điều trị tiêu chảy

3.1. *Oresol*

3.2. *Berberin sulffat*

4. Thuốc chữa lỵ

CHƯƠNG 10: THUỐC CHỮA GIUN, SÁN

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các đặc điểm của thuốc giun sán và cách sử dụng của các thuốc: Mebendazol, Albendazol, Niclosamid, Pyrantel.
2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.
3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (10)

1. Sơ lược về bệnh giun sán

2. Phân loại

3. Một số thuốc thông thường

3.1. *Mebendazol*

3.2. *Albendazol*

3.3. *Pyrantel*

3.4. *Niclosamid*

CHƯƠNG 11: THUỐC KHÁNG SINH VÀ SULFAMID

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các đặc điểm, cách sử dụng thuốc kháng sinh thông thường, và một số sulfamid..
2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.
3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (10)

1. Kháng sinh

1.1. Đại cương về kháng sinh

1.2. Các kháng sinh thông dụng

2. Sulfamid

2.1. Đại cương về sulfamid

2.2. Các sulfamid kháng khuẩn thông dụng

CHƯƠNG 12: THUỐC SÁT KHUẨN, TẨY UẾ

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm của thuốc sát khuẩn, tẩy uế và cách sử dụng của các thuốc sát khuẩn thường dùng (cồn, oxy già, cồn Iod, cloramin B & T, thuốc tím).
2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.
3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (11)

1. Đại cương

2. Một số thuốc sát khuẩn tẩy uế thường dùng

2.1. *Ethanol (Cồn)*

2.2. *Hydrogen peroxyd*

2.4. *Cloramin*

2.5. *Kali permanganat (KMnO₄)*

CHƯƠNG 13: HOCMON, THUỐC BUỒU CỔ

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được tác dụng chung, chỉ định, nguyên tắc dùng các Hormon.
2. Trình bày dạng thuốc, nồng độ, hàm lượng, công dụng, cách dùng Corticoid, Testosterol, Ethinylestradion, Progesterol, Insulin, thuốc chữa bướu cổ.
3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.
4. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (12)

1. Hormon

1.1 *Đại cương*

1.2. *Một số thuốc nội tiết thường dùng:*

Testosteron; Estradiol benzoat; Progesteron ; Cortison; Insulin ; Oxytoxin

2. Thuốc điều trị bướu cổ

2.1. Viên Kali iodid**2.2. Dầu gấc Iod****2.3. Một số thuốc tham khảo****CHƯƠNG 14: THUỐC SỐT RÉT****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Kể tên các thuốc (hoặc biệt dược), chỉ định cách dùng, bảo quản các thuốc chống sốt rét thông thường Quinin, Artesunat, Cloroquin, CV8, Primaquin, Arterakine.

2. Hướng dẫn sử dụng an toàn hợp lý các thuốc điều trị sốt rét thường thường.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (10)**1. Quinin****2. Chloroquin****3. Artesunat****4. Primaquin****5. CV8****6. Viên thuốc phối hợp Dihydroartemisinin - Piperaquin****CHƯƠNG 15: THUỐC NGOÀI DA****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các đặc điểm của thuốc ngoài da và cách sử dụng thuốc chữa chàm, chữa nấm, chữa ghẻ, chữa nhiễm trùng (Corticoid, ASA, Ketocondazol, DEP, Lindan, Xanhmetylen).

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (10)

1. Đại cương

2. Phân loại thuốc

3. Nguyên tắc sử dụng

4. Các thuốc dùng ngoài thường gặp

4.1. Nhóm corticoid

4.2. Thuốc ASA

4.3. Ketoconazol

4.4. Diethyl phtalat (DEP)

4.5. Lindan

4.6. Xanh methylen

CHƯƠNG 16: THUỐC MẮT, TAI MŨI HỌNG

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các đặc điểm thuốc mắt, tai mũi họng và cách sử dụng các thuốc thông thường (Argyrol, Chloramphenicol, sulfaxylum, tetracylin, polydexa, oxy già, Naphazolin, ephedrin, sulfarin).

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (13)

1. Thuốc mắt

1.1. Đại cương

1.2. Các thuốc thường dùng

2. Thuốc tai mũi họng

2.1. Đại cương

2.2. Các thuốc tai, mũi, họng thường dùng

CHƯƠNG 17: THUỐC SẢN PHỤ KHOA

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày đặc điểm của thuốc dùng trong sản, phụ khoa và cách sử dụng các thuốc thông thường: Oxytocin, Ergometrin, Papaverin, Progesteron

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (14)

1. Đại cương

2. Các thuốc thường dùng trong sản phụ khoa

2.1. Oxytocin

2.2. Ergometrin maleat

2.3. Papaverin

2.4. Progesteron

CHƯƠNG 18: VITAMIN, THUỐC CHỐNG THIẾU MÁU

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày 4 đặc điểm và những điều cần chú ý khi dùng Vitamin, 4 nguyên tắc sử dụng Vitamin.
2. Trình bày cách sử dụng các thuốc thông thường Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, D, K, PP, E, sắt, acid folic.
3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.
4. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (15)

1. Vitamin

1.1. Đại cương

1.2. Các Vitamin thường dùng: Vitamin A ; Vitamin B1; Vitamin B6 ; Vitamin B12 ; Vitamin C ; Vitamin D; Vitamin K ; Vitamin PP ; Vitamin E.

2. Các thuốc chống thiếu máu

2.1. Sắt Sulfat**2.2. Sắt (II) Oxalat****2.3. Acid Folic****CHƯƠNG 19: DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Kể 5 vai trò dung dịch tiêm truyền. Trình bày cách phân loại dung dịch tiêm truyền và cách sử dụng các dung dịch tiêm truyền thông thường: acid amin, glucose, Natri clorid, Natrihydro carbonat, Ringer lactat, Dextran.

2. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc.

3. Hình thành ý thức bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (16)**1. Đại cương****2. Các loại dung dịch tiêm truyền****2.1. Dung dịch Natri clorid đẳng trương 0,9%****2.2. Dung dịch Natri clorid ưu trương 5%, 10%****2.3. Dung dịch Ringer lactat****2.4. Dung dịch Glucose đẳng trương 5%****2.5. Dung dịch Glucose ưu trương 30%****2.6. Dung dịch Natrihydro carbonat đẳng trương 1,4%****2.7. Alvesin**

2.8. Morianin - S**2.9. Aminoacid****2.10. Dextran:****2.11. Huyết tương khô****2.11. Subtosan****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, bảng, phấn, giấy A0, bút ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Thuốc mẫu, các tình huống lâm sàng.

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm về thuốc và tác dụng của thuốc trong cơ thể.
- Trình bày được tác dụng dược lý, chỉ định, tác dụng phụ không mong muốn, chống chỉ định, thận trọng, liều dùng và cách dùng của các thuốc thiết yếu.

2. Kỹ năng

Vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng về dược lý trong hướng dẫn sử dụng thuốc.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Quản lý thời gian học tập hiệu quả.
- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên: Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia môn học.

2. Kiểm tra định kỳ: 2 bài (Sinh viên làm bài tự luận và trắc nghiệm trong thời gian 30-45 phút).

3. Điểm thi kết thúc học phần: Sinh viên làm bài trắc nghiệm trong thời gian 60 phút.

Người học được dự thi kết thúc môn học khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Dược lý được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Sử dụng phương pháp đóng vai theo kịch bản đã thiết kế.

2. Đối với người học

Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.
- Năng lực hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành Phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 1-101 p.
2. Bộ Y Tế. Thông tư 52/2017/TT-BYT, Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú. Hà Nội 2018.
3. Bộ Y Tế. Thông tư 18/2018/TT-BYT, Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú Hà Nội 2018.
4. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 152-66 p.
5. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 133-51 p.
6. Phan ĐV. Dược lý học lâm sàng. Hà Nội: NXB Y Học; 2012. 169-83 p.
7. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 489-578 p.
8. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 251-85 p.
9. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 661-701 p.

10. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 703-924 p.
11. Phan ĐV. Dược lý học lâm sàng. Hà Nội: NSB Y Học; 2012. 354-8 p.
12. Hằng TTT. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 365-454 p.
13. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 324-54 p.
14. Phan ĐV. Dược lý học lâm sàng. Hà Nội NXB Y Học; 2012. 643-50 p.
15. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 599-660 p.
16. Trần Thị Thu Hằng. Dược Lực Học. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020. 979-93 p.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dịch tễ - Sức khỏe môi trường

Mã môn học: 61132041

Thời gian thực hiện môn học: 30giờ (Lý thuyết: 21 giờ; Thảo luận, bài tập: 7 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản và chiến lược của dịch tễ học.
2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về dịch tễ học của tác nhân, vật chủ, môi trường.
3. Giải thích được quá trình dịch của 4 nhóm bệnh truyền nhiễm và áp dụng trong theo dõi, phát hiện, tổ chức phòng chống dịch bệnh tại tuyến y tế cơ sở.
4. Trình bày được mối liên quan giữa môi trường tự nhiên, môi trường lao động và sức khỏe, các biện pháp để nâng cao sức khỏe và phòng bệnh.

5. Mô tả được các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

6. Trình bày được các biện pháp cơ bản nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên, môi trường lao động, tác hại nghề nghiệp và phòng chống dịch.

7. Mô tả được tình hình ô nhiễm môi trường, một số phong tục tập quán ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường sống và biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường của địa phương.

II. Về kỹ năng

1. Thực hiện đúng quy trình giám sát dịch tễ học một số bệnh lây ở địa phương.

2. Thực hiện và tham gia công tác dự phòng bệnh lây nhiễm tại cộng đồng

3. Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về sức khỏe môi trường và phòng chống các tác hại do môi trường gây nên.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

2. Thay đổi hành vi để bảo vệ môi trường sống cho cá nhân, gia đình và cộng đồng trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

3. Sinh viên mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng; tự tin trong giao tiếp; có tinh thần học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

		Thời gian (giờ)
--	--	------------------------

Số TT	Tên chương, mục	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm Tra
1	Chương 1: Đại cương về dịch tễ học 1. Những khái niệm cơ bản và chiến lược của dịch tễ học 1.1. Những khái niệm cơ bản 1.2. Chiến lược của dịch tễ học 2. Các lĩnh vực hoạt động của dịch tễ học 2.1. Phương pháp DTH học phân tích một vấn đề sức khỏe 2.2. Một số áp dụng dịch tễ học 3. Mục đích thực tiễn của dịch tễ học hiện đại 3.1. Mục đích lý thuyết 3.2. Mục đích thực hành 4. Các cấp độ dự phòng	1	1		
2	Chương 2: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	1	1		

	1. Các khái niệm 1.1. Nhiễm trùng và lây lan 1.2. Bệnh nhiễm trùng trong cộng đồng nói chung và bệnh nhiễm trùng trong bệnh viện 1.3. Bệnh nhiễm trùng “nhẹ” và nhiễm trùng “chậm” 1.4. Nhiễm trùng ngoại sinh và nhiễm trùng nội sinh 2. Đặc trưng dịch tễ học của tác nhân, vật chủ, môi trường 2.1. Tác nhân 2.2. Môi trường 2.3. Vật chủ 3. Nhiễm trùng ngoại sinh 3.1. Các thời kỳ của bệnh truyền nhiễm 3.2. Các thể của bệnh truyền nhiễm				
3	Chương 3: Quá trình dịch 1. Khái niệm về quá trình dịch 1.1. Định nghĩa 1.2. Các mắc xích của quá trình dịch 2. Nguồn truyền nhiễm	2	1	1	

2.1. Người				
2.2. Động vật				
3. Các yếu tố truyền nhiễm và cơ chế truyền nhiễm				
3.1. Vai trò truyền nhiễm của không khí				
3.1. Vai trò truyền nhiễm của nước				
3.1. Vai trò truyền nhiễm của đất				
3.1. Vai trò truyền nhiễm của thực phẩm				
3.1. Vai trò truyền nhiễm của các vật dụng				
3.1. Vai trò truyền nhiễm của côn trùng tiết túc				
4. Tính cảm thụ và tính miễn dịch				
4.1. Tính cảm thụ				
4.2. Tính miễn dịch				
4.3. Miễn dịch tập thể				
5. Đặc trưng về quá trình dịch				
5.1. Các hình thức của quá trình dịch				
5.2. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch				

	5.3. Tính chất về cường độ của quá trình dịch 6. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội lên quá trình dịch 6.1. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên 6.2. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội				
4	Chương 4: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường tiêu hóa 1. Mở đầu 2. Tác nhân gây bệnh 3. Phân nhóm các bệnh lây theo đường tiêu hóa 3.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm 3.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm 4. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán 4.1. Bệnh tả 4.2. Lỵ trực khuẩn 4.3. Thương hàn 5. Điều trị 5.1. Bù nước điện giải 5.2. Sử dụng kháng sinh	3	2		1

	5.3. Nuôi dưỡng 6. Dịch tễ học các bệnh lây theo đường tiêu hóa 6.1. Quá trình truyền nhiễm 6.2. Đặc điểm dịch tễ 7. Biện pháp phòng chống 7.1. Phòng bệnh 7.2. Phòng chống dịch				
5	Chương 5: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường hô hấp 1. Mở đầu 2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường hô hấp 2.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm 2.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm 3. Quá trình truyền nhiễm 3.1. Nguồn truyền nhiễm 3.2. Đường truyền nhiễm 3.3. Khởi cảm thụ 4. Biện pháp phòng chống 5. Bệnh sởi 5.1. Đại cương	3	2	1	

5.2. Tác nhân gây bệnh				
5.3. Dịch tễ học				
5.4. Sinh lý bệnh				
5.5. Biểu hiện lâm sàng				
5.6. Chẩn đoán				
5.7. Hướng điều trị				
5.8. Biện pháp phòng chống				
6. Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút corona (COVID- 19)				
6.1. Đặc điểm sinh học của vi rút SARS-CoV-2				
6.2. Tình hình dịch COVID-19 trên thế giới và tại Việt Nam và ứng phó của các quốc gia				
6.3. Định nghĩa trường hợp bệnh				
6.4. Đặc điểm lâm sàng bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút corona.				
6.5. Các biện pháp phòng và chống dịch bệnh COVID-19				
6.6. Điều tra dịch tễ, giám sát dịch COVID-19				

	6.7. Truyền thông phòng chống dịch COVID-19				
6	Chương 6: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường máu 1. Mở đầu 2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường máu 3. Quá trình truyền nhiễm 3.1. Nguồn truyền nhiễm 3.2. Đường truyền nhiễm 3.3. Khởi cảm thụ 4. Biện pháp phòng chống 5. Bệnh sốt xuất huyết Dengue 5.1. Tác nhân gây bệnh 5.2. Dịch tễ học 5.3. Bệnh sinh 5.4. Biểu hiện lâm sàng 5.5. Chẩn đoán 5.6. Hướng điều trị 5.8. Biện pháp phòng chống	3	2	1	
7	Chương 7: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường da – niêm mạc	2	2		

	1. Phân nhóm các bệnh lây theo đường tiêu hóa 2. Quá trình truyền nhiễm 2.1. Nguồn truyền nhiễm 2.2. Đường truyền nhiễm 2.3. Khối cảm thụ và miễn dịch 3. Biện pháp phòng chống 4. Bệnh Đại 4.1. Tác nhân gây bệnh 4.2. Quá trình truyền nhiễm 4.3. Bệnh sinh 4.4. Biểu hiện lâm sàng 4.5. Chẩn đoán 4.6. Điều trị - Dự phòng 4.7. Điều trị khi đã lên cơn đại				
8	Chương 8: Đại cương về sức khỏe môi trường 1. Định nghĩa về môi trường và các chức năng cơ bản của môi trường 1.1. Môi trường lý học 1.2. Môi trường hóa học 1.3. Môi trường sinh học 1.4. Môi trường xã hội	3	2	1	

	1.5. Các thành phần môi trường 1.6. Các chức năng cơ bản của môi trường 2. Các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường 2.1. Khái niệm về sức khỏe môi trường 2.2. Lịch sử phát triển của sức khỏe môi trường 3. Quan hệ giữa sức khỏe và môi trường 4. Tác động của dân số, đô thị hóa lên sức khỏe cộng đồng và môi trường 5. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh 5.1. Bầu không khí trong sạch 5.2. Có đủ nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt 5.3. Đủ thực phẩm và thực phẩm an toàn				
9	Chương 9: Quản lý sức khỏe môi trường 1. Khái niệm về quản lý môi trường	3	2	1	

1.1. Quản lý bằng các giải pháp kỹ thuật đối với môi trường đất, nước, không khí và thực phẩm 1.2. Quản lý môi trường bằng chính sách, chiến lược, các giải pháp hành chính 1.3. Các nhiệm vụ cơ bản của ngành y tế trong quản lý môi trường 1.4. Mối quan hệ nguyên nhân - hậu quả của môi trường và sức khỏe 1.5. Môi trường hỗ trợ sức khỏe 2. Những hoạt động quản lý sức khỏe môi trường 2.1. Xác định và đo lường mức độ ô nhiễm môi trường 2.2. Đo lường các yếu tố độc hại và đánh giá các nguy cơ cũng như hậu quả lên sức khỏe 2.3. Đề xuất các giải pháp giảm nhẹ nguy cơ, ngăn ngừa hậu quả 2.4. Xác định tính khả thi của các giải pháp 2.5. Xây dựng hệ thống luật pháp, các văn bản pháp quy quản lý môi trường				
---	--	--	--	--

	2.6. Điều chỉnh chính sách và luật lệ 2.7. Các chiến lược và chuẩn mực trong quản lý môi trường 3. Những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam 3.1. Các giải pháp quản lý vệ sinh môi trường của ngành y tế 3.2. Điều hành bằng pháp luật ở cấp quốc gia 3.3. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường 4. Vai trò của cộng đồng trong quản lý môi trường và bảo vệ sức khỏe				
10	Chương 10: Ô nhiễm không khí 1. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí 2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí 2.1. Ô nhiễm do công nghiệp 2.2. Ô nhiễm do giao thông 2.3. Ô nhiễm do nông nghiệp 2.4. Các nguồn gây ô nhiễm không khí trong nhà 3. Các chất gây ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng	4	2	1	1

	3.1. Ảnh hưởng lên sức khỏe 3.2. Hội chứng bệnh nhà kính 4. Một số tác động của ô nhiễm không khí lên khí hậu toàn cầu 4.1. Sự nóng lên của trái đất 4.2. Sự phá hủy tầng ozon 4.3. Mưa acid 4.4. Sự nghịch đảo nhiệt 4.5. Hiện tượng Mây Nâu Châu Á				
11	Chương 11: Nước và vệ sinh nước 1. Các nguồn nước trong thiên nhiên 1.1. Nước biển và đại dương 1.2. Nước ngầm 1.3. Nước sông hồ - nước mặt 1.4. Nước mưa 1.5. Cung cấp nước cho các vùng nông thôn 2. Mối liên quan giữa chất lượng nước và sức khỏe con người 2.1. Chất lượng nước và tiêu chuẩn 2.2. Vệ sinh nước và sức khỏe cộng đồng	3	2	1	

	2.3. Vai trò của nước đối với con người 2.4. Bệnh có liên quan đến nước 3. Ô nhiễm nước và tác động lên sức khỏe môi trường 3.1. Ô nhiễm nước 3.2. Hoạt động của con người và vấn đề ô nhiễm nước 4. Xử lý nước và kiểm soát ô nhiễm nước 4.1. Lọc nước 4.2. Khử chất sắt trong nước 4.3. Làm mất mùi và dư vị 4.4. Giảm độ cứng của nước 4.5. Tiệt khuẩn nước 4.6. Xử lý nước thải 4.7. Kiểm soát ô nhiễm nước và quản lý chất lượng nước				
12	Chương 12: Ô nhiễm môi trường đất 1. Khái niệm về đất 2. Vai trò của đất đối với con người 3. Ô nhiễm môi trường đất	2	2		

3.1. Tác động của các hệ thống sản xuất đến môi trường đất				
3.2. Ô nhiễm môi trường đất				
3.3. Ô nhiễm đất ở khu công nghiệp và đô thị				
3.4. Ô nhiễm đất do các hoạt động nông nghiệp				
3.5. Ô nhiễm đất do chiến tranh				
4. Tiêu chuẩn đánh giá đất bị ô nhiễm				
4.1. Theo phân tích hóa học				
4.2. Dựa vào các chỉ số vệ sinh				
4.3. Xét nghiệm vi sinh vật				
5. Tác động của ô nhiễm đất				
5.1. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân sinh học				
5.2. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân hóa học				
5.3. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do phóng xạ				
6. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất				
6.1. Làm sạch cơ bản				
6.2. Khử những chất thải rắn				

	6.3. Phương pháp tập trung và thải bỏ 6.4. Sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả trong sử dụng các chất hóa học				
	Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ DỊCH TỄ HỌC

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản và các chiến lược của Dịch tễ học (DTH).
2. Trình bày được sự phát triển của DTH thông qua các định nghĩa của các tác giả khác nhau và các lĩnh vực hoạt động của DTH.
3. Trình bày được mục đích thực tiễn của DTH và các cấp độ dự phòng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Những khái niệm cơ bản và chiến lược của dịch tễ học

1.1. Những khái niệm cơ bản

1.2. Chiến lược của dịch tễ học

2. Các lĩnh vực hoạt động của dịch tễ học

2.1. Phương pháp DTH học phân tích một vấn đề sức khỏe

2.2. Một số áp dụng dịch tễ học

3. Mục đích thực tiễn của dịch tễ học hiện đại

3.1. Mục đích lý thuyết

3.2. Mục đích thực hành

4. Các cấp độ dự phòng

CHƯƠNG 2: CÁC KHÁI NIỆM VỀ DỊCH TỄ HỌC NHIỄM TRÙNG

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm về bệnh nhiễm trùng, cách phân loại dịch tễ học bệnh nhiễm trùng.

2. Trình bày được các đặc trưng dịch tễ học của các yếu tố tác nhân môi trường và vật chủ trong dịch tễ học bệnh nhiễm trùng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Các khái niệm

1.1. Nhiễm trùng và lây lan

1.2. Bệnh nhiễm trùng trong cộng đồng nói chung và bệnh nhiễm trùng trong bệnh viện

1.3. Bệnh nhiễm trùng “nhẹ” và nhiễm trùng “chậm”

1.4. Nhiễm trùng ngoại sinh và nhiễm trùng nội sinh

2. Đặc trưng dịch tễ học của tác nhân, vật chủ, môi trường

2.1. Tác nhân

2.2. Môi trường

2.3. Vật chủ

3. Nhiễm trùng ngoại sinh

3.1. Các thời kỳ của bệnh truyền nhiễm

3.2. Các thể của bệnh truyền nhiễm

CHƯƠNG 3 : QUÁ TRÌNH DỊCH

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, các mắt xích cơ bản của quá trình dịch trong các bệnh nhiễm trùng.
2. Trình bày được các mắt xích trong sự lây lan của bệnh nhiễm trùng và phân loại bệnh nhiễm trùng theo đường lây truyền.
3. Áp dụng luận thuyết về quá trình dịch trong phòng chống và kiểm soát các bệnh nhiễm trùng

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Khái niệm về quá trình dịch

1.1. Định nghĩa

1.2. Các mắt xích của quá trình dịch

2. Nguồn truyền nhiễm

2.1. Người

2.2. Động vật

3. Các yếu tố truyền nhiễm và cơ chế truyền nhiễm

3.1. Vai trò truyền nhiễm của không khí

3.2. Vai trò truyền nhiễm của nước

3.3. Vai trò truyền nhiễm của đất

3.4. Vai trò truyền nhiễm của thực phẩm

3.5. Vai trò truyền nhiễm của các vật dụng

3.6. Vai trò truyền nhiễm của côn trùng tiết túc

4. Tính cảm thụ và tính miễn dịch

4.1. Tính cảm thụ

4.2. Tính miễn dịch

4.3. Miễn dịch tập thể

5. Đặc trưng về quá trình dịch

5.1. Các hình thức của quá trình dịch

5.2. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch

5.3. Tính chất về cường độ của quá trình dịch

6. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội lên quá trình dịch

6.1. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên

6.2. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội

CHƯƠNG 4: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH LÂY THEO ĐƯỜNG TIÊU HÓA

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường tiêu hoá.
2. Phát hiện được một số bệnh phổ biến: Tả, lỵ, Thương hàn và thực hiện được biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường tiêu hoá.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Mở đầu

2. Tác nhân gây bệnh

3. Phân nhóm các bệnh lây theo đường tiêu hóa

3.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm

3.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm

4. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán

4.1. Bệnh tả

4.2. Lỵ trực khuẩn

4.3. Thương hàn

5. Điều trị

5.1. Bù nước điện giải

5.2. Sử dụng kháng sinh

5.3. Nuôi dưỡng

6. Dịch tễ học các bệnh lây theo đường tiêu hóa

6.1. Quá trình truyền nhiễm

6.2. Đặc điểm dịch tễ

7. Biện pháp phòng chống

7.1. Phòng bệnh

7.2. Phòng chống dịch

CHƯƠNG 5: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH LÂY THEO ĐƯỜNG HÔ HẤP

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm và biện pháp phòng chống đối với

các bệnh lây theo đường hô hấp của các bệnh lây theo đường hô hấp.

2. Trình bày được quá trình truyền nhiễm và thực hiện biện pháp phòng chống bệnh sởi.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)

1. Mở đầu

2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường tiêu hóa

2.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm

2.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm

3. Quá trình truyền nhiễm

3.1. Nguồn truyền nhiễm

3.2. Đường truyền nhiễm

3.3. Khối cảm thụ

4. Biện pháp phòng chống

5. Bệnh sởi

5.1. Đại cương

5.2. Tác nhân gây bệnh

5.3. Dịch tễ học

5.4. Sinh lý bệnh

5.5. Biểu hiện lâm sàng

5.6. Chẩn đoán

5.7. Hướng điều trị

5.8. Biện pháp phòng chống

6. Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút corona (COVID- 19)

6.1. Đặc điểm sinh học của vi rút SARS-CoV-2

6.2. Tình hình dịch COVID-19 trên thế giới và tại Việt Nam và ứng phó của các quốc gia

6.3. Định nghĩa trường hợp bệnh

6.4. Đặc điểm lâm sàng bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút corona.

6.5. Các biện pháp phòng và chống dịch bệnh COVID-19

6.6. Điều tra dịch tễ, giám sát dịch COVID-19

6.7. Truyền thông phòng chống dịch COVID-19

CHƯƠNG 6: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH LÂY THEO ĐƯỜNG MÁU

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm và thực hiện các biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường máu.
2. Trình bày được quá trình lan truyền và thực hiện các biện pháp phòng chống đối với bệnh lây theo đường máu phổ biến: Sốt xuất huyết Dengue.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Mở đầu

2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường máu

3. Quá trình truyền nhiễm

3.1. Nguồn truyền nhiễm

3.2. Đường truyền nhiễm

3.3. Khởi cảm thụ

4. Biện pháp phòng chống

5. Bệnh sốt xuất huyết Dengue

5.1. Tác nhân gây bệnh

5.2. Dịch tễ học

5.3. Bệnh sinh

5.4. Biểu hiện lâm sàng

5.5. Chẩn đoán

5.6. Hướng điều trị

5.7. Biện pháp phòng chống

CHƯƠNG 7: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH THEO ĐƯỜNG DA – NIÊM MẠC

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm và thực hiện biện pháp phòng chống các bệnh lây theo đường da, niêm mạc.
2. Trình bày được quá trình truyền nhiễm và biện pháp phòng chống đối với bệnh lây theo đường da, niêm mạc điển hình: bệnh dại.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Phân nhóm các bệnh lây theo đường tiêu hóa

2. Quá trình truyền nhiễm

2.1. Nguồn truyền nhiễm

2.2. Đường truyền nhiễm

2.3. Khỏi cảm thụ và miễn dịch

3. Biện pháp phòng chống

4. Bệnh đại

4.1. Tác nhân gây bệnh

4.2. Quá trình truyền nhiễm

4.3. Bệnh sinh

4.4. Biểu hiện lâm sàng

4.5. Chẩn đoán

4.6. Điều trị - Dự phòng

4.7. Điều trị khi đã lên cơn đại

CHƯƠNG 8: ĐẠI CƯƠNG VỀ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, khái niệm về môi trường và sức khỏe môi trường.
2. Trình bày được khái niệm và các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường.
3. Trình bày được mối quan hệ giữa sức khỏe và môi trường.
4. Giải thích được những vấn đề sức khỏe môi trường mang tính cấp bách ở địa phương và Thế giới.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Định nghĩa về môi trường và các chức năng cơ bản của môi trường:

1.1. Môi trường lý học

1.2. Môi trường hóa học

1.3. Môi trường sinh học

1.4. Môi trường xã hội

1.5. Các thành phần môi trường

1.6. Các chức năng cơ bản của môi trường

2. Các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường:

2.1. Khái niệm về sức khỏe môi trường

2.2. Lịch sử phát triển của sức khỏe môi trường

3. Quan hệ giữa sức khỏe và môi trường:

4. Tác động của dân số, đô thị hóa lên sức khỏe cộng đồng và môi trường

5. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh:

5.1. Bầu không khí trong sạch

5.2 Có đủ nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt

5.3. Đủ thực phẩm và thực phẩm an toàn

CHƯƠNG 9: QUẢN LÝ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được một cách tổng quan các khái niệm về quản lý môi trường và các hoạt động của quản lý sức khỏe môi trường.

2. Trình bày được những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.

3. Phân tích được tầm quan trọng của cộng đồng trong việc tham gia quản lý sức khỏe môi trường.

4. Nâng cao ý thức và thay đổi hành vi để bảo vệ môi trường sống cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Khái niệm về quản lý môi trường

1.1. Quản lý bằng các giải pháp kỹ thuật đối với môi trường đất, nước, không khí và thực phẩm

1.2. Quản lý môi trường bằng chính sách, chiến lược, các giải pháp hành chính

1.3. Các nhiệm vụ cơ bản của ngành y tế trong quản lý môi trường

1.4. Mối quan hệ nguyên nhân – hậu quả của môi trường và sức khỏe

1.5. Môi trường hỗ trợ sức khỏe

2. Những hoạt động quản lý sức khỏe môi trường

2.1. Xác định và đo lường mức độ ô nhiễm môi trường

2.2. Đo lường các yếu tố độc hại và đánh giá các nguy cơ cũng như hậu quả lên sức khỏe

2.3. Đề xuất các giải pháp giảm nhẹ nguy cơ, ngăn ngừa hậu quả

2.4. Xác định tính khả thi của các giải pháp

2.5. Xây dựng hệ thống luật pháp, các văn bản pháp quy quản lý môi trường.

2.6. Điều chỉnh chính sách và luật lệ

2.7. Các chiến lược và chuẩn mực trong quản lý môi trường

3. Những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam

3.1. Các giải pháp quản lý vệ sinh môi trường của ngành y tế

3.2. Điều hành bằng pháp luật ở cấp quốc gia

3.3. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường

4. Vai trò của cộng đồng trong quản lý môi trường và bảo vệ sức khỏe

CHƯƠNG 10: Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các thành phần, các nguồn gây ô nhiễm và khía cạnh của lịch sử của ô nhiễm không khí.
2. Trình bày được các chất gây ô nhiễm, các hiện tượng ô nhiễm và các bệnh có liên quan đến ô nhiễm không khí.
3. Nâng cao ý thức và thay đổi hành vi để bảo vệ môi trường sống cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí

2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí

2.1. Ô nhiễm do công nghiệp

2.2. Ô nhiễm do giao thông

2.3. Ô nhiễm do nông nghiệp

2.4. Các nguồn gây ô nhiễm không khí trong nhà

3. Các chất gây ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng

3.1. Ảnh hưởng lên sức khỏe**3.2. Hội chứng bệnh nhà kính****4. Một số tác động của ô nhiễm không khí lên khí hậu toàn cầu****4.1. Sự nóng lên của trái đất****4.2. Sự phá hủy tầng ozon****4.3. Mưa acid****4.4. Sự nghịch đảo nhiệt****4.5. Hiện tượng Mây Nâu Châu Á****CHƯƠNG 11: NƯỚC VÀ VỆ SINH NƯỚC****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguồn nước khác nhau trong tự nhiên.
2. Trình bày được mối liên quan giữa chất lượng nước với sức khỏe con người.
3. Trình bày được vấn đề ô nhiễm nước, tác động của ô nhiễm nước lên sức khỏe môi trường, các biện pháp xử lý nước và kiểm soát nước ô nhiễm.
4. Nâng cao ý thức và thay đổi hành vi để bảo vệ môi trường sống cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)**1. Các nguồn nước trong thiên nhiên****1.1. Nước biển và đại dương****1.2. Nước ngầm****1.3. Nước sông hồ - nước mặt****1.4. Nước mưa**

1.5. Cung cấp nước cho các vùng nông thôn

2. Môi liên quan giữ chất lượng nước và sức khỏe con người

2.1. Chất lượng nước và tiêu chuẩn

2.2. Vệ sinh nước và sức khỏe cộng đồng

2.3. Vai trò của nước đối với con người

2.4. Bệnh có liên quan đến nước

3. Ô nhiễm nước và tác động lên sức khỏe môi trường

3.1. Ô nhiễm nước

3.2. Hoạt động của con người và vấn đề ô nhiễm nước

4. Xử lý nước và kiểm soát ô nhiễm nước

4.1. Lọc nước

4.2. Khử chất sắt trong nước

4.3. Làm mất mùi và dư vị

4.4. Giảm độ cứng của nước

4.5. Tiệt khuẩn nước

4.6. Xử lý nước thải

4.7. Kiểm soát ô nhiễm nước và quản lý chất lượng nước

CHƯƠNG 12: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, vai trò của đất đối với đời sống con người.
2. Phân tích được nguyên nhân, tác hại ô nhiễm đất tới sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng.

3. Thực hiện được những nguyên tắc, biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.
4. Nâng cao ý thức và thay đổi hành vi để bảo vệ môi trường sống cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Khái niệm về đất

2. Vai trò của đất đối với con người

3. Ô nhiễm môi trường đất

3.1. Tác động của các hệ thống sản xuất đến môi trường đất

3.2. Ô nhiễm môi trường đất

3.3. Ô nhiễm đất ở khu công nghiệp và đô thị

3.4. Ô nhiễm đất do các hoạt động nông nghiệp

3.5. Ô nhiễm đất do chiến tranh

4. Tiêu chuẩn đánh giá đất bị ô nhiễm

4.1. Theo phân tích hóa học

4.2. Dựa vào các chỉ số vệ sinh

4.3. Xét nghiệm vi sinh vật

5. Tác động của ô nhiễm đất

5.1. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân sinh học

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng

Phòng học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy tính, máy chiếu, giấy A0, bút...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành, các tình huống giao tiếp đã trải nghiệm.

- Giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Điều kiện khác

- Bản đồ địa phương, sơ đồ tổ chức trạm y tế, một số tờ rơi.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về dịch tễ sức khỏe môi trường và phòng chống các tác hại do môi trường gây nên.

- Thực hiện đúng quy trình giám sát dịch tễ học một số bệnh lây ở địa phương.

- Thực hiện và tham gia công tác dự phòng bệnh lây nhiễm tại cộng đồng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Sinh viên mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng; tự tin trong giao tiếp.

- Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khản trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch bệnh.

II. Phương pháp

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Dịch tễ- Sức khỏe môi trường được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để học sinh tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Dịch tễ- Sức khỏe môi trường, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, phân tích được đặc điểm dịch tễ.
- Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách lây truyền, triệu chứng, biến chứng, điều trị và phòng ngừa của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng.
- Kỹ thuật xác định vấn đề sức khỏe và chẩn đoán cộng đồng; phương pháp thu thập thông tin, số liệu, tính một số chỉ số sức khỏe cơ bản; quản lý sức khỏe tại trạm y tế.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Minh Sơn. Giáo trình Dịch tễ học. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2010.
2. GS. Vũ Triệu An. Miễn dịch học. Đại học Y Hà Nội: NXB Y học; 2006.
3. Bộ Y tế. Chương trình đào tạo phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19. 2020.
4. Nguyễn Văn Mạn. Sức khỏe môi trường. Hà Nội: NXB Y học; 2006.
5. Bộ Y tế. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt; 2018.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có). Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng (English for Nursing)

Mã môn học: 61283097

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 32 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện sau khi học xong môn tiếng anh cơ bản.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Liệt kê các thuật ngữ tiếng anh về ngành điều dưỡng.
2. Mô tả các tiêu chuẩn điều dưỡng viết bằng tiếng anh.
3. Nhận diện, phân tích được các điểm chính khi đọc các tài liệu tiếng anh về hướng dẫn trong ngành điều dưỡng.
4. Hướng dẫn nhập viện và lấy thông tin bệnh nhân, hoàn thành thông tin về bệnh nhân, hồ sơ bệnh án khám sàng lọc ban đầu.

5. Mô tả được các biểu hiện và triệu chứng của một số loại bệnh, cách đặt câu hỏi cho bệnh nhân để lấy thông tin bệnh

II. Về kỹ năng

1. Vận dụng kỹ năng viết để viết được những nội dung tiếng Anh đơn giản liên quan đến ngành nghề điều dưỡng.

2. Thực hành các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh đơn giản về: Mệnh đề, danh từ, tính từ, trạng từ và giới từ; các thì tiếng Anh cơ bản: hiện tại, quá khứ, tương lai; thể chủ động và bị động; các câu điều kiện.

3. Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, thuyết trình

4. Rèn luyện một số kỹ năng: hợp tác, chia sẻ, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, lựa chọn lối sống lành mạnh,...

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn tính trung thực, nghiêm túc, có trách nhiệm trong công việc

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

3. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng Anh chuyên ngành.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

1	Unit 1: The hospital team 1. Scrub up 2. Listening 3. Vocabulary 4. Language spot 5. Speaking 6. Writing 7. Reading	6	5	1	
2	Unit 2: In and around the hospital 1. Scrub up 2. Vocabulary 3. Language spot 4. Speaking 5. Writing 6. Reading 7. Listening	6	4	2	
3	Unit 3: Hospital admissions 1. Scrub up 2. Vocabulary 3. Listening	6	3	2	1

	4.Speaking 5.Language spot 6.Reading 7.Writing				
4	Unit 4: Accidents and emergencies (1) 1. Scrub up 2. Vocabulary 3. Language spot 4. Speaking 5. Listening 6. Reading 7. Writing	5	4	1	
5	Unit 5: Pain 1. Scrub up 2. Vocabulary 3. Language spot 4. Listening 5. Reading 6. Speaking 7. Writing	5	4	1	

6	Unit 6: Symptoms 1. Scrub up 2. Vocabulary 3. Listening 4. Language spot 5. Reading 6. Speaking 7. Writing	6	4	1	1
7	Unit 7: Caring for the elderly 1. Scrub up 2. Listening 3. Reading 4. Language spot 5. Vocabulary 6. Speaking 7. Writing	5	4	1	
8	Unit 8: Nutrition and Obesity 1. Scrub up 2. Body bits	6	4	1	1

	3. Project				
	4. Vocabulary				
	5. Listening				
	6. Reading				
	7. Language spot				
	8. Writing				
	Cộng	45	32	10	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

UNIT 1: THE HOSPITAL TEAM

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê và mô tả một số công việc tại bệnh viện, hiểu về công việc đào tạo, việc làm của một điều dưỡng.
2. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình giới thiệu về nghề nghiệp.
3. Tích cực hoạt động theo nhóm, tổ chức thảo luận tại lớp và các hoạt động ngoại khóa được giao.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: Match the job with the picture
2. Listening: An admission
3. Vocabulary: Verbs for describing jobs
4. Language spot: Present Simple, Present Continuous
5. Speaking: Ask and answer

6. Writing: Profile of a student nurse

7. Reading: The Nursing Profession

UNIT 2: IN AND AROUND THE HOSPITAL

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả các thiết bị y tế, các khoa và các thiết bị y tế được dùng mỗi khoa, hướng dẫn lối đi đến các khoa tại bệnh viện

2. Rèn luyện kỹ năng nói, luyện tập các mẫu hội thoại về hướng dẫn lối đi đến các khoa trong bệnh viện.

3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: What are these pieces of equipment for?

2. Vocabulary: Hospital departments

3. Language spot: Prepositions of place and movement

4. Speaking: Directions

5. Writing: Giving directions via email

6. Reading: It's my job/ Wheelchairs

7. Listening: Directions/ The porter's office

UNIT 3: HOSPITAL ADMISSIONS

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Hướng dẫn nhập viện và lấy thông tin bệnh nhân, hoàn thành thông tin về

bệnh nhân.

2. Rèn luyện kỹ năng viết các mẫu thông tin về bệnh nhân, hồ sơ bệnh án khám sàng lọc ban đầu.

3. Phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu. Có đạo đức nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: Describe patients' problem

2. Vocabulary: The admissions procedure/ Patient record

3. Listening: A Patient record form

4. Speaking: Patient record

5. Language spot: Past Simple, Past Continuous

6. Reading: Bad handwriting

7. Writing: Patient summary

TEST 1

UNIT4: ACCIDENTS AND EMERGENCIES

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận diện và mô tả các thiết bị dụng cụ cần thiết, phù hợp trong các tình huống cấp cứu, sơ cứu.

2. Rèn luyện kỹ năng nói -viết, đưa ra hướng dẫn, chỉ dẫn cụ thể trong các tình huống cấp cứu, sơ cứu

3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: Discuss
2. Vocabulary: First aid
3. Language spot: Instructions
4. Speaking: Emergency helpline
5. Listening: Instructions
6. Reading: A surprise passenger/ Signs and Symptoms
7. Writing: Information poster

UNIT 5: PAIN

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các cơn đau, so sánh các cơn đau và viết báo cáo về tình trạng đau của bệnh nhân
2. Rèn luyện kỹ năng viết các mẫu báo cáo bệnh án
3. Tích cực hoạt động theo nhóm, tổ chức thảo luận tại lớp và các hoạt động ngoại khóa được giao.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: Work with a partner
2. Vocabulary: Describing pain
3. Language spot: Making comparisons
4. Listening: A pain chart/ Pain relief
5. Reading: Pain
6. Speaking: Ask and answer
7. Writing: Pain report

UNIT 6: SYMPTOMS

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các biểu hiện và triệu chứng của một số loại bệnh, cách đặt câu hỏi cho bệnh nhân để lấy thông tin bệnh.
2. Rèn luyện kỹ năng nghe- nói qua điện thoại, viết báo cáo về các biểu hiện và triệu chứng xảy ra ở bệnh nhân
3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: Describe symptoms
2. Vocabulary: Signs and symptoms
3. Listening: Symptoms
4. Language spot: Question forms
5. Reading: Mystery syndromes
6. Speaking: Describe symptoms
7. Writing: Symptom report

TEST 2

UNIT 7: CARING FOR THE ELDERLY

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê được các vấn đề người già thường gặp, hướng dẫn chăm sóc

người già tại nhà

2. Rèn luyện kỹ năng viết các mẫu hướng dẫn

3 Rèn luyện kỹ năng giải thích, hướng dẫn.

4. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả. Hình thành được tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: Discuss about elderly patients' difficulties

2. Listening: A care home / Assessing a patient

3. Reading: Old age and the brain

4. Language spot: will

5. Vocabulary: Problems and aids

6. Speaking : How to care for the elderly?

7. Writing : Letter of introduction to a care home

UNIT 8: NUTRITION AND OBESITY

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Hiểu về nhu cầu dinh dưỡng đối với từng nhóm đối tượng bệnh để đưa ra các chỉ dẫn, yêu cầu phù hợp

2. Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, phân tích, hướng dẫn

3. Nâng cao ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn trong môi trường bệnh viện.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Scrub up: Discuss about food
2. Body bits: Nutrition
3. Project: Research substances that our body needs
4. Vocabulary: Diabetes
5. Listening: A diabetic patient
6. Reading: Eat yourself to death
7. Language spot: Should/ shouldn't
8. Writing: Advice to a friend via mail

TEST 3

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Học viên được học trong lớp hoặc phòng máy

II. Trang thiết bị máy móc

Máy tính, projector, loa, phấn, bảng

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình, đĩa CD, tài liệu tham khảo, mạng Internet, máy vi tính

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Liệt kê các thuật ngữ tiếng anh về điều dưỡng.

- Mô tả các điểm chính khi đọc các tài liệu tiếng Anh về hướng dẫn sử dụng máy, thiết bị dùng trong bệnh viện, các khoa, ngành nghề trong bệnh viện.

- củng cố và trang bị thêm một phần kiến thức chuyên ngành để nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc.

2. Kỹ năng

- Phát triển các kỹ năng cơ bản như phân tích, đánh giá, thảo luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề; kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành cụ thể. Đánh giá kỹ năng của người học thông qua các bài tập trắc nghiệm và tự luận hoặc thuyết trình.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng Anh chuyên ngành.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 2 bài.

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận, sản phẩm học tập.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 3 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

Đây là môn học mang tính lý thuyết và tương đối khó đối với người học, do vậy giáo viên cần đầu tư chọn lựa hình thức giảng dạy phù hợp, kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên nhằm đạt được mục tiêu môn học

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Đọc, nghiên cứu tài liệu và hoàn thành các nhiệm vụ được giảng viên giao về nhà trước khi đến lớp. (2, 3)
- Tích cực tham gia các hoạt động được giảng viên tổ chức trong lớp học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực ngôn ngữ.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Các nội dung trong chương trình đều quan trọng và cần thiết. Giáo viên nên cho người học tham khảo nhiều tiêu chuẩn quốc tế giúp người học tự đọc hiểu được tiêu chuẩn; đồng thời hướng dẫn người học tra cứu tên tiêu chuẩn bằng tiếng Anh và Tiếng Việt trên mạng internet nhằm nâng cao khả năng dịch và viết tiếng anh chuyên ngành. Giáo viên có thể chọn tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị hoặc sơ đồ bệnh viện... mà giáo viên chuyên ngành yêu cầu để giảng dạy.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Grice T. Oxford English for career - Nursing 1. Oxford: Oxford University Press; 2007.
2. Grice T. Everyday English for Nursing: Bailliere Tindall; 2003.
3. V E. Career Paths - Nursing Berkshire: Express Publishing; 2011.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức khỏe

Mã môn học: 61132040

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 21 giờ; Thảo luận, bài tập: 7 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ IV.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành, nghề Điều dưỡng trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

- Trình bày khái niệm tâm lý, tâm lý y học và các yếu tố chính ảnh hưởng tâm lý người bệnh.
- Trình bày được một số khái niệm về hành vi, hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi.
- Trình bày được một số kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và nơi làm việc.
- Mô tả được các bước của một kế hoạch giáo dục sức khỏe.

II. Về kỹ năng

1. Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.
2. Áp dụng kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông để thực hiện một buổi giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của từng địa phương.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của người bệnh và cộng đồng trong tư vấn, giáo dục sức khỏe.
2. Tích cực, chủ động và phối hợp tốt với các tổ chức khác để thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo l luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương tâm lý, tâm lý y học, các liệu pháp tâm lý trị liệu 1. Khái niệm chung về tâm lý 1.1. Tâm lý là gì 1.2. Các hình thức tâm lý và thay đổi của nó 2. Đối tượng, nhiệm vụ và cấu trúc của tâm lý học	3	2	1	

	3. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học 4. Các liệu pháp tâm lý người bệnh 4.1. Tâm lý trị liệu 4.2. Các bước tiến hành tâm lý trị liệu 4.3. Các loại tâm lý trị liệu				
2	Chương 2: Hành vi và thay đổi hành vi 1. Khái niệm về hành vi và hành vi sức khỏe 1.1. Hành vi là gì? 1.2. Hành vi sức khỏe 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe 2.1. Yếu tố di truyền 2.2. Yếu tố môi trường 2.3. Các yếu tố thuộc về chăm sóc sức khỏe 2.4. Các mối quan hệ cá nhân 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 3.1. Yếu tố cá nhân 3.2. Các mối quan hệ cá nhân 3.3. Môi trường học tập và làm việc	5	3	2	

	3.4. Yếu tố pháp luật và chính sách xã hội 3.5. Yếu tố cộng đồng 4. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe 4.1. Quá trình thay đổi hành vi 4.2. Các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi				
3	Chương 3: Kỹ năng giao tiếp 1. Khái niệm về giao tiếp 2. Vai trò, ý nghĩa của giao tiếp 3. Các hình thức giao tiếp 3.1. Giao tiếp ngôn ngữ 3.2. Giao tiếp phi ngôn ngữ 4. Cấu trúc giao tiếp 4.1. Quá trình truyền thông trong giao tiếp 4.1.1. Truyền thông giữa hai cá nhân 4.1.2. Truyền thông trong tổ chức 4.1.3. Chiều truyền thông 4.2. Nhận thức trong giao tiếp 5. Phương tiện giao tiếp	11	8	2	1

5.1. Phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ				
5.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ				
6. Phong cách giao tiếp				
6.1. Khái niệm và đặc điểm của phong cách giao tiếp				
6.2. Các loại phong cách giao tiếp				
6.2.1. Phong cách giao tiếp dân chủ				
6.2.2. Phong cách giao tiếp độc đoán				
6.2.3. Phong cách giao tiếp tự do				
7. Một số kỹ năng giao tiếp				
7.1. Kỹ năng làm quen				
7.2. Kỹ năng lắng nghe				
8. Vận dụng kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc				
8.1. Giao tiếp với cấp trên				
8.2. Giao tiếp với đồng nghiệp				
8.3. Giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân				
8.4. Giao tiếp với người dân tộc địa phương				

4	Chương 4: Tư vấn và truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Tư vấn giáo dục sức khỏe 1.1. Tư vấn trong giáo dục sức khỏe 1.2. Khái niệm 1.3. Các nguyên tắc tư vấn giáo dục sức khỏe 1.4. Các bước cơ bản của tư vấn và yêu cầu về phẩm chất của người làm tư vấn 1.5. Các bước tiến hành 2. Truyền thông giáo dục sức khỏe 2.1. Khái niệm chung về truyền thông 2.2. Các khâu cơ bản của quá trình truyền thông 2.2.1. Các khâu cơ bản của truyền thông 2.2.2. Mô hình truyền thông của Shannon và Wearver 2.2.3. Quá trình truyền thông 2.3. Các yếu tố làm cho truyền thông giao tiếp có hiệu quả 2.3.1. Yêu cầu cần có của người thực hiện Truyền thông - GDSK	11	8	2	1
---	---	----	---	---	---

2.3.2. Yêu cầu đối với thông điệp GDSK				
2.4. Các bước lập kế hoạch truyền thông - GDSK				
2.4.1. Xác định các vấn đề cần Truyền thông - GDSK				
2.4.2. Chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên cần Truyền thông - GDSK				
2.4.3. Xác định đối tượng đích và mục tiêu cho chương trình cần Truyền thông - GDSK				
2.4.4. Truyền thông GDSK				
2.4.5. Thử nghiệm tài liệu, phương tiện Truyền thông - GDSK				
2.4.6. Xây dựng chương trình hoạt động cụ thể				
Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG TÂM LÝ, TÂM LÝ Y HỌC, CÁC LIỆU PHÁP TÂM LÝ TRỊ LIỆU

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm về hiện tượng tâm lý con người.
2. Trình bày được bản chất của hiện tượng tâm lý con người.

3. Trình bày được một số phương pháp nghiên cứu tâm lý người.
4. Trình bày được các bước tiến hành tâm lý liệu pháp.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Khái niệm chung về tâm lý:

1.1. Tâm lý là gì?

1.2. Các hình thức tâm lý và thay đổi của nó

1.3. Bản chất của hiện tượng tâm lý con người

2. Đối tượng, nhiệm vụ và cấu trúc của tâm lý học:

2.1. Đối tượng của tâm lý học

2.2. Nhiệm vụ cơ bản của tâm lý học

2.3. Cấu trúc của tâm lý học

3. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học:

3.1. Phương pháp quan sát

3.2. Phương pháp trò chuyện (đàm thoại)

3.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

3.4. Phương pháp thực nghiệm

3.5. Phương pháp trắc nghiệm (Test)

3.6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động

4. Các liệu pháp tâm lý người bệnh:

4.1. Tâm lý trị liệu

4.2. Các bước tiến hành tâm lý trị liệu

4.3. Các loại tâm lý trị liệu

CHƯƠNG 2: HÀNH VI VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI SỨC KHỎE

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được một số khái niệm về hành vi, hành vi sức khỏe và 5 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi.
2. Mô tả được 5 bước trong quá trình thay đổi hành vi.
3. Kể được 5 điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi sức khỏe.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Khái niệm về hành vi và hành vi sức khỏe:

1.1. Hành vi là gì?

1.2. Hành vi sức khỏe

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe:

2.1. Yếu tố di truyền

2.2. Yếu tố môi trường

2.3. Các yếu tố thuộc về chăm sóc sức khỏe

2.4. Các mối quan hệ cá nhân

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe:

3.1. Yếu tố cá nhân

3.2. Các mối quan hệ cá nhân

3.3. Môi trường học tập và làm việc

3.4. Yếu tố pháp luật và chính sách xã hội

3.5. Yếu tố cộng đồng

4. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

4.1. Quá trình thay đổi hành vi

4.2. Các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi

CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, vai trò của giao tiếp, các hình thức, và phương tiện giao tiếp.
2. Trình bày được một số kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và nơi làm việc.
3. Áp dụng được các kỹ năng giao tiếp giải quyết các xung đột khi gặp phải và khắc phục những trở ngại trong giao tiếp tại nơi làm việc.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3) (4)

1. Khái niệm về giao tiếp

2. Vai trò, ý nghĩa của giao tiếp

3. Các hình thức giao tiếp:

3.1. Giao tiếp ngôn ngữ

3.2. Giao tiếp phi ngôn ngữ

4. Cấu trúc giao tiếp:

4.1. Quá trình truyền thông trong giao tiếp:

4.1.1. Truyền thông giữa hai cá nhân

4.1.2. Truyền thông trong tổ chức

4.1.3. Chiều truyền thông

4.2. Nhận thức trong giao tiếp

5. Phương tiện giao tiếp:

5.1. Phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ

5.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

6. Phong cách giao tiếp:

6.1. Khái niệm và đặc điểm

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Đặc điểm của phong cách giao tiếp

6.2. Các loại phong cách giao tiếp:

6.2.1. Phong cách giao tiếp dân chủ

6.2.2. Phong cách giao tiếp độc đoán

6.2.3. Phong cách giao tiếp tự do

7. Một số kỹ năng giao tiếp:

7.1. Kỹ năng làm quen

7.2. Kỹ năng lắng nghe

8. Vận dụng kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc:

8.1. Giao tiếp với cấp trên

8.2. Giao tiếp của người điều dưỡng với đồng nghiệp

8.3. Giao tiếp của người điều dưỡng với bệnh nhân và người nhà của người bệnh

8.4. Giao tiếp với người dân tộc địa phương

CHƯƠNG 4: TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, nguyên tắc và những yêu cầu của tư vấn sức khỏe.
2. Trình bày được khái niệm, các yêu cầu và các bước lập kế hoạch giáo dục sức khỏe.
3. Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.
4. Áp dụng kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông để thực hiện một buổi giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của người bệnh và cộng đồng trong tư vấn, giáo dục sức khỏe.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Tư vấn giáo dục sức khỏe:

1.1. Tư vấn trong giáo dục sức khỏe

1.2. Khái niệm

1.3. Các nguyên tắc tư vấn giáo dục sức khỏe

1.4. Các bước cơ bản của tư vấn và yêu cầu về phẩm chất của người làm tư vấn

1.5. Các bước tiến hành

2. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

2.1. Khái niệm chung về truyền thông

2.2. Các khâu cơ bản của quá trình truyền thông:

2.2.1. Các khâu cơ bản của truyền thông

2.2.2. Mô hình truyền thông của Shannon và Wearver

2.2.3. Quá trình truyền thông

2.3. Các yêu cầu làm cho truyền thông giao tiếp có hiệu quả:

2.3.1. Yêu cầu cần có của người thực hiện Truyền thông - GDSK

2.3.2. Yêu cầu đối với thông điệp giáo dục sức khỏe

2.4. Các bước lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe:

2.4.1. Xác định các vấn đề cần Truyền thông - GDSK

2.4.2. Chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên cần Truyền thông GDSK

2.4.3. Xác định đối tượng đích và mục tiêu cho chương trình cần Truyền thông - GDSK

2.4.4. Truyền thông GDSK

2.4.5. Thử nghiệm tài liệu, phương tiện Truyền thông - GDSK

2.4.6. Xây dựng chương trình hoạt động cụ thể

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu projector, màn chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày khái niệm tâm lý, tâm lý y học và các yếu tố chính ảnh hưởng tâm lý người bệnh.
- Trình bày khái niệm, tầm quan trọng, các hình thức giao tiếp, giáo dục sức khỏe và các yếu tố của giao tiếp giáo dục sức khỏe.
- Trình bày được một số kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và nơi làm việc.
- Mô tả được các bước của một kế hoạch giáo dục sức khỏe.

2. Kỹ năng

- Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.
- Áp dụng kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông để thực hiện một buổi giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của từng địa phương.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của người bệnh và cộng đồng trong tư vấn, giáo dục sức khỏe.
- Tích cực, chủ động và phối hợp tốt với các tổ chức khác để thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.
- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Trắc nghiệm.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức khỏe được sử dụng đào tạo chuyên ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, đọc và bình luận tài liệu.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Tâm lý- Giao tiếp và giáo dục sức khỏe, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú

- Lý thuyết: Những kiến thức về tâm lý, giáo dục sức khỏe, các kỹ năng giao tiếp và tình huống áp dụng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tâm lý y học - y đức. Hà Nội: NXB Y học; 2010.
2. Bộ Y tế. Giáo dục và nâng cao sức khỏe. Hà Nội: NXB Y học; 2007.
3. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (Tập 2). Hà Nội: NXB Y học; 2017.
4. ThS Đoàn Thị Vân. Tâm lý - Giao tiếp - Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng. Hà Nội: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội; 2019.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**Tên mô đun:** Điều dưỡng cơ sở 1**Mã mô đun:** 61143070**Thời gian thực hiện mô đun:** 90 giờ; (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN****I. Vị trí:**

Đây là mô đun thuộc nhóm các mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn đun được bố trí thực hiện trong học kỳ I.

II. Tính chất:

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Về kiến thức**

1. Trình bày được vai trò, chức năng của người Điều dưỡng.
2. Trình bày được nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng.
3. Trình bày mục đích, nguyên tắc áp dụng và không áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
4. Trình bày được các tai biến có thể xảy ra và cách xử trí trong quá trình thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

II. Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh phù hợp tình huống.
2. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh trên mô hình.
3. Phát hiện và xử lý nhanh các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật.
4. Ứng dụng và lồng ghép được các kỹ thuật điều dưỡng trong quá trình chăm sóc người bệnh.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.
2. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về ngành Điều dưỡng 1. Định nghĩa về điều dưỡng 2. Sơ lược lịch sử Ngành Điều dưỡng 2.1. Lịch sử điều dưỡng Thế giới	1	1	0	

	2.2. Lịch sử điều dưỡng Việt Nam 2.3. Hệ thống đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam hiện nay				
2	Bài 2: Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam 1. Tóm tắt nội dung của “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” 2. Nội dung chi tiết “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” 3. Áp dụng “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào chăm sóc người bệnh	4	2	2	
3	Bài 3: Áp dụng Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam vào thực hành chăm sóc người bệnh 1. Nội dung “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” 1.1. Quy định chung 1.2. Nội dung chi tiết “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” 1.3. Tổ chức thực hiện 2. Áp dụng “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh	6	2	4	

	2.1. Câu hỏi thảo luận về thực hiện “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh 2.2. Thảo luận về một số tình huống liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc người bệnh				
4	Bài 4: Áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh 1. Định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện 2. Phòng ngừa chuẩn 2.1. Định nghĩa 2.2. Nguyên tắc phòng ngừa chuẩn 2.3. Máu và chất tiết của cơ thể có thể truyền tác nhân gây bệnh 2.4. Phòng ngừa bổ sung 2.5. Các nội dung của Phòng ngừa chuẩn 3. Vệ sinh tay thường quy 3.1. Thời điểm vệ sinh tay thường quy 3.2. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy 3.3. Những nội dung cần chú ý khi vệ sinh tay thường quy 4. Sử dụng Phương tiện phòng hộ cá nhân	12	4	8	

4.1. Các loại phương tiện phòng hộ cá nhân (PTPHCN) 4.2. Lựa chọn các PTPHCN 4.3. Mang găng 4.4. Mang khẩu trang y tế 4.5. Sử dụng kính bảo hộ, mạng che mặt 4.6. Mặc áo bảo hộ, tạp dề 5. Cách thức ho/ Vệ sinh hô hấp 5.1. Mục đích 5.2. Áp dụng 5.3. Thực hiện quy tắc cách thức ho/ vệ sinh hô hấp 5.4. Quy tắc sắp xếp người bệnh 6. Xử lý dụng cụ y tế dùng lại 6.1. Giải thích từ ngữ 6.2. Phân loại dụng cụ và phương pháp tiệt khuẩn/ khử khuẩn của Spaulding 6.3. Lựa chọn hóa chất khử khuẩn mức độ cao 6.4. Lựa chọn hóa chất tiệt khuẩn 6.5. Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn 6.6. Bảo quản dụng cụ vô khuẩn				
--	--	--	--	--

	6.7. Thời hạn sử dụng các dụng cụ tiết khuẩn 7. Xử lý đồ vải 7.1. Quy định chung về phân loại và thu gom đồ vải 8. Vệ sinh môi trường 8.1. Phân loại môi trường bề mặt 8.2. Trình tự làm sạch 8.3. Kỹ thuật làm sạch 8.4. Yêu cầu chất lượng làm sạch 9. Phân loại và quản lý chất thải rắn y tế 9.1. Phân định chất thải y tế 9.2. Quy định về mã màu sắc 9.3. Quy định về biểu tượng chỉ loại chất thải 9.4. Quy định lưu giữ tạm thời tại các khoa, phòng				
5	Bài 5: Theo dõi dấu hiệu sinh tồn 1. Giới thiệu 2. Theo dõi thân nhiệt 2.1. Khái niệm về thân nhiệt 2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt	7	2	4	1

2.3. Rối loạn thân nhiệt				
2.4. Những nguyên tắc cơ bản khi đo thân nhiệt				
2.5. Một số vị trí thường đo thân nhiệt				
3. Theo dõi mạch				
3.1. Khái niệm				
3.2. Yếu tố ảnh hưởng				
3.3. Mạch bất thường				
3.4. Nguyên tắc khi bắt mạch				
3.5. Vị trí bắt mạch				
3.6. Quy trình thực hành kỹ năng đếm mạch/nhịp tim				
3.7. Bảng kiểm kỹ thuật				
4. Theo dõi nhịp thở				
4.1. Khai niệm				
4.2. Yếu tố ảnh hưởng nhịp thở				
4.3. Rối loạn nhịp thở				
4.4. Nguyên tắc khi theo dõi nhịp thở				
4.5. Quy trình thực hành				
5. Đo huyết áp động mạch				
5.1 Định nghĩa				
5.2. Yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp				

	5.3. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp 5.4. Nguyên tắc đo huyết áp 5.5. Các vị trí đo huyết áp và các loại máy đo HA 5.6 Quy trình kỹ thuật				
6	Bài 6: Áp dụng Quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh 1. Khái niệm 2. Các bước của quy trình điều dưỡng 2.1. Nhận định 2.2. Chẩn đoán điều dưỡng 2.3. Lập kế hoạch chăm sóc 2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 2.5 Đánh giá 3. Thực hành dựa trên bằng chứng 3.1. Khái niệm 3.2. Ý nghĩa 3.3. Các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng	6	2	4	
7	Bài 7: Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc 1. Lý thuyết	6	2	4	

	2. Mục đích 3. Nguyên tắc sử dụng, ghi chép và bảo quản hồ sơ người bệnh 4. Các thành phần của hồ sơ người bệnh 5. Một số biểu mẫu ghi hồ sơ của người bệnh 6. Bảo quản hồ sơ người bệnh 7. Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án 8. Phần thực hành				
8	Bài 8: Đón tiếp người bệnh, chuyển viện, xuất viện 1. Giới thiệu 2. Đón tiếp người bệnh 2.1. Các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện 2.2. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ đón tiếp người bệnh 2.3. Quy trình đón tiếp người bệnh 3. Cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện 3.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện	2	2	0	

	3.2 . Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện 3.3. Quy trình cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện 4. Cho người bệnh xuất viện 4.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh xuất viện 4.2. Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh xuất viện 4.3. Quy trình cho người bệnh xuất viện				
9	Bài 9: Tư thế nghỉ ngơi - trị liệu thông thường 1. Mục đích 2. Chuẩn bị người bệnh 3. Chuẩn bị dụng cụ 4. Các tư thế trị liệu thông thường 4.1. Tư thế nằm ngửa thẳng 4.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp nghiêng về một bên 4.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao 4.4. Tư thế nửa nằm nửa ngồi (Fowler) 4.5. Tư thế nằm sấp 4.6. Tư thế nằm nghiêng	6	2	4	

	4.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu lồng ngực 5. Giúp người bệnh ngồi dậy 5.1. Mục đích 5.2. Tiến hành				
10	Bài 10: Thực hành dùng thuốc cho người bệnh 1. Giới thiệu 2. Kỹ năng cho người bệnh uống thuốc 2.1. Nguyên tắc 2.2. Các dạng thuốc dùng qua đường tiêu hóa 2.3. Áp dụng 2.4. Không áp dụng 2.5. Những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa 2.6. Tai biến khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa và cách phòng tránh 2.7. Quy trình thực hành kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc 3. Kỹ thuật tiêm dưới da 3.1. Áp dụng 3.2. Không áp dụng	19	4	14	1

	3.3. Vị trí 3.4. Tai biến 3.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm dưới da 4. Kỹ thuật tiêm bắp 4.1. Áp dụng 4.2. Không áp dụng 4.3. Vị trí 4.4. Tai biến 4.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm bắp 5. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch 5.1. Áp dụng 5.2. Không áp dụng 5.3. Vị trí 5.4. Tai biến 5.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch				
11	Bài 11: Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu 1. Giới thiệu 2. Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch 2.1. Mục đích 2.2. Áp dụng	10	2	8	

	2.3. Nguyên tắc 2.4. Những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra khi truyền dịch vào tĩnh mạch ngoại biên 2.5. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch. 3. Kỹ thuật truyền máu 3.1. Mục đích 3.2. Áp dụng 3.3. Không áp dụng 3.4. Nguyên tắc truyền máu 3.5. Các tai biến có thể xảy ra khi truyền máu 3.6. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.				
12	Bài 12: Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu 1. Giới thiệu 2. Phân loại vết thương 3. Nguyên tắc cơ bản khi thực hiện kỹ năng chăm sóc vết thương 3.1. Nhận định tình trạng vết thương 3.2. Nguyên tắc chăm sóc vết thương	11	2	8	1

3.3. Nguyên tắc thay băng 4. Một số loại dung dịch thường dùng rửa vết thương 5. Đặc điểm và chỉ định của các loại băng vết thương 6. Kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch 6.1. Nhận định 6.2. Dụng cụ 6.3. Các bước thực hiện 7. Trường hợp vết thương bị nhiễm khuẩn 7.1. Dấu hiệu và triệu chứng của nhiễm khuẩn vết thương 7.2. Những vết thương đặc thù và có nguy cơ nhiễm khuẩn 8. Kỹ thuật cắt chỉ vết thương 8.1. Nhận định 8.2. Dụng cụ 8.3. Các bước thực hiện 9. Kỹ thuật chăm sóc vết thương có dẫn lưu 9.1. Nhận định 9.2. Dụng cụ 9.3. Các bước thực hiện				
---	--	--	--	--

	Cộng:	90	27	60	3
--	--------------	-----------	-----------	-----------	----------

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa điều dưỡng theo ICN (International Council of Nurse).
2. Trình bày được sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng Thế giới và lịch sử ngành điều dưỡng Việt Nam qua các thời kỳ.
3. Hình thành được những năng lực cơ bản của bản thân, nhận thức đúng đắn đối với ngành điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (1)

1. Định nghĩa về Điều dưỡng

2. Sơ lược lịch sử ngành Điều dưỡng

2.1. Lịch sử điều dưỡng Thế giới

2.2. Lịch sử điều dưỡng Việt Nam

3. Hệ thống đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam hiện nay

BÀI 2: CHUẨN NĂNG LỰC CƠ BẢN CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nội dung “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”.

2. Áp dụng được các tiêu chuẩn/tiêu chí của “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

3. Hình thành đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng của bản thân đối với Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Tóm tắt nội dung của “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”

2. Nội dung chi tiết “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”

2.1. Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành chăm sóc

2.2. Lĩnh vực 2: Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp

2.3. Lĩnh vực 3: Năng lực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

3. Áp dụng “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

Thực hành: Áp dụng “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

3.1. Bài tập

3.2. Ví dụ minh họa: Kỹ thuật hút đờm cho người bệnh

BÀI 3: ÁP DỤNG CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIÊN VIỆT NAM VÀO THỰC HÀNH CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nội dung “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”.

2. Áp dụng được “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

3. Hình thành chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người điều dưỡng trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Nội dung “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”

1.1. Quy định chung

1.2. Nội dung chi tiết “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”

1.3. Tổ chức thực hiện

2. Áp dụng “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh

2.1. Câu hỏi thảo luận về thực hiện “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh

2.2. Thảo luận về một số tình huống liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc người bệnh.

BÀI 4: ÁP DỤNG PHÒNG NGỪA CHUẨN TRONG CHĂM SÓC

NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên tắc và các nội dung Phòng ngừa chuẩn
2. Thực hành đúng các quy định Phòng ngừa chuẩn phù hợp thực tế tại cơ sở y tế

3. Lựa chọn và sử dụng được các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với các tình huống CSNB

4. Phân loại đúng chất thải rắn y tế.

5. Hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình chăm sóc người bệnh, vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện

2. Phòng ngừa chuẩn

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên tắc phòng ngừa chuẩn

2.3. Máu và chất tiết của cơ thể có thể truyền tác nhân gây bệnh

2.4. Phòng ngừa bổ sung

2.5. Các nội dung của Phòng ngừa chuẩn

3. Vệ sinh tay thường quy

3.1. Thời điểm vệ sinh tay thường quy

3.2. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy

3.3. Những nội dung cần chú ý khi vệ sinh tay thường quy

4. Sử dụng Phương tiện phòng hộ cá nhân

4.1. Các loại phương tiện phòng hộ cá nhân (PTPHCN)

4.2. Lựa chọn các PTPHCN

4.3. Mang găng

4.4. Mang khẩu trang y tế

4.5. Sử dụng kính bảo hộ, mạng che mặt

4.6. Mặc áo bảo hộ, tạp dề

5. Cách thức ho/ Vệ sinh hô hấp

5.1. Mục đích

5.2. Áp dụng

5.3. Thực hiện quy tắc cách thức ho/ vệ sinh hô hấp

5.4. Quy tắc sắp xếp người bệnh

6. Xử lý dụng cụ y tế dùng lại

6.1. Giải thích từ ngữ

6.2. Phân loại dụng cụ và phương pháp tiệt khuẩn/ khử khuẩn của Spaulding

6.3. Lựa chọn hóa chất khử khuẩn mức độ cao

6.4. Lựa chọn hóa chất tiệt khuẩn

6.5. Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn

6.6. Bảo quản dụng cụ vô khuẩn

6.7. Thời hạn sử dụng các dụng cụ tiệt khuẩn

7. Xử lý đồ vải

7.1. Quy định chung về phân loại và thu gom đồ vải

8. Vệ sinh môi trường

8.1. Phân loại môi trường bề mặt

8.2. Trình tự làm sạch

8.3. Kỹ thuật làm sạch

8.4. Yêu cầu chất lượng làm sạch

9. Phân loại và quản lý chất thải rắn y tế

9.1. Phân định chất thải y tế

9.2. Quy định về mã màu sắc

9.3. Quy định về biểu tượng chỉ loại chất thải

9.4. Quy định lưu giữ tạm thời tại các khoa, phòng

BÀI 5: THEO DÕI DẤU HIỆU SINH TỒN

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Thực hiện được các kỹ thuật theo dõi mạch, nhịp thở, huyết áp, thân nhiệt đúng quy trình, phù hợp với tình trạng người bệnh.
2. Nhận định được các dấu hiệu sinh tồn bất thường và đưa ra các quyết định xử lý phù hợp.
3. Tư vấn được cho người bệnh và gia đình cách theo dõi và chăm sóc khi dấu hiệu sinh tồn bất thường.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Giới thiệu

2. Theo dõi thân nhiệt

2.1. Khái niệm về thân nhiệt

2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt

2.3. Rối loạn thân nhiệt

2.4. Những nguyên tắc cơ bản khi đo thân nhiệt

2.5. Một số vị trí thường đo thân nhiệt

3. Theo dõi mạch

3.1. Khái niệm

3.2. Yếu tố ảnh hưởng

3.3. Mạch bất thường

3.4. Nguyên tắc khi bắt mạch

3.5. Vị trí bắt mạch

3.6. Quy trình thực hành kỹ năng đếm mạch/nhịp tim

3.7. Bảng kiểm kỹ thuật

4. Theo dõi nhịp thở

4.1. Khái niệm

4.2. Yếu tố ảnh hưởng nhịp thở

4.3. Rối loạn nhịp thở

4.4. Nguyên tắc khi theo dõi nhịp thở

4.5. Quy trình thực hành

5. Đo huyết áp động mạch

5.1 Định nghĩa

5.2. Yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp

5.3. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp

5.4. Nguyên tắc đo huyết áp

5.5. Các vị trí đo huyết áp và các loại máy đo HA

5.6. Quy trình kỹ thuật

BÀI 6: ÁP DỤNG QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG TRONG CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được các bước của quy trình điều dưỡng.
2. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của thực hành dựa trên bằng chứng; các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng vào chăm sóc người bệnh.
3. Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng - phù hợp với tình trạng người bệnh và thời điểm chăm sóc
4. Sử dụng được bằng chứng trong chăm sóc người bệnh.
5. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Khái niệm

2. Các bước của quy trình điều dưỡng

2.1. Nhận định

2.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5 Đánh giá

3. Thực hành dựa trên bằng chứng

3.1. Khái niệm

3.2. Ý nghĩa

3.3. Các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng

BÀI 7: QUY ĐỊNH VỀ GHI CHÉP QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN VÀ CÁC BIỂU MẪU CHĂM SÓC

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nguyên tắc ghi chép, sử dụng, bảo quản, lưu giữ hồ sơ bệnh án và các mẫu chăm sóc người bệnh.
2. Giải thích được quyền của người bệnh được cung cấp các thông tin tóm tắt trong hồ sơ.
3. Tuân thủ đúng các nguyên tắc và quy định khi ghi chép, sử dụng, bảo quản hồ sơ người bệnh.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Lý thuyết

2. Mục đích

3. Nguyên tắc sử dụng, ghi chép và bảo quản hồ sơ người bệnh

4. Các thành phần của hồ sơ người bệnh

5. Một số biểu mẫu ghi hồ sơ của người bệnh

6. Bảo quản hồ sơ người bệnh

7. Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án

8. Phần thực hành

BÀI 8: ĐÓN TIẾP NGƯỜI BỆNH, CHUYỂN VIỆN, XUẤT VIỆN

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Thực hiện đúng quy trình khi tiếp đón người bệnh tại phòng khám/tại khoa điều trị, cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
2. Thể hiện khả năng giao tiếp phù hợp, tác phong chu đáo, tuân thủ các quy định khi đón tiếp, chuyển viện, xuất viện cho người bệnh.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Giới thiệu

2. Đón tiếp người bệnh

2.1. Các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện

2.2. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ đón tiếp người bệnh

2.3. Quy trình đón tiếp người bệnh

3. Cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện

3.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện

3.2. Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện

3.3. Quy trình cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện

4. Cho người bệnh xuất viện

4.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh xuất viện

4.2. Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh xuất viện

4.3. Quy trình cho người bệnh xuất viện

BÀI 9: TƯ THẾ NGHỈ NGƠI - TRỊ LIỆU THÔNG THƯỜNG

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày mục đích đặt người bệnh ở tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
2. Trình bày được các trường hợp áp dụng và không áp dụng đặt một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
3. Mô tả được một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (4)

1. Mục đích

2. Chuẩn bị người bệnh

3. Chuẩn bị dụng cụ

4. Các tư thế trị liệu thông thường

4.1. Tư thế nằm ngửa thẳng

4.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp nghiêng về một bên

4.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao

4.4. Tư thế nửa nằm nửa ngồi (Fowler)

4.5. Tư thế nằm sấp

4.6. Tư thế nằm nghiêng

4.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu lồng ngực

5. Giúp người bệnh ngồi dậy

5.1. Mục đích**5.2. Tiến hành****BÀI 10: THỰC HÀNH DÙNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH****(Thời gian: 19 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Nhận định được người bệnh trước khi dùng thuốc.
2. Thực hiện hiệu quả, an toàn, đúng quy trình các kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, tiêm thuốc.
3. Phát hiện sớm những biểu hiện bất thường trên người bệnh khi dùng thuốc và đưa ra quyết định xử lý phù hợp.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (2)**1. Giới thiệu****2. Kỹ năng cho người bệnh uống thuốc*****2.1. Nguyên tắc******2.2. Các dạng thuốc dùng qua đường tiêu hóa******2.3. Áp dụng******2.4. Không áp dụng******2.5. Những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa******2.6. Tai biến khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa và cách phòng tránh******2.7. Quy trình thực hành kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc*****3. Kỹ thuật tiêm dưới da**

3.1. Áp dụng

3.2. Không áp dụng

3.3. Vị trí

3.4. Tai biến

3.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm dưới da

4. Kỹ thuật tiêm bắp

4.1. Áp dụng

4.2. Không áp dụng

4.3. Vị trí

4.4. Tai biến

4.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm bắp

5. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch

5.1. Áp dụng

5.2. Không áp dụng

5.3. Vị trí

5.4. Tai biến

5.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch

BÀI 11: KỸ THUẬT TRUYỀN DỊCH, TRUYỀN MÁU

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Thực hiện đúng các nguyên tắc truyền dịch, truyền máu
2. Thực hiện hiệu quả, an toàn, đúng quy trình kỹ thuật truyền dịch, truyền

máu cho người bệnh.

3. Theo dõi được người bệnh trong và sau khi truyền dịch, truyền máu, phát hiện sớm những biểu hiện bất thường trên người bệnh và đưa ra quyết định xử lý phù hợp.

4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Giới thiệu

2. Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch

2.1. Mục đích

2.2. Áp dụng

2.3. Nguyên tắc

2.4. Những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra khi truyền dịch vào tĩnh mạch ngoại biên

2.5. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.

3. Kỹ thuật truyền máu

3.1. Mục đích

3.2. Áp dụng

3.3. Không áp dụng

3.4. Nguyên tắc truyền máu

3.5. Các tai biến có thể xảy ra khi truyền máu

3.6. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.

BÀI 12: KỸ THUẬT CHĂM SÓC VẾT THƯƠNG VÀ ÓNG DẪN LƯU**(Thời gian: 11 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Khám nhận định và phân loại được các loại vết thương
2. Thực hiện kỹ thuật chăm sóc vết thương trên người bệnh đúng quy trình, đảm bảo an toàn.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (3)**1. Giới thiệu****2. Phân loại vết thương****3. Nguyên tắc cơ bản khi thực hiện kỹ năng chăm sóc vết thương*****3.1. Nhận định tình trạng vết thương******3.2. Nguyên tắc chăm sóc vết thương******3.3. Nguyên tắc thay băng*****4. Một số loại dung dịch thường dùng rửa vết thương****5. Đặc điểm và chỉ định của các loại băng vết thương****6. Kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch*****6.1. Nhận định******6.2. Dụng cụ******6.3. Các bước thực hiện*****7. Trường hợp vết thương bị nhiễm khuẩn*****7.1. Dấu hiệu và triệu chứng của nhiễm khuẩn vết thương***

7.2. Những vết thương đặc thù và có nguy cơ nhiễm khuẩn

8. Kỹ thuật cắt chỉ vết thương

8.1. Nhận định

8.2. Dụng cụ

8.3. Các bước thực hiện

9. Kỹ thuật chăm sóc vết thương có dẫn lưu

9.1. Nhận định

9.2. Dụng cụ

9.3. Các bước thực hiện

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, bút dạ, giấy A0. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

2. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình và áp dụng vào người bệnh trên lâm sàng.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng.

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia mô đun.

+ Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận, sản phẩm học tập.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 3 bài.

+ Lý thuyết: 1 bài, thời gian 45 phút. Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

+ Thực hành: 2 bài, Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện một quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình điều dưỡng đa năng, thời gian 5 phút/sinh viên.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học Điều dưỡng cơ sở 1 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.
- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

IV. Tài liệu tham khảo

1. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập 1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.
3. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.
4. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Điều dưỡng cơ sở 2

Mã mô đun: 61113009

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí:

Đây là mô đun thuộc nhóm các mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn đun được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

II. Tính chất:

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Trình bày được mục đích, áp dụng và không áp dụng của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.
2. Trình bày được nguyên tắc chung của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.
3. Trình bày được các tai biến và biến chứng có thể xảy ra và cách xử trí khi thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

II. Về kỹ năng

1. Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật điều dưỡng trong mô đun.
2. Phát hiện và xử lý nhanh các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật.
3. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản áp dụng trên mô hình.
4. Ứng dụng và lồng ghép được các kỹ thuật điều dưỡng trong quá trình chăm sóc người bệnh.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.
2. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Hỗ trợ người bệnh di chuyển 1. Nguyên tắc chung khi di chuyển người bệnh 2. Trường hợp áp dụng	6	2	4	

3. Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển 3.1. Nhận định 3.2. Dụng cụ 4. Các bước thực hiện 4.1. Diu người bệnh ngồi dậy và ra khỏi giường 4.2. Di chuyển người bệnh từ giường sang cang 4.3. Vận chuyển cang người bệnh 4.4. Di chuyển người bệnh từ giường sang xe lăn 5. Tư thế người bệnh lúc vận chuyển 5.1. Tổn thương ở đầu 5.2. Tổn thương lồng ngực (do gãy xương sườn) 5.3. Tổn thương ở xương chậu và cột sống 5.4. Tổn thương ổ bụng 5.5. Tổn thương chi dưới 5.6. Tổn thương chi trên 5.7. Bệnh nhân khó thở 5.8. Bệnh nhân xanh tái				
--	--	--	--	--

2	Bài 2: Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh 1. Định nghĩa 2. Các yếu tố nguy cơ gây loét tỳ đè 2.1. Áp lực 2.2. Tình trạng tri giác 2.3. Sự ẩm ướt 2.4. Sự cọ sát, trầy xước 2.5. Dinh dưỡng và chuyển hóa 2.6. Bệnh lý 2.7. Tuổi 2.8. Các yếu tố khác: 3. Các mức độ của loét tỳ đè 4. Các vị trí dễ bị loét tỳ đè 4.1. Trường hợp bệnh nhân nằm ngửa 4.2. Trường hợp người bệnh nằm sấp 4.3. Trường hợp người bệnh nằm nghiêng 4.4. Trường hợp người bệnh suy hô hấp phải ngồi kéo dài	6	2	4	
---	---	---	---	---	--

	4.5. Ở các bệnh nhân béophì 4.6. Đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh theo thang đo Braden 6. Các biện pháp dự phòng loét tỳđề 6.1.Tránh bị tỳđề 6.2.Vệ sinh da sạch sẽ 6.3. Quản lý chất tiết: 6.4. Phòng ngừa tổn thương da 6.5. Dinh dưỡng 6.6. Quản lý ổ nhiễm khuẩn 6.7. Giáo dục sức khỏe 7. Chăm sóc loét tỳ đè Độ I, II 7.1.Nhận định 7.2.Dụng cụ 7.3. Các bước thực hiện				
3	Bài 3: Các đường băng cơ bản và áp dụng 1. Mục đích 2. Nguyên tắc 3. Các loại băng 3.1. Băng cuộn	12	3	8	1

3.2. Băng dính				
3.3. Băng tam giác				
3.4. Băng dải				
4. Các đường băng cơ bản và áp dụng				
4.1. Băng vòng				
4.2. Băng rắn quấn				
4.3. Băng xoáy ốc				
4.4. Băng chữ nhân				
4.5. Băng số 8				
4.6. Băng vòng gấp lại (băng hồi quy)				
5. Áp dụng 6 kiểu băng vào các vị trí cơ thể				
5.1. Băng ngón tay				
5.2. Băng bàn tay				
5.3. Băng khuỷu tay				
5.4. Băng vú				
5.5. Băng vai				
5.6. Băng ngực				
5.7. Băng đầu				
5.8. Băng bàn chân				

	5.9. Băng gót chân 6. Băng tùy ứng 6.1. Băng đầu 6.2. Băng vai 6.3. Băng ngực 6.4. Băng khuỷu tay 6.5. Băng bàn tay 6.6. Băng bàn chân				
4	Bài 4: Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở 1. Giới thiệu 2. Hút thông đường hô hấp 2.1. Áp dụng 2.2. Nguyên tắc chung 2.3 Quy trình thực hành kỹ thuật 3. Cho người bệnh thở oxy 3.1. Các dấu hiệu triệu chứng của thiếu oxy 3.2. Nguyên tắc khi tiến hành liệu pháp oxy 3.3. Quy trình thực hành kỹ thuật 4. Kỹ thuật bóp bóng giúp thở	12	4	8	

5	Bài 5: Dinh dưỡng bệnh lý và hỗ trợ người bệnh ăn uống 1. Dinh dưỡng và nhu cầu dinh dưỡng 1.1. Khái niệm 1.2. Nhu cầu dinh dưỡng của con người 2. Các loại thực phẩm sử dụng ở việt nam 2.1. Sữa mẹ 2.2. Thức ăn chủ yếu 2.3. Thực phẩm cung cấp đạm (protid) 2.4. Thực phẩm cung cấp vitamin 2.5. Thực phẩm cung cấp năng lượng 3. Nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh 3.1. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn 3.2. Một số chế độ ăn theo trạng thái bệnh lý 4. Hỗ trợ người bệnh ăn uống	8	4	4	
---	---	---	---	---	--

	4.1. Hỗ trợ người bệnh ăn uống qua đường miệng 4.2. Cho người bệnh ăn qua ống thông mũi – dạ dày				
6	Bài 6: Hút dịch dạ dày - Tá tràng 1. Mục đích 2. Chỉ định 3. Chống chỉ định 4. Tai biến 5. Quy trình kỹ thuật 5.1. Chuẩn bị bệnh nhân 5.2. Chuẩn bị dụng cụ 5.3. Các bước tiến hành	6	2	4	
7	Bài 7: Kỹ thuật rửa dạ dày 1. Mục đích 2. Các trường hợp áp dụng 3. Không áp dụng 4. Quy trình kỹ thuật 4.1. Chuẩn bị bệnh nhân 4.2. Chuẩn bị dụng cụ 4.3. Các bước tiến hành 5. Những điều cần lưu ý	6	2	4	

8	Bài 8: Chăm sóc bài tiết 1. Giới thiệu 2. Hướng dẫn người bệnh/người nhà sử dụng xô đại tiện, xô tiểu 3. Quy trình thực hành 4. Thông tiểu – dẫn lưu nước tiểu 4.1. Một số lưu ý khi thông tiểu – dẫn lưu nước tiểu 4.2. Quy trình kỹ thuật đặt thông tiểu dẫn lưu nước tiểu	11	2	8	1
9	Bài 9: Phụ giúp thầy thuốc chọc dịch não tủy, màng bụng, màng phổi, màng tim 1. Mục đích 1.1. Chẩn đoán bệnh 1.2. Điều trị 2. Chọc dò màng tim 2.1. Chuẩn bị người bệnh 2.2. Chuẩn bị dụng cụ 2.3. Tiến hành 2.4. Tai biến và cách chăm sóc 3. Chọc dò màng phổi	12	4	8	

	3.1. Chuẩn bị người bệnh 3.2. Chuẩn bị dụng cụ: 3.3. Tiến hành 3.4. Tai biến và cách chăm sóc 4. Phụ giúp bác sỹ chọc dò màng bụng 4.1. Chuẩn bị người bệnh 4.2. Chuẩn bị dụng cụ 4.3. Tiến hành 4.4. Tai biến và cách chăm sóc 5. Chọc tủy sống 5.1. Chuẩn bị người bệnh 5.2. Chuẩn bị dụng cụ 5.3. Tiến hành 5.4. Tai biến và cách chăm sóc				
10	Bài 10: Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm 1. Mục đích 2. Lấy máu làm xét nghiệm 2.1. Mục đích 2.2. Các loại xét nghiệm máu 2.3. Các phương pháp lấy máu	11	2	8	1

2.4. Những điểm cần lưu ý 2.5. Quy trình kỹ thuật 3. Lấy nước tiểu làm xét nghiệm 3.1. Các loại xét nghiệm nước tiểu 3.2. Cách lấy nước tiểu 3.3. Quy trình kỹ thuật lấy nước tiểu làm xét nghiệm 4. Lấy phân làm xét nghiệm 4.1. Mục đích 4.2. Áp dụng 4.3. Nhận định sơ bộ sự biến đổi màu sắc của phân 4.5. Quy trình kỹ thuật lấy phân làm xét nghiệm 5. Lấy đờm làm xét nghiệm 5.1. Các loại xét nghiệm bệnh phẩm đờm 5.2. Sự thay đổi tính chất đờm 5.3. Một số lưu ý khi lấy bệnh phẩm đờm 5.4. Quy trình kỹ thuật lấy đờm làm xét nghiệm 6. Lấy mủ làm xét nghiệm				
--	--	--	--	--

	Cộng	90	27	60	3
--	-------------	----	----	----	---

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH DI CHUYỂN

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận định được người bệnh, lựa chọn phương tiện vận chuyển phù hợp với các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển.
2. Thực hiện được các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển di chuyển đảm bảo đúng quy trình và an toàn.
3. Rèn luyện được tính ân cần, chu đáo, hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (1)

1. Nguyên tắc chung khi di chuyển người bệnh

2. Trường hợp áp dụng

3. Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển

3.1. Nhận định

3.2. Dụng cụ

4. Các bước thực hiện

4.1. Diu người bệnh ngồi dậy và ra khỏi giường

4.2. Di chuyển người bệnh từ giường sang cáng

4.3. Vận chuyển cáng người bệnh

4.4. Di chuyển người bệnh từ giường sang xe lăn

5. Tư thế người bệnh lúc vận chuyển

5.1. Tổn thương ở đầu

5.2. Tổn thương lồng ngực (do gãy xương sườn)

5.3. Tổn thương ở xương chậu và cột sống

5.4. Tổn thương ổ bụng

5.5. Tổn thương chi dưới

5.6. Tổn thương chi trên

5.7. Bệnh nhân khó thở

5.8. Bệnh nhân xanh tái

BÀI 2: DỰ PHÒNG VÀ CHĂM SÓC LOÉT TỖ ĐÈ CHO NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận định được dấu hiệu các mức độ loét tỳ đè.
2. Sử dụng được thang đo Braden để đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh.
3. Thực hiện chăm sóc loét tỳ đè độ I, II cho người bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.
4. Hướng dẫn được cho người bệnh và gia đình người bệnh các biện pháp dự phòng loét tỳ đè.
5. Rèn luyện được kỹ năng biết quan tâm, chăm sóc, chia sẻ đối với người bệnh và hình thành đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Định nghĩa

2. Các yếu tố nguy cơ gây loét tỳ đè

2.1. Áp lực

2.2. Tình trạng tri giác

2.3. Sự ẩm ướt

2.4. Sự cọ sát, trầy xước

2.5. Dinh dưỡng và chuyển hóa

2.6. Bệnh lý

2.7. Tuổi

2.8. Các yếu tố khác

3. Các mức độ của loét tỳ đè

4. Các vị trí dễ bị loét tỳ đè

4.1. Trường hợp bệnh nhân nằm ngửa

4.2. Trường hợp người bệnh nằm sấp

4.3. Trường hợp người bệnh nằm nghiêng

4.4. Trường hợp người bệnh suy hô hấp phải ngồi kéo dài

4.5. Ở các bệnh nhân béo phì

4.6. Đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh theo thang đo

Braden

6. Các biện pháp dự phòng loét tỳ đè

6.1. Tránh bị tỳ đè

6.2. Vệ sinh da sạch sẽ

6.3. Quản lý chất tiết

6.4. Phòng ngừa tổn thương da**6.5. Dinh dưỡng****6.6. Quản lý ô nhiễm khuẩn****6.7. Giáo dục sức khỏe****7. Chăm sóc loét tỳ đè Độ I, II****7.1. Nhận định****7.2. Dụng cụ****7.3. Các bước thực hiện****BÀI 3: CÁC ĐƯỜNG BĂNG CƠ BẢN VÀ ÁP DỤNG****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc sử dụng băng cuộn.
2. Nêu được 6 đường băng cơ bản và các vị trí áp dụng của mỗi đường băng.
3. Thực hiện được 6 đường băng cơ bản vào các vị trí tổn thương khác nhau trên cơ thể đúng quy trình kỹ thuật.
4. Rèn luyện được tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hỗ trợ hình thành đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng

II. NỘI DUNG BÀI (3)**1. Mục đích****2. Nguyên tắc****3. Các loại băng****3.1. Băng cuộn****3.2. Băng dính**

3.3. Băng tam giác**3.4. Băng dải****4. Các đường băng cơ bản và áp dụng****4.1. Băng vòng****4.2. Băng rắn quấn****4.3. Băng xoáy ốc****4.4. Băng chữ nhân****4.5. Băng số 8****4.6. Băng vòng gấp lại (băng hồi quy)****5. Áp dụng 6 kiểu băng vào các vị trí cơ thể****5.1. Băng ngón tay****5.2. Băng bàn tay****5.3. Băng khuỷu tay****5.4. Băng vú****5.5. Băng vai****5.6. Băng ngực****5.7. Băng đầu****5.8. Băng bàn chân****5.9. Băng gót chân****6. Băng tùy ứng****6.1. Băng đầu****6.2. Băng vai**

6.3. Băng ngực

6.4. Băng khuỷu tay

6.5. Băng bàn tay

6.6. Băng bàn chân

BÀI 4: KỸ THUẬT HỖ TRỢ HÔ HẤP VÀ QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỞ

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận biết được các trường hợp người bệnh cần phải hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng.
2. Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng giúp thở.
3. Thể hiện được thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ hô hấp.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Giới thiệu

2. Hút thông đường hô hấp

2.1. Áp dụng

2.2. Nguyên tắc chung

2.3 Quy trình thực hành kỹ thuật

3. Cho người bệnh thở oxy

3.1. Các dấu hiệu triệu chứng của thiếu oxy

3.2. Nguyên tắc khi tiến hành liệu pháp oxy

3.3. Quy trình thực hành kỹ thuật

4. Kỹ thuật bóp bóng giúp thở

BÀI 5: DINH DƯỠNG BỆNH LÝ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH ĂN UỐNG

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng và nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn, một số chế độ ăn bệnh lý.
2. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về áp dụng các biện pháp hỗ trợ ăn uống.
3. Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh ăn uống đảm bảo đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh.
4. Hướng dẫn được gia đình người bệnh hỗ trợ người bệnh ăn/uống phù hợp với người bệnh và theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
5. Rèn luyện được được tính ân cần, chu đáo, an toàn, chính xác khi thực hiện các kỹ thuật cho người bệnh ăn uống.

II. NỘI DUNG BÀI (4)

1. Dinh dưỡng và nhu cầu dinh dưỡng

1.1. Khái niệm

1.2. Nhu cầu dinh dưỡng của con người

2. Các loại thực phẩm sử dụng ở Việt Nam

2.1. Sữa mẹ

2.2. Thức ăn chủ yếu

2.3. Thực phẩm cung cấp đạm (protid)

2.4. Thực phẩm cung cấp vitamin

2.5. Thực phẩm cung cấp năng lượng

3. Nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh

3.1. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn

3.2. Một số chế độ ăn theo trạng thái bệnh lý

4. Hỗ trợ người bệnh ăn uống

4.1. Hỗ trợ người bệnh ăn uống qua đường miệng

4.2. Cho người bệnh ăn qua ống thông mũi – dạ dày

BÀI 6: HÚT DỊCH DẠ DÀY - TÁ TRÀNG

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của hút dịch dạ dày, tá tràng.
2. Thực hiện được cách tiến hành hút dịch dạ dày, tá tràng đúng quy trình kỹ thuật.
3. Thể hiện được thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật hút dịch dạ dày tá tràng cho người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (4)

1. Mục đích

2. Chỉ định

3. Chống chỉ định

4. Tai biến

5. Quy trình kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị bệnh nhân

5.2. Chuẩn bị dụng cụ

5.3. Các bước tiến hành

BÀI 7: KỸ THUẬT RỬA DẠ DÀY

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích, các trường hợp áp dụng và không áp dụng rửa dạ dày.
2. Thực hiện được cách tiến hành rửa dạ dày đúng quy trình kỹ thuật.
3. Thể hiện được thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật rửa dạ dày cho người bệnh

II. NỘI DUNG BÀI (4)

1. Mục đích

2. Các trường hợp áp dụng

3. Không áp dụng

4. Quy trình kỹ thuật

4.1. Chuẩn bị bệnh nhân

4.2. Chuẩn bị dụng cụ

4.3. Các bước tiến hành

5. Những điều cần lưu ý

BÀI 8: CHĂM SÓC BÀI TIẾT

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về áp dụng các biện pháp chăm sóc bài tiết.

2. Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ bài tiết, thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, thụt tháo: đảm bảo đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh.

3. Hướng dẫn được người bệnh, gia đình sử dụng xô đại tiện, xô tiểu, dẫn lưu nước tiểu phù hợp với nhu cầu bài tiết của người bệnh.

4. Thể hiện được thái độ cẩn thận, chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật dẫn lưu nước tiểu cho người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Giới thiệu

2. Hướng dẫn người bệnh/người nhà sử dụng xô đại tiện, xô tiểu

3. Quy trình thực hành

4. Thông tiểu – dẫn lưu nước tiểu

4.1. Một số lưu ý khi thông tiểu – dẫn lưu nước tiểu

4.2. Quy trình kỹ thuật đặt thông tiểu dẫn lưu nước tiểu

BÀI 9: PHỤ GIÚP THẦY THUỐC CHỌC DỊCH NÃO TỦY, MÀNG BỤNG, MÀNG PHỔI, MÀNG TIM

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích, tai biến, cách phòng và xử trí các tai biến khi chọc dịch.

2. Trình bày được 7 nguyên tắc khi trợ giúp chọc dò.

3. Thực hiện phụ giúp được Bác sĩ chọc dò đúng quy trình kỹ thuật.

4. Thể hiện được thái độ chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dò cho người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Mục đích

1.1. Chẩn đoán bệnh

1.2. Điều trị

2. Chọc dò màng tim

2.1. Chuẩn bị người bệnh

2.2. Chuẩn bị dụng cụ

2.3. Tiến hành

2.4. Tai biến và cách chăm sóc

3. Chọc dò màng phổi

3.1. Chuẩn bị người bệnh

3.2. Chuẩn bị dụng cụ

3.3. Tiến hành

3.4. Tai biến và cách chăm sóc

4. Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng

4.1. Chuẩn bị người bệnh

4.2. Chuẩn bị dụng cụ

4.3. Tiến hành

4.4. Tai biến và cách chăm sóc

5. Chọc tủy sống

5.1. Chuẩn bị người bệnh

5.2. Chuẩn bị dụng cụ

5.3. Tiến hành

5.4. Tai biến và cách chăm sóc

BÀI 10: LẤY BỆNH PHẨM LÀM XÉT NGHIỆM

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích của việc lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.
2. Thực hiện các kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm đúng quy trình và hiệu quả.
3. Thể hiện được thái độ chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật phụ giúp lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm cho người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (1) (3)

1. Mục đích

2. Lấy máu làm xét nghiệm

2.1. Mục đích

2.2. Các loại xét nghiệm máu

2.3. Các phương pháp lấy máu

2.4. Những điểm cần lưu ý

2.5. Quy trình kỹ thuật

3. Lấy nước tiểu làm xét nghiệm

3.1. Các loại xét nghiệm nước tiểu

3.2. Cách lấy nước tiểu

3.3. Quy trình kỹ thuật lấy nước tiểu làm xét nghiệm

4. Lấy phân làm xét nghiệm

4.1. Mục đích

4.2. Áp dụng

4.3. Nhận định sơ bộ sự biến đổi màu sắc của phân

4.5. Quy trình kỹ thuật lấy phân làm xét nghiệm

5. Lấy đờm làm xét nghiệm

5.1. Các loại xét nghiệm bệnh phẩm đờm

5.2. Sự thay đổi tính chất đờm

5.3. Một số lưu ý khi lấy bệnh phẩm đờm

5.4. Quy trình kỹ thuật lấy đờm làm xét nghiệm

6. Lấy mủ làm xét nghiệm

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, bút dạ, giấy A0. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

2. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình và áp dụng vào người bệnh trên lâm sàng.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng.

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia mô đun.

+ Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận, sản phẩm học tập.

2. Kiểm tra định kỳ:

- Kiểm tra định kỳ: 3 bài.

+ Lý thuyết: 1 bài, thời gian 45 phút. Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

+ Thực hành: 2 bài, sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện một quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình điều dưỡng đa năng, thời gian 5 phút/sinh viên.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học Điều dưỡng cơ sở 2 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.
- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập 1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.
3. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
4. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1

Mã môn học: 61143017

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 32 giờ; thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 3 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, dự phòng một số bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp.
2. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong chăm sóc người bệnh nội khoa, truyền nhiễm.
3. Phân tích được các vấn đề cần ưu tiên chăm sóc bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp.
4. Phân tích được sự liên quan giữa môi trường sống với một số bệnh nội khoa và bệnh truyền nhiễm thường gặp.

II. Về kỹ năng

1. Nhận định và xác định được những vấn đề cần ưu tiên chăm sóc trên mỗi người bệnh.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp ở người lớn.
3. Tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình họ.
4. Hướng dẫn người bệnh và gia đình phát huy những thói quen có lợi, loại bỏ những thói quen không có lợi cho sức khỏe trong quá trình chăm sóc.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn, khéo léo, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
3. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

1	Chương 1: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ hô hấp 1. Những triệu chứng cơ năng thường gặp của hệ hô hấp 2. Những triệu chứng thực thể thường gặp của hệ hô hấp. 3. Chăm sóc một số bệnh thường gặp 3.1. CSNB hen phế quản 3.2. CSNB viêm phổi 3.4. CSNB bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	4	2	2	
2	Chương 2: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ tim mạch 1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tim mạch 2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp 2.1. CSBN tăng huyết áp 2.2. CSBN suy tim 2.3. CSBN đau thắt ngực 2.4. CSBN tai biến mạch máu não	6	4	2	

3	Chương 3: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ tiêu hóa 1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiêu hóa 2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp 2.1. CSBN loét dạ dày- tá tràng 2.2. CSBN xuất huyết tiêu hóa 2.3. CSBN xơ gan	5	4		1
4	Chương 4: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ tiết niệu 1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiết niệu 2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp 2.1. CSBN suy thận mạn	2	2		
5	Chương 5: Một số bệnh thường gặp của hệ nội tiết 1. Đái tháo đường 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng	5	2	2	1

	1.4. Biến chứng 1.5. Điều trị 1.6. Chăm sóc 2. Bệnh lý tuyến giáp 2.1. CSNB Basedow 2.2. CSNB suy giáp				
6	Chương 6: Một số bệnh thường gặp của hệ cơ, xương, khớp 1. CSNB viêm khớp dạng thấp 2. CSNB bệnh Gout	2	2		
7	Chương 7: Đại cương bệnh truyền nhiễm 1. Các khái niệm 1.1. Bệnh truyền nhiễm 1.2. Hiện tượng nhiễm khuẩn 1.3. Bệnh sơ nhiễm 1.4. Bệnh tái nhiễm 1.5. Bệnh tái phát 1.6. Bội nhiễm 2. Tính chất của bệnh truyền nhiễm 2.1. Tính đặc hiệu	2	2		

	2.2. Tính lây truyền 2.3. Tính chu kỳ 2.4. Tính sinh miễn dịch đặc hiệu 3. Phân loại truyền nhiễm 3.1. Bệnh lây truyền theo đường tiêu hoá 3.2. Bệnh lây truyền theo đường hô hấp 3.3. Bệnh lây truyền theo đường da và niêm mạc 3.4. Bệnh lây truyền theo đường máu				
8	Chương 8: Hội chứng tiêu chảy cấp, chăm sóc người bệnh bị tiêu chảy 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ 3. Tác nhân gây bệnh 4. Sinh bệnh học của tiêu chảy 5. Tiêu chảy có khả năng gây thành vụ dịch do các nguyên nhân 6. Chăm sóc người bệnh tả 7. Chăm sóc người bệnh lỵ	3	2		1

9	Chương 9: Chăm sóc người bệnh cúm 1. Định nghĩa 2. Mầm bệnh 3. Bệnh cúm A thông thường 4. Bệnh cúm A(H1N1) 5. Bệnh cúm A(H5N1) 6. Chăm sóc	2	2		
10	Chương 10: Chăm sóc người bệnh thuỷ đậu 1. Định nghĩa 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ học 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Biến chứng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh 10. Chăm sóc	2	2		

11	Chương 11: Một số bệnh truyền nhiễm liên quan đến chương trình TCMR 1. Bệnh Bại liệt polio 2. Bệnh Uốn ván 3. Bệnh Sởi 4. Bệnh Bạch hầu 5. Bệnh Ho gà 6. Bệnh Lao 7. Bệnh Viêm gan B 8. Bệnh Viêm phổi và Viêm màng não do Hib 9. Bệnh Viêm não Nhật Bản	5	2	2	1
12	Chương 12: Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue 1. Định nghĩa 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ 4. Diễn biến lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	3	2	1	

	8. Chăm sóc				
13	Chương 13: Chăm sóc người bệnh Nhiễm HIV/AIDS 1. Định nghĩa 2. Căn nguyên 3. Các đường lây truyền 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Điều trị 7. Các biện pháp phòng chống 8. Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS	2	2		
14	Chương 14: Chăm sóc người bệnh sốt rét 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh 3. Dịch tễ học 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Xét nghiệm 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	2		

	9. Chăm sóc bệnh nhân sốt rét				
	Cộng	45	32	10	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ HÔ HẤP

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các triệu chứng cơ năng và triệu chứng thực thể thường gặp của bệnh lý hệ hô hấp.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân hen phế quản, viêm phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD).
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Những triệu chứng cơ năng thường gặp của hệ hô hấp
2. Những triệu chứng thực thể thường gặp của hệ hô hấp
3. Chăm sóc một số bệnh thường gặp
 - 3.1. CSNB hen phế quản
 - 3.2. CSNB viêm phổi
 - 3.4. CSNB bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)

CHƯƠNG 2: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ TIM MẠCH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh lý hệ tim mạch.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp, suy tim, đau thắt ngực.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tim mạch

2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp

2.1. CSBN tăng huyết áp

2.2. CSBN suy tim

2.3. CSBN đau thắt ngực

CHƯƠNG 3: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ TIÊU HÓA

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh lý hệ tiêu hóa.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày- tá tràng, xuất huyết tiêu hóa, xơ gan.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)

1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiêu hóa

2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp

2.1. CSBN loét dạ dày- tá tràng

2.2. CSBN xuất huyết tiêu hóa

2.3. CSBN xơ gan

CHƯƠNG 4: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ TIẾT NIỆU

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh lý hệ tiết niệu.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy thận mạn.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiết niệu

2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp

2.1. CSBN suy thận mạn

CHƯƠNG 5: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ NỘI TIẾT

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh đái tháo đường, bệnh Basedow, bệnh suy giáp.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường, bệnh Basedow, bệnh suy giáp.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)

1. Đái tháo đường

1.1. Định nghĩa

1.2. Nguyên nhân

1.3. Triệu chứng

1.4. Biến chứng

1.5. Điều trị

1.6. Chăm sóc

2. Bệnh lý tuyến giáp

2.1. CSNB Basedow

2.2. CSNB suy giáp

CHƯƠNG 6: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ CƠ, XƯƠNG, KHỚP

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh viêm khớp dạng thấp, bệnh Gout.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp, bệnh Gout.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6)

1. CSNB viêm khớp dạng thấp

2. CSNB bệnh Gout

CHƯƠNG 7: ĐẠI CƯƠNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm, tính chất của bệnh truyền nhiễm và phân loại truyền nhiễm.

2. Nâng cao nhận thức, tôn trọng các phong tục, tập quán và các yếu tố văn hoá của cá nhân và cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (7)

1. Các khái niệm

1.1. Bệnh truyền nhiễm

1.2. Hiện tượng nhiễm khuẩn

1.3. Bệnh sơ nhiễm

1.4. Bệnh tái nhiễm

1.5. Bệnh tái phát

1.6. Bội nhiễm

2. Tính chất của bệnh truyền nhiễm

2.1. Tính đặc hiệu

2.2. Tính lây truyền

2.3. Tính chu kỳ**2.4. Tính sinh miễn dịch đặc hiệu****3. Phân loại truyền nhiễm****3.1. Bệnh lây truyền theo đường tiêu hoá****3.2. Bệnh lây truyền theo đường hô hấp****3.3. Bệnh lây truyền theo đường da và niêm mạc****3.4. Bệnh lây truyền theo đường máu**

CHƯƠNG 8: HỘI CHỨNG TIÊU CHẢY CẤP, CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH BỊ TIÊU CHẢY

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa tiêu chảy cấp, dịch tễ học, tác nhân gây bệnh và triệu chứng lâm sàng của bệnh tiêu chảy, bệnh tả, lỵ.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh tả, lỵ.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (8)**1. Định nghĩa****2. Dịch tễ****3. Tác nhân gây bệnh****4. Sinh bệnh học của tiêu chảy****5. Tiêu chảy có khả năng gây thành vụ dịch do các nguyên nhân****6. Chăm sóc người bệnh tả**

7. Chăm sóc người bệnh lỵ**CHƯƠNG 9: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CÚM****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và phòng bệnh bệnh cúm, cúm A(H1N1), cúm A (H5N1).
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cúm.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (9)**1. Định nghĩa****2. Mầm bệnh****3. Bệnh cúm A thông thường****4. Bệnh cúm A(H1N1)****5. Bệnh cúm A(H5N1)****6. Chăm sóc****CHƯƠNG 10: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THỦY ĐẬU****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và phòng bệnh thủy đậu.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thủy đậu.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (10)

1. Định nghĩa

2. Mầm bệnh

3. Dịch tễ học

4. Triệu chứng lâm sàng

5. Cận lâm sàng

6. Biến chứng

7. Chẩn đoán

8. Điều trị

9. Phòng bệnh

10. Chăm sóc

CHƯƠNG 11: MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH TCMR

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và phòng bệnh truyền nhiễm liên quan đến chương trình TCMR.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm liên quan đến chương trình TCMR.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (11)

- 1. Bệnh bại liệt polio**
- 2. Bệnh uốn ván**
- 3. Bệnh sởi**
- 4. Bệnh bạch hầu**
- 5. Bệnh ho gà**
- 6. Bệnh lao**
- 7. Bệnh viêm gan B**
- 8. Bệnh viêm phổi và viêm màng não do Hib**
- 9. Bệnh viêm não Nhật Bản**

CHƯƠNG 12: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được bệnh học, dịch tễ học, phương pháp điều trị và dự phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (12)

- 1. Định nghĩa**
- 2. Mầm bệnh**
- 3. Dịch tễ**

4. Diễn biến lâm sàng

5. Chẩn đoán

6. Điều trị

7. Phòng bệnh

8. Chăm sóc

CHƯƠNG 13: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NHIỄM HIV/AIDS

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được tác nhân gây bệnh, đường lây, triệu chứng lâm sàng, các xét nghiệm CLS giúp chẩn đoán bệnh và biện pháp phòng lây nhiễm HIV/AIDS.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân AIDS.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (13)

1. Định nghĩa

2. Căn nguyên

3. Các đường lây truyền

4. Lâm sàng

5. Cận lâm sàng

6. Điều trị

7. Các biện pháp phòng chống

8. Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS

CHƯƠNG 14: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỐT RÉT

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh, yếu tố dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, thuốc điều trị và biện pháp phòng chống sốt rét tại cộng đồng.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân sốt rét.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (14)

- 1. Đại cương**
- 2. Nguyên nhân gây bệnh**
- 3. Dịch tễ học**
- 4. Triệu chứng lâm sàng**
- 5. Xét nghiệm**
- 6. Chẩn đoán**
- 7. Điều trị**
- 8. Phòng bệnh**
- 9. Chăm sóc bệnh nhân sốt rét**

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thành thạo các kiến thức về bệnh học để lập và thực hiện được các kế hoạch chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế, tại cộng đồng.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kỳ: 3 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

IV. Tài liệu tham khảo

1. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 89-122 p.
2. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 7-53p.
3. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 145-76 p.
4. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 200-11 p.
5. TS.Lê Văn An. Điều dưỡng nội (Tập 1). Hà Nội: NXB Y học; 2008. 183-95 p.
6. Ths Nguyễn Ngọc Huyền. Giáo trình điều dưỡng nội khoa. Thái Nguyên: NXB Đại học Thái Nguyên; 2019. 178-85 p.
7. BS. Nguyễn Thị Nga. Giáo trình điều dưỡng bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2005.
8. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Y học; 2016. p. 73-8.
9. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Y học; 2016. p. 49-54.
10. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Y học; 2016. p. 22-5.

11. Bộ môn Truyền nhiễm. Giáo trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm. Ninh Bình: Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình; 2019.

12. Bộ Y tế. Quyết định số 3705/QĐ-BYT ngày 22/8/2019 về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt xuất huyết Dengue. Bộ Y tế 2019.

13. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS. Hà Nội: NXB Y học; 2019.

14. Bộ Y tế. Quyết định số 3377/QĐ ngày 30/8/2023 về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Sốt rét. Hà Nội: NXB Y học; 2023.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2**Mã môn học:** 61143071**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 32 giờ; thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 3 giờ)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Về kiến thức**

1. Trình bày được đặc điểm tâm sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
2. Trình bày các khái niệm cơ bản Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng; mức độ khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật thường gặp.
3. Trình bày được những lý luận của các học thuyết của y học cổ truyền ứng dụng vào chế biến và hướng dẫn sử dụng thuốc.
4. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp trong y học cổ truyền.

II. Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
2. Thực hiện được một số kỹ thuật Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng thông thường cho người bệnh.
3. Thực hiện GDSK người bệnh và người nhà bệnh nhân để phối hợp thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng tại cơ sở y tế và tại nhà.
4. Hướng dẫn được cho người dân sử dụng thuốc y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá.
2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
3. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra

				thảo luận, bài tập	
1	Chương 1: Đặc điểm tâm sinh lý người cao tuổi 1. Đại cương 2. Các thay đổi sinh lý 3. Các thay đổi tâm lý	1	1		
2	Chương 2: Nguyên nhân triệu chứng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi 1. Hệ tim mạch 2. Gãy xương và sai khớp 3. Bệnh hô hấp 4. Bệnh tiêu hóa, tiết niệu 5. Bệnh hệ thần kinh trung ương	8	4	3	1
3	Chương 3: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng 1. Quan niệm sức khỏe 2. Một số lưu ý khi chăm sóc người lớn tuổi 3. Vai trò người điều dưỡng khi chăm sóc người lớn tuổi	1	1		

4	Chương 4: Đại cương về phục hồi chức năng và cách phòng ngừa tàn tật 1. Định nghĩa về phục hồi chức năng 2. Mục đích của phục hồi chức năng 3. Phạm vi của phục hồi chức năng 4. Nguyên tắc của phục hồi chức năng 5. Quá trình gây bệnh 6. Quá trình tàn tật 7. Hậu quả của tàn tật 8. Nguyên nhân và cách phân loại tàn tật 9. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật	1	1		
5	Chương 5: Vai trò của người Điều dưỡng trong phục hồi chức năng 1. Định nghĩa và chức năng của nhóm phục hồi	1	1		

	2. Vai trò của điều dưỡng viên trong phục hồi chức năng 3. Quá trình hình thành ngành phục hồi chức năng				
6	Chương 6: Các phương pháp vật lý trị liệu thường dùng 1. Vận động trị liệu 2. Hoạt động trị liệu 3. Xoa bóp trị liệu 4. Kéo nắn trị liệu 5. Nhiệt trị liệu 6. Ánh sáng trị liệu 7. Điện trị liệu	3	3		
7	Chương 7: Phục hồi chức năng cho người bệnh sau tai biến, sau chấn thương 1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và hậu quả của liệt nửa người 2. Chăm sóc PHCN cho người bệnh liệt nửa người 3. Các bài tập giai đoạn đầu 4. PHCN giai đoạn tiếp theo	5	2	2	1

	5. PHCN sinh hoạt 6. PHCN tiếng 7. PHCN tâm lý, tâm thần 8. Tái hòa nhập xã hội và hướng nghiệp				
8	Chương 8: Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau phẫu thuật 1. Đại cương 2. Chăm sóc PHCN sau phẫu thuật lồng ngực 3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng 4. Các bài tập cơ bản	4	2	2	
9	Chương 9: Phục hồi chức năng cho người bệnh bại não, động kinh 1. Phục hồi chức năng cho NB bại não 2. Phục hồi chức năng cho NB động kinh	4	2	2	
10	Chương 10: Phục hồi chức năng cho người bệnh bị bệnh hô hấp 1. Đại cương	2	2		

	2. Các kỹ thuật VLTL-PHCN hô hấp 3. Nhiệm vụ của người Điều dưỡng viên, Hộ sinh				
11	Chương 11: Các học thuyết cơ bản về YHCT. 1. Học thuyết âm dương 2. Học thuyết ngũ hành 3. Học thuyết tạng tượng	3	3		
12	Chương 12: Khái quát về bệnh chứng và trị liệu theo YHCT 1. Nguyên nhân gây bệnh theo YHCT 2. Phương pháp chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền 3. Phương pháp chữa bệnh theo y học cổ truyền	9	7	1	1
13	Chương 13: Một số bệnh và chứng bệnh thường gặp 1. Cảm mạo (Ngoại cảm phong hàn – Ngoại cảm phong nhiệt) 2. Liệt 1/2 người (bán thân bất toạ)	3	3		

	3. Đau lưng (Yêu thống)				
	Cộng	45	32	10	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ NGƯỜI CAO TUỔI

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm người cao tuổi.
2. Trình bày được các thay đổi sinh lý, tâm lý ở người cao tuổi.
3. Nhận thức được vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

2. Các thay đổi sinh lý

2.1. Bộ máy tiêu hóa

2.2. Hệ tuần hoàn

2.3. Hệ cơ, xương

2.4. Bộ não

2.5. Hệ miễn dịch

3. Các thay đổi tâm lý

CHƯƠNG 2: NGUYÊN NHÂN TRIỆU CHỨNG MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở NGƯỜI CAO TUỔI

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)

1. Hệ tim mạch

2. Gãy xương và sai khớp

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

3. Bệnh hô hấp

3.1. Các bệnh hô hấp thường gặp

3.2. Triệu chứng

4. Bệnh tiêu hóa, tiết niệu

4.1. Bệnh tiêu hóa

4.2. Bệnh tiêu niệu - sinh dục

5. Bệnh hệ thần kinh trung ương

5.1. Bệnh Parkinson

5.2. Bệnh Alzheimer

CHƯƠNG 3: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các vấn đề cần lưu ý khi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
2. Trình bày được vai trò người điều dưỡng khi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)

1. Quan niệm sức khỏe

2. Một số lưu ý khi chăm sóc người lớn tuổi

2.1. Chăm sóc người bệnh nằm liệt giường

2.2. Chăm sóc khoang miệng

2.3. Chăm sóc nơi ở, buồng bệnh

2.4. Chăm sóc tâm lý

2.5. Một số vấn đề chăm sóc khác

3. Vai trò người điều dưỡng khi chăm sóc người lớn tuổi

CHƯƠNG 4: ĐẠI CƯƠNG VỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG VÀ CÁCH PHÒNG NGỪA TÀN TẬT

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa hình thức, phạm vi và nguyên tắc của phục hồi chức năng.

3. Phân biệt được khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật.

4. Thực hiện được các biện pháp phòng ngừa tàn tật.

5. Nhận thức được các vấn đề của người khuyết tật trong gia đình và xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Định nghĩa về phục hồi chức năng

2. Mục đích của phục hồi chức năng

3. Phạm vi của phục hồi chức năng

4. Nguyên tắc của phục hồi chức năng

5. Quá trình gây bệnh

6. Quá trình tàn tật

7. Hậu quả của tàn tật

7.1. Đối với bản thân người tàn tật

7.2. Đối với gia đình và xã hội

8. Nguyên nhân và cách phân loại tàn tật

8.1. Nguyên nhân gây tàn tật

8.2. Phân loại tàn tật

9. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật

9.1. Phòng ngừa bước 1

9.2. Phòng ngừa bước 2

9.3. Phòng ngừa bước 3

CHƯƠNG 5: VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐIỀU DƯỠNG TRONG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, chức năng của nhóm phục hồi.
2. Thực hiện được chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch điều dưỡng và nêu lên các kết quả mong đợi.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Định nghĩa và chức năng của nhóm phục hồi

1.1. Định nghĩa

1.2. Chức năng của các thành viên trong nhóm phục hồi

2. Vai trò của điều dưỡng viên trong phục hồi chức năng

2.1. Chức năng phát hiện

2.2. Chức năng phối hợp

3. Quá trình hình thành ngành phục hồi chức năng

3.1. Các bước phát triển cơ bản của y học

3.2. Nguyên tắc cơ bản của phục hồi chức năng

CHƯƠNG 6: CÁC PHƯƠNG PHÁP VẬT LÝ TRỊ LIỆU THƯỜNG DÙNG

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, tác dụng sinh học, chỉ định và chống chỉ định của các phương pháp vật lý trị liệu – phục hồi chức năng thường dùng.
2. Thực hiện được các bài tập vận động đơn giản.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Vận động trị liệu

1.1. Định nghĩa

1.2. Mục đích

1.3. Tác dụng sinh học

1.4. Phân loại vận động

2. Hoạt động trị liệu

2.1. Định nghĩa

2.2. Mục đích

2.3. Nguyên tắc điều trị

2.4. Các hoạt động

3. Xoa bóp trị liệu

3.1. Định nghĩa

3.2. Hiệu quả sinh lý

3.3. Kỹ thuật xoa bóp

3.4. Chỉ định

3.5. Chống chỉ định

4. Kéo nắn trị liệu

4.1. Định nghĩa**4.2. Nguyên nhân tắc nghẽn khớp****4.3. Triệu chứng và hậu quả của tắc nghẽn khớp****4.4. Nguyên tắc kéo nắn****5. Nhiệt trị liệu****5.1. Chườm nóng****5.2. Chườm lạnh****6. Ánh sáng trị liệu****6.1. Tử ngoại trị liệu****6.2. Hồng ngoại trị liệu****7. Điện trị liệu****CHƯƠNG 7: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BỆNH SAU TAI
BIẾN, SAU CHẤN THƯƠNG****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, hậu quả của liệt nửa người.
2. Áp dụng được các kỹ năng chăm sóc và phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người theo các giai đoạn.
3. Hướng dẫn tư vấn người bệnh cách thức chăm sóc, tập luyện để hạn chế các thương tật thứ cấp ở bệnh nhân liệt nửa người.
4. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và hậu quả của liệt nửa người

1.1. Định nghĩa

1.2. Nguyên nhân

1.3. Triệu chứng

1.4. Hậu quả của liệt nửa người

2. PHCN cho người liệt nửa người

2.1. Nguyên tắc

2.2. Bố trí giường và các tư thế nằm đúng (giai đoạn liệt mềm)

3. Các bài tập giai đoạn đầu

4. PHCN giai đoạn tiếp theo

5. PHCN sinh hoạt

6. PHCN tiếng

7. PHCN tâm lý, tâm thần

8. Tái hòa nhập xã hội và hướng nghiệp

CHƯƠNG 8: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BỆNH TRƯỚC VÀ SAU PHẪU THUẬT

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích và phương pháp phục hồi chức năng cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật lồng ngực và phẫu thuật ổ bụng.

2. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cho bệnh nhân sau phẫu thuật lồng ngực và ổ bụng.

3. Hướng dẫn bệnh nhân tự tập và người nhà tập vận động cho bệnh nhân sau phẫu thuật lồng ngực và ổ bụng.

4. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Đại cương

2. Chăm sóc PHCN sau phẫu thuật lồng ngực

2.1. Mục đích PHCN

2.2. PHCN trước phẫu thuật lồng ngực

2.3. PHCN sau phẫu thuật

3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng

3.1. Mục đích PHCN

3.2. PHCN trước phẫu thuật

3.3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng

4. Các bài tập cơ bản

CHƯƠNG 9: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BẠI NÃO, ĐỘNG KINH

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm cơ bản, các kỹ thuật phục hồi chức năng đơn giản cho bệnh nhân bại não.

2. Hướng dẫn được gia đình và cộng đồng giúp đỡ người bại não để họ có cơ hội hòa nhập xã hội.

3. Trình bày được nguyên nhân, cơ động kinh điển hình và cách xử trí các dạng động kinh thường gặp.

4. Hướng dẫn người động kinh, gia đình, cộng đồng các biện pháp an toàn.

5. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện sớm trẻ bại não, động kinh trong việc công tác điều trị và phục hồi chức năng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Phục hồi chức năng cho NB bại não

1.1. Định nghĩa

1.2. Nguyên nhân gây bại não

1.3. Một số dấu hiệu nhận biết sớm bại não

1.4. Phân loại

1.5. Phục hồi chức năng

2. Phục hồi chức năng cho NB động kinh

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Các dạng động kinh thường gặp

2.4. Các biện pháp xử trí

2.5. Các biện pháp phục hồi chức năng

CHƯƠNG 10: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BỊ BỆNH HÔ HẤP

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các kỹ thuật phục hồi chức năng các bệnh hô hấp.

2. Thực hiện và hướng dẫn được cho bệnh nhân các kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Đại cương

2. Các kỹ thuật VLTL-PHCN hô hấp

2.1. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế

2.2. Kỹ thuật vỗ lồng ngực

2.3. Kỹ thuật rung

2.4. Kỹ thuật ho và khạc đờm có hiệu quả

2.5. Kỹ thuật tập thở

2.6. Kỹ thuật thư giãn

3. Nhiệm vụ của người Điều dưỡng viên, Hộ sinh

CHƯƠNG 11: CÁC HỌC THUYẾT CƠ BẢN VỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung quy luật của các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền.

2. Vận dụng các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền vào nhận định bệnh, phòng bệnh và bào chế dược liệu.

3. Nhận thức được sự cần thiết của lý luận y học cổ truyền trong y học hiện nay.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)

1. Học thuyết Âm dương

1.1. Định nghĩa

1.2. Nội dung của học thuyết

1.3. Ứng dụng của học thuyết Âm dương trong y học

2. Học thuyết Ngũ hành

2.1. Định nghĩa

2.2. Nội dung của học thuyết

2.3. Ứng dụng của học thuyết Ngũ hành trong y học

3. Học thuyết Tạng tượng

3.1. Định nghĩa

3.2. Nội dung của học thuyết

3.3. Ứng dụng của học thuyết Tạng tượng trong y học

CHƯƠNG 12: KHÁI QUÁT VỀ BỆNH CHỨNG VÀ TRỊ LIỆU THEO Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền.
2. Trình bày được các nội dung của khám y học cổ truyền: Vọng, Văn, Vấn, Thiết.

3. Trình bày được chỉ định và chống chỉ định của các nhóm thuốc y học cổ truyền thường dùng.

4. Trình bày được định nghĩa châm – cứu, nhận biết được chỉ định, chống chỉ định, tai biến và cách xử trí của châm – cứu.

5. Trình bày được các thủ thuật xoa bóp, vận dụng và phối hợp được các động tác xoa bóp trên một số vùng cơ thể.

6. Thực hiện được chẩn đoán sơ bộ một số bệnh thường gặp.

7. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)

1. Nguyên nhân gây bệnh

1.1. Ngoại nhân

1.2. Nội nhân

1.3. Bất nội ngoại nhân

2. Phương pháp chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền

2.1. Tứ chẩn

2.2. Bát cương

2.3. Bát pháp

3. Phương pháp chữa bệnh theo y học cổ truyền

3.1. Phương pháp điều trị dùng thuốc

3.1.1. Thuốc giải biểu

3.1.2. Thuốc thanh nhiệt

3.1.3. Thuốc hành khí - hoạt huyết

3.1.4. Thuốc lợi tiểu - trừ hàn

3.1.5. Thuốc an thần - ho, long đờm - nhuận trường

3.1.6. Thuốc bổ

3.2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc

3.2.1. Huyệ đạo, đường kinh lạc, tác dụng của các huyệt đạo – sự phối hợp của các huyệt đạo

3.2.2. Châm – cứu

3.2.3. Xoa bóp

CHƯƠNG 13: MỘT SỐ BỆNH VÀ CHỨNG BỆNH THƯỜNG GẶP

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, cách nhận biết, hướng giải quyết theo y học cổ truyền và cách phòng ngừa, chăm sóc các bệnh Cảm cúm, Liệt ½ người, Đau lưng theo y học cổ truyền.

2. Thực hiện chẩn đoán sơ bộ và điều trị một số bệnh thường gặp theo y học cổ truyền.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)

1. Cảm mạo

1.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

1.2. Các thể lâm sàng và điều trị

1.3. Phòng bệnh

2. Liệt ½ người**2.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh****2.2. Các thể lâm sàng và điều trị****2.3. Phòng bệnh****3. Đau lưng****3.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh****3.2. Các thể lâm sàng và điều trị****3.3. Phòng bệnh****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng**

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi, người bệnh khó khăn về vận động.

- Hướng dẫn được cho người dân sử dụng thuốc y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kỳ: 3 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian: 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Có kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn.
- Thực hiện được các trường hợp chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi, người bệnh khó khăn về vận động.
- Hướng dẫn được cho người dân sử dụng thuốc y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh.
- Thực hiện được việc giao tiếp, tư vấn sức khỏe qua tình huống cho sẵn và trên lâm sàng hướng tới sự hài lòng của người bệnh/người nhà.

IV. Tài liệu tham khảo

1. ThS. Lê Văn Duy. Giáo trình Điều dưỡng người cao tuổi. Hà Nội: Trường Đại học Đại Nam; 2021.
2. TS Lê Văn An, TS Nguyễn Thị Kim Hoa. Điều dưỡng nội. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2008.
3. PGS.TS. Cao Minh Châu. Phục hồi chức năng. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2009.
4. Bộ Y tế. Quyết định 3109/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên ngành Phục hồi chức năng". Hà Nội 2014.
5. Khoa Y học cổ truyền tĐhYHN. Bài giảng Y học cổ truyền. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2005.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa

Mã môn học: 61143072

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận, bài tập: 12 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí:

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

II. Tính chất:

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

2. Trình bày được cách xử trí và chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

II. Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người mắc bệnh ngoại khoa thường gặp

2. Vận dụng kỹ năng giao tiếp để giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của môn học.

2. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

3. Có khả năng tự học, tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương điều dưỡng ngoại khoa 1. Đại cương 2. Vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa 2.1. Tiếp đón người bệnh 2.2. Chuẩn bị người bệnh trước mổ 2.3. Theo dõi và chăm sóc người bệnh sau mổ	2	2	0	

	2.4. Chuẩn bị cho người bệnh xuất viện 3. Những yêu cầu đối với điều dưỡng ngoại khoa				
2	Chương 2: Phòng mổ và những vấn đề liên quan đến người Điều dưỡng 1. Giới thiệu phòng mổ 2. Sự an toàn cần thiết trong phòng mổ 3. Những vấn đề cơ bản khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa 4. Nhiệm vụ, mục tiêu của điều dưỡng ngoại khoa 5. Vết thương và chăm sóc vết thương 6. Chức năng của điều dưỡng phòng mổ 7. Các kỹ thuật cần thực hiện trước khi mổ	2	1	1	
3	Chương 3: Chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật 1. Đối với người bệnh mổ cấp cứu 1.1. Nhận người bệnh: 1.2. Trình bác sĩ khám bệnh:	2	2	0	

	1.3. Thực hiện y lệnh cấp cứu: (nếu có chỉ định) 1.4. Theo dõi chăm sóc người bệnh: 1.5. Tư vấn cho người bệnh và người nhà 1.6. Lập thủ tục mổ cấp cứu 1.7. Chuyển người bệnh lên phòng mổ 2. Đối với người bệnh mổ chương trình 2.1. Chăm sóc tinh thần cho người bệnh: 2.2. Làm các xét nghiệm cơ bản 2.3. Làm các xét nghiệm chức năng 2.4. Nhận định tình trạng lâm sàng 2.5. Nâng cao thể trạng trước mổ 2.6. Điều chỉnh các rối loạn 2.7. Chuẩn bị ngày trước mổ 2.8. Chuẩn bị ngày đi mổ 2.9. Chuyển người bệnh lên phòng mổ				
4	Chương 4: Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng ngoại khoa 1. Đại cương	2	1	1	

	2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi 3. Triệu chứng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Điều trị 6. Chăm sóc 7. Biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa trong bệnh viện				
	Kiểm tra định kỳ	1	0	0	1
5	Chương 5: Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa cấp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân. 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Các biến chứng của viêm ruột thừa. 4. Chẩn đoán phân biệt. 5. Điều trị. 6. Chăm sóc	2	2	0	
6	Chương 6: Chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng	2	1	1	

	4. Chẩn đoán. 5. Chăm sóc				
7	Chương 7: Chăm sóc người bệnh thủng dạ dày 1. Những đặc điểm cơ bản về bệnh học 2. Xử trí 3. Chăm sóc	2	2	0	
8	Chương 8: Chăm sóc người bệnh sỏi mật 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh 3. Tổn thương giải phẫu bệnh 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Diễn biến 6. Điều trị 7. Chăm sóc	2	1	1	
9	Chương 9: Chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo 1. Các loại hậu môn nhân tạo 2. Biến chứng 3. Chăm sóc sau mổ	1	1	0	

	4. Giáo dục sức khỏe				
10	Chương 10: Chăm sóc người bệnh trĩ 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Phân loại 4. Triệu chứng 5. Hướng điều trị 6. Chăm sóc bệnh nhân phẫu thuật trĩ	1	1	0	
11	Chương 11: Chăm sóc người bệnh tắc ruột 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Tắc ruột cơ học 2.2. Tắc ruột cơ năng 3. Triệu chứng 3.1. Cơ năng 3.2. Thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Chẩn đoán.	2	1	1	

	5. Điều trị. 5.1. Điều trị nội khoa 5. 2. Phẫu thuật 6. Chăm sóc người bệnh tắc ruột 2.6.1. Nhận định 2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng 6.2.3. Lập kế hoạch chăm sóc 2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 2.6.5. Đánh giá chăm sóc				
12	Chương 12: Chăm sóc người bệnh đình, nhọt, áp xe, chín mé 1. Áp xe 2. Triệu chứng 3. Chăm sóc bệnh nhân áp xe. 4. Đại cương về đình nhọt. 5. Triệu chứng 6. Điều trị 7. Chăm sóc	2	2	0	
13	Chương 13: Chăm sóc người bệnh sỏi đường tiết niệu 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng	2	1	1	

	3. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Biến chứng 6. Điều trị 7. Chăm sóc				
14	Chương 14: Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Tiến triển và biến chứng 5. Điều trị 6. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn	2	2	0	
15	Chương 15: Chăm sóc người bệnh phì đại tuyến tiền liệt 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Chăm sóc	2	2	0	
16	Chương 16: Chăm sóc NB chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo 1. Chấn thương thận.	2	1	1	0

	1.1. Đại cương 1.2. Triệu chứng lâm sàng 2. Chấn thương bàng quang 2.1. Nguyên nhân 2.2. Tổn thương giải phẫu 2.3. Triệu chứng lâm sàng 3. Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, bàng quang 4. Chấn thương niệu đạo 4.1. Đại cương 4.2. Triệu chứng lâm sàng 4.3. Diễn biến 4.4. Xử trí ở tuyến cơ sở 5. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo 5.1. Nhận định 5.2. Lập kế hoạch chăm sóc 5.3. Thực hiện kế hoạch 5.4. Đánh giá				
	Kiểm tra định kỳ	1	0	0	1
17	Chương 17: Chăm sóc người bệnh chấn thương ngực	2	1	1	

	1. Đại cương 2. Nguyên nhân và phân loại 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng hô hấp bình thường 4. Triệu chứng 5. Biến chứng 6. Xử trí cấp cứu 7. Chăm sóc				
18	Chương 18: Chăm sóc người bệnh bong gân 1. Định nghĩa 2. Giải phẫu bệnh và phân loại 3. Sinh lý bệnh 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Triệu trứng cận lâm sàng 6. Di chứng 7. Điều trị 8. Chăm sóc	2	1	1	
19	Chương 19: Chăm sóc người bệnh gãy xương 1. Phân loại gãy xương 2. Biến chứng của gãy xương	2	1	1	

	3. Mục đích cấp cứu bệnh nhân gãy xương 4. Chăm sóc				
20	Chương 20: Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ 1. Chỉ định và mục đích bó bột 2. Các tai biến và nhược điểm do bó bột 3. Chăm sóc bệnh nhân bó bột 4. Mục đích kéo tạ 5. Các biến chứng của kéo tạ 6. Chăm sóc bệnh nhân kéo tạ	2	1	1	
21	Chương 21: Chăm sóc người bệnh bỏng 1. Đại cương 2. Phân loại bỏng 3. Các giai đoạn của bỏng 4. Xử trí 5. Chăm sóc người bệnh bỏng	2	1	1	
22	Chương 22: Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não, cột sống 1. Đại cương về chấn thương sọ não	2	2	0	

	2. Chấn thương cột sống 3. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não				
	Kiểm tra định kỳ	1	0	0	1
	Cộng	45	30	12	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu vị trí và mối quan hệ của mô đun trong chương trình đào tạo
2. Trình bày được vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa
3. Trình bày được những yêu cầu đối với người điều dưỡng ngoại khoa.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

2. Vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa

2.1. Tiếp đón người bệnh

2.2. Chuẩn bị người bệnh trước mổ

2.3. Theo dõi và chăm sóc người bệnh sau mổ

2.4. Chuẩn bị cho người bệnh xuất viện

3. Những yêu cầu đối với điều dưỡng ngoại khoa.

CHƯƠNG 2: PHÒNG MỔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được vị trí, cấu trúc phòng mổ.
2. Trình bày được những vấn đề cơ bản khi chăm sóc ngoại khoa.
3. Trình bày được nhiệm vụ, mục tiêu của điều dưỡng trong chăm sóc ngoại khoa.
4. Nêu được các quá trình diễn biến của một vết thương.
5. Trình bày được các chức năng của điều dưỡng phòng mổ.
6. Trình bày được các kỹ thuật cần thiết phải thực hiện trước khi mổ.
7. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

- 1. Giới thiệu phòng mổ**
- 2. Sự an toàn cần thiết trong phòng mổ**
- 3. Những vấn đề cơ bản khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa**
- 4. Nhiệm vụ, mục tiêu của điều dưỡng ngoại khoa**
- 5. Vết thương và chăm sóc vết thương**
- 6. Chức năng của điều dưỡng phòng mổ**
- 7. Các kỹ thuật cần thực hiện trước khi mổ.**

CHƯƠNG 3: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRƯỚC PHẪU THUẬT

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân biệt được mổ kế hoạch và mổ cấp cứu.
2. Trình bày được các nội dung chuẩn bị người bệnh trước mổ.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Đối với người bệnh mổ cấp cứu

1.1. Nhận người bệnh:

1.2. Trình bác sĩ khám bệnh:

1.3. Thực hiện y lệnh cấp cứu: (nếu có chỉ định)

1.4. Theo dõi chăm sóc người bệnh:

1.5. Tư vấn cho người bệnh và người nhà

1.6. Lập thủ tục mổ cấp cứu

1.7. Chuyển người bệnh lên phòng mổ

2. Đối với người bệnh mổ chương trình

2.1. Chăm sóc tinh thần cho người bệnh:

2.2. Làm các xét nghiệm cơ bản

2.3. Làm các xét nghiệm chức năng

2.4. Nhận định tình trạng lâm sàng

2.5. Nâng cao thể trạng trước mổ

2.6. Điều chỉnh các rối loạn

2.7. Chuẩn bị ngày trước mổ

2.8. Chuẩn bị ngày đi mổ

2.9. Chuyển người bệnh lên phòng mổ

CHƯƠNG 4: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NHIỄM KHUẨN NGOẠI KHOA

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và phân tích được nguyên nhân và triệu chứng tiền triển và biến chứng, cách xử trí của một nhiễm khuẩn ngoại khoa thường gặp.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa
3. Thực hiện được các biện pháp để phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa trong bệnh viện.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Đại cương

2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi

3. Triệu chứng

4. Tiến triển và biến chứng

5. Điều trị

6. Chăm sóc

7. Biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa trong bệnh viện.

CHƯƠNG 5: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM RUỘT THỪA

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của viêm ruột thừa.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh viêm ruột thừa.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

2. Nguyên nhân.

2. Triệu chứng lâm sàng

3. Các biến chứng của viêm ruột thừa.

4. Chẩn đoán phân biệt.

5. Điều trị.

6. Chăm sóc.

6.1. Nhận định

6.2. Chẩn đoán điều dưỡng

6.3. Lập kế hoạch chăm sóc

6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

6.5. Đánh giá chăm sóc

CHƯƠNG 6 : CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM PHÚC MẠC

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày các nguyên nhân gây viêm, phúc mạc.
2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và tiến triển của viêm phúc mạc.
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

- 1. Định nghĩa**
- 2. Nguyên nhân**
- 3. Triệu chứng**
- 4. Chẩn đoán**
- 5. Chăm sóc**

CHƯƠNG 7: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THÙNG DẠ DÀY

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng chính của thùng dạ dày.
2. Trình bày các biến chứng và cách điều trị thùng dạ dày.
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh thùng dạ dày.

4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)

1. Những đặc điểm cơ bản về bệnh học

2. Xử trí

3. Lập kế hoạch chăm sóc

3.1. Nhận định tình trạng người bệnh

3.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trước phẫu thuật

3.3. Lập kế hoạch chăm sóc sau mổ dạ dày

3.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

3.5. Giáo dục sức khỏe

3.6. Đánh giá

CHƯƠNG 8: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỎI MẬT

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của bệnh sỏi mật

2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mổ sỏi mật

3. Phát hiện được và biết xử trí kịp thời các biến chứng.

4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

- 1. Đại cương**
- 2. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh**
- 3. Tổn thương giải phẫu bệnh**
- 4. Triệu chứng lâm sàng**
- 5. Diễn biến**
- 6. Điều trị**
- 7. Chăm sóc**

CHƯƠNG 9: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CÓ HẬU MÔN NHÂN TẠO

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được sự các loại hậu môn nhân tạo.
2. Trình bày được các biến chứng của hậu môn nhân tạo
3. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân có hậu môn nhân tạo.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

- 1. Các loại hậu môn nhân tạo**
- 2. Biến chứng**
- 3. Chăm sóc sau mổ**
- 4. Giáo dục sức khỏe**

CHƯƠNG 10: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRĨ

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng chính, hướng xử trí bệnh trĩ.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh trĩ.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Khái niệm

2. Nguyên nhân

3. Phân loại

4. Triệu chứng

5. Hướng điều trị

6. Chăm sóc bệnh nhân phẫu thuật trĩ

CHƯƠNG 11: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TẮC RUỘT

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nguyên nhân gây tắc ruột thường gặp.
2. Trình bày các triệu chứng của tắc ruột
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh tắc ruột.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

2. Nguyên nhân:

2.1. Tác ruột cơ học

2.2. Tác ruột cơ năng

3. Triệu chứng:

3.1. Cơ năng

3.2. Thực thể

3.3. Triệu chứng toàn thân

3.4. Triệu chứng cận lâm sàng

4. Chẩn đoán

5. Điều trị:

5.1. Điều trị nội khoa

5. 2. Phẫu thuật

6. Chăm sóc

6.1. Nhận định

6.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc

6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

6.5. Đánh giá chăm sóc

CHƯƠNG 12: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NHỌT, ÁP XE

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của áp xe, nhọt.
2. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị áp xe, nhọt.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

- 1. Áp xe**
- 2. Triệu chứng**
- 3. Chăm sóc bệnh nhân áp xe**
- 4. Đại cương về nhọt**
- 5. Triệu chứng**
- 6. Điều trị**
- 7. Chăm sóc**

CHƯƠNG 13: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỎI ĐƯỜNG TIẾT NIỆU

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân gây sỏi đường tiết niệu
2. Trình bày được triệu chứng sỏi đường tiết niệu
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh sỏi đường tiết niệu.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

- 1. Đại cương**
- 2. Triệu chứng lâm sàng**
- 3. Cận lâm sàng**
- 4. Chẩn đoán**
- 5. Biến chứng**
- 6. Điều trị**
- 7. Chăm sóc**

CHƯƠNG 14: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THOÁT VỊ BỆN

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, các phương pháp điều trị của thoát vị bẹn, thoát vị bẹn nghẹt.
2. Xử trí ban đầu ở tuyến cơ sở đối với thoát vị bẹn nghẹt.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

- 1. Đại cương**
- 2. Triệu chứng**
- 3. Chẩn đoán**
- 4. Tiến triển và biến chứng**
- 5. Điều trị**

6. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn

CHƯƠNG 15: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH PHÌ ĐẠI TUYẾN TIỀN LIỆT

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của phì đại lành tính tuyến tiền liệt.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc người phì đại lành tính tuyến tiền liệt.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Đại cương

2. Triệu chứng

3. Chẩn đoán

4. Chăm sóc

CHƯƠNG 16: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẤN THƯƠNG THẬN, BÀNG QUANG, NIỆU ĐẠO

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng của dập vỡ thận, bàng quang, niệu đạo.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh dập vỡ thận, bàng quang, niệu đạo.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Chấn thương thận.

1.1. Đại cương

1.2. Triệu chứng lâm sàng

2. Chấn thương bàng quang

2.1. Nguyên nhân

2.2. Tổn thương giải phẫu

2.3. Triệu chứng lâm sàng

3. Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, bàng quang

4. Chấn thương niệu đạo

4.1. Đại cương

4.2. Triệu chứng lâm sàng

4.3. Diễn biến

4.4. Xử trí ở tuyến cơ sở

5. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo

5.1. Nhận định

5.2. Lập kế hoạch chăm sóc

5.3. Thực hiện kế hoạch

5.4. Đánh giá

CHƯƠNG 17: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẤN THƯƠNG NGỰC

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, các loại tổn thương, triệu chứng, biến chứng của chấn thương ngực
2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương ngực trước và sau mổ.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)

- 1. Đại cương**
- 2. Nguyên nhân và phân loại**
- 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng hô hấp bình thường**
- 4. Triệu chứng**
- 5. Biến chứng**
- 6. Xử trí cấp cứu**
- 7. Chăm sóc**

CHƯƠNG 18: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH BONG GÂN

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị bong gân, trật khớp.

2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh trật khớp, bong gân.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Định nghĩa

2. Giải phẫu bệnh và phân loại

3. Sinh lý bệnh

4. Triệu chứng lâm sàng

5. Triệu chứng cận lâm sàng

6. Di chứng

7. Điều trị

8. Chăm sóc

CHƯƠNG 19: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH Gãy XƯƠNG

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được các loại gãy xương và biến chứng do gãy xương.

2. Trình bày được mục đích cấp cứu bệnh nhân gãy xương.

3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân gãy xương.

4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

- 1. Phân loại gãy xương**
- 2. Biến chứng của gãy xương**
- 3. Mục đích cấp cứu bệnh nhân gãy xương**
- 4. Chăm sóc**

CHƯƠNG 20: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH BÓ BỘT, KÉO TẠ

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các loại gãy xương và biến chứng do gãy xương.
2. Trình bày được mục đích cấp cứu bệnh nhân gãy xương.
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân gãy xương.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

- 1. Chỉ định và mục đích bó bột**
- 2. Các tai biến và nhược điểm do bó bột**
- 3. Chăm sóc bệnh nhân bó bột**
- 4. Mục đích kéo tạ**
- 5. Các biến chứng của kéo tạ**
- 6. Chăm sóc bệnh nhân kéo tạ**

CHƯƠNG 21: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH BỎNG

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày cách phân loại bỏng theo diện tích và theo độ sâu
2. Thực hiện đúng phát đồ xử trí cấp cứu bỏng
3. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bỏng.
4. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)

- 1. Đại cương**
- 2. Phân loại bỏng**
- 3. Các giai đoạn của bỏng**
- 4. Xử trí**
- 5. Chăm sóc người bệnh bỏng**

CHƯƠNG 22: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẤN THƯƠNG SỌ NÃO

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của chấn thương sọ não.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)

1. Chấn thương sọ não

1.1. Đại cương.

1.2. Các thương tổn có thể gặp trong chấn thương sọ não

1.3. Triệu chứng

1.4. Thang điểm Glassgow

2. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não

2.1. Nhận định

2.2. Lập kế hoạch chăm sóc

3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

4. Đánh giá

4.1. Trước phẫu thuật

4.2. Sau phẫu thuật

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, bảng, phấn, giấy A0, bút ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, chương trình, Tài liệu định hướng tự học, tài liệu tham khảo khác.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

- Trình bày được cách xử trí và chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

2. Kỹ năng

- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người mắc bệnh ngoại khoa thường gặp
- Vận dụng kỹ năng giao tiếp để giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của môn học.
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông, tận tình chăm sóc sức khỏe, tôn trọng người bệnh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Có khả năng tự học, tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên (1 bài): hình thức tự luận, thời gian < 30 phút.

2. Kiểm tra định kỳ (02 bài); hình thức tự luận; thời gian: 45 phút.

3. Điểm thi kết thúc học phần: hình thức trắc nghiệm, tự luận; thời gian: 60 phút.

Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia môn học.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Chăm sóc người lớn bệnh ngoại khoa được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng điều dưỡng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp dạy học tích cực.
- Tích hợp các năng lực cơ sở vào nội dung giảng dạy.
- Lồng ghép các năng lực đã biết để phát triển và hình thành các năng lực cần thiết theo yêu cầu của môn học theo lý thuyết giảng dạy kiến tạo.

2. Đối với người học

- Người học tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi theo quy chế đào tạo.
- Tích cực tham gia học tập, thảo luận nhóm, quan sát, trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, xem giáo trình trước khi lên lớp, tự học.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.
2. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Y học; 2016.
3. Bộ Y tế Cục quản lý khám, chữa bệnh. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Y học; 2014.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình

Mã mô đun: 61142073

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 40 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Đây là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ IV.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Trình bày được sự thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng và sự thay đổi cơ quan sinh dục nữ khi có thai.
2. Trình bày được các dấu hiệu và cách chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và thời kỳ sau đẻ.
3. Trình bày được các nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của chảy máu và các yếu tố nguy cơ của bà mẹ trong thời kỳ thai nghén.
4. Trình bày được cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh và các dấu hiệu bất thường ở trẻ sơ sinh.

5. Trình bày được các yếu tố thuận lợi, nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị, cách phòng ngừa, chăm sóc một số bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và lây truyền qua đường tình dục.

II. Về kỹ năng

1. Áp dụng 10 quyền khách hàng để giao tiếp, tư vấn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả.

2. Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ thời kỳ thai nghén, chuyển dạ, sau đẻ và trẻ sơ sinh.

3. Phát hiện và có hướng xử trí kịp thời cho các bà mẹ có yếu tố nguy cơ trong thời kỳ thai nghén.

4. Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ có chảy máu nửa đầu và nửa cuối thời kỳ thai nghén.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của mô đun.

2. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Chấp hành nội qui phòng thực hành, thí nghiệm và những qui định của giảng viên.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra

				thảo luận, bài tập	
1	Bài 1: Giao tiếp, tư vấn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản 1. Vai trò của tư vấn 2. Quyền của khách hàng trong các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản 3. Mục đích của tư vấn về chăm sóc SKSS 4. Các phẩm chất cần có của người làm tư vấn (4 chữ “T”) 5. Các kỹ năng tư vấn 6. Những điều nên làm và những điều nên tránh khi làm tư vấn 7. Các bước tiến hành tư vấn	4		4	
2	Bài 2: Giáo dục sức khỏe phụ nữ 1. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ nói chung 1.1. Vệ sinh thân thể và vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày 1.2. Vệ sinh kinh nguyệt 1.3. Vệ sinh tình dục 2. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở tuổi vị thành niên 2.1. Định nghĩa tuổi vị thành niên 2.2. Những thay đổi về thể chất ở tuổi vị thành niên	4		4	

	2.3. Biến đổi tâm sinh lý của tuổi vị thành niên 2.4. Các nguy cơ ở tuổi vị thành niên 2.5. Các biện pháp tránh thai cho vị thành niên 2.6. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên 3. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ tuổi sinh đẻ 4. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ trong thời kỳ thai nghén 5. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở người phụ nữ tuổi mãn kinh 5.1. Định nghĩa 5.2. Những thay đổi giải phẫu ở người phụ nữ tuổi mãn kinh 5.3. Những rối loạn thường gặp ở tuổi tiền mãn kinh 5.4. Những biến cố hay gặp ở tuổi tiền mãn kinh 5.5. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ tuổi mãn kinh				
3	Bài 3: Các biện pháp tránh thai 1. Viên thuốc tránh thai kết hợp 1.1. Cơ chế tác dụng 1.2. Ưu, nhược điểm 1.3. Chỉ định, chống chỉ định	4		4	

1.4. Thành phần và trình bày của viên thuốc tránh thai kết hợp 1.5. Thời điểm và cách sử dụng thuốc 1.6. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn 1.7. Tác dụng phụ của thuốc 2. Viên thuốc tránh thai đơn thuần 2.1. Cơ chế tác dụng 2.2. Chỉ định, chống chỉ định 2.3. Thuận lợi và không thuận lợi 2.4. Cách sử dụng thuốc 2.5. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn 3. Bao cao su 3.1. Chỉ định, chống chỉ định 3.2. Ưu điểm và nhược điểm 3.3. Cách sử dụng và bảo quản 4. Dụng cụ tử cung 4.1. Cơ chế tác dụng 4.2. Thuận lợi, không thuận lợi 4.3. Chỉ định, chống chỉ định 4.4. Thời điểm đặt dụng cụ tử cung 5. Triệt sản 5.1. Lựa chọn đối tượng 5.2. Thời điểm có thể áp dụng triệt sản nữ				
---	--	--	--	--

4	Bài 4: Sự thụ tinh và phát triển của trứng 1. Sự thụ tinh 2. Sự di chuyển và làm tổ của trứng đã thụ tinh 2.1. Sự di chuyển của trứng 2.2. Sự làm tổ của trứng 3. Sự phát triển của trứng đã thụ tinh 3.1. Thời kỳ sắp xếp tổ chức 3.2. Thời kỳ hoàn chỉnh tổ chức 4. Chăm sóc cho những cặp vợ chồng muốn được thụ tinh 4.1. Nhận định 4.2. Lập kế hoạch 4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc	1	1		
5	Bài 5: Thay đổi giải phẫu và sinh lý thai phụ 1. Thay đổi về nội tiết 1.1. HCG 1.2. Các Steroid 2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở bộ phận sinh dục 2.1. Thân tử cung 2.2. Eo tử cung 2.3. Cổ tử cung 2.4. Âm hộ, âm đạo 2.4. Buồng trứng	2	2		

	2.5. Vòi trứng 3. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở cơ quan khác 3.1. Thay đổi ở da, cân, và cơ 3.2. Thay đổi ở vú 3.3. Thay đổi trong hệ tuần hoàn 3.4. Hô hấp 3.5. Tiết niệu 3.6. Tiêu hoá 3.7. Hệ thống cơ xương khớp 3.8. Thần kinh 3.9. Một số thay đổi khác 4. Chăm sóc thai phụ khi có thai 4.1. Nhận định 4.2. Chẩn đoán chăm sóc 4.3. Lập kế hoạch chăm sóc 4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 4.5. Đánh giá				
6	Bài 6: Chẩn đoán thai nghén, khám thai và quản lý thai nghén 1. Chẩn đoán thai nghén 1.1. Chẩn đoán thai nghén 4 tháng rưỡi đầu 1.2. Chẩn đoán thai nghén 4 tháng rưỡi sau 1.3. Tính tuổi thai và dự kiến ngày đẻ	4		4	

	2. Khám thai 2.1. Mục đích mỗi lần khám thai 2.2. Các bước khám thai 3. Quản lý thai nghén 3.1. Sổ khám thai 3.2. Phiếu theo dõi sức khỏe bà mẹ tại nhà hoặc phiếu khám thai 3.3. Bảng theo dõi quản lý thai tại cơ sở 3.4. Ngăn kéo lưu phiếu khám hay phiếu hẹn. 4. Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén 4.1. Nhận định 4.2. Chẩn đoán điều dưỡng 4.3. Lập kế hoạch chăm sóc 4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 4.5. Đánh giá				
7	Bài 7: Chảy máu nữa đầu thai kỳ 1. Sảy thai 1.2. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Lâm sàng và các giai đoạn sảy 1.4. Các thể lâm sàng khác của sảy thai 1.5. Chẩn đoán phân biệt 1.6. Xử trí chung	2	2		

	1.7. Chăm sóc thai phụ sảy thai 2. Thai ngoài tử cung 2.1. Đại cương 2.2. Định nghĩa và phân loại 2.3. Nguyên nhân 2.4. Triệu chứng lâm sàng của thai ngoài tử cung 2.5. Chẩn đoán phân biệt 2.6. Xử trí 2.7. Phòng bệnh 2.8. Chăm sóc thai phụ thai ngoài tử cung 3. Thai trứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Chẩn đoán 3.3. Diễn tiến của chữa trứng 3.4. Biến chứng 3.5. Phân loại 3.6. Xử trí 3.7. Chăm sóc thai phụ chữa trứng				
8	Bài 8: Chảy máu nửa cuối thai kỳ 1. Thai chết trong tử cung 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng lâm sàng 1.4. Chẩn đoán phân biệt	2	2		

1.5. Diễn tiến và biến chứng 1.6. Xử trí 1.7. Dự phòng 1.8. Chăm sóc thai phụ bị thai chết lưu 2. Rau tiền đạo 2.1. Đại cương 2.2. Phân loại 2.3. Các yếu tố thuận lợi 2.4. Triệu chứng và chẩn đoán 2.5. Xử trí 2.6. Phòng bệnh 2.7. Chăm sóc thai phụ nhau tiền đạo 3. Nhau bong non 3.1. Đại cương 3.2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ 3.3. Triệu chứng 3.4. Chẩn đoán 3.5. Chẩn đoán phân biệt 3.6. Xử trí 3.7. Biến chứng 3.8. Dự phòng 3.9. Chăm sóc thai phụ nhau bong non 4. Đa ử non và ử non				
---	--	--	--	--

	4.1. Định nghĩa 4.2. Nguyên nhân 4.3. Triệu chứng lâm sàng 4.4. Xử trí 4.5. Chăm sóc thai phụ dọa đẻ non và đẻ non 5. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung 5.1. Đại cương 5.2. Vỡ tử cung trong thai kỳ 5.3. Vỡ tử cung trong chuyển dạ 5.4. Tiên lượng 5.5. Xử trí 5.6. Dự phòng 5.7. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung				
9	Bài 9: Rối loạn cao huyết áp trong thai kỳ 1. Đại cương 1.2. Các hình thái bệnh tăng huyết áp trong thai kỳ 1.3. Tăng huyết áp do thai 1.4. Tiền sản giật 1.5. Sản giật 1.6. Dự phòng 1.7. Chăm sóc thai phụ tăng huyết áp do thai	3	2		1

10	Bài 10: Các dấu hiệu chuyển dạ, theo dõi, chăm sóc chuyển dạ 1. Mở đầu 2. Những dấu hiệu lâm sàng trong thời kỳ chuyển dạ 2.1. Định nghĩa 2.2. Các giai đoạn chuyển dạ 2.3. Cơ co tử cung 2.4. Cơ co thành bụng 2.5. Tác dụng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng 3. Chuyển dạ về phương diện lâm sàng 3.1. Dấu hiệu tiền chuyển dạ 3.2. Dấu hiệu chuyển dạ 4. Chăm sóc và theo dõi thai phụ trong thời kỳ chuyển dạ 4.1. Nhận định 4.2. Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ 4.3. Chuẩn bị thuốc 4.4 Theo dõi chuyển dạ 4.5. Theo dõi chuyển dạ bằng biểu đồ chuyển dạ	4	1	3	
11	Bài 11: Đỡ đẻ thường 1. Chuẩn bị thai phụ 2. Chuẩn bị phương tiện - dụng cụ 2.1. Phòng đẻ	4		4	

2.2. Hồ sơ bệnh án sản khoa 2.3. Bộ dụng cụ làm vệ sinh vùng sinh dục ngoài: 2.4. Đèn gù chiếu sáng. 2.5. Dụng cụ bấm ối và bộ đo lượng nước ối 2.6. Hộp đựng dụng cụ kẹp cắt rốn đã vô trùng 2.7. Hộp cắt và khâu tầng sinh môn vô trùng 2.8. Dụng cụ khác 2.9. Một số thuốc cần thiết 2.10. Bàn sơ sinh 3. Người điều dưỡng 4. Công tác điều dưỡng khi thực hiện đỡ đẻ 4.1. Chuẩn bị 5. Kỹ thuật đỡ đẻ 5.1. Đỡ đẻ đúng lúc 5.2. Đỡ đúng quy cách 5.3. Các thao tác đỡ đẻ thường ngôi chỏm 6. Chăm sóc rốn trẻ sơ sinh (Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ) 6.1. Cắt rốn thì 1 7. Những hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ sổ rau 7.1. Thời kỳ nghỉ ngơi sinh lý				
--	--	--	--	--

	7.2. Thời kỳ rau xuống âm đạo 7.3. Thời kỳ sổ rau 7.4. Các kiểu sổ rau 7.5. Cách xử trí thời kỳ sổ rau 8. Công tác điều dưỡng trong thời kỳ sổ rau 8.1. Nhận định về tình trạng sản phụ trong thời kỳ sổ rau 8.2. Nhận định về hiện tượng bất thường 8.3. Kế hoạch chăm sóc 8.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc				
12	Bài 12: Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ 1. Cơ sở lý thuyết và các bằng chứng về các can thiệp trong và ngay sau đẻ 1.1. Tiêm bắp Oxytocin 1.2. Kéo dây rốn có kiểm soát 1.3. Xoa đáy tử cung 1.4. Kẹp và cắt dây rốn muộn 1.5. Tiếp xúc da kề da 1.6. Cho trẻ bú sớm 2. Quy trình chăm sóc thiếu yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ 2.1. Áp dụng 2.2. Chuẩn bị	8		8	

	2.3. Tiến hành 3. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ khi trẻ không thở được 3.1. Đánh giá 3.2. Các nguyên tắc của hồi sức sơ sinh 3.3. Thực hiện hồi sức sơ sinh 3.4. Tiến hành hồi sức sơ sinh theo bảng kiểm 3.5. Các mức độ chăm sóc sau hồi sức				
13	Bài 13: Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sau đẻ 1. Biểu hiện sinh lý và chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sau đẻ 1.1. Những biểu hiện sinh lý của bà mẹ ngay sau đẻ 1.2. . Biểu hiện sinh lý của sản bà mẹ tuần đầu sau đẻ 1.3. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ ngay sau đẻ 1.4. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ tuần đầu sau đẻ 1.5. Những biến cố có thể gặp ngay sau đẻ 2. Công tác chăm sóc sản phụ ngày đầu và những ngày sau đẻ 2.1. Nhận định	4	1	3	

	2.2. Chẩn đoán điều dưỡng 2.3. Lập kế hoạch chăm sóc 2.4. Thực hiện chăm sóc 2.5. Đánh giá quá trình chăm sóc				
14	Bài 14: Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ 1. Đờ tử cung 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng lâm sàng 2. Chấn thương đường sinh dục 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng lâm sàng 3. Bất thường bong nhau và sổ nhau 3.1. Sổ nhau, sổ màng 3.2. Nhau không bong 4. Rối loạn đông máu 5. Chẩn đoán xác định 6. Xử trí chung 7. Kế hoạch chăm sóc 7.1. Nhận định 7.2. Những vấn đề cần chăm sóc 7.3. Lập kế hoạch chăm sóc 7.4. Thực hiện chăm sóc 7.5. Đánh giá quá trình chăm sóc	4	1	3	
15	Bài 15: Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ	2	2		

	1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Đường xâm nhập 1.3. Nguyên nhân/các yếu tố nguy cơ 1.4. Mầm bệnh các loại vi khuẩn phân lập được 2. Các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ 2.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, âm đạo 2.2. Viêm nội mạc tử cung 2.3. Viêm cơ tử cung 2.4. Viêm dây chằng và phần phụ 2.5. Viêm phúc mạc tiểu khung 2.6. Viêm phúc mạc toàn thể 2.7. Nhiễm khuẩn máu 2.8. Choáng nhiễm khuẩn 3. Kế hoạch chăm sóc 3.1. Nhận định 3.2. Những vấn đề cần chăm sóc 3.3. Lập kế hoạch chăm sóc 3.4. Thực hiện chăm sóc 3.5. Đánh giá quá trình chăm sóc 4. Dự phòng				
16	Bài 16: Chăm sóc sơ sinh đủ tháng 1. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ 1.1. Tiêu chuẩn hình thể bên ngoài	3		3	

	1.2. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ 1.3. Một số trường hợp bất thường ngay sau đẻ 2. Chăm sóc sơ sinh những ngày sau đẻ 2.1. Đánh giá tình trạng trẻ hàng ngày 2.2. Chăm sóc da, chăm sóc rốn 2.3. Cho trẻ bú mẹ 2.4. Theo dõi toàn thân, vàng da, sứt cân sinh lý 3. Phòng bệnh 4. Một số trường hợp bất thường những ngày sau đẻ				
17	Bài 17: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục 1. Những vấn đề chung về nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục 1.1. Nguyên nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục 1.2. Điều kiện thuận lợi nhiễm khuẩn đường sinh sản 1.3. Dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục 2. Hội chứng tiết dịch âm đạo	2	2		

2.1. Nguyên nhân thường gặp 2.2. Triệu chứng và chẩn đoán 2.3. Điều trị 3. Hội chứng loét sinh dục - sung hạch bẹn 3.1. Triệu chứng 3.2. Chẩn đoán 3.3. Điều trị 4. Sùi mào gà 4.1. Triệu chứng 4.2. Chẩn đoán 4.3. Điều trị 5. Hội chứng đau bụng dưới 5.1. Nguyên nhân gây đau bụng dưới 5.2. Triệu chứng lâm sàng 5.3. Chẩn đoán 5. Dự phòng 6. Tư vấn 7. Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục 7.1. Nhận định 7.2. Chẩn đoán chăm sóc 7.3. Lập kế hoạch chăm sóc 7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 7.5. Đánh giá				
---	--	--	--	--

18	Bài 18: Chăm sóc bệnh nhân có khối u sinh dục - sa sinh dục 1. Bệnh ở vú 1.1. Bệnh xơ nang tuyến vú 1.2. U xơ tuyến vú 2. Ung thư vú 2.1. Chẩn đoán 2.2. Điều trị 3. U lành tính và ác tính ở âm hộ, âm đạo 3.1. Các khối u lành tính ở âm hộ 3.2. Các khối u lành tính ở âm đạo 3.3. Các khối u ác tính ở âm hộ 3.4. Các khối u ác tính ở âm đạo 4. U nang buồng trứng 4.1. Phân loại 4.2. Lâm sàng 4.3. Cận lâm sàng 4.4. Tiến triển và biến chứng 4.5. Điều trị 5. U xơ tử cung 5.1. Lâm sàng 5.2. Cận lâm sàng 5.3. Tiến triển và biến chứng 5.4. Điều trị 6. Ung thư cổ tử cung	3	2		1
----	--	---	---	--	---

6.1. Yếu tố nguy cơ 6.2. Lâm sàng 6.3. Cận lâm sàng 6.4. Điều trị 7. Ung thư niêm mạc tử cung 7.1 Yếu tố nguy cơ 7.2. Lâm sàng 7. 3. Cận lâm sàng 7.4. Điều trị 8. Sa sinh dục 8.1. Nguyên nhân 8.2. Triệu chứng 8.3. Chẩn đoán phân biệt 8.4. Điều trị 9. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục - sa sinh dục 9.1. Kế hoạch chăm sóc người bệnh điều trị nội khoa - Trước phẫu thuật 9.2. Kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật				
Cộng	60	18	40	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: GIAO TIẾP, TƯ VẤN TRONG CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được 10 quyền của khách hàng và 7 kỹ năng tư vấn trong chăm sóc sức khoẻ sinh sản.
2. Nói được những điều nên làm và những điều nên tránh trong khi tư vấn.
3. Thực hiện được 6 bước tư vấn về chăm sóc sức khoẻ sinh sản, đảm bảo tính riêng tư, tôn trọng văn hoá, tập quán của địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (1)

1. Vai trò của tư vấn

2. Quyền của khách hàng trong các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản

2.1. Quyền được thông tin

2.2. Quyền được tiếp cận dịch vụ

2.3. Quyền được tự do lựa chọn và từ chối dịch vụ khi không muốn

2.4. Quyền được thụ hưởng dịch vụ an toàn ở mức cao nhất

2.5. Quyền được tuyệt đối bí mật

2.6. Quyền được kín đáo riêng tư

2.7. Quyền được tôn trọng

2.8. Quyền được thoải mái khi tiếp cận dịch vụ

2.9. Quyền được tiếp tục nhận dịch vụ

2.10. Quyền được bày tỏ ý kiến

3. Mục đích của tư vấn về chăm sóc SKSS

4. Các phẩm chất cần có của người làm tư vấn (4 chữ “T”)

4.1. Tôn trọng khách hàng

4.2. Thông cảm và thấu hiểu khách hàng

4.3. Thành thật với khách hàng

4.4. Thông tin rõ ràng, có trọng tâm cho khách hàng

5. Các kỹ năng tư vấn

5.1. Tạo mối quan hệ

5.2. Lắng nghe

5.3. Đồng cảm với khách hàng

5.4. Gọi hỏi

5.5. Phát hiện

5.6. Giải quyết vấn đề

5.7. Tóm tắt

6. Những điều nên làm và những điều nên tránh khi làm tư vấn

7. Các bước tiến hành tư vấn

BÀI 2: GIÁO DỤC SỨC KHOẺ PHỤ NỮ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nội dung cần giáo dục sức khỏe cho phụ nữ nói chung.
2. Thực hiện được tư vấn đầy đủ về sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng vị thành niên, phụ nữ tuổi sinh sản, phụ nữ tuổi mãn kinh.
3. Thực hiện được tư vấn về giáo dục sức khỏe phụ nữ, đảm bảo tính riêng tư, tôn trọng văn hoá, tập quán của địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI(2)

1. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ nói chung

1.1. Vệ sinh thân thể và vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày

1.2. Vệ sinh kinh nguyệt

1.3. Vệ sinh tình dục

2. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở tuổi vị thành niên

2.1. Định nghĩa tuổi vị thành niên

2.2. Những thay đổi về thể chất ở tuổi vị thành niên nữ

2.3. Biến đổi tâm sinh lý của tuổi vị thành niên

2.4. Các nguy cơ ở tuổi vị thành niên

2.5. Các biện pháp tránh thai cho vị thành niên

2.6. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên

3. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ tuổi sinh đẻ

2.4. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ trong thời kỳ thai nghén

4.1. Về dinh dưỡng

4.2. Về chế độ làm việc

4.3. Vệ sinh thân thể

4.4. Sinh hoạt

5. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở người phụ nữ tuổi mãn kinh

5.1. Định nghĩa

5.2. Những thay đổi giải phẫu ở người phụ nữ tuổi mãn kinh

5.3. Những rối loạn thường gặp ở tuổi tiền mãn kinh

5.4. Những biến cố hay gặp ở tuổi tiền mãn kinh

5.5. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ tuổi mãn kinh

BÀI 3: CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Kể tên được các biện pháp tránh thai hiện đại thông dụng ở Việt Nam.
2. Trình bày được các ưu điểm, nhược điểm, chỉ định và chống chỉ định và cách sử dụng của viên thuốc tránh thai kết hợp và đơn thuần, bao cao su dành cho nam giới và dụng cụ tử cung.
3. Thực hiện được tuyên truyền và tư vấn về sử dụng các biện pháp tránh thai, đảm bảo tính riêng tư, tôn trọng văn hoá, tập quán của địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Viên thuốc tránh thai kết hợp

1.1. Cơ chế tác dụng

1.2. Ưu điểm

1.3. Nhược điểm

1.4. Chỉ định

1.5. Chống chỉ định

1.6. Thành phần và trình bày của viên thuốc tránh thai kết hợp

1.7. Thời điểm và cách sử dụng thuốc

1.8. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn

1.9. Tác dụng phụ của thuốc

2. Viên thuốc tránh thai đơn thuần

2.1. Cơ chế tác dụng

2.2. Chỉ định

2.3. Chống chỉ định

2.4. Thuận lợi

2.5. Không thuận lợi

2.6. Cách sử dụng thuốc

7. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn

3. Bao cao su

3.1. Chỉ định

3.2. Chống chỉ định

3.3. Ưu điểm

3.4. Nhược điểm

3.5. Cách sử dụng

4. Dụng cụ tử cung

4.1. Cơ chế tác dụng

4.2. Thuận lợi

4.3. Không thuận lợi

4.4. Chỉ định

4.5. Chống chỉ định

4.4. Thời điểm đặt dụng cụ tử cung

5. Triệt sản

5.1. Lựa chọn đối tượng

5.2. Thời điểm có thể áp dụng triệt sản nữ

BÀI 4: SỰ THỤ TINH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRỨNG

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được sự thụ tinh, sự di chuyển và làm tổ của trứng đã thụ tinh.
2. Giải thích được sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng.
4. Vận dụng được những đặc điểm thụ tinh, di chuyển và làm tổ của trứng vào việc theo dõi và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và cho thai.
3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bất thường thời kỳ mang thai. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của thai phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Sự thụ tinh

2. Sự di chuyển và làm tổ của trứng đã thụ tinh

2.1. Sự di chuyển của trứng

2.2. Sự làm tổ của trứng

3. Sự phát triển của trứng đã thụ tinh

3.1. Thời kỳ sắp xếp tổ chức

3.2. Thời kỳ hoàn chỉnh tổ chức

4. Chăm sóc cho những cặp vợ chồng muốn được thụ tinh

4.1. Nhận định

4.2. Lập kế hoạch

4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

BÀI 5: THAY ĐỔI GIẢI PHẪU VÀ SINH LÝ THAI PHỤ

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được sự thay đổi nội tiết, giải phẫu, sinh lý ở cơ quan sinh dục và các cơ quan khác của người phụ nữ trong quá trình mang thai.

2. Vận dụng được những đặc điểm sinh lý và bệnh lý thời kỳ mang thai vào việc theo dõi và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và cho thai.

3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh lý thời kỳ mang thai. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của thai phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Thay đổi về nội tiết

1.1. HCG

1.2. Các Steroid

2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở bộ phận sinh dục

2.1. Thân tử cung

2.2. Eo tử cung

2.3. Cổ tử cung

2.4. Âm hộ, âm đạo

2.5. Buồng trứng

2.6. Vòi trứng

3. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở cơ quan khác

3.1. Thay đổi ở da, cân, và cơ

3.2. Thay đổi ở vú

3.3. Thay đổi trong hệ tuần hoàn

3.4. Hô hấp

3.5. Tiết niệu**3.6. Tiêu hoá****3.7. Hệ thống cơ xương khớp****3.8. Thần kinh****3.9. Một số thay đổi khác****4. Chăm sóc thai phụ khi có thai****4.1. Nhận định****4.2. Chẩn đoán điều dưỡng****4.3. Lập kế hoạch chăm sóc****4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc****4.5. Đánh giá****BÀI 6: CHẨN ĐOÁN THAI NGHÉN, KHÁM THAI VÀ QUẢN LÝ THAI NGHÉN****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được các triệu chứng thai nghén 4 tháng rưỡi đầu và 4 tháng rưỡi cuối.
2. Tính được tuổi thai và dự kiến ngày sinh.
3. Nêu được mục đích của mỗi lần khám thai và mô tả công việc cụ thể của từng bước khám thai, cách quản lý thai nghén.
4. Tư vấn được cho thai phụ về cách chăm sóc thai nghén.

5. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và chẩn đoán thời kỳ mang thai. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của thai phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Chẩn đoán thai nghén

1.1. Chẩn đoán thai nghén 4 tháng rưỡi đầu

1.2. Chẩn đoán thai nghén 4 tháng rưỡi sau

1.3. Tính tuổi thai và dự kiến ngày sinh

2. Khám thai

2.1. Mục đích mỗi lần khám thai

2.2. Các bước khám thai

3. Quản lý thai nghén

3.1. Sổ khám thai

3.2. Phiếu theo dõi sức khỏe bà mẹ tại nhà hoặc phiếu khám thai

3.4. Ngăn kéo lưu phiếu khám hay phiếu hẹn.

4. Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén

4.1. Nhận định

4.2. Chẩn đoán điều dưỡng

4.3. Lập kế hoạch chăm sóc

4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

4.5. Đánh giá

BÀI 7: CHẢY MÁU NỬA ĐẦU THAI KỲ

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được các nguyên nhân, các triệu chứng, chẩn đoán dọa sảy thai, sảy thai, thai ngoài tử cung.
2. Trình bày được triệu chứng cơ năng và thực thể của thai trứng, và các hình thái lâm sàng của sảy thai, thai ngoài tử cung chưa vỡ và vỡ.
3. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc phù hợp với thai phụ bị sảy thai, thai ngoài tử cung, thai trứng.
4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí chảy máu đầu thai kỳ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của thai phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Sảy thai

1.1. Định nghĩa

1.2. Nguyên nhân

1.3. Lâm sàng và các giai đoạn sảy

1.4. Các thể lâm sàng khác của sảy thai

1.5. Chẩn đoán phân biệt

1.6. Xử trí chung

1.7. Chăm sóc thai phụ sảy thai

2. Thai ngoài tử cung

2.1. Đại cương

2.2. Định nghĩa

2.3. Phân loại

2.4. Nguyên nhân**2.5. Triệu chứng lâm sàng của thai ngoài tử cung****2.6. Chẩn đoán phân biệt****2.7. Xử trí****2.8. Phòng bệnh****2.9. Chăm sóc thai phụ thai ngoài tử cung****3. Thai trứng****3.1. Lâm sàng****3.2. Chẩn đoán****3.3. Diễn tiến của chữa trứng****3.4. Biến chứng****3.5. Phân loại****3.6. Xử trí****3.7. Chăm sóc thai phụ chữa trứng****BÀI 8: CHẢY MÁU NỬA CUỐI THAI KỲ****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thai chết lưu, rau tiền đạo, đẻ non, vỡ tử cung.
2. Mô tả được các triệu chứng của thai chết lưu, nhau tiền đạo, nhau bong non, dọa đẻ non và đẻ non, dọa vỡ, vỡ tử cung.
3. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc thai phụ phù hợp với các hình thái bệnh.

4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí chảy máu cuối thai kỳ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của thai phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Thai chết trong tử cung

1.1. Đại cương

1.2. Nguyên nhân

1.3. Triệu chứng lâm sàng

1.4. Chẩn đoán phân biệt

1.5. Diễn tiến và biến chứng

1.6. Xử trí

1.7. Dự phòng

1.8. Chăm sóc thai phụ bị thai chết lưu

2. Rau tiền đạo

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.3. Các yếu tố thuận lợi

2.4. Triệu chứng và chẩn đoán

2.5. Xử trí

2.6. Phòng bệnh

2.7. Chăm sóc thai phụ nhau tiền đạo

3. Nhau bong non

3.1. Đại cương

3.2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ

3.3. Triệu chứng

3.4. Chẩn đoán

3.5. Chẩn đoán phân biệt

3.6. Xử trí

3.7. Biến chứng

3.8. Dự phòng

3.9. Chăm sóc thai phụ nhau bong non

4. Doạ đẻ non và đẻ non

4.1. Định nghĩa

4.2. Nguyên nhân

4.3. Triệu chứng lâm sàng

4.4. Xử trí

4.5. Chăm sóc thai phụ dọa đẻ non và đẻ non

5. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung

5.1. Đại cương

5.2. Vỡ tử cung trong thai kỳ

5.3. Vỡ tử cung trong chuyển dạ

5.4. Tiên lượng

5.5. Xử trí

5.6. Dự phòng

5.7. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung

BÀI 9: RỐI LOẠN CAO HUYẾT ÁP TRONG THAI KỲ

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các hình thái bệnh tăng huyết áp trong thai nghén, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của tiền sản giật - sản giật.
2. Kể được các biện pháp dự phòng cao huyết áp trong thai nghén.
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho thai phụ có hội chứng tăng huyết áp trong thai nghén.
4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí rối loạn cao huyết áp trong thai kỳ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của thai phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Đại cương
2. Các hình thái bệnh tăng huyết áp trong thai kỳ
3. Tăng huyết áp do thai
4. Tiền sản giật
5. Sản giật
6. Dự phòng
7. Chăm sóc thai phụ tăng huyết áp do thai

BÀI 10: CÁC DẤU HIỆU CHUYỂN DẠ, THEO DÕI, CHĂM SÓC CHUYỂN DẠ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu được tính chất sinh lý, đặc điểm lâm sàng và tác dụng của cơn co tử cung trong chuyển dạ.

2. Trình bày được 3 giai đoạn của trong chuyển dạ.

3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho thai phụ chuyển dạ, chuẩn bị thai phụ mổ lấy thai.

4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc thai phụ trong chuyển dạ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của thai phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Mở đầu

2. Những dấu hiệu lâm sàng trong thời kỳ chuyển dạ

2.1. Định nghĩa

2.2. Các giai đoạn chuyển dạ

2.3. Cơn co tử cung

2.4. Cơn co thành bụng

2.5. Tác dụng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng

3. Chuyển dạ về phương diện lâm sàng

3.1. Dấu hiệu tiền chuyển dạ

3.2. Dấu hiệu chuyển dạ

4. Chăm sóc và theo dõi thai phụ trong thời kỳ chuyển dạ

4.1. Nhận định

4.2. Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ

4.3. Chuẩn bị thuốc

4.4 Theo dõi chuyển dạ

5. Chăm sóc thai phụ trước mổ lấy thai

5.1. Tại khoa phòng

5.2. Tại phòng mổ

BÀI 11: ĐỖ ĐẺ THƯỜNG

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ cho 1 cuộc chuyển dạ thường.
2. Thực hiện được cuộc đỡ đẻ thường.
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một cuộc đỡ đẻ thường.
4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc một cuộc đỡ đẻ thường. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của sản phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

2. Chuẩn bị phương tiện - dụng cụ

2.1. Phòng đẻ

2.2. Hồ sơ bệnh án sản khoa

2.3. Bộ dụng cụ làm vệ sinh vùng sinh dục ngoài:

2.4. Đèn gù chiếu sáng.

2.5. Dụng cụ bấm ối và bơm đo lượng nước ối

2.6. Hộp đựng dụng cụ kẹp cắt rốn đã vô trùng

2.7. Hộp cắt và khâu tầng sinh môn vô trùng

2.8. Dụng cụ khác

2.9. Một số thuốc cần thiết**2.10. Bàn sơ sinh****3. Người điều dưỡng****4. Công tác điều dưỡng khi thực hiện đỡ đẻ****4.1. Chuẩn bị****5. Kỹ thuật đỡ đẻ****5.1. Đỡ đẻ đúng lúc****5.2. Đỡ đúng quy cách****5.3. Các thao tác đỡ đẻ thường ngôi chỏm****6. Chăm sóc rốn trẻ sơ sinh (Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ)****7. Những hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ sổ rau****7.1. Thời kỳ nghỉ ngơi sinh lý****7.2. Thời kỳ rau xuống âm đạo****7.3. Thời kỳ sổ rau****7.4. Các kiểu sổ rau****7.5. Cách xử trí thời kỳ sổ rau****8. Công tác điều dưỡng trong thời kỳ sổ rau****8.1. Nhận định về tình trạng sản phụ trong thời kỳ sổ rau****8.2. Nhận định về hiện tượng bất thường****8.3. Kế hoạch chăm sóc****BÀI 12: CHĂM SÓC THIẾT YẾU CHO BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH TRONG VÀ NGAY SAU ĐẼ****(Thời gian: 8 giờ)**

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích, hướng dẫn được cho bà mẹ về các dấu hiệu chuyển dạ, công việc người đỡ đẻ phải thực hiện và cách phối hợp trong suốt cuộc đẻ.

2. Thực hiện được các bước chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ an toàn và đúng kỹ thuật đẻ.

3. Cẩn thận, kiên trì, khản trương, chính xác trong theo dõi, xử trí, chăm sóc thiết yếu cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của sản phụ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Cơ sở và các bằng chứng về can thiệp trong và ngay sau đẻ

1.1. Tiêm bắp Oxytocin

1.2. Kéo dây rốn có kiểm soát

1.3. Xoa đáy tử cung

1.4. Kẹp và cắt dây rốn muộn

1.5. Tiếp xúc da kề da

1.6. Cho trẻ bú sớm

2. Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ khi trẻ tự thở được

2.1. Áp dụng

2.2. Chuẩn bị

2.3. Tiến hành

3. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ khi trẻ không thở được

3.1. Đánh giá**3.2. Các nguyên tắc của hồi sức sơ sinh****3.3. Thực hiện hồi sức sơ sinh****3.4. Tiến hành hồi sức sơ sinh theo bảng kiểm****3.5. Các mức độ chăm sóc sau hồi sức****BÀI 13: CHĂM SÓC SẢN PHỤ TRONG THỜI KỲ SAU ĐẼ****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các biểu hiện sinh lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ.
2. Phát hiện được những biến cố có thể gặp ở sản phụ trong thời kỳ sau đẻ, mô
đẻ.
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ thời kỳ sau đẻ.
4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc và xử trí
các biến cố thời kỳ sau đẻ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của sản phụ, người nhà
và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)**1. Biểu hiện sinh lý và chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sau đẻ****1.1. Những biểu hiện sinh lý của bà mẹ ngay sau đẻ****1.2. . Biểu hiện sinh lý của sản bà mẹ tuần đầu sau đẻ****1.3. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ ngay sau đẻ****1.4. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ tuần đầu sau đẻ****1.5. Những biến cố có thể gặp ngay sau đẻ****2. Công tác chăm sóc sản phụ ngày đầu và những ngày sau đẻ**

2.1. Nhận định**2.2. Chẩn đoán điều dưỡng****2.3. Lập kế hoạch chăm sóc****2.4. Thực hiện chăm sóc****2.5. Đánh giá quá trình chăm sóc****3. Theo dõi và chăm sóc sản phụ sau mổ đẻ****BÀI 14: CHĂM SÓC SẢN PHỤ CHẢY MÁU SAU ĐẼ****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa và nguyên nhân chảy máu sau đẻ.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ.
3. Nêu được các biện pháp dự phòng chảy máu sau đẻ.
4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc và xử trí chảy máu sau đẻ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của sản phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (1)**1. Đờ tử cung****1.1. Nguyên nhân****1.2. Triệu chứng lâm sàng****2. Chấn thương đường sinh dục****2.1. Nguyên nhân****2.2. Triệu chứng lâm sàng****3. Bất thường bong nhau và sổ nhau**

4. Rối loạn đông máu**5. Chẩn đoán xác định****6. Xử trí chung****7. Kế hoạch chăm sóc****7.1. Nhận định****7.2. Những vấn đề cần chăm sóc****7.3. Lập kế hoạch chăm sóc****7.4. Thực hiện chăm sóc****7.5. Đánh giá quá trình chăm sóc****BÀI 15: CHĂM SÓC SẢN PHỤ NHIỄM KHUẨN SAU ĐẺ****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Kể ra được các yếu tố thuận lợi và các loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn hậu sản.
2. Trình bày được triệu chứng và hướng xử trí các thể lâm sàng trong nhiễm khuẩn hậu sản.
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ.
4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc và xử trí sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của sản phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)**1. Đại cương****1.1. Định nghĩa**

1.2. Đường xâm nhập**1.3. Nguyên nhân/các yếu tố nguy cơ****1.4. Mầm bệnh các loại vi khuẩn phân lập được****2. Các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ****2.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, âm đạo****2.2. Viêm nội mạc tử cung****2.3. Viêm cơ tử cung****2.4. Viêm dây chằng và phần phụ****2.5. Viêm phúc mạc tiểu khung****2.6. Viêm phúc mạc toàn thể****2.7. Nhiễm khuẩn máu****2.8. Choáng nhiễm khuẩn****3. Kế hoạch chăm sóc****3.1. Nhận định****3.2. Những vấn đề cần chăm sóc****3.3. Lập kế hoạch chăm sóc****3.4. Thực hiện chăm sóc****3.5. Đánh giá quá trình chăm sóc****4. Dự phòng****BÀI 16: CHĂM SÓC SƠ SINH ĐỦ THÁNG****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được những tiêu chuẩn để nhận định một trẻ sơ sinh đủ tháng.
2. Phát hiện được những dấu hiệu bất thường của trẻ ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ.
3. Trình bày được các nội dung chăm sóc sơ sinh đủ tháng ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ.
4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc và xử trí các dấu hiệu bất thường ở trẻ sơ sinh. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của sản phụ, người nhà và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ

1.1. Tiêu chuẩn hình thể bên ngoài

1.2. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ

1.3. Một số trường hợp bất thường ngay sau đẻ

2. Chăm sóc sơ sinh những ngày sau đẻ

2.1. Đánh giá tình trạng trẻ hàng ngày

2.2. Chăm sóc da, chăm sóc rốn

2.3. Cho trẻ bú mẹ

2.4. Theo dõi toàn thân, vàng da, sứt cân sinh lý

3. Phòng bệnh

4. Một số trường hợp bất thường những ngày sau đẻ

BÀI 17: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN NHIỄM KHUẨN SINH SẢN VÀ CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục.
2. Thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ mắc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục.
3. Cẩn thận, kiên trì, khản trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc, xử trí bệnh nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người bệnh và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (4)

1. Những vấn đề chung về nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục

1.1. Nguyên nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục

1.2. Điều kiện thuận lợi nhiễm khuẩn đường sinh sản

1.3. Dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục

2. Hội chứng tiết dịch âm đạo

2.1. Nguyên nhân thường gặp

2.2. Triệu chứng và chẩn đoán

2.3. Điều trị

3. Hội chứng loét sinh dục - sưng hạch bẹn

3.1. Triệu chứng

3.2. Chẩn đoán

3.3. Điều trị

4. Sùi mào gà

4.1. Triệu chứng

4.2. Chẩn đoán

4.3. Điều trị

5. Hội chứng đau bụng dưới

5.1. Nguyên nhân gây đau bụng dưới

5.2. Triệu chứng lâm sàng

5.3. Chẩn đoán

6. Dự phòng

7. Tư vấn

8. Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục

8.1. Nhận định

8.2. Chẩn đoán chăm sóc

8.3. Lập kế hoạch chăm sóc

8.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

8.5. Đánh giá

BÀI 18: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN CÓ KHỐI U SINH DỤC – SA SINH DỤC

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và phương pháp điều trị các khối u sinh dục và sa sinh dục.

2. Thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục - sa sinh dục trước và sau mổ.

3. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc, xử trí bệnh nhân có khối u sinh dục – sa sinh dục. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người bệnh và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG BÀI (4)

1. Bệnh ở vú

1.1. Bệnh xơ nang tuyến vú

1.2. U xơ tuyến vú

2. Ung thư vú

2.1. Chẩn đoán

2.2. Điều trị

3. U lành tính và ác tính ở âm hộ, âm đạo

3.1. Các khối u lành tính ở âm hộ

3.2. Các khối u lành tính ở âm đạo

3.3. Các khối u ác tính ở âm hộ

3.4. Các khối u ác tính ở âm đạo

4. U nang buồng trứng

4.1. Phân loại

4.2. Lâm sàng

4.3. Cận lâm sàng

4.4. Tiến triển và biến chứng

4.5. Điều trị

5. U xơ tử cung**5.1. Lâm sàng****5.2. Cận lâm sàng****5.3. Tiến triển và biến chứng****5.4. Điều trị****6. Ung thư cổ tử cung****6.1. Yếu tố nguy cơ****6.2. Lâm sàng****6.3. Cận lâm sàng****6.4. Điều trị****7. Ung thư niêm mạc tử cung****7.1 Yếu tố nguy cơ****7.2. Lâm sàng****7. 3. Cận lâm sàng****7.4. Điều trị****8. Sa sinh dục****8.1. Nguyên nhân****8.2. Triệu chứng****8.3. Chẩn đoán phân biệt****8.4. Điều trị****9. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục - sa sinh dục****9.1. Kế hoạch chăm sóc người bệnh điều trị nội khoa - Trước phẫu thuật**

9.2. Kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe phụ nữ bà mẹ và trẻ sơ sinh tại cộng đồng.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe trẻ em, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Có kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại cộng đồng.
- Thực hiện được các trường hợp chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh tại cộng đồng.
- Thực hiện được việc giao tiếp, tư vấn sức khỏe qua tình huống cho sẵn và trên lâm sàng hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hà Nội 2016.
2. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội 2013.
3. Bộ Y tế. “Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ”. Hà Nội; 2014.

4. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội 2011.

V. Ghi chú và giải thích: Không.

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe trẻ em

Mã môn học: 61142074

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 21 giờ; Thảo luận, bài tập: 7 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ IV.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được đặc điểm, giải phẫu sinh lý ở trẻ em.
2. Trình bày được sự phát triển của trẻ em qua các thời kỳ.
3. Mô tả được sự phát triển về thể chất, tinh thần và vận động ở trẻ em.
4. Mô tả được các dấu hiệu trong một số bệnh thường gặp ở trẻ em (hô hấp, tiêu hóa, dinh dưỡng, thận tiết niệu...).

5. Trình bày được cách xử trí một số cấp cứu thường gặp ở trẻ em (sặc sữa, các dị vật đường thở...).

6. Trình bày một số yếu tố văn hóa, xã hội, môi trường, thói quen và phong tục tập quán có ảnh hưởng trong chăm sóc sức khỏe trẻ em.

II. Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ khỏe.

2. Lập kế hoạch chăm sóc trẻ em mắc số bệnh thường gặp (hô hấp, tiêu hóa, dinh dưỡng...).

3. Sơ cứu kịp thời một số cấp cứu trong nhi khoa (sặc sữa, dị vật đường thở...).

4. Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả hướng dẫn người chăm sóc trẻ theo khoa học.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của mô đun.

2. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Chấp hành nội qui phòng thực hành, thí nghiệm và những qui định của giảng viên.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đặc điểm giải phẫu sinh lý ở trẻ em 1. Da và lớp mỡ dưới da 1.1. Đặc điểm cấu tạo 1.2. Đặc điểm sinh lý 2. Hệ cơ 2.1. Đặc điểm cấu tạo 2.2. Đặc điểm về sự phát triển cơ 3. Hệ xương 3.1. Đặc điểm cấu tạo 3.2. Đặc điểm một số xương 4. Hệ hô hấp 4.1. Đặc điểm giải phẫu 4.2. Đặc điểm sinh lý 5. Hệ tuần hoàn	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	5.1. Vòng tuần hoàn thai nhi và sau khi đẻ 5.2. Tim 5.3. Mạch máu 5.4. Huyết áp động mạch 5.5. Máu ngoại biên của trẻ em 6. Hệ tiêu hóa 6.1. Miệng 6.2. Thực quản 6.3. Dạ dày 6.4. Ruột 6.5. Phân 6.6. Gan 7. Hệ tiết niệu 7.1. Thận 7.2. Niệu quản				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	7.3. Bảng quang 7.4. Niệu đạo				
2	Chương 2: Sự phát triển của trẻ qua các thời kỳ 1. Đại cương 2. Các thời kỳ phát triển của trẻ 2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung 2.2. Thời kỳ sơ sinh 2.3. Thời kỳ bú mẹ 2.4. Thời kỳ răng sữa 2.5. Thời kỳ thiếu niên 2.6. Thời kỳ dậy thì 3. Biện pháp giúp trẻ phát triển toàn diện	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
3	Chương 3: Sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động ở trẻ em 1. Sự phát triển thể chất ở trẻ em 1.1. Cân nặng 1.2. Chiều cao 1.3. Vòng đầu 1.4. Vòng ngực 1.5. Vòng cánh tay 1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất 2. Sự phát triển tinh thần - vận động ở trẻ em 2.1. Các yếu tố đảm bảo cho trẻ có thể phát triển tinh thần - vận động bình thường 2.2. Sự phát triển tinh thần, vận động ở trẻ em	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Biểu đồ tăng trưởng 3.1. Tác dụng 3.2. Cấu tạo 3.3. Cách theo dõi biểu đồ				
4	Chương 4: Dinh dưỡng trẻ em 1. Nuôi con bằng sữa mẹ 1.1. Giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ 1.2. Sinh lý bài tiết sữa 1.3. Cách bảo vệ nguồn sữa mẹ 1.4. Cách cho trẻ bú 1.5. Cách xử trí một trẻ có vấn đề nuôi dưỡng chưa hợp lý hoặc nhẹ cân 1.6. Xử trí một số tình huống khi cho con bú 2. Ăn nhân tạo	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.1. Các loại sữa cho trẻ ăn nhân tạo 2.2. Cách cho trẻ ăn khi thiếu hoặc mất sữa mẹ 3. Ăn bổ sung (ăn sam, ăn dặm) 3.1. Định nghĩa 3.2. Thời gian cho trẻ ăn bổ sung 3.3. Thức ăn bổ sung: Theo ô vuông thức ăn. 3.4. Nguyên tắc cho trẻ ăn 3.5. Cách chế biến một số món ăn 3.6. Hướng dẫn nuôi dưỡng trẻ				
5	Chương 5: Chương trình tiêm chủng mở rộng 1. Mục tiêu, mục đích, ý nghĩa của tiêm chủng	2	1	1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.1. Mục tiêu của chương trình tiêm chủng mở rộng 1.2. Mục đích của tiêm chủng 1.3. Ý nghĩa của tiêm chủng và chương trình tiêm chủng mở rộng 2. Vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng 2.1. Vắc xin Bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT) 2.2. Vắc xin sởi 2.3. Vắc xin bại liệt uống (OPV) và (IPV) tiêm 2.4. Vắc xin uốn ván (UV) 2.5. Vắc xin phòng lao (BCG) 2.6. Vắc xin viêm gan B 2.7 . Vắc xin phối hợp (DPT - VGB - Hib)				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.8. Vắc xin viêm não Nhật Bản (JE): 2.9. Vắc xin Tả 2.10. Vắc xin Thương hàn 3. Lịch tiêm chủng chương trình tiêm chủng mở rộng 3.1. Lịch tiêm chủng vắc xin cơ bản cho trẻ em 3.2. Lịch tiêm chủng vắc xin viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn tại các vùng lưu hành bệnh 3.3. Lịch tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai 4. Thực hiện tiêm chủng 4.1. Chuẩn bị cho một buổi tiêm chủng tại cơ sở y tế 4.2. Tổ chức buổi tiêm chủng				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	5. Bảo quản vắc xin, dây truyền lạnh và cách sử dụng phích giữ lạnh vắc xin 5.1. Bảo quản Vắc xin 5.2. Dây truyền lạnh 5.3. Sử dụng phích vắc xin bảo quản vắc xin 5.4. Giữ lạnh vắc xin trong khi vận chuyển 5.5. Giữ lạnh Vắc xin trong suốt buổi tiêm chủng				
6	Chương 6: Chăm sóc trẻ sơ sinh 1. Đặc điểm trẻ sơ sinh 1.1. Đặc điểm hình thể 1.2. Đặc điểm sinh lý 2. Chăm sóc trẻ sơ sinh 2.1. Trẻ sơ sinh đủ tháng	1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.2. Trẻ sơ sinh non tháng 2.3. Trẻ sơ sinh già tháng				
7	Chương 7: Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng 1. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng 1.1. Mục tiêu của chương trình 1.2. Các nội dung triển khai tại tuyến y tế cơ sở 2. Suy dinh dưỡng 2.1. Khái niệm 2.2. Tác hại 2.3. Nguyên nhân 3. Phân loại suy dinh dưỡng 3.1. Phân loại theo mức độ SDD 3.2. Phân loại theo Wellcome (1970)	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.3. Phân loại theo Waterlow (1976) 3.4. Dựa vào lâm sàng 4. Chăm sóc 4.1. Nhận định 4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc 4.3. Đánh giá 4.4. Phòng bệnh				
8	Chương 8: Chăm sóc trẻ bị bệnh còi xương 1. Đại cương 1.1. Khái niệm về bệnh 1.2. Nguồn cung cấp vitamin D 1.3. Vai trò của vitamin D 2. Nguyên nhân	1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng 4. Chăm sóc 4.1. Nhận định 4.2. Các vấn đề chăm sóc 4.3. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc				
9	Chương 9: Chăm sóc trẻ bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp 1. Chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI) 2.1. Tầm quan trọng của NKHHC ở trẻ em 2.2. Mục tiêu của chương trình ARI 2.3. Biện pháp thực hiện mục tiêu	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.4. Các nội dung hoạt động chính của chương trình 2. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Phân loại 3. Phòng bệnh 4. Chăm sóc 4.1. Nhận định 4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc 4.3. Đánh giá				
10	Chương 10: Chăm sóc trẻ bị bệnh tiêu chảy 1. Chương trình phòng chống tiêu chảy (CDD) 2.1. Tầm quan trọng của bệnh	5	1	3	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.2. Mục tiêu của chương trình 1.3. Nội dung triển khai tại y tế cơ sở 2. Bệnh tiêu chảy 2.1. Định nghĩa 2.2. Tác hại của tiêu chảy 3. Nguyên nhân gây tiêu chảy 3.1. Do nhiễm khuẩn 3.2. Do chế độ ăn sai về số lượng và chất lượng 3.3. Do biến chứng của một số bệnh 4. Triệu chứng và cách phân loại 5. Phòng bệnh 6. Chăm sóc 6.1. Nhận định				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	6.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc				
11	Chương 11: Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Thời kỳ khởi phát 3.2. Thời kỳ toàn phát 4. Tiến triển và biến chứng 5. Chăm sóc 5.1. Nhận định 5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc 6. Phòng bệnh	1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
12	Chương 12: Chăm sóc trẻ bị Hội chứng thận hư 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Thời kỳ khởi phát 3.2. Thời kỳ toàn phát 4. Tiến triển và biến chứng 5. Chăm sóc 5.1. Nhận định 5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc	1	1		
13	Chương 13: Chăm sóc trẻ bị co giật	1	1		

	1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Co giật do tổn thương thực thể ở não và màng não 2.2. Co giật do rối loạn chức năng não 2.3. Do cao huyết áp 2.4. Do sốt cao 2.5. Bệnh động kinh 3. Phân loại 3.1. Co giật không động kinh 3.2. Co giật động kinh 4. Triệu chứng 4.1. Co giật do sốt cao 4.2. Co giật do nhiễm trùng ở hệ thần kinh trung ương 4.3 Co giật do động kinh 5. Chăm sóc 5.1. Nguyên tắc 5.2. Chăm sóc cụ thể				
14	Chương 14: Chăm sóc trẻ bị các dị tật bẩm sinh	1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Những hình thái dị tật 3.1. Những dị tật cần phẫu thuật cấp cứu trong thời kỳ sơ sinh 3.2. Những dị tật bẩm sinh không cần phẫu thuật hay chưa cần phẫu thuật cấp cứu trong thời kỳ sơ sinh				
15	Chương 15: Xử trí một số tình huống thường gặp ở trẻ em 1. Dị vật đường thở 1.1. Các dấu hiệu khi trẻ bị dị vật đường thở 1.2. Xử trí khi trẻ bị dị vật đường thở 1.3. Theo dõi 1.4. Chuyển tuyến	5	1	3	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2. Sặc sữa 2.1. Cách nhận biết sặc sữa 2.2. Cách xử trí sặc sữa 3. Đuối nước 3.1. Ngay nơi xảy ra đuối nước 3.2. Xử trí tại cơ sở y tế 4. Gãy chi 4.1. Cách phát hiện 4.2. Xử trí tai nạn gãy chi 4.3. Theo dõi 5. Bỏng 5.1. Mức độ bỏng 5.2. Mức độ tổn thương của bỏng 5.3. Xử trí bỏng				
	Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ĐẶC ĐIỂM GIẢI PHẪU SINH LÝ Ở TRẺ EM

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo và đặc điểm sinh lý về giải phẫu ở trẻ em.
2. Nêu được các chỉ số để đánh giá hoạt động sinh lý của trẻ em theo lứa tuổi.
3. Vận dụng được những đặc điểm giải phẫu sinh lý vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.
4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Da và lớp mỡ dưới da

1.1. Đặc điểm cấu tạo

1.2. Đặc điểm sinh lý

2. Hệ cơ

2.1. Đặc điểm cấu tạo

2.2. Đặc điểm về sự phát triển cơ

3. Hệ xương

3.1. Đặc điểm cấu tạo

3.2. Đặc điểm một số xương

4. Hệ hô hấp

4.1. Đặc điểm giải phẫu

4.2. Đặc điểm sinh lý

5. Hệ tuần hoàn

5.1. Vòng tuần hoàn thai nhi và sau khi đẻ

5.2. Tim

5.3. Mạch máu

5.4. Huyết áp động mạch

5.5. Máu ngoại biên của trẻ em

6. Hệ tiêu hóa

6.1. Miệng

6.2. Thực quản

6.3. Dạ dày

6.4. Ruột

6.5. Phân

6.6. Gan

7. Hệ tiết niệu

7.1. Thận

7.2. Niệu quản

7.3. Bàng quang

7.4. Niệu đạo

CHƯƠNG 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ QUA CÁC THỜI KỲ

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em qua 6 thời kỳ.

2. Kể được 8 biện pháp chung giúp trẻ em phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

3. Vận dụng được những đặc điểm sinh lý và bệnh lý của các thời kỳ vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.

4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

2. Các thời kỳ phát triển của trẻ

2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung

2.2. Thời kỳ sơ sinh

2.3. Thời kỳ bú mẹ

2.4. Thời kỳ răng sữa

2.5. Thời kỳ thiếu niên

2.6. Thời kỳ dậy thì

CHƯƠNG 3: SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT, TINH THẦN VÀ VẬN ĐỘNG Ở TRẺ EM

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các chỉ số chính để đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ em .

2. Trình bày được các đặc điểm của sự phát triển tinh thần vận động ở trẻ em.

3. Ứng dụng được các chỉ số chính vào công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và giáo dục sức khỏe.

4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Sự phát triển thể chất ở trẻ em

1.1. Cân nặng

1.2. Chiều cao

1.3. Vòng đầu

1.4. Vòng ngực

1.5. Vòng cánh tay

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất

2. Sự phát triển tinh thần - vận động ở trẻ em

2.1. Các yếu tố đảm bảo cho trẻ có thể phát triển tinh thần - vận động bình thường

2.2. Sự phát triển tinh thần, vận động ở trẻ em

3. Cách theo dõi biểu đồ

CHƯƠNG 4: DINH DƯỠNG TRẺ EM

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.

2. Trình bày cách bà mẹ cho trẻ bú đúng, cách xử trí một số tình huống khó khăn khi mẹ cho con bú.

3. Thực hiện được cách cho trẻ ăn nhân tạo và chế độ ăn bổ sung của trẻ.

4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Nuôi con bằng sữa mẹ

1.1. Giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ

1.2. Sinh lý bài tiết sữa

1.3. Cách bảo vệ nguồn sữa mẹ

1.4. Cách cho trẻ bú

1.5. Cách xử trí một trẻ có vấn đề nuôi dưỡng chưa hợp lý hoặc nhẹ cân

1.6. Xử trí một số tình huống khi cho con bú

2. Ăn nhân tạo

2.1. Các loại sữa cho trẻ ăn nhân tạo

2.2. Cách cho trẻ ăn khi thiếu hoặc mất sữa mẹ

3. Ăn bổ sung (ăn sam, ăn dặm)

3.1. Định nghĩa

3.2. Thời gian cho trẻ ăn bổ sung

3.3. Thức ăn bổ sung: Theo ô vuông thức ăn.

3.4. Nguyên tắc cho trẻ ăn

3.5. Cách chế biến một số món ăn

3.6. Hướng dẫn nuôi dưỡng trẻ

CHƯƠNG 5: CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu được mục tiêu của chương trình tiêm chủng mở rộng.
2. Liệt kê được các loại vắc xin, lịch tiêm chủng, cách sử dụng, bảo quản vắc xin.
3. Chuẩn bị được các nội dung cho một buổi tiêm chủng.
4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Mục tiêu, mục đích, ý nghĩa của tiêm chủng

1.1. Mục tiêu của chương trình tiêm chủng mở rộng

1.2. Mục đích của tiêm chủng

1.3. Ý nghĩa của tiêm chủng và chương trình tiêm chủng mở rộng

2. Vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng

2.1. Vắc xin Bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT)

2.2. Vắc xin sởi

2.3. Vắc xin bại liệt uống (OPV) và (IPV) tiêm

2.4. Vắc xin uốn ván (UV)

2.5. Vắc xin phòng lao (BCG)

2.6. Vắc xin viêm gan B

2.7. *Vắc xin phối hợp (DPT - VGB - Hib)*

2.8. *Vắc xin viêm não Nhật Bản (JE)*

2.9. *Vắc xin Tả*

2.10. *Vắc xin Thương hàn*

3. *Lịch tiêm chủng chương trình tiêm chủng mở rộng*

3.1. *Lịch tiêm chủng vắc xin cơ bản cho trẻ em*

3.2. *Lịch tiêm chủng vắc xin viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn tại các vùng lưu hành bệnh*

3.3. *Lịch tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai*

4. *Thực hiện tiêm chủng*

4.1. *Chuẩn bị cho một buổi tiêm chủng tại cơ sở y tế*

4.2. *Tổ chức buổi tiêm chủng*

5. *Bảo quản vắc xin, dây truyền lạnh và cách sử dụng phích giữ lạnh vắc xin*

5.1. *Bảo quản Vắc xin*

5.2. *Dây truyền lạnh*

5.3. *Sử dụng phích vắc xin bảo quản vắc xin*

5.4. *Giữ lạnh vắc xin trong khi vận chuyển*

5.5. *Giữ lạnh Vắc xin trong suốt buổi tiêm chủng*

CHƯƠNG 6: CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm của trẻ sơ sinh đủ tháng, non tháng và già tháng.

2. Thực hiện chăm sóc được một trẻ sơ sinh đủ tháng, non tháng và già tháng.

3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ sơ sinh. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)

1. Đặc điểm trẻ sơ sinh

1.1. Đặc điểm hình thể

1.2. Đặc điểm sinh lý

2. Chăm sóc

2.1. Trẻ sơ sinh đủ tháng

2.2. Trẻ sơ sinh non tháng

2.3. Trẻ sơ sinh già tháng

CHƯƠNG 7: CHĂM SÓC TRẺ BỊ SUY DINH DƯỠNG

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được các mục tiêu và nội dung triển khai tại y tế cơ sở của chương trình phòng chống suy dinh dưỡng.

2. Trình bày được tác hại, nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phân loại được các mức độ suy dinh dưỡng.

3. Thực hiện được cách lập kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng.

4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị suy dinh dưỡng. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng

1.1. Mục tiêu của chương trình

1.2. Các nội dung triển khai tại tuyến y tế cơ sở

2. Suy dinh dưỡng

2.1. Khái niệm

2.2. Tác hại

2.3. Nguyên nhân

3. Phân loại suy dinh dưỡng

3.1. Phân loại theo mức độ SDD

3.2. Phân loại theo Wellcome (1970)

3.3. Phân loại theo Waterlow (1976)

3.4. Dựa vào lâm sàng

4. Chăm sóc

4.1. Nhận định

4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc

4.3. Đánh giá

4.4. Phòng bệnh

CHƯƠNG 8: CHĂM SÓC TRẺ BỊ BỆNH CÒI XƯƠNG

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1 Trình bày đúng nguyên nhân và triệu chứng chính của bệnh còi xương.

2. Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ còi xương.

3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị bệnh còi xương. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

1.1. Khái niệm

1.2. Nguồn cung cấp vitamin D

1.3. Vai trò của vitamin D

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng

4. Chăm sóc

4.1. Nhận định

4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc

4.3. Giáo dục sức khỏe

CHƯƠNG 9: CHĂM SÓC TRẺ BỊ NHIỄM KHUẨN HÔ HẤP CẤP

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục tiêu và nội dung triển khai chương trình tại tuyến y tế cơ sở

2. Trình bày được nguyên nhân, nguy cơ, triệu chứng chính và cách phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp.

3. Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ không viêm phổi, viêm phổi và viêm phổi nặng hoặc bệnh rất nặng.

4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI)

2.1. Tầm quan trọng của NKHHC ở trẻ em

2.2. Mục tiêu của chương trình ARI

2.3. Biện pháp thực hiện mục tiêu

2.4. Các nội dung hoạt động chính của chương trình

2. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Phân loại

3. Phòng bệnh

4. Chăm sóc

4.1. Nhận định

4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc

CHƯƠNG 10: CHĂM SÓC TRẺ BỊ BỆNH TIÊU CHẢY

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục tiêu và nội dung chương trình phòng chống tiêu chảy.
2. Trình bày được nguyên nhân, tác hại đánh giá và phân loại mất nước ở bệnh nhân tiêu chảy cấp.
3. Lập được kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhân tiêu chảy theo mức độ phân loại.
4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị bệnh tiêu chảy. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Chương trình phòng chống tiêu chảy (CDD)

2.1. Tầm quan trọng của bệnh

1.2. Mục tiêu của chương trình

1.3. Nội dung triển khai tại y tế cơ sở

2. Bệnh tiêu chảy

2.1. Định nghĩa

2.2. Tác hại của tiêu chảy

3. Nguyên nhân gây tiêu chảy

3.1. Do nhiễm khuẩn

3.2. Do chế độ ăn sai về số lượng và chất lượng

3.3. Do biến chứng của một số bệnh

4. Triệu chứng và cách phân loại

5. Phòng bệnh

6. Chăm sóc

6.1. Nhận định

6.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc

CHƯƠNG 11: CHĂM SÓC TRẺ BỊ VIÊM CẦU THẬN CẤP

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của bệnh viêm cầu thận cấp.

2. Trình bày được cách lập kế hoạch chăm sóc trẻ viêm cầu thận.

3. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị viêm cầu thận cấp. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng

3.1. Thời kỳ khởi phát

3.2. Thời kỳ toàn phát

4. Tiến triển và biến chứng

5. Chăm sóc

5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc

6. Phòng bệnh

CHƯƠNG 12: CHĂM SÓC TRẺ BỊ HỘI CHỨNG THẬN HƯ

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của hội chứng thận hư.
2. Thực hiện lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân hội chứng thận hư.
3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị hội chứng thận hư. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**1. Đại cương****2. Nguyên nhân****3. Triệu chứng****3.1. Thời kỳ khởi phát****3.2. Thời kỳ toàn phát****4. Tiến triển và biến chứng****5. Chăm sóc****5.1. Nhận định****5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc****CHƯƠNG 13: CHĂM SÓC TRẺ BỊ CO GIẬT**

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân gây co giật.
2. Phân loại được co giật.

3. Thực hiện được cách chăm sóc trẻ khi lên cơn co giật.

4. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị co giật. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

2.1. Co giật do tổn thương thực thể ở não và màng não

2.2. Co giật do rối loạn chức năng não

2.3. Do cao huyết áp

2.4. Do sốt cao

2.5. Bệnh động kinh

3. Phân loại

3.1. Co giật không động kinh

3.2. Co giật động kinh

4. Triệu chứng

4.1. Co giật do sốt cao

4.2. Co giật do nhiễm trùng ở hệ thần kinh trung ương

4.3 Co giật do động kinh

5. Chăm sóc

CHƯƠNG 14: CHĂM SÓC TRẺ BỊ CÁC DỊ TẬT BẨM SINH

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân gây dị tật bẩm sinh.
2. Phân biệt được các hình thái dị tật bẩm sinh.
3. Thực hiện chăm sóc được cho trẻ bị dị tật bẩm sinh.
4. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các dị tật bẩm sinh ở trẻ em. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

3. Những hình thái dị tật

3.1. Những dị tật cần phẫu thuật cấp cứu trong thời kỳ sơ sinh

3.2. Những dị tật bẩm sinh không cần phẫu thuật hay chưa cần phẫu thuật cấp cứu trong thời kỳ sơ sinh

CHƯƠNG 15: XỬ TRÍ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG THƯỜNG GẶP Ở TRẺ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các dấu hiệu nhận biết khi trẻ bị dị vật đường thở, sặc sữa.
2. Thực hiện sơ cứu được các tình huống thường gặp nguy hiểm ở trẻ em.
3. Cần thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)

1. Dị vật đường thở

1.1. Các dấu hiệu khi trẻ bị dị vật đường thở

1.2. Xử trí khi trẻ bị dị vật đường thở

1.3. Theo dõi

1.4. Chuyển tuyến

2. Sặc sữa

2.1. Cách nhận biết sặc sữa

2.2. Cách xử trí sặc sữa

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi chương.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe trẻ em trong công tác chăm sóc người bệnh tại cộng đồng.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe trẻ em, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Có kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại cộng đồng.
- Thực hiện được các trường hợp chăm sóc sức khỏe trẻ em tại cộng đồng.

- Thực hiện được việc giao tiếp, tư vấn sức khỏe qua tình huống cho sẵn và trên lâm sàng hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em: NXB giáo dục Việt Nam; 2015.
2. Bộ Y tế. Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế về Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm Y tế bắt buộc. Hà Nội 2017.
3. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Hà Nội; 2016.
4. Bộ Y tế. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Hà Nội 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực

Mã mô đun: 61143075

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (lý thuyết: 27 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; kiểm tra: 3 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun cơ sở được thực hiện trong học kỳ III, năm thứ hai.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Trình bày được đại cương, nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu.

2. Nhận biết được các nguyên nhân, triệu chứng và biện pháp dự phòng một số cấp cứu thường gặp; xác định được các vấn đề cần can thiệp trong xử trí người bệnh cấp cứu.

II. Về kỹ năng

1. Nhận định được các dấu hiệu, triệu chứng và xác định vấn đề ưu tiên đối với người bệnh cấp cứu.

2. Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản trong cấp cứu nội khoa và chấn thương khi cấp cứu người bệnh.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành được thái độ đúng đắn, đạo đức nghề người điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.

2. Rèn luyện tính trung thực, khẩn trương, thận trọng, chính xác và an toàn trong quá trình xử trí cấp cứu người bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương về sơ cấp cứu 1. Khái niệm tai nạn thương tích 2. Khái niệm về sơ cấp cứu 3. Mục đích của sơ cấp cứu 4. Các bước tiến hành sơ cấp cứu 4.1. Quy trình thực hiện kỹ thuật sơ cấp cứu 4.2. Ai có thể thực hiện sơ cấp cứu	2	2	0	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
2	Bài 2: Nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu 1. Khái niệm về cấp cứu 2. Các đặc thù của cấp cứu 3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí bệnh nhân cấp cứu	2	2	0	
3	Bài 3: Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản 1. Triệu chứng và xác định người bệnh ngừng tuần hoàn 2. Nguyên tắc chung khi xử trí, cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng thở 3. Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản: 3.1. Ép tim ngoài ngực (Chestcompressions) 3.2. Giải phóng đường thở (Airway) 3.3. Thở ngạt (Breathing: hô hấp nhân tạo hay thổi ngạt)	5	1	4	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.4. Thuốc và sốc điện (Defibrillation) 3.5. Phá rung bằng sốc điện 3.6. Dấu hiệu của cấp cứu ngừng tim- phổi cơ bản có hiệu quả 4. Quy trình thực hành cấp cứu ban đầu ngừng tuần hoàn				
4	Bài 4: Sơ cứu cầm máu vết thương 1. Phân loại chảy máu 1.1 Chảy máu ngoài 1.2. Chảy máu trong 2. Đặc điểm giải phẫu vết thương mạch máu 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Xử trí 4.1. Với chảy máu trong lồng ngực, ổ bụng 4.2. Với các vết thương mạch máu khác	9	1	8	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	5. Kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương 5.1. Ấn chèn động mạch 5.2. Băng ép 5.3. Garô				
5	Bài 5: Cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời 1. Đại cương 2. Gãy xương 2.1. Nguyên tắc đánh giá và xử trí cấp cứu bệnh nhân chấn thương xương 2.2. Gãy xương 2.3. Cố định một số gãy xương thường gặp 2.4. Chấn thương xương chậu 2.5. Trật khớp 3. Xử trí vết thương đứt rời 3.1. Phân loại	16	3	12	1

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.2. Xử trí cấp cứu chung 3.3. Xử trí cấp cứu phần mềm cứng 3.4. Xử trí phần chi thể đứt rời 3.5. Vết thương cắt cụt không hoàn toàn				
6	Bài 6: Cấp cứu người bệnh bị rắn cắn, ngạt nước, điện giật 1. Rắn cắn 1.1. Giới thiệu 1.2. Triệu chứng 1.3. Xử trí 2. Ngạt nước 2.1. Triệu chứng 2.2. Xử trí 3. Điện giật 3.1. Đại cương 3.2. Triệu chứng 3.3. Xử trí	6	2	4	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
7	Bài 7: Xử trí một số tình huống sơ cấp cứu thường gặp tại Trạm y tế 1. Chấn thương cột sống 1.1. Chấn thương cột sống cổ 1.2. Những dấu hiệu nhận biết 1.3. Xử trí 2. Chấn thương sọ não 2.1. Triệu chứng 2.2. Xử trí 3. Vết thương bụng 3.1. Triệu chứng 3.2. Xử trí 4. Chấn thương ngực 4.1. Nguyên tắc sơ cứu 4.2. Tổn thương xương sườn 5. Tổn thương mắt 6. Đột quỵ	11	2	8	1

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	6.1. Triệu chứng 6.2. Xử trí 7. Sơ cứu				
8	Bài 8: Phòng và xử trí sốc phản vệ 1. Khái niệm 2. Hướng dẫn phân loại mức độ phản vệ 2.1. Triệu chứng gợi ý 2.2. Triệu chứng của 4 mức độ phản vệ 2.3. Giới thiệu các bệnh cảnh lâm sàng 3. Phòng ngừa phản vệ 3.1. Khai thác tiền sử 3.2. Hộp thuốc cấp cứu 3.3. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 3.4. Quy định về thông tin cho đồng nghiệp khi gặp nguwoif bệnh phản vệ	6	2	4	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ 4.1. Nguyên tắc chung 4.2. Xử trí phản vệ nhẹ (Độ I) 4.3. Xử trí cấp cứu phản vệ mức độ nặng (độ II) và nguy kịch (Độ III)				
9	Bài 9: Xử trí cấp cứu bệnh nhân bỏng 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 2.1. Nguyên nhân gây bỏng 2.2. Đánh giá tình trạng nguy kịch do bỏng gây ra 2.3. Đánh giá độ nặng của vùng bỏng theo Wallace 2.4. Chẩn đoán độ sâu của bỏng 3. Xử trí 3.1. Nguyên tắc xử trí 3.2. Cách xử trí	6	2	4	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.3. Cấp cứu một số trường hợp bỏng đặc biệt				
10	Bài 10: Chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp 1. Định nghĩa 2. Triệu chứng lâm sàng và diễn biến 3. Xử trí cấp cứu 4. Chăm sóc	4	2	2	
11	Bài 11: Chăm sóc người bệnh hôn mê 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng 4. Một số loại hôn mê trên lâm sàng 5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê 6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê	5	2	2	1
12	Bài 12: Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp	4	2	2	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1. Nguyên tắc chung 2. Cấp cứu ban đầu hay ổn định bệnh nhân 3. Nhận định 4. Áp dụng các biện pháp hạn chế hấp thu				
13	Bài 13: Chăm sóc người bệnh mở khí quản, đặt nội khí quản. 1. Định nghĩa 2. Biểu chứng và diễn biến 2.1. Viêm phổi bệnh viện 2.2. Tắc ống 2.3. Rò bóng chèn 2.4. Tuột ống 3. Chăm sóc bệnh nhân 4. Dẫn dò bệnh nhân 5. Giúp bệnh nhân giao tiếp 6. Duy trì độ ẩm không khí hít vào đầy đủ 7. Hút đờm	4	1	3	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	8. Chăm sóc bóng chèn				
14	Bài 14: Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Nâng và di dời bệnh nhân cấp cứu tại hiện trường 4. Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu trong - ngoài bệnh viện 5. Tư thế bệnh nhân trước và trong vận chuyển đến bệnh viện	6	2	4	
15	Bài 15: Chăm sóc bệnh nhân đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 1. Định nghĩa 2. Mục đích đặt 3. Mục đích chăm sóc 4. Chỉ định 5. Chống chỉ định	4	1	3	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	6. Đường đặt 7. Theo dõi và chăm sóc người bệnh đặt CVP 8. Tai biến và biến chứng 9. Chăm sóc người bệnh rút catheter hoặc rút catheter				
	Cộng	90	27	60	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ SƠ CẤP CỨU

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, mục đích sơ cấp cứu.
2. Trình bày được những nguyên tắc thực hiện kỹ thuật khi tiến hành sơ cấp cứu.
3. Áp dụng được kỹ thuật thực hành sơ cấp cứu vào thực tế trong các cơ sở y tế và cộng đồng.
4. Rèn luyện được tính nhanh nhẹn, chính xác, từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (1)

1. Khái niệm tai nạn thương tích

2. Khái niệm về sơ cấp cứu

3. Mục đích của sơ cấp cứu

4. Các bước tiến hành sơ cấp cứu

4.1. Quy trình thực hiện kỹ thuật sơ cấp cứu

4.2. Ai có thể thực hiện sơ cấp cứu

BÀI 2: NHẬN ĐỊNH VÀ KIỂM SOÁT BAN ĐẦU

NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về cấp cứu.
2. Trình bày các nguyên tắc chính khi tiếp cận và xử trí bệnh nhân cấp cứu.
3. Hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (2) (1)

1. Khái niệm về cấp cứu

2. Các đặc thù của cấp cứu

3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí bệnh nhân cấp cứu

BÀI 3: CẤP CỨU NGỪNG TUẦN HOÀN CƠ BẢN

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được triệu chứng và nguyên tắc xử trí người bệnh ngừng tuần hoàn và hô hấp.
2. Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh ngừng tuần hoàn.

II. NỘI DUNG BÀI (1)

1. Triệu chứng và xác định người bệnh ngừng tuần hoàn
2. Nguyên tắc chung khi xử trí, cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng thở
3. Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản:
 - 3.1. Ép tim ngoài ngực (*Chest compressions*)
 - 3.2. Giải phóng đường thở (*Airway*)
 - 3.3. Thở ngạt (*Breathing: hô hấp nhân tạo hay thổi ngạt*)
 - 3.4. Thuốc và sốc điện (*Defibrillation*)
 - 3.5. Phá rung bằng sốc điện
 - 3.6. Dấu hiệu của cấp cứu ngừng tim- phổi cơ bản có hiệu quả
4. Quy trình thực hành cấp cứu ban đầu ngừng tuần hoàn

BÀI 4: SƠ CỨU CÀM MÁU VẾT THƯƠNG

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phân loại chảy máu và dấu hiệu mất máu nhiều.
2. Trình bày được nguyên tắc, kỹ thuật đặt và nói ga rô.

3. Thực hiện được sơ cứu nạn nhân chảy máu vết thương.
4. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương cho người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Phân loại chảy máu

1.1 Chảy máu ngoài

1.2. Chảy máu trong

2. Đặc điểm giải phẫu vết thương mạch máu

3. Triệu chứng lâm sàng

4. Xử trí:

4.1. Với chảy máu trong lồng ngực, ổ bụng

4.2. Với các vết thương mạch máu khác

5. Kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương

5.1. Ấn chèn động mạch

5.2. Băng ép

5.3. Garô

BÀI 5: CẤP CỨU CHẤN THƯƠNG XƯƠNG, MÔ MỀM

VÀ CHI THỂ ĐÚT RỜI

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên tắc chung xử trí cấp cứu gãy xương.
2. Thực hiện được một số biện pháp cố định các xương gãy.

3. Thực hiện được các bước xử trí cấp cứu vết thương đứt rời.

4. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời cho người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Đại cương

2. Gãy xương

2.1. Nguyên tắc đánh giá và xử trí cấp cứu bệnh nhân chấn thương xương

2.2. Gãy xương

2.3. Cố định một số gãy xương thường gặp

2.4. Chấn thương xương chậu

2.5. Trật khớp

3. Xử trí vết thương đứt rời

3.1. Phân loại

3.2. Xử trí cấp cứu chung

3.3. Xử trí cấp cứu phần mỡ cắt

3.4. Xử trí phần chi thể đứt rời

3.5. Vết thương cắt đứt không hoàn toàn

BÀI 6: CẤP CỨU NGƯỜI BỆNH RẮN CÁN, NGẠT NƯỚC, ĐIỆN GIẬT

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được triệu chứng rắn cắn, ngạt nước, điện giật.

2. Trình bày được nội dung cấp cứu người bệnh bị rắn độc cắn, ngạt nước, điện giật.

3. Thể hiện thái độ ân cần, nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh bị rắn cắn, ngạt nước và điện giật.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Rắn cắn

1.1. Giới thiệu

1.2. Triệu chứng

1.3. Xử trí

2. Ngạt nước

2.1. Triệu chứng

2.2. Xử trí

3. Điện giật

3.1. Đại cương

3.2. Triệu chứng

3.3. Xử trí

BÀI 7: KỸ THUẬT MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SƠ CẤP CỨU THƯỜNG GẶP TẠI TRẠM Y TẾ

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế
2. Thực hiện được các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế.

3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện cấp cứu một số tình huống thường gặp tại Trạm Y tế.

II. NỘI DUNG BÀI (2) (3) (4)

1. Chấn thương cột sống

1.1. Chấn thương cột sống cổ

1.2. Những dấu hiệu nhận biết

1.3. Xử trí

2. Chấn thương sọ não

2.1. Triệu chứng

2.2. Xử trí

3. Vết thương bụng

3.1. Triệu chứng

3.2. Xử trí

4. Chấn thương ngực

4.1. Nguyên tắc sơ cứu

4.2. Tổn thương xương sườn

5. Tổn thương mắt

6. Đột quỵ

6.1. Triệu chứng

6.2. Xử trí

7. Sơ cứu

BÀI 8: PHÒNG VÀ XỬ TRÍ SỐC PHẢN VỆ

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phát hiện sớm triệu chứng các mức độ phản vệ
2. Thực hiện được phòng ngừa phản vệ cho người bệnh trước khi dùng thuốc
3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác và phối hợp làm việc nhóm khi cấp cứu phản vệ.

II. NỘI DUNG BÀI (2) (5)

1. Khái niệm

2. Hướng dẫn phân loại mức độ phản vệ

2.1. Triệu chứng gợi ý

2.2. Triệu chứng của 4 mức độ phản vệ

2.3. Giới thiệu các bệnh cảnh lâm sàng

3. Phòng ngừa phản vệ

3.1. Khai thác tiền sử

3.2. Hộp thuốc cấp cứu

3.3. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

3.4. Quy định về thông tin cho đồng nghiệp khi gặp người bệnh phản vệ

4. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ

4.1. Nguyên tắc chung

4.2. Xử trí phản vệ nhẹ (độ I)

4.3. Xử trí cấp cứu phản vệ mức độ nặng (độ II) và nguy kịch (độ III)

BÀI 9: XỬ TRÍ CẤP CỨU BỆNH NHÂN BỎNG

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, phân độ nặng của bông.
2. Thực hiện được cách xử trí cấp cho bệnh nhân bông.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu bông cho người bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Đại cương

2. Chẩn đoán

2.1. Nguyên nhân gây bông

2.2. Đánh giá tình trạng nguy kịch do bông gây ra

2.3. Đánh giá độ nặng của vùng bông theo Wallace

2.4. Chẩn đoán độ sâu của bông

3. Xử trí

3.1. Nguyên tắc xử trí

3.2. Cách xử trí

3.3. Cấp cứu một số trường hợp bông đặc biệt

BÀI 10: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SUY HÔ HẤP CẤP

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, biểu hiện lâm sàng của suy hô hấp.
2. Trình bày được nhận định và chẩn đoán điều dưỡng trong chăm sóc bệnh nhân suy hô hấp.

3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy hô hấp.
4. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

- 1. Định nghĩa**
- 2. Triệu chứng lâm sàng và diễn biến**
- 3. Xử trí cấp cứu**
- 4. Chăm sóc**

BÀI 11: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH HÔN MÊ

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, các nguyên nhân thường gặp, triệu chứng và các nguyên tắc xử trí cấp cứu bệnh nhân hôn mê.
2. Trình bày được các bước lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc bệnh nhân.
3. Trình bày được cách theo dõi, đánh giá diễn biến và kết quả chăm sóc người bệnh.
4. Rèn luyện tính phán đoán, nhận định, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh hôn mê.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

- 1. Khái niệm**
- 2. Nguyên nhân**
- 3. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng**
- 4. Một số loại hôn mê trên lâm sàng**

5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê

6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê

BÀI 12: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGỘ ĐỘC CẤP

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên tắc chung, cấp cứu ban đầu bệnh nhân ngộ độc cấp.
2. Nhận định và nêu được chẩn đoán điều dưỡng của ngộ độc cấp.
3. Lập được kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngộ độc cấp.
4. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Nguyên tắc chung
2. Cấp cứu ban đầu hay ổn định bệnh nhân
3. Nhận định
4. Áp dụng các biện pháp hạn chế hấp thu

BÀI 13: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH MỞ KHÍ QUẢN,

ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quy trình chăm sóc một bệnh nhân có ống NKQ hoặc MKQ.
2. Trình bày được chỉ định và chống chỉ định các bước trong quy trình chăm sóc.

3. Nêu được các lỗi hay gặp trong quá trình chăm sóc bệnh nhân có NKQ, MKQ.

4. Xử trí một số biến chứng xảy ra trong quá trình chăm sóc.

5. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh mở khí quản, đặt nội khí quản.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Định nghĩa

2. Biến chứng và diễn biến

2.1. Viêm phổi bệnh viện

2.2. Tắc ống

2.3. Rò bóng chèn

2.4. Tuột ống

3. Chăm sóc bệnh nhân

4. Dặn dò bệnh nhân

5. Giúp bệnh nhân giao tiếp

6. Duy trì độ ẩm không khí hít vào đầy đủ

7. Hút đờm

8. Chăm sóc bóng chèn

BÀI 14: VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN CẤP CỨU

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phân loại các cách di dời và vận chuyển bệnh nhân.

2. Trình bày được vận chuyển bệnh nhân trong bệnh viện và chuyển viện.
3. Áp dụng được các tư thế an toàn khi vận chuyển bệnh nhân cấp cứu.
4. Thể hiện được thái độ ân cần, nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi vận chuyển bệnh nhân cấp cứu.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Đại cương

2. Phân loại

3. Nâng và di dời bệnh nhân cấp cứu tại hiện trường

4. Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu trong - ngoài bệnh viện

5. Tư thế bệnh nhân trước và trong vận chuyển đến bệnh viện

BÀI 15: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH TRUNG TÂM

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, mục đích đặt catheter tĩnh mạch trung tâm
2. Chăm sóc được người bệnh có CVP.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh đặt catheter tĩnh mạch trung tâm.

II. NỘI DUNG BÀI (3)

1. Định nghĩa

2. Mục đích đặt

3. Mục đích chăm sóc

4. Chỉ định

5. Chống chỉ định

6. Đường đặt

7. Theo dõi và chăm sóc người bệnh đặt CVP

8. Tai biến và biến chứng

9. Chăm sóc người bệnh rút catheter hoặc rút catheter

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

1. Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

2. Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

1. Học lý thuyết: Phấn, bảng, bút dạ, giấy A0. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

2. Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng bài thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

2. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình và áp dụng vào người bệnh trên lâm sàng.
- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng.
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện tính trung thực, khẩn trương, thận trọng, chính xác và an toàn trong quá trình xử trí cấp cứu người bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- + Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia mô đun.
- + Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận, sản phẩm học tập.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 3 bài.
- + Lý thuyết: 1 bài, thời gian 45 phút.
- + Thực hành: 2 bài, Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện một quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình điều dưỡng đa năng, thời gian 5 phút/sinh viên.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

- Sinh viên làm bài với hình thức trắc nghiệm, thời gian 60 phút.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình môn học Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.
- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Thạc sĩ Phạm Đức Mục. Tài liệu đào tạo cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản,. Hà Nội: Hiệp Hội điều dưỡng Việt Nam; 2019.
2. PGS TLNKPTĐQT. Tài liệu Đào tạo cấp cứu cơ bản,. Bộ Y tế: NXB Y học; 2014.
3. Bộ Y tế. Quyết định số 1904/QDD-BYT, ngày 30/5/2014 Quyết định về việc ban hành tài liệu "Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức - Cấp cứu và Chống độc",. Hà Nội2014.
4. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Tài liệu giảng dạy đào tạo liên tục Chăm sóc điều dưỡng tại trạm y tế theo nguyên tắc y học gia đình,2020.
5. Bộ Y tế. Thông tư 51/2017/TT-BYT, ngày 29/12/2017 về hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ 2017.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Quản lý và nghiên cứu điều dưỡng

Mã môn học: 61113010

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 32 giờ; thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 3 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ VI.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được hệ thống quản lý ngành điều dưỡng, nguyên tắc tổ chức và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng.
2. Trình bày được khái niệm về quản lý, quản lý điều dưỡng, các nguyên tắc, các biện pháp quản lý và nội dung các bước trong quy trình quản lý.
3. Trình bày được các khái niệm về lãnh đạo, những phẩm chất cần có và nên tránh của người lãnh đạo.
4. Trình bày được định nghĩa vấn đề; Nhận dạng các vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.
5. Trình bày được khái niệm y học dựa vào bằng chứng và vai trò của NCKH đối với ngành Điều dưỡng.

6. Xác định được các nguồn thông tin dùng cho tìm kiếm và tổng quan tài liệu tham khảo.

7. Trình bày được phương pháp tìm kiếm tài liệu qua internet, phương pháp tổng quan tài liệu đơn giản, các thiết kế dịch tễ học mô tả và phân tích.

8. Trình bày được các bước của quy trình nghiên cứu và nội dung của một đề cương nghiên cứu khoa học.

II. Về kỹ năng

1. Xây dựng được bảng mô tả công việc và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc.

2. Tiến hành thực hiện được các bước trong quy trình quản lý.

3. Ứng dụng được phong cách lãnh đạo điều dưỡng có hiệu quả trong công tác chăm sóc người bệnh.

4. Ứng dụng quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh

5. Áp dụng NCKH và viết được tổng quan tài liệu, mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu và thực hiện viết đề cương cho một chủ đề đã lựa chọn.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá.

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổ chức hoạt động điều dưỡng và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc 1. Hệ thống quản lý ngành điều dưỡng: 1.1. Sơ đồ tổ chức quản lý Điều dưỡng các cấp 1.2. Hệ thống điều dưỡng trong bệnh viện 2. Nhiệm vụ của trưởng phòng điều dưỡng: 3. Nhiệm vụ của điều dưỡng trong phòng điều dưỡng 4. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa 5. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa lâm sàng	4	4		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
2	Chương 2: Đại cương quản lý- Quản lý điều dưỡng 1. Định nghĩa: 1.1. Định nghĩa 1 1.2. Định nghĩa 2 1.3. Định nghĩa 3 1.4. Định nghĩa 4 2. Phương pháp quản lý: 2.1. Phương pháp giáo dục 2.2. Phương pháp hành chính 2.3. Phương pháp kinh tế 3. Quy trình quản lý: 3.1. Chức năng cơ bản của quản lý 3.2. Quy trình quản lý: 3.2.1. Lập kế hoạch	4	4		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.2.1.1. Định nghĩa 3.2.1.1. Phương pháp xây dựng kế hoạch 3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch 3.2.3. Đánh giá				
3	Chương 3: Phong cách lãnh đạo 1. Khái niệm lãnh đạo 2. Lãnh đạo điều dưỡng 3. Những phẩm chất của nhà lãnh đạo 3.1. Những phẩm chất nên có của nhà lãnh đạo 3.2. Những phẩm chất người lãnh đạo nên tránh 4. Phong cách lãnh đạo:	5	4		1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4.1. Phong cách lãnh đạo lấy con người làm trung tâm 4.2. Phong cách lãnh đạo lấy công việc làm trung tâm 4.3. Phong cách lãnh đạo độc đoán 4.4. Phong cách lãnh đạo dân chủ 4.5. Phong cách lãnh đạo ủy quyền				
4	Chương 4: Kỹ năng giải quyết vấn đề 1. Khái niệm 2. Quy trình giải quyết vấn đề: 2.1. Nhận biết vấn đề 2.2. Phân tích nguyên nhân:	4	4		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.2.1. Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “5 Why” 2.2.2. Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “Xương cá - Fishbone” 2.2.3. Chọn giải pháp và hoạt động ưu tiên 2.2.4. Thực thi giải pháp/hoạt động lựa chọn 2.2.5. Đánh giá kết quả				
5	Chương 5: Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng điều hành cuộc họp 1. Khái niệm về nhóm 2. Tầm quan trọng của nhóm làm việc 3. Phân loại nhóm	4	4		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4. Hoạt động nhóm: 4.1. Phát triển nhóm 4.2. Hoạt động nhóm 4.3. Thông tin trong nhóm 4.4. Thảo luận và ra quyết định trong nhóm 5. Điều hành nhóm: 5.1. Vai trò các thành viên trong nhóm 5.2. Phong cách điều hành hoạt động nhóm 6. Kỹ năng họp nhóm: 6.1. Họp nhóm 6.2. Một số công cụ điều hành họp nhóm 6.3. Cải thiện bản thân trong nhóm làm việc				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	7. Kỹ năng tổ chức cuộc họp 7.1. Mục đích cuộc họp 7.2. Cách tổ chức một cuộc họp 7.3. Vai trò của chủ tọa và thư ký trong cuộc họp				
6	Chương 6: Vấn đề nghiên cứu - Xây dựng đề cương nghiên cứu 1. Khái niệm y học dựa vào bằng chứng và vai trò của NCKH đối với ngành Điều dưỡng 1.1. Nghiên cứu khoa học 1.2. Vai trò của NCKH đối với ngành điều dưỡng	24	12	10	2

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.3. Các giải pháp tăng cường nghiên cứu điều dưỡng 2. Tìm kiếm và tổng quan tài liệu tham khảo 2.1. Xác định thông tin cần tìm kiếm 2.2. Xác định nguồn thông tin 2.3. Tiến hành tìm kiếm 2.4. Đánh giá và chọn lọc kết quả 2.5. Tổng quan tài liệu 3. Giới thiệu các thiết kế dịch tễ học 3.1. Phân loại theo các đặc điểm phơi nhiễm				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.2. Phân loại theo khả năng xác định yếu tố căn nguyên 4. Các thiết kế dịch tễ học thường được ứng dụng trong bệnh viện 4.1. Nghiên cứu một trường hợp/nhiều trường hợp bệnh 4.2. Nghiên cứu mô tả cắt ngang 4.3. Nghiên cứu bệnh - chứng 5. Khái niệm về “mẫu”, “cỡ mẫu” trong NCKH 6. Các phương pháp chọn mẫu 6.1. Chọn mẫu xác suất 6.2. Chọn mẫu không xác suất				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	7. Cỡ mẫu 7.1. Các đặc tính quyết định cỡ mẫu 7.2. Các chiến lược để tính toán cỡ mẫu 8. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học 8.1. Quy trình nghiên cứu 8.2. Các bước của Quy trình nghiên cứu 8.3. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học				
	Cộng	45	32	10	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU DƯỠNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN TRONG CHĂM SÓC

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hệ thống quản lý ngành điều dưỡng.
2. Trình bày được nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc.
3. Xây dựng được bảng mô tả công việc và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)

1. Hệ thống quản lý ngành điều dưỡng:

1.1. Sơ đồ tổ chức quản lý Điều dưỡng các cấp

1.2. Hệ thống điều dưỡng trong bệnh viện

2. Nhiệm vụ của trưởng phòng điều dưỡng:

3. Nhiệm vụ của điều dưỡng trong phòng điều dưỡng

4. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa

5. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa lâm sàng

CHƯƠNG 2: ĐẠI CƯƠNG QUẢN LÝ – QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về quản lý và quản lý điều dưỡng.
2. Trình bày được các nguyên tắc, yêu cầu và các biện pháp quản lý.
3. Tiến hành thực hiện được nội dung các bước trong quy trình quản lý.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)

1. Định nghĩa:

1.1. Định nghĩa 1

1.2. Định nghĩa 2**1.3. Định nghĩa 3****1.4. Định nghĩa 4****2. Phương pháp quản lý:***2.1. Phương pháp giáo dục**2.2. Phương pháp hành chính**2.3. Phương pháp kinh tế***3. Quy trình quản lý:***3.1. Chức năng cơ bản của quản lý**3.2. Quy trình quản lý:**3.2.1. Lập kế hoạch**3.2.1.1. Định nghĩa**3.2.1.1. Phương pháp xây dựng kế hoạch**3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch**3.2.3. Đánh giá***CHƯƠNG 3: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các khái niệm về lãnh đạo.
2. Trình bày được những phẩm chất cần có và nên tránh của người lãnh đạo.
3. Ứng dụng được phong cách lãnh đạo điều dưỡng có hiệu quả trong công tác chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Khái niệm lãnh đạo

2. Lãnh đạo điều dưỡng

3. Những phẩm chất của nhà lãnh đạo

3.1. Những phẩm chất nên có của nhà lãnh đạo

3.2. Những phẩm chất người lãnh đạo nên tránh

4. Phong cách lãnh đạo:

4.1. Phong cách lãnh đạo lấy con người làm trung tâm

4.2. Phong cách lãnh đạo lấy công việc làm trung tâm

4.3. Phong cách lãnh đạo độc đoán

4.4. Phong cách lãnh đạo dân chủ

4.5. Phong cách lãnh đạo ủy quyền

CHƯƠNG 4: KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày định nghĩa vấn đề là gì?
2. Nhận dạng các vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.
3. Mô tả quy trình giải quyết vấn đề.
4. Ứng dụng quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)

1. Khái niệm

2. Quy trình giải quyết vấn đề:

2.1. Nhận biết vấn đề

2.2. Phân tích nguyên nhân:

2.2.1. Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “5 Why”

2.2.2. Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “Xương cá - Fishbone”

2.2.3. Chọn giải pháp và hoạt động ưu tiên

2.2.4. Thực thi giải pháp/hoạt động lựa chọn

2.2.5. Đánh giá kết quả

CHƯƠNG 5: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM, KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH CUỘC HỌP

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày định nghĩa vấn đề là gì?
2. Nhận dạng các vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.
3. Mô tả quy trình giải quyết vấn đề.
4. Ứng dụng quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6)

1. Khái niệm về nhóm
2. Tầm quan trọng của nhóm làm việc
3. Phân loại nhóm
4. Hoạt động nhóm:
 - 4.1. Phát triển nhóm

4.2. Hoạt động nhóm

4.3. Thông tin trong nhóm

4.4. Thảo luận và ra quyết định trong nhóm

5. Điều hành nhóm:

5.1. Vai trò các thành viên trong nhóm

5.2. Phong cách điều hành hoạt động nhóm

6. Kỹ năng họp nhóm:

6.1. Họp nhóm

6.2. Một số công cụ điều hành họp nhóm

6.3. Cải thiện bản thân trong nhóm làm việc

7. Kỹ năng tổ chức cuộc họp

7.1. Mục đích cuộc họp

7.2. Cách tổ chức một cuộc họp

7.3. Vai trò của chủ tọa và thư ký trong cuộc họp

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU – XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

(Thời gian: 24 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm y học dựa vào bằng chứng và vai trò của NCKH đối với ngành Điều dưỡng.

2. Xác định được các nguồn thông tin dùng cho tìm kiếm và tổng quan tài liệu tham khảo.

3. Trình bày được phương pháp tìm kiếm tài liệu qua internet, phương pháp tổng quan tài liệu đơn giản, các thiết kế dịch tễ học mô tả và phân tích, .

4. Trình bày được các bước của quy trình nghiên cứu và nội dung của một đề cương nghiên cứu khoa học.

5. Áp dụng NCKH và viết được tổng quan tài liệu, mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu và thực hiện viết đề cương cho một chủ đề đã lựa chọn.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (7, 8)

1. Khái niệm y học dựa vào bằng chứng và vai trò của NCKH đối với ngành Điều dưỡng

1.1. Nghiên cứu khoa học

1.2. Vai trò của NCKH đối với ngành điều dưỡng

1.3. Các giải pháp tăng cường nghiên cứu điều dưỡng

2. Tìm kiếm và tổng quan tài liệu tham khảo

2.1. Xác định thông tin cần tìm kiếm

2.2. Xác định nguồn thông tin

2.3. Tiến hành tìm kiếm

2.4. Đánh giá và chọn lọc kết quả

2.5. Tổng quan tài liệu

3. Giới thiệu các thiết kế dịch tễ học

3.1. Phân loại theo các đặc điểm phơi nhiễm

3.2. Phân loại theo khả năng xác định yếu tố căn nguyên

4. Các thiết kế dịch tễ học thường được ứng dụng trong bệnh viện

4.1. Nghiên cứu một trường hợp/nhiều trường hợp bệnh

4.2. Nghiên cứu mô tả cắt ngang**4.3. Nghiên cứu bệnh - chứng****5. Khái niệm về “mẫu”, “cỡ mẫu” trong NCKH****6. Các phương pháp chọn mẫu****6.1. Chọn mẫu xác suất****6.2. Chọn mẫu không xác suất****7. Cỡ mẫu****7.1. Các đặc tính quyết định cỡ mẫu****7.2. Các chiến lược để tính toán cỡ mẫu****8. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học****8.1. Quy trình nghiên cứu****8.2. Các bước của Quy trình nghiên cứu****8.3. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng**

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.
- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng về quản lý và nghiên cứu điều dưỡng trong công tác chăm sóc người bệnh.
- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 3 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Người học tham gia học tập và thực hiện đầy đủ thi, kiểm tra theo quy chế đào tạo.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Quản lý và nghiên cứu điều dưỡng được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Quản lý và nghiên cứu điều dưỡng, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Năng lực thiết kế kế hoạch quản lý hoạt động tổ chức chăm sóc của điều dưỡng.

- Năng lực thiết kế kế hoạch nghiên cứu tìm kiếm các mô hình, các phương pháp chăm sóc hiệu quả trên lâm sàng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Điều dưỡng. Quản lý điều dưỡng. Ninh Bình: Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình; 2019. 2-14 p.

2. Bộ Y tế. Thông tư số 31/2021/TT-BYT, ngày 28/12/2021 về Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện. Bộ Y tế 2021.

3. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 94-117 p.

4. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 203-16 p.

5. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 145- 57 p.

6. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 158- 75 p.

7. PGS.TS. Hoàng Văn Minh. Phương pháp nghiên cứu khoa học Y học: Thống kê ứng dụng và phân tích số liệu. Viện Đào tạo Y học Dự phòng và Y tế Công cộng: Đại học Y Hà Nội; 2014.

8. ThS. Phạm Đức Mục. Nghiên cứu điều dưỡng (Tái bản lần thứ hai). Hà Nội: NXB Y học; 2013.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình

Mã môn học: 61112012

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thảo luận, bài tập: 7 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn tự chọn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ VI.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Về kiến thức**

1. Trình bày được khái niệm Y học gia đình, phòng khám Bác sĩ gia đình.
2. Trình bày được được 7 nhiệm vụ, nguyên lý quản lý của Trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình.
3. Phân biệt được nhiệm vụ của Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và Dược ở Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước.
4. Trình bày được khái niệm, nội dung về làm việc theo đội chăm sóc ban đầu.

5. Liệt kê được nội dung của hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý Y học gia đình.

6. Trình bày được cách giao tiếp của người điều dưỡng với đồng nghiệp, với người bệnh, người nhà người bệnh đặc biệt trong trường hợp người bệnh ở giai đoạn cuối đời.

7. Trình bày được kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng.

II. Về kỹ năng

1. Rèn luyện được kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại Trạm y tế.

2. Thực hiện được bài tập: xây dựng và quản lý sức khỏe theo nguyên lý Y học gia đình tại Trạm y tế xã.

3. Thực hiện được các trường hợp chăm sóc trẻ em, người bệnh mạn tính tại Trạm y tế xã theo nguyên lý Y học gia đình.

4. Thực hiện được việc giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.

5. Thực hiện được tư vấn sức khỏe qua tình huống cho sẵn và trên lâm sàng.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá.

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3. Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về Y học gia đình và trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình 1. Đại cương về Y học gia đình 1.1. Khái niệm Y học gia đình 1.2. Các đặc trưng của Y học gia đình 1.3. Các nguyên lý Y học gia đình 1.4. Phòng khám Bác sĩ gia đình 2. Nhiệm vụ của Trạm y tế xã khi hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình 2.1. Nhiệm vụ của Trạm y tế hiện nay	3	3		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.2. Trạm y tế khi hoạt động theo nguyên tắc Y học gia đình 3. Phân biệt được nhiệm vụ của Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và Dược sĩ ở Trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc Y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước 3.1. Nhiệm vụ của các nhân viên y tế 3.2. Làm việc theo ê- kíp chăm sóc sức khỏe				
2	Chương 2: Phương pháp làm việc nhóm 1. Giới thiệu về nhóm chăm sóc y tế 1.1. Nhóm là gì 1.2. Đội là gì	3	3		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2. Các loại hình nhóm trong y tế 2.1. Nhóm nòng cốt 2.2. Nhóm điều phối 2.3. Nhóm lâm thời 2.4. Các dịch vụ hỗ trợ 3. Các giai đoạn phát triển nhóm 3.1. Giai đoạn 1: Hình thành nhóm 3.2. Giai đoạn 2: Tranh luận 3.3. Giai đoạn 3: Chuẩn mực 3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện 4. Mục đích của việc làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình 5. Nội dung của làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm y tế xã hoạt				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	động theo nguyên lý Y học gia đình 5.1. Đặc điểm làm việc nhóm hiệu quả 5.2. Vai trò lãnh đạo 6. Kỹ thuật giao tiếp cho nhóm chăm sóc y tế 6.1. Kỹ thuật ISBAR 6.2. Nói to 6.3. Kiểm tra lại 7. Giải quyết bất đồng và xung đột				
3	Chương 3: Quản lý Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình 1. Nguyên tắc quản lý Trạm y tế 1.1. Tổ chức hệ thống y tế ở Việt Nam	3	3		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.2. Tổ chức Trạm y tế 1.3. Chức năng Trạm y tế 1.4. Nhiệm vụ của Cán bộ y tế 1.5. Nhiệm vụ y tế xã phường 1.6. Các nội dung chính trong quản lý tại Trạm y tế 1.7. Nguyên tắc quản lý Trạm y tế 1.8. Quy chế làm việc của Trạm y tế 1.9. Các chỉ tiêu đánh giá y tế xã 2. Hoàn thiện kế hoạch hành động thường niên của Trạm y tế 2.1. Nguyên tắc 2.2. Các nội dung trong kế hoạch thường niên 2.3. Nghiên cứu khoa học				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Các nội dung chính trong triển khai, giám sát, đánh giá công tác Trạm y tế 3.1. Nguyên tắc 3.2. Công tác triển khai 3.3. Công tác giám sát 3.4. Công tác đánh giá				
4	Chương 4: Quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế 1. Khái niệm sức khỏe cá nhân và hộ gia đình 1.1. Sức khỏe cá nhân 1.2. Sức khỏe hộ gia đình 2. Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình	4	3	1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.1. Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân và hộ gia đình theo quy định của Bộ y tế 2.2. Khám sức khỏe cho cá nhân theo nguyên lý y học gia đình 2.3. Truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cá nhân và gia đình theo nguyên tắc y học gia đình 3. Quy trình quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình 3.1. Thu thập thông tin sức khỏe cá nhân, hộ gia đình 3.2. Lập hồ sơ lưu giữ thông tin sức khỏe				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.3. Quản lý hồ sơ, theo dõi liên tục và thường xuyên theo nguyên lý y học gia đình 4. Nội dung của hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình				
5	Chương 5: Chăm sóc người bệnh tại Trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình 1. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình 1.1. Chức năng và vai trò của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe gia đình 1.2. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình 2. Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình	7	3	3	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.1. Bước 1: Nhận định người bệnh theo nguyên lý y học gia đình 2.2. Bước 2: Chẩn đoán điều dưỡng theo nguyên lý y học gia đình 2.3. Bước 3: Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình 2.4. Bước 4: Thực hiện KHCS theo nguyên lý y học gia đình 2.5. Bước 5: Đánh giá kết quả chăm sóc 3. Thực hiện CSNB tại Trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình				
6	Chương 6: Kỹ năng giao tiếp của Điều dưỡng 1. Khái niệm 1.1. Khái niệm giao tiếp	5	3	1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.2. Quá trình giao tiếp 1.3. Kỹ năng giao tiếp 1.4. Các hình thức giao tiếp 2. Vai trò của giao tiếp 2.1. Vai trò của giao tiếp trong đời sống xã hội 2.2. Vai trò của kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc y tế 3. Kỹ năng giao tiếp của Điều dưỡng 3.1. Giao tiếp với đồng nghiệp 3.2. Giao tiếp với người bệnh và thân nhân 3.3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình giai đoạn cuối đời				
7	Chương 7: Kỹ năng tư vấn của Điều dưỡng	6	3	2	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1. Kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng 1.1. Khái niệm 2. Nguyên tắc tư vấn 2.1. Lợi ích của khách hàng là trọng tâm 2.2. Khuyến khích tính chủ động tham gia tối đa của khách hàng 2.3. Kín đáo và bí mật 2.4. Tôn trọng nhân phẩm của khách hàng 2.5. Không áp đặt, phải tôn trọng sự lựa chọn của khách hàng 2.6. Gần gũi, thân thiện, đồng cảm với khách hàng 3. Quy trình của một cuộc tư vấn				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.1. Các bước chung trong tư vấn và giải quyết vấn đề 3.2. Nguyên tắc tư vấn 4. Kỹ năng tư vấn cần có của điều dưỡng 4.1. Chủ động lắng nghe 4.2. Diễn đạt lại ý người bệnh, gia đình và phản hồi cảm xúc 4.3. Đặt câu hỏi 4.4. Khoảng lặng				
	Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ Y HỌC GIA ĐÌNH VÀ TRẠM Y TẾ THEO NGUYÊN LÝ Y HỌC GIA ĐÌNH

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm Y học gia đình, phòng khám Bác sĩ gia đình.
2. Nêu được 7 nhiệm vụ của Trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình.
3. Phân biệt được nhiệm vụ của Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và Dược ở Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước.
4. Nhận thức được sự đổi mới trong công tác y tế tại trạm hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Đại cương về Y học gia đình

1.1. Khái niệm Y học gia đình

1.2. Các đặc trưng của Y học gia đình

1.3. Các nguyên lý Y học gia đình

1.4. Phòng khám Bác sĩ gia đình

2. Nhiệm vụ của Trạm y tế xã khi hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình

2.1. Nhiệm vụ của Trạm y tế hiện nay

2.2. Trạm y tế khi hoạt động theo nguyên tắc Y học gia đình

3. Phân biệt được nhiệm vụ của Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và Dược sĩ ở Trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc Y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước

3.1. Nhiệm vụ của các nhân viên y tế

3.2. Làm việc theo ê-kíp chăm sóc sức khỏe

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC NHÓM

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, nội dung về làm việc theo đội chăm sóc ban đầu.
2. Mô tả được các nội dung của làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.
3. Thực hiện được các bài tập về làm việc nhóm tại lớp.
4. Rèn luyện được kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại Trạm y tế.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Giới thiệu về nhóm chăm sóc y tế

1.1. Nhóm là gì

1.2. Đội là gì

2. Các loại hình nhóm trong y tế

2.1. Nhóm nòng cốt

2.2. Nhóm điều phối

2.3. Nhóm lâm thời

2.4. Các dịch vụ hỗ trợ

3. Các giai đoạn phát triển nhóm

3.1. Giai đoạn 1: Hình thành nhóm

3.2. Giai đoạn 2: Tranh luận

3.3. Giai đoạn 3: Chuẩn mực

3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện

4. Mục đích của việc làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình

5. Nội dung của làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình

5.1. Đặc điểm làm việc nhóm hiệu quả

5.2. Vai trò lãnh đạo

6. Kỹ thuật giao tiếp cho nhóm chăm sóc y tế

6.1. Kỹ thuật ISBAR

6.2. Nói to

6.3. Kiểm tra lại

7. Giải quyết bất đồng và xung đột

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ TRẠM Y TẾ HOẠT ĐỘNG THEO NGUYÊN LÝ Y HỌC GIA ĐÌNH

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên tắc quản lý Trạm y tế chất lượng, hiệu quả.
2. Hoàn thiện kế hoạch hoạt động thường niên theo yêu cầu.
3. Thực hiện được các nội dung chính trong triển khai, giám sát, đánh giá công tác Trạm y tế xã.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)

1. Nguyên tắc quản lý Trạm y tế

1.1. Tổ chức hệ thống y tế ở Việt Nam

1.2. Tổ chức Trạm y tế

1.3. Chức năng Trạm y tế

1.4. Nhiệm vụ của Cán bộ y tế

1.5. Nhiệm vụ y tế xã phường

1.6. Các nội dung chính trong quản lý tại Trạm y tế

1.7. Nguyên tắc quản lý Trạm y tế

1.8. Quy chế làm việc của Trạm y tế

1.9. Các chỉ tiêu đánh giá y tế xã

2. Hoàn thiện kế hoạch hành động thường niên của Trạm y tế

2.1. Nguyên tắc

2.2. Các nội dung trong kế hoạch thường niên

2.3. Nghiên cứu khoa học

3. Các nội dung chính trong triển khai, giám sát, đánh giá công tác Trạm y tế

3.1. Nguyên tắc

3.2. Công tác triển khai

3.3. Công tác giám sát

3.4. Công tác đánh giá

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE TẠI TRẠM Y TẾ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày quy trình quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý Y học gia đình tại xã.

2. Liệt kê được nội dung của hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý Y học gia đình.

3. Thực hiện được bài tập: xây dựng và quản lý sức khỏe theo nguyên lý Y học gia đình tại Trạm y tế xã.

4. Thể hiện sự tôn trọng các quy định của Trạm y tế trong việc xây dựng và quản lý hồ sơ sức khỏe.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)

1. Khái niệm sức khỏe cá nhân và hộ gia đình

1.1. Sức khỏe cá nhân

1.2. Sức khỏe hộ gia đình

2. Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình

2.1. Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân và hộ gia đình theo quy định của Bộ y tế

2.2. Khám sức khỏe cho cá nhân theo nguyên lý y học gia đình

2.3. Truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cá nhân và gia đình theo nguyên tắc y học gia đình

3. Quy trình quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình

3.1. Thu thập thông tin sức khỏe cá nhân, hộ gia đình

3.2. Lập hồ sơ lưu giữ thông tin sức khỏe

3.3. Quản lý hồ sơ, theo dõi liên tục và thường xuyên theo nguyên lý y học gia đình

4. Nội dung của hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình

CHƯƠNG 5: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TẠI TRẠM Y TẾ THEO NGUYÊN LÝ Y HỌC GIA ĐÌNH

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm chăm sóc người bệnh theo 6 nguyên lý y học gia đình.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc theo nguyên lý y học gia đình.
3. Thực hiện được các trường hợp chăm sóc người bệnh tại Trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình.
4. Nhận thức được sự cần thiết đổi mới công tác chăm sóc điều dưỡng theo nguyên lý y học gia đình.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)

1. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình

1.1. Chức năng và vai trò của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe gia đình

1.2. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình

2. Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình

2.1. Bước 1: Nhận định người bệnh theo nguyên lý y học gia đình

2.2. Bước 2: Chẩn đoán điều dưỡng theo nguyên lý y học gia đình

2.3. Bước 3: Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình

2.4. Bước 4: Thực hiện KHCS theo nguyên lý y học gia đình

2.5. Bước 5: Đánh giá kết quả chăm sóc

3. Thực hiện CSNB tại Trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình

CHƯƠNG 6: KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách giao tiếp của người điều dưỡng với đồng nghiệp, với người bệnh, người nhà người bệnh đặc biệt trong trường hợp người bệnh ở giai đoạn cuối đời.
2. Liệt kê được cách giao tiếp với đối tượng gặp khó khăn trong giao tiếp.
3. Thực hiện được việc giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.
4. Thể hiện được cách cư xử tôn trọng, đúng mực trong giao tiếp.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6)

1. Khái niệm

1.1. Khái niệm giao tiếp

1.2. Quá trình giao tiếp

1.3. Kỹ năng giao tiếp

1.4. Các hình thức giao tiếp

2. Vai trò của giao tiếp

2.1. Vai trò của giao tiếp trong đời sống xã hội

2.2. Vai trò của kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc y tế

3. Kỹ năng giao tiếp của Điều dưỡng

3.1. Giao tiếp với đồng nghiệp

3.2. Giao tiếp với người bệnh và thân nhân

3.3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình giai đoạn cuối đời

CHƯƠNG 7: KỸ NĂNG TƯ VẤN CỦA ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng.
2. Mô tả được việc tư vấn sức khỏe, tư vấn sàng lọc và tầm soát phát hiện bệnh sớm.
3. Thực hiện được tư vấn sức khỏe qua một tình huống cho sẵn và trên lâm sàng.
4. Nhận thức được tầm quan trọng của tư vấn trong việc bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng một cách đầy đủ, chu đáo.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (7)

1. Kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng

1.1. Khái niệm

2. Nguyên tắc tư vấn

2.1. Lợi ích của khách hàng là trọng tâm

2.2. Khuyến khích tính chủ động tham gia tối đa của khách hàng

2.3. Kín đáo và bí mật

2.4. Tôn trọng nhân phẩm của khách hàng

2.5. Không áp đặt, phải tôn trọng sự lựa chọn của khách hàng

2.6. Gần gũi, thân thiện, đồng cảm với khách hàng

3. Quy trình của một cuộc tư vấn

3.1. Các bước chung trong tư vấn và giải quyết vấn đề

3.2. Nguyên tắc tư vấn

4. Kỹ năng tư vấn cần có của điều dưỡng

4.1. Chủ động lắng nghe

4.2. Diễn đạt lại ý người bệnh, gia đình và phản hồi cảm xúc

4.3. Đặt câu hỏi

4.4. Khoảng lặng

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình trong công tác chăm sóc người bệnh tại cộng đồng.
- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên:

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.
- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

3. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Có kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại Trạm y tế.
- Thực hiện được các trường hợp chăm sóc người bệnh mạn tính tại Trạm y tế xã theo nguyên lý Y học gia đình.
- Thực hiện được việc giao tiếp, tư vấn sức khỏe qua tình huống cho sẵn và trên lâm sàng hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Y học; 2020. 46-63 p.

2. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 64-71 p.

3. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 72-81 p.

4. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 82-94 p.

5. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 193-205 p.

6. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 305-21 p.

7. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 322-33 p.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện

Mã môn học: 61112013

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 21 giờ; thảo luận, bài tập: 7 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn tự chọn trong chương trình đào tạo, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ VI.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ Cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được khái niệm, nội dung an toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện.
2. Trình bày được nguyên tắc, biện pháp và cách phòng ngừa sự cố y khoa.
3. Phân tích được trách nhiệm của tập thể và cá nhân liên quan đến việc chăm sóc người bệnh toàn diện.
4. Phân loại được những sai sót trong việc sử dụng thuốc và sai sót sự cố y khoa trong phẫu thuật.

II. Về kỹ năng

1. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh toàn diện theo tình trạng bệnh.
2. Thực hành xử lý được một số sự cố y khoa, sai sót trong việc sử dụng thuốc và sai sót trong phẫu thuật theo tình huống.
3. Ứng dụng được việc xử lý các sự cố y khoa, sai sót trong sử dụng thuốc, sai sót trong phẫu thuật vào thực tế trên người bệnh.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các sai sót thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh toàn diện.
2. Rút ra bài học kinh nghiệm từ những tình huống mô phỏng, từ đó có giải pháp xử lý tình huống nâng cao hiệu quả toàn cho người bệnh.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về an toàn người bệnh 1. Các thuật ngữ 2. Phân loại sự cố y khoa	2	2		

2.1. Phân loại sự cố y khoa theo mức độ tổn thương đối với người bệnh 2.2. Phân loại sự cố theo nhóm sự cố 2.3. Phân loại sự cố theo nhóm nguyên nhân gây ra sự cố 2.4. Danh mục các sự cố y khoa cơ sở y tế phải báo cáo 3. Hậu quả của sự cố y khoa 4. Các yếu tố liên quan tới sự cố y khoa 4.1. Yếu tố con người 4.2. Đặc điểm chuyên môn y tế bất định 4.3. Môi trường làm việc nhiều áp lực 4.4. Quản lý và điều hành dây chuyền khám chữa bệnh 5. Giải pháp 5.1. Thành lập Ủy ban quốc gia về chất lượng chăm sóc y tế và ATNB				
---	--	--	--	--

	5.2. Thiết lập hệ thống báo cáo sự cố y khoa bắt buộc và báo cáo tự nguyện 5.3. Cải thiện môi trường làm việc của cán bộ y tế 5.4. Xây dựng văn hóa an toàn người bệnh-tập trung giải quyết lỗi hệ thống 5.5. Triển khai bảo hiểm nghề nghiệp theo Luật khám bệnh, chữa bệnh 5.6. Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn người bệnh				
2	Chương 2: Tổng quan về công tác chăm sóc người bệnh toàn diện 1. Khái niệm 2. Nội dung chăm sóc người bệnh toàn diện 3. Quyền và nghĩa vụ của người bệnh 3.1. Quyền của người bệnh 3.2. Nghĩa vụ của người bệnh	3	2	1	

	4. Nội dung chăm sóc toàn diện (theo Thông tư 07/2011/TT-BYT và Thông tư 31/2021/TT-BYT) 4.1. Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe 4.2. Chăm sóc tinh thần 4.3. Chăm sóc vệ sinh cá nhân 4.4. Chăm sóc dinh dưỡng 4.4. Chăm sóc phục hồi chức năng 4.5. Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật 4.6. Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho người bệnh 4.7. Chăm sóc người bệnh giai đoạn hấp hối và người bệnh tử vong 4.8. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng 4.9. Theo dõi, đánh giá người bệnh 4.10. Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh 4.11. Ghi chép hồ sơ bệnh án				
--	---	--	--	--	--

5. Trách nhiệm của các cá nhân trong chăm sóc người bệnh toàn diện 5.1. Trách nhiệm của Giám đốc bệnh viện 5.2. Trách nhiệm của các Trưởng phòng chức năng 5.3. Trách nhiệm của các Trưởng khoa 5.4. Trách nhiệm của bác sĩ điều trị 5.5. Trách nhiệm của điều dưỡng viên, hộ sinh viên 5.6. Trách nhiệm của giảng viên, học sinh, sinh viên thực tập 5.7. Trách nhiệm của người bệnh và người nhà người bệnh 6. Những điều kiện bảo đảm công tác chăm sóc 6.1. Hệ thống tổ chức chăm sóc người bệnh 6.2. Nhân lực chăm sóc người bệnh 6.3. Tổ chức làm việc 6.4. Trang thiết bị phục vụ chăm sóc người bệnh				
---	--	--	--	--

	6.5. Nguồn tài chính cho công tác chăm sóc 6.6. Đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa liên tục 6.7. Công tác hộ lý trợ giúp chăm sóc 7. Các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc người bệnh toàn diện				
3	Chương 3: Phòng ngừa sự cố y khoa trong việc xác định người bệnh và cải thiện lòng tin trong nhóm chăm sóc 1. Nguyên tắc phòng ngừa sự cố 1.1. Quản lý thông tin 1.2. Xác định người bệnh 1.3. Cải tiến việc trao đổi thông tin của nhân viên 2. Biện pháp	4	4		
4	Chương 4: Phòng ngừa sai sót trong sử dụng thuốc 1. Phân loại sai sót trong sử dụng thuốc 1.1. Phân loại theo giai đoạn	4	2	1	1

1.2. Phân loại theo biến cố 2. Phân loại theo mức độ nghiêm trọng 3. Các yếu tố liên quan 3.1. Thông tin về người bệnh 3.2. Thông tin thuốc 3.3. Trao đổi thông tin 3.4. Tên thuốc, nhãn thuốc và dạng đóng gói 3.5. Tiêu chuẩn hoá bảo quản, tồn trữ thuốc 3.6. Thiết bị hỗ trợ dùng thuốc 3.7. Các yếu tố môi trường làm việc ảnh hưởng đến nhân viên y tế 3.8. Năng lực và đào tạo của cán bộ y tế 3.9. Đào tạo người bệnh 3.10. Quy trình quản lý chất lượng và rủi ro 4. Giải pháp 4.1. Giải pháp mang tính hệ thống 4.2. Giải pháp với các đối tượng có liên quan				
---	--	--	--	--

5	Chương 5: Phòng ngừa sai sót sự cố y khoa trong phẫu thuật 1. Định nghĩa 2. Phân loại sự cố, sai sót theo mức độ nguy hại 3. Nguyên nhân của các sai sót, sự cố y khoa liên quan tới phẫu thuật, thủ thuật 4. Mục tiêu an toàn phẫu thuật theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới 5. Giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh trong phẫu thuật, thủ thuật 5.1. Giải pháp chung phòng ngừa sự cố y khoa trong phẫu thuật 5.2. Áp dụng Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	3	2	1	
6	Chương 6: Phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và sử dụng trang thiết bị vật tư y tế 1. Nguyên tắc phòng ngừa 2. Các biện pháp phòng ngừa	3	2	1	

	2.1. Giảm nguy cơ gây thương tổn cho bệnh nhân do bị ngã 2.2. Giảm nguy cơ cháy nổ trong phẫu thuật 3. Giảm nguy cơ tử vong do bị giữ chặt				
7	Chương 7: Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện 1. Khái niệm và vai trò của kế hoạch 1.1. Khái niệm về kế hoạch 1.2. Vai trò của việc lập kế hoạch 1.3. Quy trình lập kế hoạch 2. Viết kế hoạch 2.1. Tên kế hoạch 2.2. Đặt vấn đề 2.3. Mục tiêu 2.4. Các giải pháp 2.5. Các hoạt động 2.6. Các phụ lục kèm theo	4	2	1	1

	3. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện 3.1. Đối với bệnh viện 3.2. Đối với các khoa, phòng				
8	Chương 8: Tổ chức phân cấp chăm sóc cho người bệnh 1. Đại cương 2. Mục đích 3. Nguyên tắc trong phân cấp chăm sóc người bệnh 4. Qui định về phân cấp chăm sóc, hỗ trợ người bệnh 5. Phân cấp chăm sóc và ký hiệu 5.1. Người bệnh chăm sóc cấp I 5.2. Người bệnh chăm sóc cấp II 5.3. Người bệnh chăm sóc cấp III 6. Ghi phân cấp chăm sóc	2	2		

9	Chương 9: Tổ chức chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh 1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng lâm sàng 2. Giải pháp tăng cường chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh 2.1. Khoa dinh dưỡng 2.2. Khoa lâm sàng 2.3. Phòng điều dưỡng	2	2		
10	Chương 10: Tổ chức ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh và bệnh hồ sơ bệnh án 1 Đại cương 2. Tầm quan trọng và trách nhiệm của ddieeud dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh. 2.1. Tầm quan trọng của hồ sơ điều dưỡng 2.2 Trách nhiệm của điều dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh	3	1	2	

3. Hồ sơ điều dưỡng và cách ghi chép hồ sơ				
3.1. Hồ sơ điều dưỡng				
3.2. Theo dõi và ghi hồ sơ điều dưỡng				
4. Quy trình và nội dung bình hồ sơ điều dưỡng				
4.1. Tại khoa				
4.2. Tại phòng điều dưỡng				
Cộng	30	21	7	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ AN TOÀN NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được các thuật ngữ liên quan về an toàn người bệnh.
2. Trình bày được các nguyên nhân, hậu quả và các yếu tố liên quan đến sự cố y khoa.
3. Thực hiện được các giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh.
4. Nâng cao nhận thức trong chăm sóc người bệnh đảm bảo an toàn và toàn diện.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Các thuật ngữ

2. Phân loại sự cố y khoa:

2.1. Phân loại sự cố y khoa theo mức độ tổn thương đối với người bệnh

2.2. Phân loại sự cố theo nhóm sự cố

2.3. Phân loại sự cố theo nhóm nguyên nhân gây ra sự cố

2.4. Danh mục các sự cố y khoa cơ sở y tế phải báo cáo

3. Hậu quả của sự cố y khoa

4. Các yếu tố liên quan tới sự cố y khoa:

4.1. Yếu tố con người

4.2. Đặc điểm chuyên môn y tế bất định

4.3. Môi trường làm việc nhiều áp lực

4.4. Quản lý và điều hành dây chuyền khám chữa bệnh

5. Giải pháp:

5.1. Thành lập Ủy ban quốc gia về chất lượng chăm sóc y tế và ATNB

5.2. Thiết lập hệ thống báo cáo sự cố y khoa bắt buộc và báo cáo tự nguyện

5.3. Cải thiện môi trường làm việc của cán bộ y tế

5.4. Xây dựng văn hóa an toàn người bệnh-tập trung giải quyết lỗi hệ thống

5.5. Triển khai bảo hiểm nghề nghiệp theo Luật khám bệnh, chữa bệnh:

5.6. Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn người bệnh

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TOÀN DIỆN

(Thời gian : 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, nội dung chăm sóc người bệnh toàn diện và quyền của người bệnh.
2. Trình bày được trách nhiệm của các cá nhân trong chăm sóc người bệnh toàn diện.
3. Thực hiện được các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc toàn diện.
4. Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh trong quá trình chăm sóc toàn diện.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Khái niệm

2. Nội dung chăm sóc người bệnh toàn diện

3. Quyền và nghĩa vụ của người bệnh

3.1. Quyền của người bệnh

3.2. Nghĩa vụ của người bệnh

4. Nội dung chăm sóc toàn diện (theo Thông tư 07/2011/TT-BYT và Thông tư 31/2021/TT-BYT):

4.1. Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe

4.2. Chăm sóc tinh thần

4.3. Chăm sóc vệ sinh cá nhân

4.4. Chăm sóc dinh dưỡng

4.4. Chăm sóc phục hồi chức năng

4.5. Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật

4.6. Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho người bệnh

4.7. Chăm sóc người bệnh giai đoạn hấp hối và người bệnh tử vong

4.8. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng

4.9. Theo dõi, đánh giá người bệnh

4.10. Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh

4.11. Ghi chép hồ sơ bệnh án

5. Trách nhiệm của các cá nhân trong chăm sóc người bệnh toàn diện:

5.1. Trách nhiệm của Giám đốc bệnh viện

5.2. Trách nhiệm của các Trưởng phòng chức năng

5.3. Trách nhiệm của các Trưởng khoa

5.4. Trách nhiệm của bác sĩ điều trị

5.5. Trách nhiệm của điều dưỡng viên, hộ sinh viên

5.6. Trách nhiệm của giảng viên, học sinh, sinh viên thực tập

5.7. Trách nhiệm của người bệnh và người nhà người bệnh

6. Những điều kiện bảo đảm công tác chăm sóc:

6.1. Hệ thống tổ chức chăm sóc người bệnh

6.2. Nhân lực chăm sóc người bệnh

6.3. Tổ chức làm việc

6.4. Trang thiết bị phục vụ chăm sóc người bệnh

6.5. Nguồn tài chính cho công tác chăm sóc

6.6. Đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa liên tục

6.7. Công tác hộ lý trợ giúp chăm sóc

7. Các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc người bệnh toàn diện

CHƯƠNG 3: PHÒNG NGỪA SỰ CỐ Y KHOA TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH NGƯỜI BỆNH VÀ CẢI THIỆN LÒNG TIN TRONG CHĂM SÓC

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên tắc để xác định đúng người bệnh và cải tiến thông tin trong nhóm chăm sóc.
2. Áp dụng được các biện pháp để xác định đúng người bệnh và xử lý một số sự cố trong chăm sóc.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Nguyên tắc phòng ngừa sự cố:

1.1. Quản lý thông tin

1.2. Xác định người bệnh

1.3. Cải tiến việc trao đổi thông tin của nhân viên

2. Biện pháp

CHƯƠNG 4: PHÒNG NGỪA SAI SÓT TRONG SỬ DỤNG THUỐC

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phân loại sai sót và các yếu tố liên quan đến sai sót trong việc sử dụng thuốc.
2. Thực hiện được các biện pháp để phòng ngừa sai sót trong sử dụng thuốc.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Phân loại sai sót trong sử dụng thuốc:

1.1. Phân loại theo giai đoạn

1.2. Phân loại theo biến cố

2. Phân loại theo mức độ nghiêm trọng:

3. Các yếu tố liên quan:

3.1. Thông tin về người bệnh

3.2. Thông tin thuốc

3.3. Trao đổi thông tin

3.4. Tên thuốc, nhãn thuốc và dạng đóng gói

3.5. Tiêu chuẩn hoá bảo quản, tồn trữ thuốc

3.6. Thiết bị hỗ trợ dùng thuốc

3.7. Các yếu tố môi trường làm việc ảnh hưởng đến nhân viên y tế

3.8. Năng lực và đào tạo của cán bộ y tế

3.9. Đào tạo người bệnh

3.10. Quy trình quản lý chất lượng và rủi ro

4. Giải pháp:

4.1. Giải pháp mang tính hệ thống

4.2. Giải pháp với các đối tượng có liên quan

CHƯƠNG 5: PHÒNG NGỪA SAI SÓT SỰ CỐ Y KHOA TRONG PHẪU THUẬT

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và phân loại sai sót, sự cố y khoa trong phẫu thuật, thủ thuật.
2. Trình bày được mục tiêu và giải pháp của WHO trong việc phòng ngừa sai sót, sự cố y khoa trong phẫu thuật.
3. Áp dụng được bảng kiểm an toàn phẫu thuật của WHO trong việc phòng ngừa sai sót, sự cố y khoa trong phẫu thuật.
4. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

- 1. Định nghĩa**
- 2. Phân loại sự cố, sai sót theo mức độ nguy hại**
- 3. Nguyên nhân của các sai sót, sự cố y khoa liên quan tới phẫu thuật, thủ thuật**
- 4. Mục tiêu an toàn phẫu thuật theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)**
- 5. Giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh trong phẫu thuật, thủ thuật:**
 - 5.1. Giải pháp chung phòng ngừa sự cố y khoa trong phẫu thuật*
 - 5.2. Áp dụng Bảng kiểm an toàn phẫu thuật*

CHƯƠNG 6: PHÒNG NGỪA SỰ CỐ Y KHOA TRONG MÔI TRƯỜNG CHĂM SÓC VÀ SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên tắc phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị vật tư y tế.
2. Áp dụng được các biện pháp để phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị vật tư y tế.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Nguyên tắc phòng ngừa

2. Các biện pháp phòng ngừa:

2.1. Giảm nguy cơ gây thương tổn cho bệnh nhân do bị ngã

2.2. Giảm nguy cơ cháy nổ trong phẫu thuật

3. Giảm nguy cơ tử vong do bị giữ chặt

CHƯƠNG 7: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TOÀN DIỆN

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về kế hoạch và vai trò của việc lập kế hoạch.
2. Liệt kê đủ và đúng các bước của quy trình xây dựng một kế hoạch.
3. Lập và thực hiện được một kế hoạch tổ chức triển khai chăm sóc người bệnh toàn diện tại một đơn vị khám bệnh, chữa bệnh.
4. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)

1. Khái niệm và vai trò của kế hoạch:

1.1. Khái niệm về kế hoạch

1.2. Vai trò của việc lập kế hoạch

1.3. Quy trình lập kế hoạch

2. Viết kế hoạch:

2.1. Tên kế hoạch

2.2. Đặt vấn đề

2.3. Mục tiêu

2.4. Các giải pháp

2.5. Các hoạt động

2.6. Các phụ lục kèm theo

3. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện:

3.1. Đối với bệnh viện

3.2. Đối với các khoa, phòng

CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC PHÂN CẤP CHĂM SÓC CHO NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc và những quy định về phân cấp chăm sóc cho người bệnh.

2. Áp dụng được các phân cấp chăm sóc phù hợp cho tình trạng người bệnh.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Đại cương

2. Mục đích

3. Nguyên tắc trong phân cấp chăm sóc người bệnh

4. Qui định về phân cấp chăm sóc, hỗ trợ người bệnh

5. Phân cấp chăm sóc và ký hiệu

5.1. Người bệnh chăm sóc cấp I

5.2. Người bệnh chăm sóc cấp II

5.3. Người bệnh chăm sóc cấp III

6. Ghi phân cấp chăm sóc

CHƯƠNG 9: TỔ CHỨC CHĂM SÓC DINH DƯỠNG CHO NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày tầm quan trọng của dinh dưỡng lâm sàng.
2. Thực hiện được các giải pháp tăng cường chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh trong bệnh viện.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng lâm sàng

2. Giải pháp tăng cường chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh:

2.1. Khoa Dinh dưỡng

2.2. Khoa lâm sàng

2.3. Phòng Điều dưỡng

CHƯƠNG 10: TỔ CHỨC GHI CHÉP PHIẾU THEO DÕI, CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VÀ BÌNH HỒ SƠ BỆNH ÁN

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được tầm quan trọng, trách nhiệm của điều dưỡng và nguyên tắc ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh.
2. Thực hiện được quy trình và nội dung bình một hồ sơ điều dưỡng tại khoa lâm sàng trong bệnh viện.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

1. Đại cương

2. Tầm quan trọng và trách nhiệm của điều dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh:

2.1. Tầm quan trọng của hồ sơ điều dưỡng

2.2. Trách nhiệm của điều dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh

3. Hồ sơ điều dưỡng và cách ghi chép hồ sơ:

3.1. Hồ sơ điều dưỡng

3.2. Theo dõi và ghi hồ sơ điều dưỡng

4. Quy trình và nội dung bình hồ sơ điều dưỡng:

4.1. Tại khoa**4.2. Tại phòng điều dưỡng****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng**

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

II. Trang thiết bị máy móc

- Máy vi tính, máy chiếu projector, màn chiếu, băng video, tranh ảnh, áp phích, trang thiết bị, dụng cụ y tế tại khoa phòng.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành
- Một số loại thuốc, vật tư, dụng cụ y tế, giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

IV. Các điều kiện khác: Không**E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ****I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu bài học theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

2. Kỹ năng

- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh toàn diện theo tình trạng bệnh.

- Thực hành xử lý được một số sự cố y khoa, sai sót trong việc sử dụng thuốc và sai sót trong phẫu thuật theo tình huống.

- Ứng dụng được việc xử lý các sự cố y khoa, sai sót trong sử dụng thuốc, sai sót trong phẫu thuật vào thực tế trên người bệnh.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các sai sót thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh toàn diện.

- Rút ra bài học kinh nghiệm từ những tình huống mô phỏng, từ đó có giải pháp xử lý tình huống nâng cao hiệu quả toàn cho người bệnh.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

- Đánh giá sinh viên chủ động học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong quá trình lên lớp, tham gia đầy đủ các buổi học, soạn và làm bài tập đầy đủ.

- Đánh giá sinh viên thông qua: hỏi đáp, viết, thuyết trình, thảo luận.

2. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kì: 2 bài; Thời gian 45 phút; Hình thức: Tự luận; Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

- Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc môn học

Thời gian 60 phút; Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng điều dưỡng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận nhóm, dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng, đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.
- Người học tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.
- Vận dụng được các kỹ thuật chăm sóc cho bệnh nhân trên thực tế lâm sàng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo liên tục an toàn người bệnh. NXB Y học 2014.

2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo liên tục Chăm sóc người bệnh toàn diện. NXB Y học 2014.

3. Bộ Y tế. Thông tư số 31/2021/ TT-BYT, ngày 28/12/2021 quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện. Hà Nội 2021.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG
(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKT ngày 13/10/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)

Tên ngành, nghề: Điều dưỡng (Nursing)

Mã ngành, nghề: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

Danh hiệu được công nhận: Cử nhân thực hành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ cao đẳng đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam: Có thái độ phù hợp để thực hiện chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế và cộng đồng; hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kỹ năng

1.2.1.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Kỹ năng thực hành đáp ứng chuẩn năng lực thực hành cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1352/QĐ- BYT ngày 24/04/2012

của Bộ Y tế.

1.2.1.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc nhóm, phát triển nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi, hình thành dần kỹ năng quản lý và tổ chức công tác điều dưỡng tại các cơ sở y tế.

- Kỹ năng giao tiếp y khoa và giao tiếp xã hội; thực hiện đúng các giao tiếp ứng xử của viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở y tế.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc một cách hiệu quả và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014.

1.2.2. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Chịu trách nhiệm cá nhân về sự chính xác trong các hoạt động điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế.

- Tôn trọng, đoàn kết và hợp tác với đồng nghiệp, gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

2. Cấu trúc kiến thức và thực hiện chương trình thực hành

Mã MĐ	Tên mô đun	Thời gian học tập (giờ)				Thời gian thực hiện
		Tín chỉ	Tổng số	Thực hành bệnh viện	Kiểm tra	
61142035	Thực tập Điều dưỡng cơ sở	2	90	88	2	Học kỳ 2

Mã MĐ	Tên mô đun	Thời gian học tập (giờ)				Thời gian thực hiện
		Tín chỉ	Tổng số	Thực hành bệnh viện	Kiểm tra	
61143021	Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1	3	135	132	3	Học kỳ 3
61144022	Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2	4	180	176	4	Học kỳ 3
61142024	Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1	2	90	88	2	Học kỳ 4
61142025	Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2	2	90	88	2	Học kỳ 4
61142028	Thực tập Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	90	88	2	Học kỳ 5
61142029	Thực tập Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	90	88	2	Học kỳ 5
61142026	Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	90	88	2	Học kỳ 5
61142027	Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	90	88	2	Học kỳ 5
61144030	Thực tập tốt nghiệp	4	180	176	4	Học kỳ 6
	Cộng	25	1125	1100	25	

3. Thời gian thực hiện

- Sinh viên đi thực tập từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

+ Buổi sáng: Từ 7 giờ - 11 giờ.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ - 17 giờ.

- Tham gia trực đêm tại khoa theo sự phân công của Khoa và Bộ môn.
- Lịch nghỉ hè, tết, các ngày lễ theo quy định của Nhà nước và kế hoạch của Nhà trường.

4. Nhiệm vụ của nhà giáo và sinh viên

4.1. Nhiệm vụ của nhà giáo

Nhà giáo hướng dẫn thực hành bao gồm nhà giáo của trường Cao đẳng Kon Tum được phân công hướng dẫn thực hành tại cơ sở thực hành và nhà giáo thỉnh giảng của cơ sở thực hành tham gia hướng dẫn thực hành cho sinh viên của trường Cao đẳng Kon Tum.

4.1.1. Nhiệm vụ của Nhà giáo hướng dẫn thực hành của Trường Cao đẳng Kon Tum

- Phối hợp với nhà giáo chủ nhiệm lập danh sách nhóm sinh viên (học sinh) thực hành, cung cấp kế hoạch dạy/học và hướng dẫn tổ trưởng cách tổ chức thực hành.
- Phổ biến kế hoạch dạy/học và nội quy khoa phòng cho sinh viên (học sinh).
- Phân công sinh viên (học sinh) vào buồng bệnh và trực ngoài giờ hành chính.
- Liên hệ với nhà giáo thỉnh giảng để giảng dạy các nội dung mời thỉnh giảng.
- Giảng dạy theo sự phân công của trưởng/ phó bộ môn.
- Phối hợp với nhà giáo thỉnh giảng của cơ sở thực hành để quản lý và đánh giá sinh viên (học sinh) theo quy định.
- Tham gia hoạt động chuyên môn tại khoa, phòng của bệnh viện khi đủ điều kiện và được sự đồng ý của cơ sở thực hành.

4.1.2. Nhiệm vụ của Nhà giáo hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành

- Cùng với Nhà giáo của trường Cao đẳng Kon Tum phổ biến kế hoạch dạy/học và nội quy khoa phòng cho sinh viên.

- Phân công sinh viên vào buồng bệnh và trực ngoài giờ hành chính.

- Phối hợp với nhà giáo của trường Cao đẳng Kon Tum để hướng dẫn thực hành, quản lý và đánh giá sinh viên theo quy định.

4.2. Nhiệm vụ của sinh viên

4.2.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chấp hành đúng nội quy, quy định của cơ sở thực hành.

- Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu chương trình đào tạo thực hành.

- Sinh viên được các nhà giáo đánh giá, công nhận kết quả thực tập theo Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 về ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

4.2.2. Nhiệm vụ của trưởng nhóm lâm sàng

- Nhận bảng kế hoạch thực tập lâm sàng từ nhà giáo chủ nhiệm và liên hệ với nhà giáo bộ môn hoặc nhà giáo thỉnh giảng để được giảng các nội dung theo kế hoạch, ghi đầy đủ họ, tên của nhà giáo giảng dạy, ngày dạy/học và ký xác nhận nội dung đã được dạy/học trong bảng kế hoạch.

- Cuối đợt thực tập trưởng nhóm nộp bảng kế hoạch dạy/ học đầy đủ họ và tên của Nhà giáo, ngày dạy/học và chữ ký xác nhận của sinh viên về bộ môn/ khoa.

- Thực hiện chấm công cho tổ viên hàng ngày đầy đủ, chính xác và có xác nhận của nhà giáo hướng dẫn.

5. Lượng giá, đánh giá

- Căn cứ chỉ tiêu tay nghề nhà trường phối hợp với bệnh viện và Trạm y tế giảng dạy, hướng dẫn, lượng giá, đánh giá sinh viên qua thực tế để thực hiện kỹ năng nghề nghiệp.

- Các nội dung lượng giá, đánh giá được cụ thể hóa trong từng mô đun./.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập điều dưỡng cơ sở

Mã mô đun: 61142035

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (thực tập lâm sàng: 88 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ II.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng:

1. Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi chép hồ sơ bệnh án.
2. Thực hiện các kỹ năng cấp cứu và chăm sóc người bệnh.
3. Thực hiện các quy trình điều dưỡng đúng kỹ thuật.
4. Hướng dẫn người bệnh các quy định, cách chăm sóc.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phòng ngừa chuẩn.
2. Ân cần, thông cảm trong giao tiếp, hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
3. Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của bệnh viện.

4. Tôn trọng, hợp tác với nhân viên và người bệnh điều trị tại bệnh viện.

5. Nâng cao ý thức chăm sóc người bệnh trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-4)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp đón người bệnh tại khoa, phòng	1	0	8
2	Ghi chép hồ sơ bệnh án	1	0	4
3	Tiếp nhận, vận chuyển người bệnh		0	4
4	Rửa tay thường quy, mang và tháo khẩu trang, găng vô khuẩn	1	0	10
5	Đo dấu hiệu sinh tồn	1	0	20
6	Đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp	1	0	5
7	Chườm nóng - chườm lạnh	1	0	2
8	Kỹ năng tiêm thuốc: - Tiêm trong da/test lấy da - Tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da - Tiêm bắp	2	0	10
9	Truyền dung dịch đường tĩnh mạch	2	0	2

10	Cho NB uống thuốc, bôi thuốc, nhỏ thuốc vào mắt- mũi- tai	1	1	10
11	Giúp người bệnh ăn qua miệng, qua ống thông	1	0	4
12	Đo lượng dịch ra, vào của người bệnh	1	1	4
13	Chăm sóc, phòng ngừa loét tỳ đè	1	0	4
14	Chăm sóc vết thương thông thường và ống dẫn lưu	1	0	8
15	Sơ cứu bất động gãy xương	1	1	2
16	Đặt thông dạ dày, hút dịch dạ dày tá tràng	1	1	2
17	Thông tiểu, lấy nước tiểu 24 giờ	1	0	4
18	Theo dõi và rút các loại ống thông, ống dẫn lưu	1	0	4
19	Hút thông đường hô hấp trên, cho NB thở Oxy	1	0	4
20	Sơ cứu cầm máu vết thương	1	1	4
21	Xử lý chất thải tại khoa, phòng người bệnh		0	4
22	Chăm sóc NB giai đoạn cuối, hấp hối, tử vong	1	1	2
23	Hồi sinh tim phổi	1	1	2
24	Sử dụng, bảo quản một số máy móc thông thường tại khoa phòng	1	0	4
25	Truyền máu	1	1	4
26	Kỹ thuật sử dụng bơm tiêm điện	1	0	4

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Nội Tổng hợp.

+ Khoa Lão học.

+ Khoa Nội Tim mạch.

+ Khoa Ngoại Tổng hợp.

+ Khoa Ngoại Chấn thương.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong lý thuyết môn học Điều dưỡng cơ sở 1 và Điều dưỡng cơ sở 2.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc cho người bệnh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Hình thức: Thực hành.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 5 phút/sinh viên.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 5 phút/sinh viên kết hợp trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến kỹ thuật điều dưỡng đã thực hiện.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Điều dưỡng cơ sở được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực

hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình Điều dưỡng cơ sở 1 và Điều dưỡng cơ sở 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (Tập 1). Hà Nội: NXB Y học; 2020.

2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (Tập 2). Hà Nội: NXB Y học; 2020.

3. TS. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản (Tập I). Hà Nội: NXB Y học; 2007.

4. TS. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản (Tập II). Hà Nội: NXB Y học; 2007.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1

Mã mô đun: 61143021

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ; (Thực tập lâm sàng: 132 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ III.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng

1. Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

2. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, người bệnh truyền nhiễm.

3. Nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh.

4. Nhận định triệu chứng lâm sàng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm.

5. Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu về điều dưỡng.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

2. Tuân thủ nguyên tắc khi thực hành các kỹ năng và nguyên tắc phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh.

3. Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà của họ trong chăm sóc người bệnh.

4. Tôn trọng đúng mức các phong tục, tập quán và các yếu tố văn hoá của cá nhân và cộng đồng trong công tác chăm sóc người bệnh.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

1. Chỉ tiêu thực tập chăm sóc người bệnh nội khoa 1 (1-3)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa	1		4
2	Đo và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở	1		4
3	Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn	2		20
4	Vận chuyển người bệnh	1		4
5	Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bị các bệnh nội khoa thường gặp: Bệnh tim mạch, bệnh hô hấp, bệnh tiêu hoá, bệnh tiết niệu, nội tiết	1		4

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
6	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu về điều dưỡng	1		4
7	Kỹ thuật thở khí dung cho người bệnh hen phế quản	1		2
8	Cho người bệnh uống thuốc	1		8
9	Tiêm trong da/test lấy da	1		2
10	Tiêm dưới da	1		2
11	Tiêm bắp	1		2
12	Tiêm tĩnh mạch	2		2
13	Truyền dịch	2		2
14	Truyền máu	1	1	1
15	Cho người bệnh ăn bằng đường miệng	1		2
16	Cho người bệnh ăn qua ống thông	1		2
17	Chườm nóng, chườm lạnh			2
18	Thông tiểu, rửa bàng quang	1		2
19	Hút thông đường hô hấp trên	1		2
20	Cho người bệnh thở oxy qua mũi	2		4
21	Phụ giúp bác sĩ chọc dò: Túi sống, màng tim,	2	2	

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
	màng bụng, màng phổi			
22	Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh	2	2	
23	Phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	1	1	
24	Phụ giúp bác sĩ mở khí quản, đặt nội khí quản	1	1	
25	Kỹ thuật hồi sinh tim phổi	1	1	
26	Chăm sóc, phòng ngừa loét tỳ đè	1		2
27	Xử lý chất thải tại khoa, phòng	1		2
28	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà	2		20

2. Chỉ tiêu thực tập chăm sóc người bệnh truyền nhiễm (4)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp đón người bệnh và đo dấu hiệu sinh tồn	1		2
2	Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn	1		10
3	Vận chuyển người bệnh	2		4
4	Thực hiện kỹ thuật tiêm (tiêm bắp, tiêm dưới	1		4

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
	da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch)			
5	Thực hiện kỹ thuật truyền dịch	1		2
6	Kỹ thuật truyền máu	1		
7	Cho ăn qua sonde dạ dày	1		2
8	Phụ bác sĩ chọc dò (màng phổi, màng tim, màng bụng, tủy sống)	1		
9	Kỹ thuật hút thông đường hô hấp trên	1		2
10	Cho người bệnh thở oxy	1		2
11	Lấy máu xét nghiệm	1		2
12	Lấy phân, nước tiểu xét nghiệm	1		2
13	Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc các bệnh truyền nhiễm (tả, lỵ, bạch hầu, cúm, sởi, Viêm gan do virus, sốt xuất huyết dengue, sốt rét, HIV/AIDS....)	1		4
14	Ghi chép hồ sơ và biểu mẫu liên quan đến điều dưỡng	1		4
15	Giáo dục sức khỏe cho người bệnh trong và sau khi ra viện	1		4

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Nội Tổng hợp.

+ Khoa Lão học.

+ Khoa Nội Tim mạch.

+ Khoa Y học nhiệt đới.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong học phần lý thuyết của môn Chăm sóc người bệnh nội khoa 1.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các kỹ năng chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, người bệnh truyền nhiễm.

- Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 3 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

3. Thi kết thúc mô đun

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, người bệnh truyền nhiễm.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Ths Nguyễn Ngọc Huyền. Giáo trình điều dưỡng nội khoa. Thái Nguyên: NXB Thái Nguyên; 2019.
2. TS.Lê Văn An. Điều dưỡng nội (Tập 1). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2008.
3. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2015.
4. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2

Mã mô đun: 61144022

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Thực tập lâm sàng: 176 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ III.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc cơ bản, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch cũng như cấp cứu đặc biệt.

2. Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội, người bệnh cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu.

3. Thực hiện được một số kỹ năng phục hồi chức năng chăm sóc người bệnh.

4. Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà để phối hợp chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế và tại nhà.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến

hành chăm sóc.

2. Tôn trọng văn hóa địa phương, duy trì, phát huy các thói quen có lợi cho sức khỏe của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

1. Chỉ tiêu thực tập lâm sàng tại khoa Nội (1)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa	1		4
2	Đo ECG và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở			10
3	Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn			10
4	Vận chuyển người bệnh			4
5	Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bị các bệnh thường gặp tại khoa Nội	1		4
6	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu về điều dưỡng	1		4
7	Kỹ thuật chạy khí dung cho người bệnh hen phế quản	1		4
8	Cho người bệnh uống thuốc	1		10
9	Thực hiện kỹ thuật tiêm (tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch)	1		8

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
10	Truyền dịch	0		10
11	Truyền máu	1	1	2
12	Cho người bệnh ăn qua ống thông	1		2
13	Thông tiểu, rửa bàng quang	1		2
14	Hút thông đường hô hấp trên	1		2
15	Cho người bệnh thở oxy	1		2
16	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm			4
17	Phụ giúp Bác sĩ chọc dò: Túi sống, màng bụng, màng phổi	1	1	1
18	Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh	2		2
19	Phụ giúp bác sĩ mở khí quản, đặt nội khí quản	2	2	1
20	Kỹ thuật hồi sinh tim phổi	1	1	2
21	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè	1	1	1
22	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà	1		4

2. Chỉ tiêu thực tập lâm sàng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum (2)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)
----	-----------------------------	----------------

		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa	1	1	4
2	Nhận định, lập và thực hiện KHCS người bệnh: hôn mê, chấn thương sọ não, đặt nội khí quản và mở nội khí quản, rấn cắn, ngộ độc, co giật, suy hô hấp, sốc phản vệ...	1	1	4
3	Hướng dẫn GDSK cho người bệnh trong và sau khi ra viện	1		6
4	Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn			10
5	Kỹ thuật tiêm: Tiêm trong da/ test lấy da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	1		10
6	Truyền tĩnh mạch	1		2
7	Truyền máu	1	1	1
8	Thông tiểu, rửa bàng quang	1		2
9	Hút thông đường hô hấp trên và hút thông đường hô hấp dưới qua nội khí quản	1	1	2
10	Cho người bệnh thở oxy	1		2
11	Cho người bệnh ăn qua sonde	1		2
12	Chăm sóc bệnh nhân bị loét tỳ đè	1		1
13	Đo ECG và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp,			10

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
	nhịp thở			
14	Vận chuyển người bệnh			2
15	Kỹ thuật chạy khí dung cho người bệnh hen phế quản	1		2
16	Cho người bệnh uống thuốc			10
17	Phụ giúp bác sĩ chọc dò: màng tim, màng phổi, màng bụng, tử cung	1	1	1
18	Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh	1		2
19	Phụ giúp bác sĩ đặt catheter đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	1	1	1
20	Kỹ thuật hồi sinh tim phổi	2		1
21	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm			4
22	Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu về điều dưỡng	2		10
23	Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong	1		1
24	Chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu			4

3. Chỉ tiêu thực tập lâm sàng tại Khoa Vật lý trị liệu & Phục hồi chức năng (VLTL & PHCN) bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum (3, 4)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)
----	-----------------------------	----------------

		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa VLTL & PHCN	1		1
2	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc phục hồi chức năng cho người bệnh (1KHCS/1nhóm bệnh)	1		1
3	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp (Bác sỹ) KTV thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng	1		1
4	Tập vận động trị liệu - PHCN cho bệnh nhân	5		2
5	Kỹ thuật ánh sáng trị liệu	5		2
6	Kỹ thuật điện trị liệu	5		2
7	Kỹ thuật xoa bóp trị liệu	5		2
8	Chăm sóc và phục hồi một số rối loạn chức năng cơ quan hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, cơ khớp	1	2	2
9	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc PHCN	1	5	
10	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và gia đình	1		5

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

- + Khoa Nội Tổng hợp.
- + Khoa Lão học.
- + Khoa Nội Tim mạch.
- + Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc.
- + Khoa VLTL & PHCN.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂, dụng cụ tập và máy móc chuyên dụng trong khoa VLTL & PHCN...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm quy trình, người bệnh...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong học phần lý thuyết của môn chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, chăm sóc sức khỏe người bệnh nội khoa 2, chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các kỹ năng chăm sóc cơ bản, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch cũng như cấp cứu đặc biệt; thực hiện được một số kỹ năng phục hồi chức năng chăm sóc người bệnh.
- Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội khoa, người bệnh cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu, người bệnh cần phục hồi chức năng.
- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 4 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

3. Thi kết thúc mô đun

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.
- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, người bệnh cấp cứu, người bệnh cần phục hồi chức năng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. TS Lê Văn An, TS Nguyễn Thị Kim Hoa. Điều dưỡng nội. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2008.
2. Bộ Y tế. Quyết định 1493/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí hội sức tích cực". Hà Nội; 2015.
3. Bộ Y tế. Quyết định 3109/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên ngành Phục hồi chức năng". Hà Nội; 2014.
4. PGS.TS.Cao Minh Châu. Phục hồi chức năng (dành cho cử nhân điều dưỡng). Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2009.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1

Mã mô đun: 61142024

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Thực tập lâm sàng: 88 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ IV.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng

1. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh ngoại khoa thông thường.
2. Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Phụ giúp Bác sĩ thực hiện một số kỹ thuật tiểu, bó bột.
4. Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà để phối hợp chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế và tại nhà.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thận trọng, chính xác, khéo léo, nhẹ nhàng, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành chăm sóc.

2. Tôn trọng văn hóa địa phương, duy trì, phát huy các thói quen có lợi cho sức khỏe của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-3)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và vào khoa điều trị	1	1	08
2	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh ngoại khoa	1	8	2
3	Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa trước phẫu thuật	2		2
4	Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa trước phẫu thuật	2		4
5	Rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa	2		10
6	Tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp	1		04
7	Tiêm tĩnh mạch	1		10
8	Truyền dịch tĩnh mạch	1		02
9	Mang găng vô khuẩn	2		02
10	Vận chuyển người bệnh	1		10
11	Truyền máu	1	1	
12	Cho người bệnh thở oxy	1		2

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
13	Thay băng vết mổ thông thường	1		10
14	Thay băng vết mổ nhiễm khuẩn	1		02
15	Cố định gãy xương	2	2	
16	Lấy máu xét nghiệm	1	1	02
17	Thụt tháo	1	1	
18	Đặt thông tiểu	1		2
19	Cắt chỉ vết thương	2	1	04
20	Chăm sóc ống dẫn lưu	1	2	2
21	Phụ giúp bác sĩ bó bột	2	2	
22	Phụ giúp BS trích nhọt, áp xe, chín mé, tiểu phẫu	2	2	
23	Đặt sonde dạ dày	2	1	
24	Bơm rửa bàng quang	1	1	
25	Bơm rửa ống dẫn lưu Kehr	1	1	
26	Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh trong khi nằm viện và sau khi ra viện	1		5

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Ngoại Tổng hợp.

+ Khoa Ngoại Chấn thương.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂, hệ thống oxygen,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, dịch truyền, các bảng kiểm quy trình, người bệnh...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong học phần lý thuyết của môn chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh thông thường.

- Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2014.
2. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.
3. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2

Mã mô đun: 61142025

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Thực tập lâm sàng: 88 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ IV.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng

1. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh ngoại khoa thông thường.
2. Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Phụ giúp Bác sĩ thực hiện một số kỹ thuật tiêu, bó bột.
4. Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà để phối hợp chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế và tại nhà.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thận trọng, chính xác, khéo léo, nhẹ nhàng, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành chăm sóc.
2. Tôn trọng văn hóa địa phương, duy trì, phát huy các thói quen có lợi cho

sức khỏe của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-3)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật	1		4
2	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật			10
3	Thay băng, cắt chỉ vết thương			10
4	Thay băng có ống dẫn lưu và rút ống dẫn lưu			4
5	Gội đầu, vệ sinh cho người bệnh ngoại khoa	1		4
6	Thay băng, chăm sóc vết thương ngoại khoa thông thường và nhiễm khuẩn	1		4
7	Thay vải trải giường, thay quần áo cho người bệnh sau phẫu thuật	1		4
8	Rửa tay nội, ngoại khoa	1		10
9	Đo dấu hiệu sinh tồn	1		8
10	Thông tiểu nam/nữ	1		4
11	Cho người bệnh uống thuốc			10
12	Tiêm thuốc (trong da, dưới da, tiêm bắp và tiêm tĩnh mạch)			10

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
13	Truyền máu	1	1	2
14	Truyền dịch	1		4
15	Phụ giúp Bác sĩ cố định gãy xương, bó bột	1	2	4
16	Phụ giúp Bác sĩ chích nhọt, áp xe, làm tiểu phẫu	1	2	2
17	Đặt sonde dạ dày	1	1	4
18	Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ, bông	1		4
19	Theo dõi, xử trí các loại ống dẫn lưu sau phẫu thuật	2	1	4
20	Bơm rửa ống dẫn lưu mật (ống Kehr)	1	0	2
21	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa	1	1	1
22	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình	1		4

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Ngoại Tổng hợp.

+ Khoa Ngoại Chấn thương.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy

máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂, hệ thống oxygen,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, dịch truyền, các bảng kiểm quy trình, người bệnh...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong học phần lý thuyết của môn chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh thông thường.
- Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa.
- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.
- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài
- + Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp

thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2014.
2. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.
3. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1

Mã mô đun: 61142028

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Thực tập lâm sàng: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ V.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng:

1. Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ.

2. Phát hiện và có hướng xử trí kịp thời cho các bà mẹ có yếu tố nguy cơ trong thời kỳ thai nghén.

3. Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ có chảy máu nửa đầu và nửa cuối thời kỳ thai nghén.

4. Lập được kế hoạch chăm sóc sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh. Vận dụng kiến thức để phát hiện được các trường hợp trẻ sơ sinh bất thường.

5. Tư vấn được về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và kế hoạch hoá gia đình.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phòng ngừa chuẩn công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

2. Ân cần, thông cảm trong giao tiếp, hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

3. Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của bệnh viện.

4. Tôn trọng, hợp tác với nhân viên và người bệnh điều trị tại bệnh viện.

5. Nâng cao ý thức chăm sóc người bệnh trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-5)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Sắp xếp trang thiết bị phòng khám, phòng thủ thuật, phòng đẻ	2	2	1
2	Tiếp nhận sản phụ vào điều trị tại khoa sản	1	1	4
3	Chẩn đoán thai và dự kiến ngày sinh, nơi sinh	2	2	1
4	Phát hiện có thai sớm bằng que thử thai nhanh	2	2	1
5	Thực hiện được chín bước khám thai	2	2	
6	Làm sạch dụng cụ	2	2	2
7	Bảo quản dụng cụ sau khử khuẩn, tiệt khuẩn	2	2	2
8	Nhận định được thai nghén bình thường và thai nghén bất thường	2	2	4

9	Nghe và nhận định được nhịp tim thai trong chuyển dạ	2	2	10
10	Khám con co tử cung trong chuyển dạ và nhận định được con co tử cung bình thường/ bất thường	2	2	10
11	Xác định được ngôi chỏm trong chuyển dạ	3	3	3
12	Vệ sinh âm hộ trước và trong đẻ	1	2	5
13	Nhận định được các dấu hiệu chuyển dạ	2	2	1
14	Đỡ đẻ thường (kiểu chằm mu)	3	3	
15	Làm nghiệm pháp bong rau, đỡ rau và kiểm tra rau	3	5	2
16	Xử trí tích cực giai đoạn 3 của chuyển dạ	3	3	
17	Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ	3	3	3
18	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh những ngày sau đẻ	2	2	4
19	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ	2	2	4
20	Tắm bé	2	2	10
21	Làm thuốc cho sản phụ	1	2	4
22	Thay băng vết mổ, cắt chỉ vết mổ	2	3	5
23	Chăm sóc vết khâu tầng sinh môn	2	2	4

24	Tư vấn sử dụng biện pháp tránh thai phù hợp	2	2	5
----	---	---	---	---

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại khoa Sản bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: Monitoring sản khoa, máy oxy, máy hút đờm,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong lý thuyết mô đun Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên, kết hợp trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến quy trình kỹ thuật đã thực hiện.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh, sản phụ và trẻ sơ sinh.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hà Nội: NXB Y học; 2016.

2. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội: NXB Y học; 2013.

3. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội: NXB Y học; 2011.

4. Bộ Y tế. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ. Hà Nội; 2014.

5. Dự án Mẹ - Em. Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng. Hà Nội: NXB Y học;

2013.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2

Mã mô đun: 61142029

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Thực tập lâm sàng: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ V.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng:

1. Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ.

2. Phát hiện và có hướng xử trí kịp thời cho các bà mẹ có yếu tố nguy cơ trong thời kỳ thai nghén.

3. Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ có chảy máu nửa đầu và nửa cuối thời kỳ thai nghén.

4. Lập được kế hoạch chăm sóc sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh. Vận dụng kiến thức để phát hiện được các trường hợp trẻ sơ sinh bất thường.

5. Tư vấn được về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và kế hoạch hoá gia đình.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phòng ngừa chuẩn công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

2. Ân cần, thông cảm trong giao tiếp, hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

3. Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của bệnh viện.

4. Tôn trọng, hợp tác với nhân viên và người bệnh điều trị tại bệnh viện.

5. Nâng cao ý thức chăm sóc người bệnh trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-5)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận sản phụ vào điều trị tại khoa sản		2	4
2	Thực hiện được chín bước khám thai		2	4
3	Nhận định được thai nghén bình thường và thai nghén bất thường		2	2
4	Nghe và nhận định được nhịp tim thai trong chuyển dạ		2	10
5	Khám con co tử cung trong chuyển dạ và nhận định được con co tử cung bình thường/ bất thường		2	5
6	Xác định được ngôi chỏm trong chuyển dạ		3	3
7	Vệ sinh âm hộ trước và trong đẻ		1	5

8	Thực hiện đỡ đẻ thường (kiểu chằm mu)		2	1
9	Thực hiện nghiệm pháp bong rau- đỡ rau và kiểm tra rau		3	2
10	Xử trí tích cực giai đoạn 3 của chuyển dạ	5	2	1
11	Thực hiện chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ	3	2	2
12	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh những ngày sau đẻ		2	4
13	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ		2	4
14	Thực hiện tắm bé		2	10
15	Thực hiện làm thuốc			10
16	Thực hiện thay băng vết mổ, cắt chỉ vết mổ		2	4
17	Thực hiện chăm sóc vết khâu tầng sinh môn		2	4
18	Chăm sóc bệnh nhân trước mổ và sau mổ	2	2	2
19	Chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục		2	2
20	Chăm sóc phụ nữ có khối u sinh dục (u vú, u buồng trứng, u xơ tử cung)		2	2
21	Chăm sóc phụ nữ ung thư cổ tử cung, ung thư niêm mạc tử cung	2		1
22	Thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi sinh đẻ		3	3

23	Thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe vị thành niên	1	1	1
24	Thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi mãn kinh	1	1	1
25	Thực hiện tư vấn sử dụng biện pháp tránh thai phù hợp	2	1	6

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại khoa Sản bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: Monitoring sản khoa, máy oxy, máy hút đờm,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong lý thuyết mô đun Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên, kết hợp trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến quy trình kỹ thuật đã thực hiện.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh, sản phụ và trẻ sơ sinh.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Hà Nội: NXB Y học; 2016.

2. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội: NXB Y học; 2013.

3. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội: NXB Y học; 2011.

4. Bộ Y tế. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ. Hà Nội; 2014.

5. Dự án Mẹ - Em. Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng. Hà Nội: NXB Y học; 2013.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 1

Mã mô đun: 61142026

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Thực tập lâm sàng: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ V.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng

1. Giao tiếp tốt với người bệnh, người thân người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh theo quy trình.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho trẻ mắc các bệnh thường gặp dựa trên nhận định điều dưỡng phù hợp.

3. Thực hiện đúng các kỹ thuật điều dưỡng nhi khoa đúng theo quy trình.

4. Hướng dẫn người bệnh và người thân các phương pháp tự chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học trong việc thực hiện quy trình chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.

2. Cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em.

3. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

4. Chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện các hoạt động chăm sóc trên người bệnh.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-4) (5)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp đón bệnh nhi đến khám và điều trị, ghi hồ sơ bệnh án	1	2	4
2	Đo dấu hiệu sinh tồn, đánh giá các chỉ số phát triển thể chất	1	2	4
3	Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	1	2	4
4	Truyền dung dịch đường tĩnh mạch	1	2	4
5	Truyền máu	1	2	4
6	Lấy máu bệnh phẩm làm xét nghiệm (lấy máu, nước tiểu, phân, đờm)	1	2	4
7	Cho người bệnh thở oxy, thở khí dung	1	2	4
8	Hút đờm nhớt	1	2	4
9	Pha dung dịch Oserol	1	2	4

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		1	2	4
10	Cho trẻ uống thuốc	1	2	4
11	Pha thuốc kháng sinh	1	2	4
12	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ hô hấp	1	0	2
13	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tiêu hóa	1	0	2
14	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tuần hoàn	1	0	2
15	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ thận, tiết niệu	1	0	2
16	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh (thiếu tháng, đủ tháng, già tháng)	1	0	2
17	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý liên quan khác (suy dinh dưỡng, còi xương, dị tật bẩm sinh, vàng da...)	1	0	2
18	Tư vấn dinh dưỡng (nuôi con bằng sữa mẹ, ăn sam, dinh dưỡng bệnh lý)	1	0	2
19	Hướng dẫn bà mẹ phương pháp Kangaru	1	2	2
20	Tư vấn tiêm chủng	1	0	2
21	Hồi sinh tim phổi	1	1	0

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại Khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa tỉnh KonTum.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm,...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học/mô đun Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2 và Chăm sóc sức khỏe trẻ em.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc cho trẻ bệnh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc cho trẻ bệnh.

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

- Hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận nhà giáo/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Hình thức: Thực hành, lập kế hoạch chăm sóc.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh và lập kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhân trong thời gian 60 phút.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên thực hiện lập kế hoạch chăm trên người bệnh, trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến bệnh án chăm sóc, viết bệnh án chăm sóc trong thời gian 60 phút.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu lại mô đun Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Chăm sóc sức khỏe trẻ em tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập 1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.
3. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
4. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
5. BSCKII. ThS Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 2

Mã mô đun: 61142027

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Thực tập lâm sàng: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ V.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng

1. Giao tiếp tốt với người bệnh, người thân người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh theo quy trình.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho trẻ mắc các bệnh thường gặp dựa trên nhận định điều dưỡng phù hợp.

3. Thực hiện đúng các kỹ thuật điều dưỡng nhi khoa đúng theo quy trình.

4. Hướng dẫn người bệnh và người thân các phương pháp tự chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học trong việc thực hiện quy trình chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.

2. Cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em.

3. Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

4. Chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện các hoạt động chăm sóc trên người bệnh.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-4) (5)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp đón bệnh nhi đến khám và điều trị, ghi hồ sơ bệnh án			4
2	Đo dấu hiệu sinh tồn, đánh giá các chỉ số phát triển thể chất			4
3	Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch			4
4	Truyền dung dịch đường tĩnh mạch			4
5	Truyền máu			4
6	Lấy máu bệnh phẩm làm xét nghiệm (lấy máu, nước tiểu, phân, đờm)			4
7	Cho người bệnh thở oxy, thở khí dung			4
8	Hút đờm nhớt			4
9	Pha dung dịch Oserol			4

10	Cho trẻ uống thuốc			4
11	Pha thuốc kháng sinh			4
12	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ hô hấp			2
13	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tiêu hóa			2
14	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tuần hoàn			2
15	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ thận, tiết niệu			2
16	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh (thiếu tháng, đủ tháng, già tháng)			2
17	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý liên quan khác (suy dinh dưỡng, còi xương, dị tật bẩm sinh, vàng da...)			2
18	Tư vấn dinh dưỡng (nuôi con bằng sữa mẹ, ăn sam, dinh dưỡng bệnh lý)			2
19	Hướng dẫn bà mẹ phương pháp Kangaru			2
20	Tư vấn tiêm chủng			2
21	Hồi sinh tim phổi	2	1	2

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại Khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa tỉnh KonTum.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như:: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, lồng ấp chiếu đèn, bơm tiêm điện, máy đo

SpO2...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án, thuốc, băng kiểm quy trình, bệnh nhi...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học/mô đun Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 1

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc cho trẻ bệnh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc cho trẻ bệnh.

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

- Hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Hình thức: Thực hành.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh và lập kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhân trong thời gian 60 phút.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kỳ đủ số lần theo quy định, nếu có lý do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Thi kết thúc mô đun

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên thực hiện lập kế hoạch chăm trên người bệnh, trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến bệnh án chăm sóc, viết bệnh án chăm sóc trong thời gian 60 phút.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu lại mô đun Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Chăm sóc sức khỏe trẻ em tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập 1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.
3. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
4. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
5. BSCKII. ThS Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập tốt nghiệp

Mã mô đun: 61144030

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Thực tập lâm sàng: 176 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ VI.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kỹ năng

1. Xác định những vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên.
2. Thu thập thông tin và số liệu, ghi chép sổ sách, hồ sơ.
3. Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên.
4. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm y tế và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại Trạm y tế các khoa phòng điều trị.
5. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của các khoa phòng điều trị và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại các khoa phòng của Bệnh viện.
6. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người Cao đẳng Điều dưỡng và các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe người bệnh tại Trạm y tế và các khoa phòng của Bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên phụ trách.

7. Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại Trạm y tế và các khoa phòng của Bệnh viện.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Tôn trọng, chân thành hợp tác với nhân viên và người bệnh để phát huy vai trò của người điều dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, bảo vệ sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

2. Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng người bệnh và gia đình người bệnh trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Rèn luyện tính khẩn trương, kịp thời, chính xác, trung thực trong công tác chăm sóc người bệnh.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

1. Chỉ tiêu thực tập tại Khoa Nội - Bệnh viện đa khoa Tỉnh (1-4)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và vào khoa điều trị			4
2	Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh	1		4
3	Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch, test lấy da	1		10
4	Truyền dịch	1		2
5	Cho bệnh nhân uống thuốc			6
6	Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn	1		20

7	Đo và nhận định mạch, nhiệt, huyết áp, nhịp thở			10
8	Chăm sóc, phòng ngừa loét tỳ đè			2
9	Chườm nóng, chườm lạnh			2
10	Cho người bệnh ăn bằng đường miệng			2
11	Cho người bệnh ăn qua ống thông			2
12	Hút thông đường hô hấp trên			2
13	Cho người bệnh thở oxy			4
14	Lấy máu làm xét nghiệm			2
15	Lấy phân, nước tiểu làm xét nghiệm			2
16	Chuẩn bị người bệnh chụp phim, siêu âm			2
17	Chuẩn bị người bệnh làm nội soi			2
18	Gội đầu, tắm và vệ sinh thân thể tại giường cho người bệnh			2
19	Phụ giúp Bác sĩ chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi			2
20	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh			1
21	Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh			4
22	Phụ giúp Bác sĩ đo điện tâm đồ			4
23	Truyền máu			2

24	Bơm rửa bàng quang	1		1
25	Đặt sonde và hút dịch dạ dày			1
26	Phụ giúp Bác sĩ đặt nội khí quản	1		2
27	Phụ giúp Bác sĩ đặt catheter đo áp lực tĩnh mạch trung tâm			1
28	Thông tiểu nam/nữ			1
29	Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong	1		1
30	Hồi sinh tim phổi			1

2. Chỉ tiêu thực tập tại Khoa Ngoại - Bệnh viện đa khoa Tỉnh (5-7)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận người bệnh vào viện tại khoa phòng điều trị			4
2	Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật			2
3	Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật			2
4	Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh gãy xương, mổ kết hợp xương			1
5	Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch			1

	chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não			
6	Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bỏng			1
7	Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ			1
8	Gội đầu, tắm và vệ sinh thân thể cho người bệnh			2
9	Rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa			20
10	Đo và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở			10
11	Truyền dịch			2
12	Thay băng, rửa vết thương sạch			4
13	Thay băng, rửa vết thương nhiễm khuẩn			4
14	Thay băng, cắt chỉ vết thương			4
15	Thay băng có ống dẫn lưu và rút ống dẫn lưu			1
16	Bơm rửa ống dẫn lưu/ống dẫn lưu mật (ống Kehr)			1
17	Tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, test lấy da			10
18	Cho người bệnh uống thuốc			10
19	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm			5
20	Chăm sóc hậu môn nhân tạo			1
21	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh			6
22	Phụ giúp Bác sĩ, Kỹ thuật viên bó bột			1

23	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh ngoại khoa			4
----	---	--	--	---

3. Chỉ tiêu thực tập tại Khoa Nhi- Bệnh viện đa khoa Tỉnh (8)

TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp nhận trẻ em đến khám và vào khoa nhi điều trị			4
2	Nhận định, lập và thực hiện KHCS trẻ em bị bệnh			4
3	Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch			10
4	Truyền dịch			1
5	Cho trẻ uống thuốc			10
6	Pha Oresol			4
7	Cân, đo và theo dõi mạch, nhiệt, huyết áp, nhịp thở			10
8	Chăm sóc răng, miệng cho trẻ			4
9	Tắm và vệ sinh thân thể cho trẻ			2
10	Tư vấn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ			4
11	Cho bệnh nhi thở oxy			2
12	Lấy phân, nước tiểu làm xét nghiệm			2
13	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc bệnh nhi khoa			4

14	Giáo dục sức khỏe cho trẻ bị bệnh và gia đình của trẻ			4
15	Tiêm tĩnh mạch đầu			2
16	Cho trẻ ăn qua sonde			1
17	Phụ giúp Bác sĩ chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi			1
18	Vắt sữa, cho trẻ ăn bằng thìa			2
19	Nhận định trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng, già tháng, dị tật bẩm sinh			4
20	Cân, đo các đường kính cho trẻ sơ sinh			4
21	Chăm sóc rốn, răng, miệng cho trẻ			4
22	Chăm sóc trẻ vàng da			1
23	Sử dụng lồng ấp			1
24	Sử dụng đèn sưởi			1
25	Sử dụng đèn chiếu điều trị vàng da			1
26	Hướng dẫn bà mẹ phương pháp Kangaroo			2
27	Hoàn thành phiếu ghi trẻ 0 tháng – 2 tuổi			2
28	Chấm biểu đồ tăng trưởng đúng			2
29	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ: - Chế độ vệ sinh cá nhân cho trẻ - Chế độ ăn dặm			2

	- Tiêm chủng - Nuôi con bằng sữa mẹ			
--	--	--	--	--

4. Chỉ tiêu thực tập tại Trạm y tế xã/ phường (9)

STT	Chỉ tiêu	Tự làm	Phụ làm	Kiểm tập
1	Tiếp cận với trạm y tế để tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm Y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm Y tế	Mỗi nhóm (2- 3SV) có 1 bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm Y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm Y tế.		
2	Tìm hiểu cộng đồng để thu thập thông tin, lựa chọn những vấn đề sức khỏe cần giải quyết. Chọn một vấn đề sức khỏe ưu tiên, lập kế hoạch giải quyết	Mỗi nhóm (2- 3 SV) 1 bản kế hoạch		
3	Lập kế hoạch Truyền thông - Giáo dục sức khỏe để giải quyết những vấn đề sức khỏe đã được xác định	Mỗi nhóm (2- 3 SV) có 1 bản kế hoạch Truyền thông - Giáo dục sức khỏe		
4	Thực hiện các hoạt động Truyền thông - Giáo dục sức khỏe theo kế hoạch	Mỗi sinh viên thực hiện 2 lần		

5	Áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh đã học để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân tại Trạm y tế và tại gia đình	Mỗi sinh viên thực hiện 10 bệnh		
6	Tham gia các chương trình y tế tại địa phương	Mỗi sinh viên thực hiện 2 lần		
7	Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khỏe và biểu mẫu, sổ sách tại Trạm y tế	Mỗi sinh viên thực hiện 5 lần		
8	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám, chữa bệnh tại Trạm y tế	Mỗi sinh viên thực hiện 5 lần		

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum bao gồm:

- + Khoa Nội Tổng hợp.
- + Khoa Lão học.
- + Khoa Nội Tim mạch.
- + Khoa Ngoại Tổng hợp.
- + Khoa Ngoại Chấn thương.
- + Khoa Nhi.

- Trạm y tế xã/ phường.

II. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng, Trạm y tế.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm, báo cáo, chương trình mục tiêu quốc gia, ...

IV. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong lý thuyết môn học chăm

sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa, chăm sóc sức khỏe trẻ em, ...

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kỹ năng

- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để lập và thực hiện được các kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.
- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại Trạm y tế và các khoa phòng của Bệnh viện.
- Sinh viên xác định được những vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên trong quá trình thu thập thông tin, số liệu, ghi chép sổ sách, hồ sơ nhằm thực hiện được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe cho người dân tại cộng đồng.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề chăm sóc người bệnh, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài
- + Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập
- + Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa

2. Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra định kỳ: 4 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 45 phút/sinh viên.

3. Thi kết thúc mô đun

- Phần thực hành: Mỗi sinh viên trình bày một bản báo cáo kết quả thực tập kết hợp với hoàn thành các chỉ tiêu thực hành của sinh viên.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập tốt nghiệp được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình kế hoạch chăm sóc...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa, chăm sóc sức khỏe trẻ em, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật điều dưỡng để chăm sóc người bệnh, nhận định các dấu hiệu bệnh và chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người lớn, người cao tuổi và trẻ em.

- Thực hành các kỹ năng cơ bản về phát hiện các vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên, lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe tại, thu thập thông tin và số liệu, ghi chép, quản lý hồ sơ sức khỏe.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.

2. Ths Nguyễn Ngọc Huyền. Giáo trình điều dưỡng nội khoa. Thái Nguyên: NXB Thái Nguyên; 2019.

3. TS.Lê Văn An. Điều dưỡng nội (Tập 1). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2008.

4. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2015.

5. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2014.

6. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.

7. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.

8. BSCK II.ThS Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2015.

9. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
Hà Nội: NXB Y học; 2020.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không